SỔ TAY
CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO
KHÁNH HÒA

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

SỔ TAY

CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO KHÁNH HÒA

NĂM 2021

Lời giới thiệu

Hơn 91 năm qua, công tác tuyên giáo Khánh Hòa luôn gắn liền với quá trình hoạt động và trưởng thành của Đảng bộ Khánh Hòa. Trong mỗi chặng đường lịch sử, bất luận trong điều kiện nào, công tác tuyên giáo luôn phục vụ trung thành và đắc lực cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, góp phần xứng đáng vào thành tựu mà Đảng bộ, quân và dân toàn tỉnh đã giành được trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng tỉnh Khánh Hòa phát triển.

Trong giai đoạn hiện nay, cả nước nói chung và tỉnh Khánh Hòa nói riêng đang nỗ lực thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và nghị quyết đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025, với những thời cơ, thuận lợi, nhưng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức. Điều này đòi hỏi ngành Tuyên giáo cần chủ động, sáng tạo trong phương thức hoạt động, bám sát thực tiễn đời sống xã hội, gần dân, sát cơ sở để làm tốt chức năng công tác tư tưởng, văn hóa của Đảng.

Nhằm giúp ban tuyên giáo, ban tuyên huấn các cấp trên địa bàn tỉnh nắm vững nhiệm vụ của công tác tuyên giáo trong tình hình mới, những nội dung chính trong các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh trên các lĩnh vực của công tác tuyên giáo và một số nghiệp vụ tuyên giáo cơ bản, được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa biên soạn: ***Sổ tay công tác Tuyên giáo Khánh Hòa.*** Hy vọng Sổ tay sẽ là tài liệu hữu ích giúp ban tuyên giáo các cấp trên địa bàn tỉnh chủ động, sáng tạo, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội

đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và nghị quyết đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Sổ tay gồm hai phần chính. Phần thứ nhất giới thiệu nội dung cơ bản trong các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh trên các lĩnh vực của công tác tuyên giáo *(do khổ sách có hạn, Ban Biên tập trích những nội dung chính, toàn văn các văn bản được đăng trên Trang Tuyên giáo Khánh Hòa tại địa chỉ http://tuyengiaokhanhhoa.vn)*. Phần thứ hai là hướng dẫn một số nghiệp vụ công tác tuyên giáo *(có sử dụng một số tài liệu của Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*.

Dù rất cố gắng song tài liệu không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các đồng chí.

Trân trọng!

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

DANH BẠ ĐIỆN THOẠI CÁC PHÒNG TRỰC THUỘC BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY; CƠ QUAN TUYÊN GIÁO VÀ TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

STT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐIỆN THOẠI
1	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	
	- Phòng Tuyên truyền	0258.3.822.860
	- Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng	0258.3.818.887
	- Phòng Khoa giáo	0258.3.822.861
	- Phòng Báo chí – Tổng hợp	0258.3.811.059
2	Ban Tuyên giáo Thành ủy Nha Trang	0258.3.523.590
3	Ban Tuyên giáo Thành ủy Cam Ranh	0258.3.861.346
4	Ban Tuyên giáo Thị ủy Ninh Hòa	0258.3.844.028
5	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Vạn Ninh	0258.3.840.616
6	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Diên Khánh	0258.3.851.152
7	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cam Lâm	0258.3.983.239
8	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Khánh Vĩnh	0258.3.790.297
9	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Khánh Sơn	0258.3.869.419
10	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối các Cơ quan tỉnh Khánh Hòa	0258.3.812.432
11	Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh Khánh Hòa	0258.3.814.013
12	Văn phòng Đảng ủy Đại học Nha Trang	0258.3.832.077
13	Phòng Công tác Đảng và Công tác chính trị, Đảng ủy Công an tỉnh Khánh Hòa	069.440.1318 069.440.1382

14	Ban Tuyên huấn Đảng ủy Quân sự tỉnh Khánh Hòa	0258.3.822.872
15	Ban Tuyên huấn Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh Khánh Hòa	0258.3.526.240
16	Văn phòng Đảng ủy Đại học Khánh Hòa	093.553.9660
17	Trung tâm Chính trị thành phố Nha Trang	0258.3.822.728
18	Trung tâm Chính trị thành phố Cam Ranh	0258.3.860.561
19	Trung tâm Chính trị thị xã Ninh Hòa	0258.3.844.374
20	Trung tâm Chính trị huyện Vạn Ninh	0258.3.911.307
21	Trung tâm Chính trị huyện Cam Lâm	0258.3.983.302
22	Trung tâm Chính trị huyện Diên Khánh	0258.3.850.347
23	Trung tâm Chính trị huyện Khánh Sơn	0258.3.869.274
24	Trung tâm Chính trị huyện Khánh Vĩnh	0258.3.790.499

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY VÀ CÁC PHÒNG TRỰC THUỘC BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

(trích Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Chấp hành Trung ương và Quy định số 04-QĐi/TU, ngày 15/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

A. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

I. CHỨC NĂNG

1. Là cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng thuộc các lĩnh vực chính trị tư tưởng, tuyên truyền, lý luận chính trị, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, khoa giáo, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương.

2. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo của Tỉnh ủy.

II. NHIỆM VỤ

1. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện

a) Nghiên cứu, theo dõi, tổng hợp tình hình tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, dư luận xã hội, những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực chính trị tư tưởng trên địa bàn tỉnh. Dự báo những diễn biến, xu hướng chính trị tư tưởng có thể xảy ra, kịp thời báo cáo, kiến nghị với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, biện pháp giải quyết.

b) Đánh giá hoạt động, nghiên cứu, đề xuất các đề án, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, cơ chế, chính sách, giải pháp trong lĩnh vực tuyên giáo trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành và tổ chức thực hiện; sưu tầm, biên soạn lịch sử

đảng bộ tỉnh.

c) Chỉ đạo nội dung giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục, đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phát huy truyền thống cách mạng của địa phương, đất nước. Tổ chức nghiên cứu, tuyên truyền, quán triệt nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng.

d) Nghiên cứu, tham mưu Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chính trị, tư tưởng trong hoạt động của các cơ quan báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, cơ quan thông tin, tuyên truyền, các hội văn học - nghệ thuật, hội nhà báo ở địa phương đảm bảo hoạt động đúng đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Khi cần thiết, chủ trì hoặc phối hợp kiểm tra về mặt quan điểm chính trị, tư tưởng các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí, xuất bản... thuộc phạm vi phụ trách.

đ) Giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo công tác chính trị, tư tưởng trong đội ngũ trí thức, nhà khoa học và trong sinh viên, học sinh ở địa phương. Tổ chức và chỉ đạo hoạt động mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên theo phân cấp.

e) Tham gia với chính quyền địa phương trong việc vận dụng, thể chế các quy định của cấp trên về các lĩnh vực có liên quan đến công tác tuyên giáo.

g) Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Trung ương theo quy định.

h) Sơ kết, tổng kết về công tác tuyên giáo.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

a) Hướng dẫn tổ chức nghiên cứu, tuyên truyền, quán triệt và kiểm tra, giám sát việc học tập, quán triệt nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng. Kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh về thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy trong lĩnh vực tuyên giáo.

b) Hướng dẫn tổ chức bồi dưỡng lý luận chính trị, thông tin thời

sự, tuyên truyền chính sách theo các chương trình, kế hoạch triển khai của Trung ương và Tỉnh ủy; bồi dưỡng và hướng dẫn nghiệp vụ công tác tuyên giáo cho ban tuyên giáo cấp ủy cấp dưới, các đảng bộ cơ sở, trường chính trị tỉnh, trung tâm chính trị cấp huyện.

c) Hướng dẫn sưu tầm biên soạn lịch sử đảng bộ huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đảng bộ xã, phường, thị trấn.

3. Thẩm định, thẩm tra

Đề án, văn bản của các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có liên quan đến lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, khoa giáo, lịch sử đảng bộ địa phương trước khi trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

4. Phối hợp

a) Với các cơ quan liên quan đề xuất về cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, quản lý và đãi ngộ đối với đội ngũ trí thức, nhà khoa học và văn nghệ sĩ ở địa phương; quản lý báo chí, xuất bản và xử lý những sai phạm trong hoạt động báo chí, xuất bản.

b) Với các cơ quan chức năng tham mưu Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của các cơ quan trong khối tuyên giáo trực thuộc Tỉnh ủy.

c) Với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong công tác cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; đề xuất chủ trương đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý, đãi ngộ nhân tài.

d) Với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu, giúp Tỉnh ủy xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm thuộc lĩnh vực tuyên giáo.

đ) Với Văn phòng Tỉnh ủy giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy giao

B. CÁC PHÒNG TRỰC THUỘC BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

I. PHÒNG TUYÊN TRUYỀN

1. Chức năng: Tham mưu, giúp việc lãnh đạo Ban về công tác tuyên truyền trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại; các hoạt động thuộc lĩnh vực báo cáo viên, tuyên truyền miệng; nghiên cứu, theo dõi, tổng hợp tình hình tư tưởng, dư luận xã hội.

2. Nhiệm vụ:

2.1. Tham mưu, đề xuất

- Tham mưu chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng trong hoạt động của các cơ quan thông tin tuyên truyền trong tỉnh; theo dõi, quản lý hoạt động của đội ngũ báo cáo viên Tỉnh ủy.

- Tham mưu chủ trì hoặc tham gia dự thảo đề án, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kế hoạch thuộc công tác tuyên truyền trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại; an ninh tư tưởng; hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền miệng của Tỉnh ủy.

- Nghiên cứu, theo dõi, tổng hợp, dự báo tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; tham mưu tổ chức điều tra, thăm dò dư luận xã hội, đề xuất với lãnh đạo Ban về phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, biện pháp chỉ đạo giải quyết.

- Tham mưu nội dung làm việc với các cơ quan, chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy liên quan đến hoạt động tuyên truyền, lĩnh vực an ninh tư tưởng, công tác báo cáo viên, tuyên truyền miệng.

- Tham mưu sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tuyên truyền, báo cáo viên, công tác nghiên cứu dư luận xã hội.

- Tham mưu tổ chức các hội nghị: Báo cáo viên Tỉnh ủy; báo cáo thời sự; báo cáo chuyên đề; giao ban an ninh tư tưởng; Thường

trực Tỉnh ủy tiếp xúc, đối thoại với cán bộ cao cấp nghỉ hưu trên địa bàn thành phố Nha Trang.

- Biên soạn tài liệu phục vụ đội ngũ Báo cáo viên Tỉnh ủy, Bản tin Thông tin nội bộ.

- Phụ trách Trang thông tin điện tử, các trang mạng xã hội của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

- Tham mưu hướng dẫn ban tuyên giáo các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh về nội dung công tác tuyên truyền; hướng dẫn nghiệp vụ công tác báo cáo viên, tuyên truyền miệng, điều tra dư luận xã hội.

- Tham mưu việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác báo cáo viên, công tác nghiên cứu dư luận xã hội.

- Kiểm tra công tác tuyên truyền theo Hướng dẫn tuyên truyền của Ban.

2.3. Thẩm định: Tham mưu thẩm định các đề án của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể của tỉnh có liên quan đến công tác tuyên truyền, công tác tư tưởng, công tác báo cáo viên.

2.4. Phối hợp: Tham mưu lãnh đạo Ban xây dựng và triển khai kế hoạch phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang trong công tác tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết quả về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh…

II. PHÒNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG

1. Chức năng: Tham mưu lãnh đạo Ban về các mặt công tác: Giáo dục lý luận chính trị trong Đảng, các đoàn thể - chính trị xã hội, lực lượng vũ trang, Trường Chính trị tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện và hệ thống giáo dục quốc dân; công tác nghiên cứu, biên soạn, bổ sung và tuyên truyền lịch sử Đảng bộ tỉnh; giúp việc Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

2. Nhiệm vụ

2.1. Tham mưu, đề xuất

- Tham mưu việc học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của Tỉnh ủy.

- Tham mưu lãnh đạo Ban chủ trì hoặc tham gia dự thảo các đề án, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định thuộc lĩnh vực công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền lịch sử Đảng bộ tỉnh của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy.

- Tham mưu việc đánh giá các hoạt động và đề xuất phương hướng, giải pháp trong lĩnh vực công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền lịch sử Đảng bộ tỉnh.

- Đề xuất lãnh đạo Ban làm việc với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh về thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền lịch sử Đảng bộ tỉnh.

- Tham mưu triển khai thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Sưu tầm tư liệu, viết biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh hàng năm.

- Tham mưu sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên lĩnh vực lý luận chính trị và lịch sử Đảng.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc học tập, quán triệt và triển khai các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy liên quan đến công tác lý luận chính trị, công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền lịch sử Đảng bộ địa phương và các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy và của lãnh đạo Ban.

- Hướng dẫn sưu tầm tư liệu, biên soạn lịch sử Đảng bộ các huyện, thị xã, thành phố; lịch sử các sở, ban, ngành, đoàn thể và lịch sử cách mạng các xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

2.3. Thẩm định

- Tham mưu thẩm định các đề án của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể - chính trị của tỉnh có liên quan đến công tác giáo dục lý luận chính trị và lịch sử Đảng bộ tỉnh.

- Tham mưu lãnh đạo Ban chủ trì thẩm định các ấn phẩm lịch sử của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, lịch sử đảng bộ cấp huyện; tham gia hội đồng thẩm định các ấn phẩm lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn.

2.4. Phối hợp: Tham mưu lãnh đạo Ban xây dựng và triển khai kế hoạch phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác lý luận chính trị và biên soạn, tuyên truyền lịch sử Đảng bộ tỉnh.

III. PHÒNG KHOA GIÁO

1. Chức năng: Tham mưu, giúp việc lãnh đạo Ban về lĩnh vực khoa giáo (công tác y tế, dân số, gia đình, trẻ em, giáo dục, đào tạo, dạy nghề; công tác trí thức, khoa học - công nghệ, thể dục - thể thao, các vấn đề môi trường) và lĩnh vực văn hóa - văn nghệ trên địa bàn tỉnh.

2. Nhiệm vụ

2.1. Tham mưu, đề xuất

- Tham mưu chỉ đạo, định hướng nội dung của công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ, học sinh, sinh viên, các hoạt động văn hóa - văn nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu lãnh đạo Ban chủ trì hoặc tham gia dự thảo các đề án, nghị quyết, quyết định thuộc lĩnh vực khoa giáo, văn hóa - văn nghệ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình tư tưởng, dự báo những diễn biến và xu hướng tư tưởng trong đội ngũ trí thức, nhà khoa học, văn

nghệ sĩ, kiến nghị với lãnh đạo Ban về phương hướng, biện pháp giải quyết.

- Tham mưu sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên lĩnh vực công tác khoa giáo, văn hóa - văn nghệ; tham mưu tổ chức các hội nghị giao ban công tác khoa giáo, văn hóa - văn nghệ.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thuộc lĩnh vực khoa giáo, văn hóa - văn nghệ.

- Tham mưu bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác khoa giáo của ban tuyên giáo các huyện ủy, thị ủy, thành ủy.

2.3. Thẩm định: Tham mưu thẩm định các đề án, văn bản của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có liên quan đến lĩnh vực công tác khoa giáo, văn hóa - văn nghệ.

2.4. Phối hợp:

- Tham mưu lãnh đạo Ban xây dựng và triển khai kế hoạch phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác khoa giáo, văn hóa - văn nghệ.

- Tham mưu công tác phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất về cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, quản lý và đãi ngộ đối với đội ngũ trí thức, nhà khoa học và văn nghệ sĩ của tỉnh.

IV. PHÒNG BÁO CHÍ – TỔNG HỢP

1. Chức năng: Tham mưu thực hiện việc tổng hợp, báo cáo về: công tác tuyên giáo, tổ chức cán bộ, thi đua - khen thưởng của Ban; công tác báo chí, xuất bản; công tác đấu tranh, chống các quan điểm sai trái trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa (công tác 35); công tác thông tin, tài liệu trong Ban.

2. Nhiệm vụ

2.1. Tham mưu, đề xuất

- Dự thảo báo cáo định kỳ về công tác tuyên giáo, công tác nội chính, công tác thi đua khen thưởng của Ban; đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy chế, nội quy, quy định làm việc của Ban; tham mưu công tác thi đua khen thưởng và quan hệ đối ngoại của Ban với các địa phương, đơn vị.

- Tham mưu lãnh đạo Ban về công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý, đãi ngộ cán bộ, công chức trong Ban.

- Tham mưu công tác chỉ đạo, định hướng về mặt chính trị, tư tưởng trong hoạt động của các cơ quan báo chí, xuất bản, Hội Nhà báo tỉnh; theo dõi, tổng hợp tình hình tư tưởng, dự báo những diễn biến và xu hướng tư tưởng trong đội ngũ làm công tác báo chí; hàng tuần, tổng hợp những vấn đề nổi cộm báo chí phản ánh về Khánh Hòa gửi lãnh đạo Ban và Thường trực Tỉnh ủy.

- Tham mưu lãnh đạo Ban về công tác đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

- Tham mưu thực hiện công tác quản lý kỹ thuật hệ thống mạng thông tin nội bộ và thiết bị khai thác mạng Internet tại Ban; chế độ thông tin tư liệu, tài liệu phục vụ lãnh đạo Ban và các đối tượng theo quy định; theo dõi việc sử dụng kinh phí khoán hàng năm của Ban.

- Tham mưu sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên lĩnh vực công tác tuyên giáo, công tác báo chí - xuất bản, công tác 35; tham mưu tổ chức các hội nghị giao ban về công tác tuyên giáo, báo chí, công tác 35.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tuyên giáo, lĩnh vực báo chí - xuất bản, công tác 35.

- Tham mưu hướng dẫn nghiệp vụ công tác đấu tranh phòng

chống các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

2.3. Thẩm định: Tham mưu thẩm định các đề án, văn bản của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có liên quan đến công tác tuyên giáo, lĩnh vực báo chí, xuất bản, công tác 35.

2.4. Phối hợp

- Tham mưu lãnh đạo Ban xây dựng và triển khai kế hoạch phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác tuyên giáo, lĩnh vực báo chí, xuất bản, công tác 35.

- Tham mưu lãnh đạo Ban phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong công tác cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động của Ban; đề xuất chủ trương đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý, đãi ngộ nhân tài.

- Tham mưu lãnh đạo Ban phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy trong xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm của Tỉnh ủy thuộc lĩnh vực tuyên giáo.

- Tham mưu lãnh đạo Ban phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy trong theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

PHẦN THỨ NHẤT

VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ CỦA TỈNH VỀ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

A. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

QUY ĐỊNH SỐ 54-QĐ/TW, NGÀY 12/5/1999 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng

(trích)

I - NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1.

- Học tập là nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức chuyên môn và năng lực hoạt động thực tiễn.

Bản Quy chế này quy định chế độ học tập lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên.

- Việc học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị được thực hiện gắn với việc tiêu chuẩn hóa đối với cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội.

- Kết quả học tập lý luận chính trị là một trong những tiêu chuẩn để xem xét đánh giá, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ, đánh giá tư cách đảng viên và tổ chức đảng trong sạch vững mạnh.

- Thực hiện đúng quy định về phân công, phân cấp quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị trong hệ thống trường lớp của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và hệ thống giáo dục quốc dân, tránh sự chồng chéo, lãng phí.

II - VỀ CHẾ ĐỘ HỌC TẬP LÝ LUẬN, CHÍNH TRỊ TRONG ĐẢNG

Điều 2. Chương trình học tập bắt buộc của đảng viên bao gồm:

1 - Đảng viên trong thời gian dự bị phải học xong chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới. Đảng viên chính thức tùy theo yêu cầu trách nhiệm và trình độ lý luận chính trị đã được đào tạo để lựa chọn chương trình học tập phù hợp, cụ thể như sau: đảng viên ở cơ sở học xong chương trình lý luận chính trị sơ cấp tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện và phải có kế hoạch thường xuyên học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị. Đảng viên là cán bộ, công chức, cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước phải có trình độ lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức danh đã ban hành. Đối với cán bộ, công chức chưa phải là đảng viên, việc học tập lý luận chính trị thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh công chức. Đảng viên là người dân tộc thiểu số và đảng viên ở vùng sâu, vùng xa có trình độ văn hóa thấp, học chương trình lý luận chính trị sơ cấp được biên soạn riêng. Đảng viên trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội học tập các chương trình lý luận chính trị nêu trong bản quy định này theo sự chỉ đạo của các đảng ủy khối nơi sinh hoạt. Đảng viên trong các lực lượng vũ trang học tập các chương trình lý luận chính trị nêu trong bản quy định này, theo sự chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương. Đảng viên đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức tham gia học tập các nghị quyết của Đảng ở tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên cư trú được cấp ủy định kỳ thông báo tình hình thời sự, chính sách trong nước và thế giới. Đảng viên có trình độ lý luận chính trị trung cấp hoặc đã tốt nghiệp đại học và cao đẳng học các chương trình lý luận chuyên đề về kinh tế, văn hóa, xã hội... phù hợp với yêu cầu công tác. Đảng viên có trình độ lý luận cao cấp, đại học chính trị trở lên có kế hoạch tự học theo hướng dẫn của cơ quan phụ trách.

2 - Đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở, phải học xong chương trình trung học chính trị tại trường chính trị tỉnh, thành phố.

3 - Đảng viên là bí thư chi bộ và đảng ủy viên, chi ủy viên cơ sở học chương trình lý luận chính trị, nghiệp vụ quy định cho cấp ủy cơ sở tại trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

4 - Đảng viên là công chức ngạch chuyên viên, là chuyên viên chính

phải học xong chương trình trung cấp về lý luận chính trị, chuyên viên cao cấp phải học xong chương trình lý luận chính trị cao cấp.

5 - Đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, quận và cán bộ lãnh đạo một số ban, ngành cấp tỉnh, một số doanh nghiệp.... (có quy định riêng) phải học xong chương trình lý luận chính trị cao cấp tại Phân viện thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

6 - Đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, thành, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ban, ngành Trung ương, ủy viên thường vụ các đoàn thể Trung ương, ban giám đốc các tổng công ty, các doanh nghiệp lớn của Nhà nước... (có quy định riêng) phải học xong chương trình lý luận chính trị cao cấp tại Trung tâm Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

7 - Tất cả đảng viên và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải học tập quán triệt các nghị quyết của Đại hội Đảng, của Ban Chấp hành Trung ương thông qua các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị do Bộ Chính trị quy định cụ thể cho từng năm.

8 - Thống nhất tên gọi các cấp chương trình lý luận chính trị được sử dụng trong hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên của Đảng là: sơ cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị (hoặc trung học chính trị), cao cấp lý luận chính trị (hoặc cử nhân chính trị). Đối với các chương trình khác tương đương với 3 cấp chương trình này sẽ có hướng dẫn cụ thể.

Điều 3: Cấp ủy các cấp căn cứ vào tình hình cụ thể về trình độ lý luận chính trị của đảng viên trong chi bộ, đảng bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên nhằm thực hiện đúng quy chế học tập gắn với quy hoạch cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Cấp ủy có kế hoạch, biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích, giúp đỡ đảng viên tự học; tăng cường quản lý, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chế độ học tập, kết quả học tập qua thực tiễn công tác của cán bộ, đảng viên; tuyên dương, khen thưởng cán bộ, đảng viên có thành tích học tập trong dịp sơ kết, tổng kết công tác hàng năm của đơn vị; tạo phong trào thi đua học tập lý luận chính trị trong chi bộ, đảng bộ, đưa việc học tập lý luận chính trị vào nề nếp thường xuyên.

NGHỊ QUYẾT SỐ 37-NQ/TW, NGÀY 09/10/2014 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030

(trích)

1. Phương châm công tác lý luận

- Lý luận phải gắn chặt với thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng và phục vụ yêu cầu phát triển đất nước, bảo đảm hài hòa giữa trước mắt với lâu dài, giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng.

- Coi trọng việc xây dựng môi trường dân chủ đi đôi với nêu cao trách nhiệm chính trị của tổ chức và cá nhân hoạt động lý luận. Kết hợp chặt chẽ nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn; nâng cao năng lực và chất lượng dự báo, định hướng nghiên cứu trong từng thời kỳ.

- Kiên trì thế giới quan, phương pháp luận khoa học và các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; đồng thời, tiếp thu các thành tựu mới, tinh hoa của nhân loại. Nâng cao hiệu quả đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; uốn nắn những nhận thức lệch lạc.

2. Nhiệm vụ

Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, trước mắt, tập trung nghiên cứu xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoạch định, phát triển các chủ trương, đường lối lớn của Đảng giai đoạn 2016 - 2021; đồng thời, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển công tác lý luận đáp ứng yêu cầu khi Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Từ nay đến năm 2030, tiếp tục làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nâng cao năng lực khoa học phục vụ phát triển công tác lý luận, bảo đảm cung cấp các luận cứ khoa học, lý luận vững

chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

- Tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn của Việt Nam; chỉ rõ vấn đề cần bổ sung, phát triển. Tiếp tục nghiên cứu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ sự bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin của Hồ Chí Minh. Tập trung đi sâu nghiên cứu những giá trị văn hóa truyền thống, những bài học kinh nghiệm lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước của dân tộc Việt Nam.

- Tiếp tục đi sâu nghiên cứu về bản chất, đặc điểm của chủ nghĩa tư bản hiện đại, làm rõ tính chất, đặc điểm mới của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nghiên cứu tình hình thế giới và khu vực, cục diện, quan hệ giữa các nước lớn, các nước láng giềng và tương quan các lực lượng trên thế giới, những biến động về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng trong khu vực và thế giới; an ninh hàng hải trên thế giới và khu vực, vấn đề Biển Đông từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; các vấn đề về dân chủ, nhân quyền, tôn giáo. Tăng cường nghiên cứu dự báo tình hình.

- Đối với những trào lưu tư tưởng, học thuyết, lý thuyết mới, tiếp tục mở rộng và đi sâu nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng và tiếp thu những giá trị tiến bộ. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội và các tư tưởng thù địch dưới mọi màu sắc.

- Nghiên cứu, phát triển và hoàn chỉnh những luận cứ khoa học làm cơ sở hoạch định đường lối, chính sách của Đảng. Đi sâu nghiên cứu hệ thống quan điểm về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam; về các mối quan hệ lớn được nêu trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về phát triển kinh tế tri thức; về hội nhập quốc tế; về phát triển kinh tế nhanh và

bền vững gắn với bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa các vấn đề xã hội.

Xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực để phát triển đất nước, văn hóa phải đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đi đôi với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Phát triển văn hóa để xây dựng con người phát triển toàn diện; thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực sự coi trọng giáo dục và đào tạo cùng với khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu; làm rõ sự biến đổi cơ cấu, giai tầng xã hội, xây dựng cộng đồng xã hội văn minh, bảo đảm quyền con người.

Làm rõ mối quan hệ, kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xây dựng nền quốc phòng toàn dân với xây dựng nền an ninh nhân dân; giữa độc lập dân tộc với hội nhập quốc tế; các vấn đề về an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống. Dự báo những xu thế lớn của khu vực và thế giới, thời cơ, thuận lợi cũng như thách thức tác động tới công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Vấn đề hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, giữ nghiêm kỷ cương xã hội. Vấn đề dân chủ, phát huy quyền làm chủ của người dân đi đôi với hoàn thiện hệ thống chính trị, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong điều kiện mới; về xã hội dân sự trên thế giới.

Tiếp tục làm rõ nguyên tắc tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân; nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và phát huy dân chủ xã hội; về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; về tự đổi mới, tự chỉnh đốn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, chống suy thoái tư tưởng chính trị trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

4. Các biện pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác lý luận từ nay đến năm 2030

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, phát huy dân chủ, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, mở rộng hợp tác quốc tế trong công tác lý luận. Xây dựng không khí dân chủ, cởi mở và có nguyên tắc trong thảo luận, tranh luận khoa học. Thu hút đội ngũ cán bộ lý luận và các cơ quan nghiên cứu tham gia vào quá trình hoạch định đường lối, chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Coi trọng và không ngừng nâng cao trình độ tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận. Công tác nghiên cứu lý luận phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn và xuất phát từ yêu cầu thực tiễn. Xây dựng hệ thống chương trình nghiên cứu có mục tiêu, yêu cầu, nội dung cụ thể và thiết thực, được bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết. Quản lý tốt hoạt động nghiên cứu lý luận, chú trọng khâu đánh giá, nghiệm thu, bảo đảm chất lượng, hiệu quả nghiên cứu. Mở rộng hợp tác quốc tế trong công tác lý luận theo hướng đa dạng hóa các hình thức và nâng cao hiệu quả hợp tác.

- Tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, các chuyên gia đầu ngành; nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu, nhất là năng lực phân tích, dự báo. Có biện pháp thích hợp nhằm phát huy trí tuệ, năng lực sáng tạo của cán bộ có trình độ chuyên môn cao và bản lĩnh chính trị vững vàng (cả đương chức và nghỉ hưu). Đổi mới căn bản công tác đào tạo cán bộ lý luận, từ quy hoạch đến chương trình, nội dung, phương pháp tuyển chọn, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và sử dụng cán bộ. Hình thành đội ngũ cán bộ đầu đàn và các lớp cán bộ kế tiếp, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Có chính sách khuyến khích, đãi ngộ thích đáng, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của các nhà khoa học.

- Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo. Đổi mới hệ thống chương trình, giáo trình, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên. Gắn lý luận với thực tiễn, cập nhật kiến thức mới, khắc phục sự trùng lắp, khép kín, thiếu liên thông giữa các chương trình, các cấp học, bậc học. Tăng cường giáo dục, rèn luyện kỹ năng thực hành, khả năng vận dụng kiến thức

vào thực tiễn. Đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng hiện đại, phù hợp đối tượng, đồng thời chú trọng nâng cao trình độ, rèn luyện phong cách, trau dồi bản lĩnh chính trị của đội ngũ giảng viên. Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, công tác nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết, kết luận của Đảng theo hướng thiết thực, hiệu quả.

- Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả đấu tranh tư tưởng, lý luận. Đấu tranh tư tưởng, lý luận phải nhằm khẳng định, bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đa dạng hóa các hình thức đấu tranh trên cơ sở giữ vững quan điểm và nguyên tắc; mềm dẻo, linh hoạt, nhân văn trong phương pháp, công khai, minh bạch, dân chủ, góp phần tạo dư luận xã hội lành mạnh, đồng thuận. Chủ động phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch. Đối thoại thẳng thắn với những người có quan điểm khác trên tinh thần khoa học, dân chủ, xây dựng, thuyết phục lẫn nhau. Phát huy vai trò và trách nhiệm của các phương tiện truyền thông đại chúng, các diễn đàn khoa học vì sự phát triển ổn định, bền vững của chế độ, vì nhân dân và đất nước.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lý luận. Đảng lãnh đạo công tác lý luận bằng việc xác định quan điểm, phương hướng nghiên cứu; định hướng việc xây dựng các cơ quan nghiên cứu, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, xây dựng chính sách khuyến khích tài năng và lao động sáng tạo; giao thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu; tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động nghiên cứu lý luận. Tổ chức, thu hút cán bộ khoa học và các cơ quan khoa học tham gia tích cực vào quá trình hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải quan tâm đặc biệt đến công tác lý luận, tổng kết thực tiễn. Ban Bí thư chỉ đạo, định hướng về công tác lý luận; Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ trực tiếp triển khai nhiệm vụ cụ thể tới các cơ quan, ban, bộ, ngành liên quan. Các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường giáo dục để nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới.

CHỈ THỊ SỐ 23-CT/TW, NGÀY 09/02/2018 CỦA BAN BÍ THƯ
về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới

(trích)

1. Mục tiêu

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực sự hiệu quả, thiết thực trong việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy lý luận, năng lực tổng kết và chỉ đạo thực tiễn để giải quyết hiệu quả những vấn đề thực tiễn đặt ra; thường xuyên bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ.

- Góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

2. Quan điểm

- Học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nội dung quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng về mặt tư tưởng, vừa có vai trò nền tảng, vừa có vị trí then chốt trong tình hình hiện nay.

- Học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo phương châm cơ bản, hệ thống, thực tiễn và hiện đại.

- Vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách biện chứng, sáng tạo và cầu thị; đồng thời phòng, chống có hiệu quả các nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Thật sự coi trọng việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc định hướng phát triển và hoạt động thực tiễn ở địa phương, cơ quan, đơn vị một cách thiết thực và hiệu quả; bám sát thực tiễn, định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng trên lĩnh vực lý luận chính trị.

3.2. Tiếp tục đổi mới phương thức triển khai, phương pháp tiếp cận nghiên cứu trong công tác lý luận. Khẳng định mạnh mẽ và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn nước ta. Trên nền tảng đó, nghiên cứu, xây dựng và phát triển hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam trong thời kỳ mới; làm rõ những vấn đề bổ sung, phát triển; tập trung nghiên cứu để giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở nước ta đã được Đại hội XII của Đảng chỉ ra. Làm rõ một số vấn đề nảy sinh trong thực tiễn đổi mới, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Phát huy dân chủ trong công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; tôn trọng tính sáng tạo và nâng cao ý thức trách nhiệm của nhà khoa học, tăng cường trao đổi, đối thoại trong nghiên cứu lý luận. Đổi mới cơ chế và tăng cường đầu tư cho tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Rà soát, bổ sung, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

3.3. Đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phù hợp với từng đối tượng, phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và phương pháp công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ. Tiếp tục đổi mới nội dung giáo trình theo hướng giảng dạy, truyền thụ đầy đủ những nội dung cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cập nhật những học thuyết đương đại, vận dụng sáng tạo, tăng cường liên hệ thực tiễn. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, ứng dụng các phương pháp hiện đại, hấp dẫn người học, tạo hứng thú tìm tòi, nghiên cứu. Đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá thực chất kết quả học tập lý luận chính trị theo hướng thực chất. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong học tập lý luận chính trị.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng Chương trình học tập theo hướng phân biệt rõ cấp học và đối tượng học; đồng thời tăng cường, bảo đảm tính liên thông trong đào tạo các trình độ lý luận chính trị, phân cấp rõ ràng, hạn chế tối đa sự chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống các cơ sở đào tạo lý luận chính trị để nâng cao hiệu quả việc học tập, đào tạo, bồi dưỡng và tránh lãng phí về thời gian, kinh phí. Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp với nhu cầu quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ.

3.4. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về giá trị, những nội dung cơ bản, cốt lõi và những nội dung được Đảng ta vận dụng, phát triển mới của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phát huy sức mạnh tổng hợp của báo chí, truyền thông, kết hợp chặt chẽ với tuyên truyền miệng và các kênh thông tin khác.

3.5. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh phản bác có hiệu quả, kịp thời các quan điểm sai trái, thù địch. Đa dạng hóa hình thức đấu tranh bảo vệ nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin, chủ động nắm bắt âm mưu, thủ đoạn, phương thức chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng cơ hội chính trị;

chú trọng xây dựng luận cứ đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc; tạo sự thống nhất trong phối hợp giữa các cơ quan, ngành có liên quan. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ để cập nhật về nội dung và phương pháp đấu tranh; có cơ chế, chế độ phù hợp cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí hoạt động và hiện đại hóa các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, trước hết là người đứng đầu thường xuyên và kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chú trọng trao đổi, đối thoại, thuyết phục; lắng nghe, tiếp thu các góp ý mang tính xây dựng để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho phù hợp.

CHỈ THỊ SỐ 44-CT/TW, NGÀY 16/4/2020 CỦA BAN BÍ THƯ

về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị

(trích)

Ban Bí thư yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của sách lý luận, chính trị trong việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự nghiệp đổi mới đất nước; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch.

2. Cần xác định nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị là nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ, đảng viên, là một trong những hoạt động chính trong sinh hoạt định kỳ của tổ chức cơ sở đảng.

Khuyến khích phát triển phong trào đọc, nghiên cứu, học tập sách, trong đó có sách lý luận, chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm giáo dục, nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới; đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị.

- Các cấp ủy đảng, các ngành, cơ quan liên quan, cơ quan chủ quản chỉ đạo các nhà xuất bản hoạt động trên cơ sở xác định chương trình hành động, đề án xuất bản sách hằng năm và chiến lược xuất bản sách.

- Nâng cao chất lượng chính trị, khoa học, tính thực tiễn, tính chiến đấu của sách lý luận, chính trị, đáp ứng yêu cầu của công tác tư tưởng trong tình hình mới. Tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng sách lý luận chính trị, bảo đảm đa dạng về hình thức, phong phú về thể loại, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

- Rà soát, sắp xếp hợp lý các nhà xuất bản có chức năng và đủ điều kiện xuất bản sách lý luận, chính trị, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo và kém hiệu quả. Có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các nhà xuất bản và các cơ sở phát hành. Kịp thời xử lý nghiêm sai phạm trong hoạt động xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị.

- Đổi mới công tác biên soạn, biên tập, hoạt động xuất bản, in, phát hành sách lý luận, chính trị phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chuyển đổi loại hình hoạt động của nhà xuất bản phù hợp với thực tế, đúng với chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và quy định pháp luật. Có chính sách ưu tiên, ưu đãi nhằm thu hút đội ngũ cộng tác viên là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có kinh nghiệm... tham gia viết, biên soạn, biên dịch sách lý luận, chính trị.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra việc khai thác, sử dụng sách lý luận, chính trị trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xuất bản sách phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh - quốc phòng, thông tin

đối ngoại; sách nghiên cứu, tuyên truyền về biển, đảo; sách cho người Việt Nam ở nước ngoài; sách phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... Quy định trách nhiệm các thư viện mua sách lý luận, chính trị.

- Nghiên cứu, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật; có cơ chế, chính sách đặc thù, khuyến khích, ưu tiên và bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị. Duy trì chính sách đặt hàng xuất bản phẩm, hỗ trợ giá bán sách lý luận, chính trị, cấp phát sách lý luận, chính trị thiết yếu cho cơ sở. Đầu tư hợp lý cho ngành xuất bản tham gia triển lãm, hội chợ sách quốc tế ở trong và ngoài nước; cấp kinh phí dịch những cuốn sách, bộ sách có giá trị ra tiếng nước ngoài để phục vụ công tác thông tin đối ngoại.

- Thực hiện xã hội hóa, liên kết giữa nhà xuất bản với các tổ chức kể cả các tổ chức nước ngoài được phép hoạt động ở Việt Nam... trong hoạt động in và phát hành sách lý luận, chính trị theo đúng quy định của pháp luật.

- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin cho các nhà xuất bản, cơ sở phát hành sách lý luận, chính trị. Đa dạng hóa các thể loại sách và phương thức xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị, đặc biệt là xuất bản sách điện tử và phát hành sách trên mạng Internet. Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu sách lý luận, chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet và đội ngũ tuyên truyền các cấp. Mở rộng giao lưu hợp tác, trao đổi xuất bản phẩm, kinh nghiệm với các nhà xuất bản nước ngoài. Triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về sách lý luận, chính trị thống nhất trong cả nước; cung cấp dịch vụ khai thác nội dung thông tin sách lý luận, chính trị trên Internet.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác biên soạn, biên tập, xuất bản, phát hành, cán bộ lãnh đạo, quản lý xuất bản sách lý luận, chính trị có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn cao. Đổi mới, hiện đại hóa chương trình đào tạo, trong đó đặc biệt chú trọng đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ biên

tập, xuất bản; có chính sách tuyển chọn, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ làm công tác biên tập, xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới.

- Xây dựng Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật trở thành trung tâm xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị; giữ vai trò nòng cốt, phối hợp với các cơ quan liên quan về xuất bản sách lý luận, chính trị.

CHỈ THỊ SỐ 11-CT/TW, NGÀY 28/12/1996 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA VIII
về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng
(trích)

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng và tổ chức đảng các cấp, các ban ngành, đoàn thể:

1. Tổ chức tốt việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng

- Tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân mua và đọc báo, tạp chí của Đảng; đưa tin, viết bài, góp ý kiến xây dựng báo chí đảng.

- Quan tâm chỉ đạo tốt công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng (kể cả phát hành lẻ) một cách rộng khắp đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, nhân dân và bạn đọc, đặc biệt quan tâm miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tổng cục Bưu điện tăng cường tổ chức phát hành báo chí của Đảng, xem xét việc giảm giá cước phát hành báo và giá cước truyền báo Nhân dân.

Mỗi chi bộ đảng, mỗi ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân xã, phường, mỗi cơ sở Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong cả nước đều có báo Nhân dân (hằng ngày) và các báo của đảng bộ địa phương mình. Mỗi đảng bộ cơ sở đều có ít nhất một Tạp chí Cộng sản. Có các hình thức phù hợp để đảng viên, đoàn viên và nhân dân thường xuyên đọc, nghiên cứu báo và tạp chí của Đảng, hiểu rõ, nắm vững và thực hiện có hiệu quả đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước.

2. Nguồn kinh phí

- Các cơ quan đảng, cơ quan hành chính, sự nghiệp, các đoàn thể, các đơn vị lực lượng vũ trang, các loại doanh nghiệp cần cấp đủ kinh phí để mua báo và tạp chí của Đảng.

- Các địa phương, cơ sở, các cấp ủy đảng và chính quyền phải chủ động cấp kinh phí mua báo chí của Đảng. Các tỉnh ủy, thành ủy phải có sự chỉ đạo để đảm bảo cân đối kinh phí trên địa bàn.

- Kiểm tra chặt chẽ kinh phí để mua báo chí của Đảng ở các cấp. Thực hiện đúng nguyên tắc, đúng mục đích; không dùng kinh phí mua báo chí của Đảng để chi vào việc khác, hoặc mua các loại ấn phẩm khác.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN SỐ 173-TB/TW NGÀY 06/4/2020 CỦA BAN BÍ THƯ

tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng

(trích)

1. Sau hơn 7 năm thực hiện Kết luận số 29-KL/TW, việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của báo, tạp chí đã được tiếp tục nâng lên. Nhiều tổ chức đảng và đảng viên đã thực hiện tốt việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng. Phong trào đọc và làm theo báo, tạp chí của Đảng được duy trì và phát triển. Công tác kiểm tra, đôn đốc việc mua và đọc báo, tạp chí được tiến hành thường xuyên hơn. Chất lượng báo, tạp chí của Đảng được nâng lên, nội dung và hình thức tiếp tục được đổi mới; công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng có nhiều chuyển biến tích cực.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Việc tổ chức quán triệt và thực hiện Kết luận số 29-KL/TW của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa đầy đủ và thường xuyên. Một số bộ phận của cán bộ, đảng viên nhận thức chưa sâu sắc về ý nghĩa, tác dụng của báo, tạp chí của Đảng trong sinh hoạt đảng

và cuộc sống. Việc mua, đọc báo, tạp chí của Đảng tại một số chi bộ, đảng bộ chưa đi vào nền nếp và hiệu quả chưa cao. Báo, tạp chí của Đảng chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin ngày càng cao của người đọc. Kinh phí mua báo, tạp chí của Đảng chưa được bố trí đủ, có trường hợp sử dụng không đúng mục đích. Công tác phát hành báo, tạp chí về cơ sở có lúc, có nơi còn chưa kịp thời, không đầy đủ.

2. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí của Đảng quan tâm thực hiện các nội dung sau:

- Nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của báo, tạp chí của Đảng, coi đây là tài liệu sinh hoạt và công tác tuyên truyền quan trọng giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao trình độ lý luận chính trị, vận dụng kiến thức vào sản xuất, đời sống; động viên và cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Cán bộ, đảng viên, nhất là người lãnh đạo các cấp phải gương mẫu đọc, nghiên cứu báo, tạp chí của Đảng.

- Báo, tạp chí của Đảng cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các ấn phẩm cần bám sát thực tiễn đời sống xã hội, tăng sức hấp dẫn, tính thuyết phục đối với bạn đọc, phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị của Đảng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xuất bản - phát hành các ấn phẩm, tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá với đông đảo bạn đọc.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, xác định trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các cấp ủy về việc mua, đọc và làm theo báo Đảng. Có hình thức phù hợp để sử dụng hiệu quả các loại tài liệu, báo chí của Đảng được cung cấp, đặt mua. Đẩy mạnh phong trào đọc và làm theo báo, tạp chí của Đảng.

- Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng ở các cấp; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác mua, đọc báo, tạp chí của Đảng. Kiểm tra chặt chẽ việc cấp và sử dụng kinh phí mua báo, tạp chí của

Đảng, bảo đảm sử dụng kinh phí đúng nguyên tắc, đúng mục đích; khuyến khích mở rộng đối tượng thụ hưởng báo, tạp chí của Đảng.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Tài chính nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết về việc sử dụng kinh phí đặt mua báo, tạp chí của Đảng theo hướng giao cho một đơn vị làm đầu mối (ban tuyên giáo cấp tỉnh hoặc huyện) thực hiện đặt mua cho các đơn vị, địa phương cơ sở, bảo đảm đủ số lượng, đúng đối tượng, đúng mục đích. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu đưa Báo Nhân dân, Tạp chí Cộng sản vào danh mục các loại báo phát không thu tiền đối với vùng biên giới, hải đảo, các cơ quan đơn vị công tác ở nước ngoài và vùng đặc biệt khó khăn.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn việc đọc, sử dụng và làm theo báo, tạp chí của Đảng phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; chủ trì, phối hợp với các đảng đoàn, ban cán sự đảng, tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Trung ương tham mưu, giúp Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW khóa VIII và Thông báo kết luận này, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

CÔNG VĂN SỐ 1334-CV/TU, NGÀY 08/01/2015 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Các cấp ủy đảng:

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác lý luận, công tác giáo dục lý luận chính trị; đặc biệt quan tâm việc triển khai thực hiện các đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của cấp

trên, gắn với công tác sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện ở cấp mình; kịp thời phát hiện, bổ sung những luận cứ khoa học mới đề nghị với cấp trên nghiên cứu làm cơ sở hoàn thiện hệ thống chính trị, hoạch định đường lối, chính sách của Đảng.

- Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, đầu tư cơ sở vật chất cho trung tâm bồi dưỡng chính trị nhằm phục vụ tốt công tác giáo dục lý luận chính trị tại địa phương.

- Chỉ đạo đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp tiếp tục đổi mới phương pháp tuyên truyền, công tác nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết, kết luận của Đảng theo hướng thiết thực, hiệu quả. Chỉ đạo việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị đến chi bộ.

2. Ban Chỉ đạo 94 tỉnh (Nay là Ban Chỉ đạo 35): Chỉ đạo các thành viên Bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo và Tổ cộng tác viên Ban Chỉ đạo 35 tăng cường viết bài phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch với đường lối, lý luận của Đảng ta. Nâng cao hiệu quả đấu tranh, kịp thời định hướng dư luận trước những nhận thức lệch lạc của số ít cán bộ, đảng viên và nhân dân.

3. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh: Chỉ đạo các sở, ban, ngành của tỉnh từ thực tế tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng (theo lĩnh vực công tác của cơ quan), nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các luận cứ khoa học góp phần thực hiện có hiệu quả các chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh. Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh tổ chức, thu hút cán bộ khoa học tham gia tích cực vào quá trình nghiên cứu công tác lý luận. Trong đó, đẩy mạnh công tác phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, viện của Trung ương và ngành đóng chân trên địa bàn tỉnh tham gia hoạt động nghiên cứu lý luận.

4. Trường Chính trị tỉnh; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy chỉ đạo các trung tâm bồi dưỡng chính trị; các trường cao đẳng (Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch Nha Trang, Sư phạm Nha Trang, Nghề Nha Trang, Y tế Khánh Hòa) và Trường Đại học Nha Trang chỉ đạo các khoa, phòng, bộ môn lý luận chính trị tiếp tục đổi mới,

nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy. Đặc biệt, chú trọng đổi mới phương pháp giáo dục chính trị theo hướng hiện đại, tích cực, phù hợp với đối tượng, đồng thời nâng cao trình độ, rèn luyện phong cách, trau dồi bản lĩnh chính trị của đội ngũ giảng viên. Ngoài việc bám sát các chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận *(theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ Giáo dục và Đào tạo)*, giảng viên phải thường xuyên cập nhật kiến thức mới, gắn lý luận với thực tiễn.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra và định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị.

QUY ĐỊNH SỐ 02-QĐ/TU, NGÀY 16/01/2017 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

về việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh

(trích)

Điều 1: Nguyên tắc chung

1 - Học tập và triển khai nghị quyết là sinh hoạt chính trị thường xuyên, sâu rộng, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân nhằm đưa nghị quyết vào cuộc sống.

2 - Kết quả học tập và triển khai nghị quyết là cơ sở quan trọng để kiểm điểm, tự phê bình, phê bình, đánh giá tập thể cấp ủy cơ quan, đơn vị, địa phương và mỗi cán bộ, đảng viên hàng năm và cả nhiệm kỳ.

Điều 2: Trách nhiệm của cấp ủy các cấp trong tổ chức học tập và triển khai nghị quyết

1 - Các cấp ủy, tổ chức đảng mà trực tiếp là người đứng đầu có trách nhiệm chỉ đạo, chủ trì việc xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, triển khai thực hiện nghị quyết. Kế hoạch tổ chức học tập nghị

quyết phải bám sát chỉ đạo của cấp ủy và hướng dẫn của ban tuyên giáo cấp trên trực tiếp.

2 - Trước, trong và sau học tập, quán triệt nghị quyết cần làm tốt công tác tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng các hình thức thiết thực, phù hợp.

3 - Cấp ủy các cấp phải đảm bảo các yêu cầu sau đây trong tổ chức học tập nghị quyết:

- Phân công báo cáo viên các hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết.

- Triệu tập cán bộ, đảng viên tham dự đầy đủ, đúng thành phần.

- Phân công cơ quan, cá nhân tham mưu phù hợp để theo dõi việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện.

- Chuẩn bị đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất và phải đảm bảo đủ tài liệu cho mỗi người dự học. Tài liệu học tập nên cấp trước cho người dự học để tự nghiên cứu.

- Thành lập ban tổ chức lớp học tại các hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết, để giúp cấp ủy: Xây dựng nội quy học tập; theo dõi, quản lý lớp học; triển khai việc viết thu hoạch (có thể tổ chức viết thu hoạch tại buổi học tập, quán triệt nghị quyết); tổng hợp ý kiến kiến nghị, đề xuất trong phiếu thu hoạch cá nhân.

4 - Tiếp tục đổi mới phương pháp học tập, phương pháp truyền đạt nghị quyết hiệu quả (khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin). Trong hội nghị có thảo luận, trao đổi giữa báo cáo viên với người nghe nhằm giúp cán bộ, đảng viên nắm bắt nội dung cơ bản của nghị quyết, tin tưởng và tích cực tham gia thực hiện nghị quyết.

5 - Ban tuyên giáo cấp trên trực tiếp có trách nhiệm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nội dung nghị quyết cho đội ngũ báo cáo viên tại các hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết. Trên cơ sở đó, báo cáo viên phải chuẩn bị đề cương báo cáo, nội dung truyền đạt phải đúng đường lối, chủ trương, chính sách, nghị

quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; liên hệ sát tình hình, nhiệm vụ của địa phương, đơn vị; phù hợp với từng cấp, từng đối tượng.

6 - Sau khi có nghị quyết của Đảng, trên cơ sở hướng dẫn của cấp ủy cấp trên, cấp ủy cấp dưới có trách nhiệm ban hành hoặc rà soát, bổ sung chương trình hành động (kế hoạch) thực hiện nghị quyết của cấp mình theo đúng tinh thần của nghị quyết và phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị.

7 - Cấp ủy các cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức học tập và triển khai nghị quyết; chỉ đạo ban tuyên giáo cùng cấp chủ động, thường xuyên theo dõi, tham mưu đề xuất cho thường trực cấp ủy những vấn đề cần thiết trong tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời cho cấp ủy cấp trên (qua ban tuyên giáo) theo định kỳ hàng tuần và đột xuất (nếu có).

Điều 3: Trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, đảng viên tham gia học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng

1 - Học tập nghị quyết là nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của toàn thể cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải có kế hoạch học tập nghị quyết và thực hiện nghị quyết.

2 - Cán bộ, đảng viên tham gia học tập nghị quyết phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ nội quy lớp học.

- Phải có sổ ghi chép nội dung học tập, quán triệt; tích cực tham gia thảo luận; khi có yêu cầu viết thu hoạch, thì phải viết tay và liên hệ nội dung thu hoạch sát với nhiệm vụ, chức trách được giao, tình hình thực tế của địa phương, đơn vị nơi công tác.

- Đảng viên đi làm xa hoặc bận công tác mà chưa học nghị quyết có trách nhiệm liên hệ với chi bộ hiện đang sinh hoạt và sẽ được giới thiệu nội dung nghị quyết bằng hình thức phù hợp.

KẾ HOẠCH SỐ 97-KH/TU, NGÀY 06/8/2018 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Thật sự coi trọng việc vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc định hướng phát triển và hoạt động thực tiễn ở địa phương, cơ quan, đơn vị một cách thiết thực và hiệu quả; bám sát thực tiễn, định kỳ sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng trên lĩnh vực lý luận chính trị.

2. Tiếp tục đổi mới phương thức triển khai, phương pháp tiếp cận nghiên cứu trong công tác lý luận. Khẳng định mạnh mẽ và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn nước ta. Trên nền tảng đó, vận dụng vào thực tiễn, làm rõ một số vấn đề nảy sinh trong đổi mới, hội nhập, góp phần cung cấp các luận cứ khoa học cho cấp trên hoạch định đường lối, chính sách.

Phát huy dân chủ trong công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tôn trọng tính sáng tạo và nâng cao ý thức trách nhiệm của các nhà khoa học, tăng cường trao đổi, đối thoại trong nghiên cứu lý luận. Rà soát, củng cố, kiện toàn các cơ quan, đơn vị giáo dục,

đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp với thực tế của từng địa phương, đơn vị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6, khóa XII của Đảng.

3. Tiếp tục đổi mới phương pháp học tập, giảng dạy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phù hợp với từng đối tượng, gắn lý luận với thực tiễn; phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và phương pháp công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, ứng dụng các phương pháp hiện đại, hấp dẫn người học, tạo hứng thú tìm tòi, nghiên cứu. Đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá thực chất kết quả học tập lý luận chính trị. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong nghiên cứu, học tập lý luận chính trị. Tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên giảng dạy lý luận chính trị và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp với nhu cầu quy hoạch, sử dụng cán bộ.

4. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về giá trị, những nội dung cơ bản, cốt lõi và những nội dung được Đảng ta vận dụng, phát triển mới của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phù hợp với từng đối tượng; phát huy hiệu quả tuyên truyền của các cơ quan báo chí tỉnh, hệ thống báo cáo viên và các kênh thông tin khác.

Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền giáo dục cho thanh thiếu niên về lý tưởng cách mạng như tổ chức hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, câu lạc bộ, hội thi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các hoạt động giáo dục truyền thống… Tăng cường tuyên truyền về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên internet, nhất là mạng xã hội.

5. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh phản bác có hiệu quả, kịp thời các quan điểm sai trái, thù địch. Đa dạng hóa hình thức đấu tranh, nâng cao chất lượng phối hợp và trao đổi thông tin, chủ động nắm bắt âm mưu, thủ đoạn và phương thức hoạt động

của các thế lực thù địch, chống đối để có đối sách đấu tranh, phản bác. Huy động cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên làm công tác nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Tăng cường đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, nhất là các quan điểm sai trái, thù địch đối với thân thế, cuộc đời, sự nghiệp, nhân cách, đạo đức của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác- Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh, các lãnh tụ của Đảng, các anh hùng dân tộc. Đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Kết hợp tuyên truyền người tốt, việc tốt với đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí hoạt động và hiện đại hóa các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, trước hết là người đứng đầu thường xuyên và kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; nhất là các chủ trương do cấp mình ban hành. Chú trọng trao đổi, đối thoại, thuyết phục, lắng nghe, tiếp thu các góp ý mang tính xây dựng để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho phù hợp.

KẾ HOẠCH SỐ 02-KH/TU, NGÀY 28/10/2020 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW của Ban Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Thực hiện tốt việc quán triệt, học tập và tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của sách lý luận, chính trị trong việc giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, sự nghiệp đổi mới đất nước, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nghiên cứu, học tập lý luận tại các văn bản: Công văn số 1602-CV/TU, ngày 22/06/2015 triển khai Kết luận số 94-KL/TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân; Quy định số 02-QĐ/TU, ngày 16/01/2017 về việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch số 97-KH/TU, ngày 06/8/2018 thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới; Công văn số 3728-CV/TU, ngày 09/6/2020 thực hiện Thông báo kết luận số 173-TB/TW ngày 06/4/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng.

2. Đưa việc nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị thành nhiệm vụ thường xuyên, bắt buộc đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị. Đổi mới việc phổ biến, quán triệt và triển khai các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong sinh hoạt thường kỳ và nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên đề của tổ chức cơ sở đảng theo hướng tăng cường hoạt động trao đổi, thảo luận nhằm thúc đẩy cán bộ, đảng viên tự nghiên cứu, học tập sách, tài liệu lý luận, chính trị, góp phần giáo dục, nâng cao trình độ lý luận chính trị; tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phòng chống suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống và các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền nêu gương trong nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị; đồng thời thường

xuyên kiểm tra, nhắc nhở cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tự giác đọc, nghiên cứu sách lý luận chính trị.

Tăng cường tổ chức triển lãm, hội chợ sách, các hội thi, cuộc thi tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, lịch sử đảng bộ, lịch sử cách mạng địa phương… trên báo chí, mạng Internet, trong trường học nhằm khuyến khích phát triển phong trào đọc, nghiên cứu, học tập sách và các tài liệu về lý luận, chính trị.

3. Nâng cao tính chính trị, khoa học, tính thực tiễn, tính chiến đấu trong các ấn phẩm, tài liệu xuất bản phục vụ công tác tuyên truyền, công tác tư tưởng và các nhiệm vụ chính trị của tỉnh như: Tài liệu tuyên truyền về Đại hội Đảng bộ tỉnh, các chương trình hành động của Tỉnh ủy, chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh; Bản tin thông tin nội bộ; sách tuyên truyền, phục vụ nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; sách giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; sách lịch sử các đảng bộ, lịch sử cách mạng các địa phương, các ngành trên địa bàn tỉnh.

4. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các doanh nghiệp in trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm tra, kịp thời xử lý nghiêm sai phạm trong hoạt động xuất bản, phát hành sách lý luận chính trị; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt Chỉ thị của Ban Bí thư và phê bình, chấn chỉnh những đơn vị thực hiện chưa tốt.

5. Tiếp tục quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các loại sách, tài liệu lý luận chính trị được Trung ương trang bị như sách, tài liệu về học tập, nghiên cứu nghị quyết của Đại hội Đảng, hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phòng chống "diễn biến hòa bình"; về thông tin đối ngoại, an ninh, quốc phòng tuyên truyền biển; về chính sách, pháp luật; tài liệu Bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới, dành cho học viên lớp đối tượng kết nạp đảng…

6. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giới thiệu sách lý luận, chính trị để cán bộ,

đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh tìm hiểu, khai thác và nghiên cứu sách lý luận, chính trị một cách thuận lợi, dễ dàng, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các môn học lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng… phù hợp với từng đối tượng. Tiếp tục chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên phù hợp với nhu cầu quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ.

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

A. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

CHỈ THỊ SỐ 05-CT/TW, NGÀY 15/5/2016 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

(trích)

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội các cấp quán triệt, thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong Đảng, hệ thống chính trị và nhân dân, đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thành công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, trước hết là của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên.

Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng, thường xuyên, liên tục và có hệ thống bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động các nội dung chủ yếu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Đó là hệ thống quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, về khối đại đoàn kết toàn dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về xây dựng, phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng; về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng,... Đó là các quan điểm và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về: tuyệt đối trung thành, kiên định lý tưởng cách mạng, đặt lợi ích của Đảng, của đất nước, dân tộc lên trên tất cả; hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân, tận trung

với nước, tận hiếu với dân; hết lòng yêu thương đồng bào, đồng chí, yêu thương con người; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, thật sự là công bộc của nhân dân, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội,... Đó là phong cách Hồ Chí Minh, phản ánh những giá trị cốt lõi trong tư tưởng, đạo đức của Người và được thể hiện vô cùng sinh động, tự nhiên, độc đáo, có sức thu hút, cảm hóa kỳ diệu trong hoạt động, ứng xử hằng ngày. Đó là: phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn gắn chặt lý luận với thực tiễn; phong cách làm việc dân chủ, khoa học, kỹ lưỡng, cụ thể, tới nơi, tới chốn; phong cách ứng xử văn hóa, tinh tế, đầy tính nhân văn, thấm đậm tinh thần yêu dân, trọng dân, vì dân; phong cách nói đi đôi với làm, đi vào lòng người; nói và viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm; phong cách sống thanh cao, trong sạch, giản dị; phong cách quần chúng, dân chủ, tự mình nêu gương,...

3. Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, nghị quyết của cấp ủy và nội dung sinh hoạt thường xuyên của chi bộ, gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết các vấn đề bức xúc, nổi cộm ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; gắn với việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Lấy kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại đảng viên, tổ chức đảng hằng năm.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai thực hiện theo phương châm trên trước, dưới sau; trong trước, ngoài sau; học đi đôi với làm theo, chú trọng việc làm theo bằng những hành động và việc làm cụ thể. Xây dựng, tổng kết và nhân rộng những điển hình tiên tiến về làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, kết hợp giữa "xây" với "chống". Đề cao trách nhiệm nêu gương, tự giác học trước, làm theo trước để nêu gương của người đứng đầu và cán bộ chủ chốt các cấp, của cán bộ, đảng viên trong

học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với đánh giá, nhận xét cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức hằng năm và cả nhiệm kỳ. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị với phương châm "sát chức năng, nhiệm vụ, ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thực hiện và đánh giá việc thực hiện". Hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến đạo đức công vụ.

5. Tiếp tục chỉ đạo biên soạn chương trình, giáo trình về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và các học viện, trường chính trị, trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp, bảo đảm phù hợp với từng cấp học, bậc học và với yêu cầu giáo dục, đào tạo. Đối với học sinh phổ thông, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, học tập về đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với giáo dục công dân, đạo đức nghề nghiệp. Đối với học sinh đại học, cao đẳng, có các bài giảng, chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đối với học sinh đại học chuyên ngành lý luận chính trị, học viên trường chính trị, đoàn thể và lực lượng vũ trang cần xây dựng hệ thống các bài giảng, chuyên đề học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

KẾT LUẬN SỐ 01-KL/TW, NGÀY 18/5/2021 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

(trích)

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về nội dung, giá trị và ý nghĩa to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách

Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người là động lực, nguồn sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Học tập và làm theo Bác để Đảng ta và mỗi đảng viên xứng đáng với vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam và sự tin cậy của nhân dân. Xây dựng mối quan hệ gắn bó chặt chẽ hơn nữa giữa Đảng với dân, thực hiện có hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", "trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân", "xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân".

2. Kết hợp chặt chẽ giữa học tập với làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi địa phương, đơn vị và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; giải quyết hiệu quả các khâu đột phá và các vấn đề trọng tâm, bức xúc trong thực tiễn. Thực hiện đồng bộ giữa "xây" và "chống"; "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, "chống" là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. "Xây" là tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước; động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nghị quyết đại hội đảng của các địa phương, cơ quan, đơn vị đã đề ra. "Chống" là đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; phê phán, xử lý nghiêm những việc làm sai trái, thiếu trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không ngừng nghỉ, không bị tác động bởi bất cứ tổ chức, cá nhân có hành vi không lành mạnh nào. Nâng cao tính cảnh tỉnh, răn đe đối với những tư tưởng, biểu hiện tiêu cực, đồng thời khuyến khích, cổ vũ cán bộ, đảng viên suy nghĩ, hành

động vì lợi ích chung, vì hạnh phúc của nhân dân, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, phải đề cao việc phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, trước hết là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Việc tự giác nêu gương để khẳng định vai trò lãnh đạo, tính tiên phong, gương mẫu "trên trước, dưới sau", "đảng viên đi trước, làng nước theo sau". Lãnh đạo chủ chốt các cấp phải thể hiện tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hết lòng vì nước, vì dân; có phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, thật sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể; luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, toàn diện, công tâm, công khai, minh bạch, chính xác, chống cục bộ địa phương, bè phái trong công tác cán bộ. Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, mẫu mực về nhân cách, lối sống; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành; không tham nhũng, không bị chi phối bởi lợi ích nhóm, không để người nhà, người thân lợi dụng vị trí công tác để vụ lợi. Nghiêm túc tự phê bình và phê bình, thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh.

4. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp, hình thức học tập, tuyên truyền về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là cho thế hệ trẻ, cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Đẩy mạnh việc phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, tuyên truyền, nhân rộng các tấm gương, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác. Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh,

dân chủ, đoàn kết, nhân văn; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh. Khuyến khích sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

5. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy lý luận, năng lực tổng kết và chỉ đạo thực tiễn để giải quyết hiệu quả những vấn đề đang đặt ra; tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội. Thường xuyên bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ.

6. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị 05 gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhằm cảnh tỉnh, cảnh báo, phát hiện từ sớm, kịp thời ngăn chặn vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm cho việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, thực chất. Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên trong thực hiện quy định nêu gương. Xử lý kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm. Khen thưởng, biểu dương, động viên kịp thời những mô hình hay, các điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu.

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

CHỈ THỊ SỐ 20-CT/TU, NGÀY 20/3/2019 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

về xây dựng ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW; làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản về *"Xây dựng ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", "dân là gốc"*. Từng cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần xác định rõ việc học tập và làm theo Bác gắn với nhiệm vụ chính trị cụ thể của tổ chức và cá nhân. Trong năm 2019, thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW gắn với thực hiện tốt Kế hoạch số 110-KH/TU, ngày 07/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về học tập và thực hiện chuyên đề năm 2019 *"Xây dựng ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"*.

2. Xây dựng và thực hiện ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- *Về xây dựng và thực hiện ý thức tôn trọng nhân dân:* Phát huy vai trò tiền phong, nêu gương của cán bộ, đảng viên. Cán bộ,

đảng viên, nhất là người đứng đầu phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chuẩn mực về lời nói, việc làm, đạo đức công vụ, lối sống và sinh hoạt hàng ngày; có phong cách dân chủ, quần chúng, gần dân, sát dân, tôn trọng và giúp đỡ nhân dân, đồng chí, đồng nghiệp; giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể cơ quan, đơn vị. Kịp thời xử lý nghiêm những hành vi nhũng nhiễu, cửa quyền, hách dịch, tham ô, tham nhũng, lãng phí... gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, nhất là về giải quyết các thủ tục hành chính, trật tự đô thị, quản lý đất đai và trật tự xây dựng; tái định cư; khai thác khoáng sản. Đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thường xuyên, trực tiếp tiếp xúc với nhân dân phải có thái độ lịch sự, niềm nở, thân ái, lời nói, tác phong hành chính phù hợp với đạo đức công vụ; tận tình giải thích những vấn đề mà người dân chưa rõ, tránh để người dân phải đi lại, thực hiện thủ tục hành chính nhiều lần.

- *Về phát huy dân chủ:* Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội. Mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Trong quá trình triển khai các chủ trương, chính sách, dự án (đặc biệt là các dự án có tác động trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân), các khoản thu, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư... tại địa phương cần làm tốt công tác tư tưởng. Thực hiện công khai, minh bạch những thông tin cần thiết và lấy ý kiến góp ý của nhân dân về các chế độ, chính sách, dự án... theo đúng quy định pháp luật; tiếp thu và phản hồi cho nhân dân được biết, đảm bảo "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Tạo điều kiện để người dân được kiểm tra, chất vấn, theo dõi, giám sát cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương "tỉnh sát xã, huyện sát thôn, xã sát từng hộ dân". Cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu phải thường xuyên đi cơ sở, thăm hỏi, lắng nghe, đối thoại, nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng của nhân dân; xử lý, giải quyết các vấn đề khó khăn, hạn chế, tồn tại mà nhân dân phản ánh.

Cấp ủy các cấp tăng cường kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh và thực hiện nghiêm Quy định 76-QĐ/TW, ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị về việc *"đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú"*. Đảng viên sinh hoạt theo Quy định 76-QĐ/TW phải thường xuyên tìm hiểu, nắm tình hình tư tưởng, tâm trạng và đời sống nhân dân; tham gia ý kiến đóng góp với cấp ủy, chi bộ tại nơi cư trú. Chi bộ, cấp ủy cơ sở phân công đảng viên phụ trách hộ, nhóm hộ gia đình (trừ đảng viên được miễn sinh hoạt Đảng); nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn, vướng mắc của người dân, kịp thời phản ánh cho cấp ủy, chính quyền địa phương; vận động, tuyên truyền, giải thích các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cho nhân dân hiểu và đồng thuận.

Gắn việc xây dựng và thực hiện ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ với việc thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị *về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân*.

- *Về chăm lo đời sống nhân dân:* Tiếp tục quan tâm chăm lo phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, y tế, giáo dục… cho nhân dân. Có biện pháp cụ thể nhằm ổn định đời sống, sinh kế cho những hộ dân bị thiệt hại do thiên tai, gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn khó khăn, miền núi của tỉnh; người dân bị ảnh hưởng bởi các dự án,... giúp họ vươn lên thoát nghèo bền vững, vươn lên làm giàu; hạn chế tình trạng thoát nghèo không bền vững, tái nghèo. Lấy kết quả xây dựng và thực hiện ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh làm một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá, phân loại đảng viên và tổ chức đảng hàng năm.

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN

A. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

CHỈ THỊ SỐ 17-CT/TW, NGÀY 15/10/2007 CỦA BAN BÍ THƯ
về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới

(trích)

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

1. Tiếp tục quán triệt ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, xác định đây là một trong những kênh thông tin quan trọng nhất, trực tiếp truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phổ biến, giáo dục, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trước các vấn đề thời sự quan trọng trong nước và quốc tế; góp phần tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin, cổ vũ phong trào cách mạng. Đồng thời, đây là một trong những vũ khí sắc bén, kịp thời đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc, phản động. Tuyên truyền miệng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là một mắt khâu quan trọng, trực tiếp nối liền Đảng, Nhà nước với nhân dân, Trung ương với địa phương và cơ sở để vừa đưa chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước đến với nhân dân, vừa nắm bắt, phản ánh trung thực, kịp thời tư tưởng, tâm tư, nhu cầu, lợi ích, nguyện vọng của nhân dân đối với lãnh đạo Đảng, Nhà nước; gắn truyền đạt với đối thoại, trao đổi, truyền tải trực tiếp những thông tin nội bộ cần thiết phục vụ công tác tư tưởng đối với tất cả các đối tượng ở mọi hoàn cảnh, điều kiện một cách linh hoạt.

2. Công tác tuyên truyền miệng là nhiệm vụ của toàn Đảng, vì vậy tất cả cấp ủy các cấp từ Trung ương đến cơ sở, các đảng viên hoạt động trên mọi lĩnh vực đều phải có trách nhiệm làm nhiệm vụ tuyên truyền miệng, trực tiếp tham gia tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kịp thời thông tin và định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân ở nơi công tác và cư trú về các vấn đề quan trọng trong nước và trên thế giới, coi đó là một tiêu chuẩn để đánh giá năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, chất lượng công tác của các cấp ủy, tính tiên phong, gương mẫu và phẩm chất chính trị của mỗi đảng viên.

3. Các cấp ủy đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo xây dựng, quản lý và chỉ đạo hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của ngành, cấp và đơn vị mình, phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, ưu thế của công tác tuyên truyền miệng trên mặt trận tư tưởng - văn hóa. Tất cả các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở đều phải có lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên từ Trung ương đến các tổ chức cơ sở đảng, việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên, kết hợp hài hòa giữa đội ngũ báo cáo viên lâu năm, có kinh nghiệm với đội ngũ cán bộ trẻ, kế cận, từng bước nâng cao trình độ chuyên nghiệp của báo cáo viên ở tỉnh, thành phố và Trung ương; đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên theo hướng đáp ứng kịp thời, nhanh nhạy nhu cầu và phù hợp với trình độ của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nâng cao tính định hướng và sức thuyết phục của hoạt động tuyên truyền miệng.

5. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng, bổ sung chế độ, chính sách và bảo đảm các phương tiện hoạt động cho báo cáo viên các cấp phù hợp với tình hình mới và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

6. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo các cấp để nâng cao tính tích cực, năng động, hướng về cơ sở, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm này.

KẾ HOẠCH SỐ 26-KH/BTGTW, NGÀY 05/5/2021 CỦA BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG
về đẩy mạnh công tác tuyên truyền sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

(trích)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục tạo sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng chính trị và hành động trong Đảng và xã hội để triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng *(sau đây viết tắt là Đại hội XIII)*; góp phần khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, quyết tâm thực hiện thành công mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Thông qua tuyên truyền sau Đại hội, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng; đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Yêu cầu

- Các hoạt động tuyên truyền phải bám sát sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo Trung ương và cấp ủy đảng các cấp, bảo đảm hiệu quả, thiết thực, gắn với tuyên truyền triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Công tác tuyên truyền sau Đại hội phải được thực hiện bằng hình thức phong phú, sinh động, toàn diện, đồng bộ, thống nhất, tạo không khí phấn khởi, thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân.

II. THỜI GIAN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Thời gian và nội dung tuyên truyền chủ yếu

a) Từ sau ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đến hết năm 2021, tập trung tuyên truyền các nội dung:

- Kết quả và các hoạt động chào mừng thành công cuộc bầu cử; hoạt động tổng kết công tác bầu cử ở các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, kết quả kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Những kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế, bài học kinh nghiệm trong năm đầu triển khai thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030.

- Kết quả triển khai các nhiệm vụ trọng yếu thời gian qua về xây dựng Đảng, giữ vững bản chất cách mạng trong sáng của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị; công tác cán bộ; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế...

b) Năm 2022 và các năm tiếp theo, tập trung tuyên truyền:

- Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội qua từng năm và kết quả triển khai thực hiện.

- Biểu dương nỗ lực, sáng tạo của các ban, bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp và cá nhân trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; tạo khí thế phấn khởi, thi đua trong lao động sản xuất, học tập và công tác ở mọi cấp, mọi ngành và toàn xã hội.

Trong quá trình tuyên truyền, thường xuyên coi trọng công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh Covid-19; đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đảng, Nhà nước, các hành vi tiêu cực theo phương châm "lấy xây làm chính", "lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực".

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

THÔNG TRI SỐ 11-TT/TU, NGÀY 26/11/2007 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể tổ chức thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục quán triệt ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Xác định đây là một trong những kênh thông tin quan trọng, trực tiếp truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phổ biến, giáo dục, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trước những vấn đề thời sự quan trọng trong tỉnh, trong nước và quốc tế; là vũ khí sắc bén trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc, phản động; góp phần tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin, cổ vũ phong trào hành động cách mạng trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Tất cả các tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở đều phải có lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên. Các cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xây

dựng, quản lý, chỉ đạo hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của ngành, cấp và đơn vị mình; quan tâm bố trí kinh phí, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất nhằm đảm bảo cho hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền miệng ngày càng đạt hiệu quả cao hơn. Đồng thời, chú trọng giáo dục đảng viên hoạt động trên mọi lĩnh vực đều phải có trách nhiệm đối với công tác tuyên truyền miệng, trực tiếp tham gia tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân nơi công tác và nơi cư trú.

3. Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có kế hoạch tổ chức quán triệt Chỉ thị 17-CT/TW ở cấp mình gắn với tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động của công tác tuyên truyền miệng trong thời gian qua; trên cơ sở đó tiếp tục đề ra phương hướng và các giải pháp hoạt động trong thời gian tới, báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (thông qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy) trước 20/02/2008.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- Tổ chức hội nghị quán triệt Chỉ thị 17-CT/TW ở cấp tỉnh vào dịp tổng kết năm 2007 của ngành.

- Tiếp tục kiện toàn đội ngũ báo cáo viên của Tỉnh ủy (nhiệm kỳ XV) đảm bảo số lượng đi đôi với nâng cao chất lượng hoạt động. Chỉ đạo, hướng dẫn việc đổi mới phương thức hoạt động tuyên truyền miệng cũng như hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên theo hướng kịp thời, nhanh nhạy, nâng cao tính định hướng và sức thuyết phục, gắn truyền đạt với đối thoại, trao đổi, truyền tải trực tiếp những thông tin nội bộ cần thiết, phục vụ công tác tư tưởng cho tất cả các đối tượng, ở mọi hoàn cảnh một cách linh hoạt.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tri này và định kỳ báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH SỐ 17-KH/TU, NGÀY 14/6/2016 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

thực hiện Kết luận số 100-KL/TW của Ban Bí thư về đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội trên địa bàn tỉnh

(trích)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt và triển khai thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp về vai trò, tầm quan trọng của việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý.

- Đổi mới cơ chế, điều kiện, phương thức hoạt động của các cơ quan, tổ chức, bộ phận làm công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội và nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác này; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội.

- Việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội phải đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị, đồng thời phải có cách làm phù hợp, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, chính quyền.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quán triệt, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội

- Điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội *(gọi tắt là công tác dư luận xã hội)* nhằm nắm bắt, tập hợp kịp thời, sát thực tâm tư, tình cảm, ý chí nguyện vọng của nhân dân về những vấn đề, sự kiện có tính thời sự trong tỉnh, trong nước và quốc tế, đặc biệt là đối với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của

tỉnh; giúp các cơ quan lãnh đạo, quản lý có thông tin tham khảo trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, là một khâu quan trọng, cần thiết trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh.

- Các cấp ủy đảng và chính quyền cần nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của công tác dư luận xã hội; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị, nhất là của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; cần quan tâm chỉ đạo hoạt động, bố trí cán bộ, các điều kiện đảm bảo cho công tác này.

- Công tác dư luận xã hội phải bám sát thực tiễn, việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy; bám sát những vấn đề, sự kiện mà nhân dân quan tâm để phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp. Đối với các chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng có ảnh hưởng sâu, rộng trong xã hội, trước khi xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện và sau thời gian tổ chức thực hiện phải tiến hành điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội

2.1. Kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác dư luận xã hội

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác dư luận xã hội. Đồng thời, là cơ quan chủ trì, đầu mối chính tổ chức thực hiện điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội trong toàn tỉnh.

- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tùy theo điều kiện cụ thể bố trí, phân công cán bộ làm công tác dư luận xã hội (ưu tiên lựa chọn cán bộ được đào tạo chuyên môn về tâm lý học, xã hội học hoặc báo chí) trực thuộc ban tuyên giáo cấp ủy cùng cấp. Biên chế cán bộ kiêm nhiệm làm công tác dư luận xã hội nằm trong tổng

biên chế đã được cấp có thẩm quyền phân bổ cho địa phương, tổ chức, đơn vị.

2.2. Nội dung, phương thức điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội

- Nội dung điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội cần bám sát việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh và quá trình cụ thể hóa các chủ trương, chính sách đó tại địa phương, ngành, đoàn thể, nhất là các chủ trương, chính sách, dự án về phát triển kinh tế - xã hội quan trọng, có ảnh hưởng sâu, rộng trong xã hội, địa phương, ngành, đoàn thể; những vấn đề, sự kiện được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm.

- Việc nắm bắt và phản ánh dư luận xã hội phải khách quan, trung thực, kịp thời và đầy đủ các luồng ý kiến dư luận xã hội; phân tích, chỉ ra nguyên nhân của các luồng ý kiến dư luận, đưa ra những dự báo, đề xuất các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội.

Đa dạng hóa các hình thức, phương pháp nắm bắt, tổng hợp tình hình dư luận xã hội, kết hợp các hình thức: Qua mạng lưới cộng tác viên dư luận xã hội; qua các phương tiện thông tin đại chúng; qua việc đi thực tế…

- Điều tra dư luận xã hội phải đảm bảo tính đại diện của các tầng lớp nhân dân; bảo đảm tính xác thực, độ tin cậy, tính kịp thời của thông tin; khắc phục những hạn chế, sai sót trong các khâu: Chọn vấn đề điều tra; chọn phương pháp, hình thức điều tra; xây dựng phiếu câu hỏi điều tra; chọn mẫu (đối tượng) điều tra; triển khai trên thực địa; nhập dữ liệu, xử lý và phân tích số liệu; viết báo cáo điều tra. Báo cáo điều tra dư luận xã hội phải có tính tổng hợp, có sự phân tích, so sánh, đưa ra các dự báo, đề xuất, kiến nghị phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp và công tác thông tin tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội.

Đa dạng hóa hình thức, phương pháp điều tra, thăm dò dư luận xã hội, kết hợp các hình thức: Điều tra chọn mẫu bằng phiếu hỏi tự điền; qua điện thoại; qua thư điện tử; qua mạng Internet…

- Nghiên cứu dư luận xã hội phải chú trọng những kiến thức

mới có liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ, công tác nghiên cứu dư luận xã hội, nhất là cơ chế hình thành dư luận xã hội; phương thức tác động nhằm định hướng dư luận xã hội để nâng cao hiệu quả công tác này trong thực tế.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, ngành, đơn vị với địa phương để xác định đúng, kịp thời các nội dung, hình thức và phương pháp điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội.

3. Tổ chức hoạt động và thực hiện chế độ chi trả đối với cộng tác viên dư luận xã hội

3.1. Tổ chức hoạt động cộng tác viên dư luận xã hội

- Thành lập đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội cấp tỉnh, cấp huyện (huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy). Đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội có nhiệm vụ kịp thời nắm bắt, tập hợp, phản ánh khách quan, trung thực các luồng ý kiến, tâm tư, tình cảm, ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân về những vấn đề, sự kiện có tính thời sự trong nước và thế giới, đặc biệt là đối với các chủ trương, chính sách của của Đảng, Nhà nước và của tỉnh; đề xuất các giải pháp và tham gia định hướng dư luận xã hội (thông qua việc cung cấp thông tin chính thống); tham gia triển khai các cuộc điều tra dư luận xã hội.

- Mạng lưới cộng tác viên dư luận xã hội phải đảm bảo có cơ cấu hợp lý, đại diện cho các ngành, đoàn thể và các giai tầng trong xã hội. Cộng tác viên dư luận xã hội phải đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy chế hoạt động của cộng tác viên dư luận xã hội do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình dư luận xã hội tại địa bàn mình phụ trách.

- Số lượng cộng tác viên dư luận xã hội cấp tỉnh (do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trực tiếp quản lý) từ 30 đến 35 người. Số lượng cộng tác viên dư luận xã hội cấp huyện (do ban tuyên giáo cùng cấp trực tiếp quản lý) từ 15 đến 20 người. Ban tuyên giáo các cấp tham mưu giúp cấp ủy thành lập đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội.

3.2. Chế độ đối với cộng tác viên dư luận xã hội: Thực hiện theo Hướng dẫn số 167-HD/BTGTW, ngày 26/12/2015 của Ban

Tuyên giáo Trung ương về thực hiện Kết luận số 100-KL/TW, ngày 18/8/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc *đổi mới và nâng cao chất lượng điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội*. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Thẩm quyền tổ chức thực hiện điều tra dư luận xã hội và công bố kết quả điều tra dư luận xã hội

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy là cơ quan chủ trì, đầu mối tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức thực hiện các cuộc điều tra dư luận xã hội trong phạm vi toàn tỉnh. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh khi cần thiết, có nhu cầu tổ chức điều tra dư luận xã hội cần phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để thực hiện có hiệu quả.

KẾ HOẠCH SỐ 34-KH/TU, NGÀY 24/6/2021 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY về tuyên truyền sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

(trích)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng chính trị và hành động trong toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân, để triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 *(sau đây viết tắt là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII)*, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng *(sau đây viết tắt là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng)*, góp phần khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, xây dựng tỉnh Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch, dịch vụ của cả nước.

- Góp phần bồi đắp và củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, với chế độ; đồng thời, đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Yêu cầu

- Các hoạt động tuyên truyền phải bám sát sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, bảo đảm hiệu quả, thiết thực, gắn với tuyên truyền triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Công tác tuyên truyền sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII và sau Đại hội XIII của Đảng phải được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đồng bộ, tạo không khí phấn khởi, thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân.

II. THỜI GIAN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Thời gian và nội dung tuyên truyền chủ yếu

1.1. Từ nay đến hết năm 2021, tập trung tuyên truyền:

- Tuyên truyền chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển đất nước thể hiện trong nội dung cơ bản, cốt lõi của văn kiện Đại hội XIII của Đảng; phân tích những điểm mới, quan điểm nổi bật trong chỉ đạo, các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, 12 nội dung định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 khâu đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng; cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức trong những năm tới.

Tuyên truyền, phân tích những nội dung cốt lõi trong các văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhất là mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030, năm 2045; 04 nhiệm vụ trọng tâm, 04 đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; kết quả Hội nghị

Trung ương lần thứ 3, 4 (khóa XIII), kỳ họp của Quốc hội khóa XV; kết quả các Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6, 7, 8 (khóa XVIII), kết quả kỳ họp thứ 1, 2, 3, 4 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII.

- Tuyên truyền, quán triệt sâu rộng bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: *"Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam"* đến cán bộ, đảng viên và nhân dân để nâng cao nhận thức, củng cố, nâng cao lập trường tư tưởng chính trị, đoàn kết, thống nhất cao về nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh trong năm 2021; sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị để giữ vững đà tăng trưởng kinh tế, vượt qua những khó khăn của đại dịch Covid-19, tạo niềm tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của Chính phủ và của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

- Công tác tổ chức quán triệt, học tập, xây dựng và triển khai chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng ở các cấp, các ngành. Nhất là việc triển khai Chương trình hành động số 08-CTr/TU, ngày 21/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 18-CTr/TU, ngày 08/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Sự quyết tâm, sáng tạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác xây dựng, triển khai thực hiện chương trình hành động, đưa Nghị quyết của Đảng đi vào thực tiễn cuộc sống.

- Những kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế trong năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025; 04 chương trình kinh tế - xã hội, phát triển 3 vùng động lực; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2021…

- Kết quả triển khai các nhiệm vụ về xây dựng Đảng, xây

dựng hệ thống chính trị; kết quả sau 05 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII và triển khai Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; công tác cán bộ; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí…

- Các phong trào thi đua yêu nước, các chương trình hành động cách mạng của các tầng lớp nhân dân trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII.

1.2. Từ năm 2022 đến năm 2025, tập trung tuyên truyền:

- Các chủ trương, quyết sách lớn mà các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII; các kỳ họp Quốc hội khóa XV; Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII; chương trình, kế hoạch, đề án về phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh; kết quả triển khai chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của tỉnh qua từng năm.

- Biểu dương sự nỗ lực, sáng tạo của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, các doanh nghiệp và cá nhân trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; tạo khí thế phấn khởi, thi đua trong lao động sản xuất, học tập, công tác ở tất cả các cấp, các ngành và toàn xã hội.

- Thường xuyên coi trọng công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh Covid-19; đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đảng, Nhà nước, các hành vi tiêu cực, thực hiện tuyên truyền theo phương châm "lấy xây làm chính", "lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực".

2. Hình thức tuyên truyền

2.1. Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, Internet, mạng xã hội

- Tuyên truyền trên báo chí, trang thông tin, cổng thông tin điện tử của các địa phương, cơ quan, đơn vị, hệ thống thông tin cơ sở. Ưu tiên tuyên truyền các chủ trương, quyết sách lớn mà các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII; Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII; Nghị quyết Hội đồng nhân tỉnh khóa VII thông qua; kết quả triển khai chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị…

- Tuyên truyền trên mạng xã hội:

+ Cơ quan, đơn vị, địa phương có trang fanpage, tích cực chia sẻ, đăng tải các tin, bài viết, thông tin tích cực về kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và đại hội đảng bộ các cấp trên các trang mạng xã hội của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

+ Tuyên truyền vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực tuyên truyền, chia sẻ các thông tin tích cực về kết quả phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, gương người tốt, việc tốt… trên trang mạng xã hội của cá nhân.

2.2. Tuyên truyền miệng

- Thông qua hội nghị báo cáo viên của cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội, các hội nghề nghiệp… thông tin, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025; chương trình hành động triển khai thực hiện nghị quyết, kế hoạch triển khai thực hiện ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức hội thảo, tọa đàm để làm sâu sắc, sáng rõ hơn những chủ trương, quan điểm, định hướng, quyết sách lớn mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra, nhất là những vấn đề mới, những vấn đề liên quan trực tiếp đến ngành, địa phương, đơn vị mình, nhằm tìm ra giải pháp

khả thi để góp phần triển khai thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII…

2.3. Tuyên truyền cổ động trực quan

Tăng cường tuyên truyền trực quan thông qua hệ thống panô, biểu ngữ, khẩu hiệu, cờ, phướn, bảng tin điện tử công cộng, màn hình led… tại nơi công cộng, trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

2.4. Biên soạn, phát hành tài liệu tuyên truyền và sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học - nghệ thuật

Biên soạn tài liệu tuyên truyền, tổ chức sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học - nghệ thuật, ca ngợi Đảng, Bác Hồ và những thành tựu của đất nước, của tỉnh.

2.5. Phát động các phong trào thi đua yêu nước

Tổ chức phát động và hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, của tỉnh, tạo không khí vui tươi, khí thế hăng say học tập, công tác, lao động, sản xuất.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Kế hoạch này; chỉ đạo tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền sau Đại hội XIII của Đảng và sau Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương mình.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng tăng cường nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng của các tầng lớp nhân dân, nhất là trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; giải quyết các vấn đề phức tạp, nổi cộm ngay tại cơ sở, không để phát sinh "điểm nóng".

- Chỉ đạo phát động hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước do Trung ương, tỉnh phát động tổ chức.

2. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo

2.1. Các sở, ban, ngành, địa phương: Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương có kế hoạch tuyên truyền sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả.

2.2. Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh: Hàng năm tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

2.3. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Hướng dẫn và quản lý các cơ quan báo chí, các trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội của các sở, ban, ngành, địa phương; hướng dẫn hệ thống thông tin cơ sở làm tốt công tác tuyên truyền sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII. Trong đó, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương thiết kế banner chuyên mục: "Đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống".

- Phối hợp với cơ quan chức năng theo dõi, xử lý những thông tin sai trái, thù địch, xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước, nhất là trên không gian mạng.

2.4. Sở Văn hóa và Thể thao: Hướng dẫn ngành dọc và tổ chức tuyên truyền trực quan, thông tin cổ động, tạo không khí phấn khởi, cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Xây dựng kế hoạch, tổ chức tốt công tác tuyên truyền sau Đại hội XIII của Đảng và sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, cho cán bộ, đoàn viên, hội viên của tổ chức mình và các tầng lớp nhân dân. Vận động cán bộ, hội viên, đoàn viên tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước do Trung ương, do tỉnh phát động, góp phần

thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII. Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân, nếu có vấn đề phát sinh, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

4. Các cơ quan báo chí của tỉnh

- Tích cực tuyên truyền những nội dung trọng tâm, cốt lõi nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và nghị quyết đại hội đảng các cấp; tiếp tục tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; kết quả phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; cổ vũ, biểu dương nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần định hướng tư tưởng, dư luận xã hội.

- Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa: mở chuyên trang, chuyên mục "Đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống".

5. Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh, Hội Nhà báo tỉnh

- Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh: Tuyên truyền, vận động văn nghệ sỹ sáng tác và quảng bá những tác phẩm văn học - nghệ thuật ca ngợi Đảng, Bác Hồ và những thành tựu của đất nước, của tỉnh.

- Hội Nhà báo tỉnh: Động viên hội viên tích cực viết tin, bài về đưa Nghị quyết của Đảng đi vào thực tiễn cuộc sống và tham gia các giải báo chí viết về Đảng, qua đó cổ vũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII.

6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền sau Đại hội XIII của Đảng và sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Chỉ đạo Nhóm chuyên gia, Tổ Cộng tác viên 35 của tỉnh, Ban Chỉ đạo 35 các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, luận điệu xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Chủ động, kịp thời nắm chắc tình hình tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy theo quy định.

- Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo việc thực hiện Kế hoạch này cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

CÔNG TÁC KHOA GIÁO LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

A. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW, NGÀY 04/11/2013 CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 8 KHÓA XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn

với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đối với giáo dục mầm non, giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo và miễn học phí trước năm 2020. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục.

- Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Hoàn thành việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015. Bảo đảm cho học sinh có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau năm 2020.

Phấn đấu đến năm 2020, có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương.

- Đối với giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp. Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo

đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

- Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

- Đối với giáo dục thường xuyên, bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động chuyển đổi nghề; bảo đảm xóa mù chữ bền vững. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục từ xa.

- Đối với việc dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài, có chương trình hỗ trợ tích cực việc giảng dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, góp phần phát huy sức mạnh của văn hóa Việt Nam, gắn bó với quê hương, đồng thời xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị với nhân dân các nước.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

Quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo trong hệ thống chính trị, ngành giáo dục và đào tạo và toàn xã hội, tạo sự đồng thuận cao, coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; người

học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình.

Đổi mới công tác thông tin và truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia đánh giá, giám sát và phản biện của toàn xã hội đối với công cuộc đổi mới, phát triển giáo dục.

Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học, trước hết là trong đội ngũ giáo viên. Bảo đảm các trường học có chi bộ; các trường đại học có đảng bộ. Cấp ủy trong các cơ sở giáo dục - đào tạo phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, viên chức và học sinh, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường.

Các bộ, ngành, địa phương xây dựng quy hoạch dài hạn phát triển nguồn nhân lực, dự báo nhu cầu về số lượng, chất lượng nhân lực, cơ cấu ngành nghề, trình độ. Trên cơ sở đó, đặt hàng và phối hợp với các cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức thực hiện.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, giải quyết dứt điểm các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

Trên cơ sở mục tiêu đổi mới giáo dục và đào tạo, cần xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo. Coi đó là cam kết bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục và đào tạo; là căn cứ giám sát, đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo.

Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy

nghề. Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường giáo dục thể chất, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp. Dạy ngoại ngữ và tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, bảo đảm năng lực sử dụng của người học. Quan tâm dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số; dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài.

Đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của các bậc học, các chương trình giáo dục, đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

Tiếp tục đổi mới và chuẩn hóa nội dung giáo dục mầm non, chú trọng kết hợp chăm sóc, nuôi dưỡng với giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý, yêu cầu phát triển thể lực và hình thành nhân cách.

Xây dựng và chuẩn hóa nội dung giáo dục phổ thông theo hướng hiện đại, tinh gọn, bảo đảm chất lượng, tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên; giảm số môn học bắt buộc; tăng môn học, chủ đề và hoạt động giáo dục tự chọn. Biên soạn sách giáo khoa, tài liệu hỗ trợ dạy và học phù hợp với từng đối tượng học, chú ý đến học sinh dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật.

Nội dung giáo dục nghề nghiệp được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục đại học và sau đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, nhóm ngành đào tạo và việc phân tầng của hệ thống giáo dục đại học. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới.

3. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.

Đổi mới phương thức thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông theo hướng giảm áp lực và tốn kém cho xã hội mà vẫn bảo đảm độ tin cậy, trung thực, đánh giá đúng năng lực học sinh, làm cơ sở cho việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Đổi mới phương thức đánh giá và công nhận tốt nghiệp giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở kiến thức, năng lực thực hành, ý thức kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp. Có cơ chế để tổ chức và cá nhân sử dụng lao động tham gia vào việc đánh giá chất lượng của cơ sở đào tạo.

Đổi mới phương thức tuyển sinh đại học, cao đẳng theo hướng kết hợp sử dụng kết quả học tập ở phổ thông và yêu cầu của ngành đào tạo. Đánh giá kết quả đào tạo đại học theo hướng chú trọng năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức; đạo đức nghề nghiệp; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ; năng lực thực hành, năng lực tổ chức và thích nghi với

môi trường làm việc. Giao quyền tự chủ tuyển sinh cho các cơ sở giáo dục đại học.

Thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo ở cấp độ quốc gia, địa phương, từng cơ sở giáo dục, đào tạo và đánh giá theo chương trình của quốc tế để làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp cải thiện chất lượng giáo dục, đào tạo.

Hoàn thiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục. Định kỳ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo và các chương trình đào tạo; công khai kết quả kiểm định. Chú trọng kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở ngoài công lập, các cơ sở có yếu tố nước ngoài. Xây dựng phương thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với các loại hình giáo dục cộng đồng.

Đổi mới cách tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo theo hướng chú trọng năng lực, chất lượng, hiệu quả công việc thực tế, không quá nặng về bằng cấp, trước hết là trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị. Coi sự chấp nhận của thị trường lao động đối với người học là tiêu chí quan trọng để đánh giá uy tín, chất lượng của cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp và là căn cứ để định hướng phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo và ngành nghề đào tạo.

4. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Trước mắt, ổn định hệ thống giáo dục phổ thông như hiện nay. Đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới hệ thống giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và xu thế phát triển giáo dục của thế giới.

Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Thống nhất tên gọi các trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra. Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp sau trung học phổ thông, liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Tiếp tục sắp xếp, điều chỉnh mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu theo hướng gắn đào tạo với nghiên

cứu khoa học. Thực hiện phân tầng cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng, thực hành. Hoàn thiện mô hình đại học quốc gia, đại học vùng; củng cố và phát triển một số cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo. Tăng tỷ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Hướng tới có loại hình cơ sở giáo dục do cộng đồng đầu tư.

Đa dạng hóa các phương thức đào tạo. Thực hiện đào tạo theo tín chỉ. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại cơ sở sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế để tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

5. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và trách nhiệm quản lý theo ngành, lãnh thổ của các bộ, ngành, địa phương. Phân định công tác quản lý nhà nước với quản trị của cơ sở giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nhất là về chương trình, nội dung và chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài tại Việt Nam. Phát huy vai trò của công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo.

Các cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo địa phương tham gia quyết định về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp.

Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng và quản lý quá trình đào tạo; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra. Xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục, đào tạo.

Đổi mới cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin trong quản lý giáo dục, đào tạo. Thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục, đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước.

Hoàn thiện cơ chế quản lý cơ sở giáo dục, đào tạo có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam; quản lý học sinh, sinh viên Việt Nam đi học nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước và theo hiệp định Nhà nước.

Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường. Thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Tiến tới tất cả các giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm. Giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sỹ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải qua đào tạo về nghiệp vụ quản lý.

Phát triển hệ thống trường sư phạm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; ưu tiên đầu tư xây dựng một số trường sư phạm, trường sư phạm kỹ thuật trọng điểm; khắc phục tình trạng phân tán trong hệ thống các cơ sở đào tạo nhà giáo. Có cơ chế tuyển sinh và cử tuyển riêng

để tuyển chọn được những người có phẩm chất, năng lực phù hợp vào ngành sư phạm.

Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực nghề nghiệp.

Có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phải trên cơ sở đánh giá năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác. Có chế độ ưu đãi và quy định tuổi nghỉ hưu hợp lý đối với nhà giáo có trình độ cao; có cơ chế miễn nhiệm, bố trí công việc khác hoặc kiên quyết đưa ra khỏi ngành đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Có chính sách hỗ trợ giảng viên trẻ về chỗ ở, học tập và nghiên cứu khoa học. Bảo đảm bình đẳng giữa nhà giáo trường công lập và nhà giáo trường ngoài công lập về tôn vinh và cơ hội đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ... Tạo điều kiện để chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy và nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước.

Triển khai các giải pháp, mô hình liên thông, liên kết giữa các cơ sở đào tạo, nhất là các trường đại học với các tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt là các viện nghiên cứu.

7. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách; chú trọng nâng cao hiệu quả sử

dụng vốn ngân sách. Từng bước bảo đảm đủ kinh phí hoạt động chuyên môn cho các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập. Hoàn thiện chính sách học phí.

Đối với giáo dục mầm non và phổ thông, Nhà nước ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở giáo dục công lập và có cơ chế hỗ trợ để bảo đảm từng bước hoàn thành mục tiêu phổ cập theo luật định. Khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao ở khu vực đô thị.

Đối với giáo dục đại học và đào tạo nghề nghiệp, Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng một số trường đại học, ngành đào tạo trọng điểm, trường đại học sư phạm. Thực hiện cơ chế đặt hàng trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo (không phân biệt loại hình cơ sở đào tạo), bảo đảm chi trả tương ứng với chất lượng, phù hợp với ngành nghề và trình độ đào tạo. Minh bạch hóa các hoạt động liên danh, liên kết đào tạo, sử dụng nguồn lực công; bảo đảm sự hài hòa giữa các lợi ích với tích lũy tái đầu tư.

Đẩy mạnh xã hội hóa, trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; khuyến khích liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín. Có chính sách khuyến khích cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục và đào tạo trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của người học, người sử dụng lao động và cơ sở giáo dục, đào tạo. Đối với các ngành đào tạo có khả năng xã hội hóa cao, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và khuyến khích tài năng. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của Nhà nước đối với người học ở trường công lập và trường ngoài công lập. Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay để học. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo học giỏi. Tôn vinh, khen thưởng xứng đáng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia hỗ trợ hoạt động đào tạo. Xây dựng cơ chế, chính sách tài chính phù hợp đối với các loại hình trường. Có cơ chế ưu đãi tín dụng cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Thực hiện định kỳ kiểm toán các cơ sở giáo dục - đào tạo.

Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học; có chính sách hỗ trợ để có mặt bằng xây dựng trường. Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin. Bảo đảm đến năm 2020 số học sinh mỗi lớp không vượt quá quy định của từng cấp học.

Phân định rõ ngân sách chi cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học với ngân sách chi cho cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc hệ thống chính trị và các lực lượng vũ trang. Giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí.

8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

Quan tâm nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý, tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục.

Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm công nghệ cao, cơ sở sản xuất thử nghiệm hiện đại trong một số cơ sở giáo dục đại học. Có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học.

Khuyến khích thành lập viện, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế, phát minh trong các cơ sở đào tạo. Hoàn thiện cơ chế đặt hàng và giao kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các cơ sở giáo dục đại học. Nghiên cứu sáp nhập một số tổ chức nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với các trường đại học công lập.

Ưu tiên nguồn lực, tập trung đầu tư và có cơ chế đặc biệt để phát triển một số trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực sớm đạt trình độ khu vực và quốc tế, đủ năng lực hợp tác và cạnh tranh với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu hàng đầu thế giới.

9. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

Chủ động hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa và thành tựu khoa học, công nghệ của nhân loại. Hoàn thiện cơ chế hợp tác song phương và đa phương, thực hiện các cam kết quốc tế về giáo dục, đào tạo.

Tăng quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước đối với giảng viên các ngành khoa học cơ bản và khoa học mũi nhọn, đặc thù. Khuyến khích việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước. Mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín, chủ yếu trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đồng thời quản lý chặt chẽ chất lượng đào tạo.

Có cơ chế khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Tăng cường giao lưu văn hóa và học thuật quốc tế.

Có chính sách hỗ trợ, quản lý việc học tập và rèn luyện của học sinh, sinh viên Việt Nam đang học ở nước ngoài và tại các cơ sở giáo dục, đào tạo có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

KẾT LUẬN SỐ 51-KL/TW, NGÀY 30/5/2019 CỦA BAN BÍ THƯ
tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

(trích)

Ban Bí thư yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ giữa các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị trong thực hiện Nghị quyết

Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Phải xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả hệ thống chính trị, cần quyết liệt, kiên trì thực hiện.

Kịp thời, đồng bộ thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo; có bước đi thận trọng, chắc chắn trong quá trình tổ chức thực hiện, trước hết xây dựng hướng dẫn thực hiện Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận, tin tưởng của xã hội đối với sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trước hết là việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể định kỳ gặp gỡ, đối thoại, nắm bắt tâm tư, tình cảm, định hướng tư tưởng, giải quyết kịp thời nhu

cầu, nguyện vọng và chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng của đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên.

2. Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; trau dồi lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống tốt đẹp, giáo dục tình yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tích cực, lành mạnh, trách nhiệm và làm việc hiệu quả trong học sinh, sinh viên. Đổi mới, nâng cao chất lượng việc giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá các môn lý luận chính trị, giáo dục công dân, giáo dục lịch sử dân tộc, lịch sử cách mạng và văn hóa trong hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng cấp học. Quản lý chặt chẽ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài. Đặc biệt, chú trọng xây dựng môi trường văn hóa học đường ngày càng tốt đẹp, gắn với tăng cường giáo dục đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Thường xuyên thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam trong việc giáo dục, rèn luyện học sinh, sinh viên.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, xây dựng xã hội học tập

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, hoàn thiện chính sách phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập phù hợp với xu thế chung của thế giới. Ưu tiên đầu tư phát triển đào tạo một số ngành, nghề quan trọng, nhất là đối với những ngành, nghề có tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội, đến hoạch định chính sách phát

triển đất nước. Từng bước phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Xây dựng các tiêu chí, tập trung đầu tư cho một số trường đại học trọng điểm, nhất là các đại học quốc gia và đại học vùng trở thành những cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong khu vực và thế giới.

Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, nhất là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi. Thực hiện tốt chủ trương giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

Xác định các tiêu chí và từng bước xây dựng hệ thống giáo dục mở: Quy hoạch, sắp xếp hệ thống giáo dục gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Sắp xếp hợp lý các cơ sở đào tạo nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng một số trường đại học sư phạm trọng điểm tại các vùng, miền.

Nghiên cứu chuyển đổi mô hình trường trung học phổ thông chuyên, trường dự bị đại học và trường phổ thông dân tộc nội trú phù hợp với điều kiện mới, từng bước bảo đảm sự công bằng, bình đẳng trong giáo dục.

Tuyên truyền, vận động và tổ chức tốt việc học tập suốt đời cho người lớn, phấn đấu mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và gia đình cán bộ, đảng viên trở thành đơn vị học tập, công dân học tập và gia đình học tập. Chú trọng bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với từng lĩnh vực, ngành, nghề và vùng, miền. Chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn và người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới

Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, bảo đảm đủ giáo viên cho từng cấp học, môn

học. Hoàn thiện và thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với giáo viên và sinh viên các trường sư phạm, nhất là về tiền lương nhằm tạo động lực cho giáo viên an tâm công tác, thu hút sinh viên giỏi vào ngành sư phạm.

Biên soạn và triển khai sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, bảo đảm công khai, minh bạch, khoa học, liên thông, thống nhất giữa các môn học, cấp học. Hoàn thiện nội dung và ổn định phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia.

Ưu tiên nguồn tài chính cho giáo dục, bảo đảm đủ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ tốt việc triển khai chương trình và sách giáo khoa mới. Tăng cường đầu tư, phát triển nhanh trường, cụm lớp cho cấp học mầm non; bảo đảm đủ trường, lớp cho học sinh học ngày 2 buổi, nhất là ở vùng khó khăn, trước hết tập trung cho giáo dục mầm non, tiểu học. Tăng cường sử dụng phương tiện, phương pháp dạy học hiện đại.

5. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát; ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong hoạt động giáo dục, đào tạo

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, coi trọng quản lý chất lượng, gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và quản lý tài chính.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, đặc biệt chú trọng công tác quản trị nội bộ, phát huy vai trò; trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục và đào tạo và các địa phương. Phân định rõ công tác quản lý nhà nước với quản trị các cơ sở giáo dục, đào tạo. Tăng cường quản lý các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài và các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài.

Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, Đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng cơ chế thuận lợi, minh bạch để khuyến khích các doanh nghiệp, xã hội và thu hút nguồn lực quốc tế đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là phát triển giáo dục và đào tạo chất lượng cao. Đối với giáo dục phổ

thông, Nhà nước đầu tư phát triển và từng bước thực hiện miễn học phí cho học sinh ở cấp học phổ cập; tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh ở vùng đặc biệt khó khăn. Đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí cho mỗi ngành, nghề, trình độ đào tạo; tập trung đầu tư, hỗ trợ cho những lĩnh vực, ngành, nghề đặc thù, quan trọng và cần thiết mà xã hội không đầu tư; những ngành, nghề khác thực hiện chính sách xã hội hóa. Hỗ trợ kinh phí cho những đối tượng chính sách bằng học bổng hoặc cho vay ưu đãi. Phát triển quỹ khởi nghiệp sáng tạo và quỹ khuyến học, khuyến tài hỗ trợ học sinh, sinh viên. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp và xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; thu hút các nguồn lực quốc tế thông qua hợp tác, liên kết đào tạo.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan chức năng và đoàn thể nhân dân đối với hoạt động giáo dục, đào tạo. Kiên quyết đưa ra khỏi ngành Giáo dục và Đào tạo những giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo không đủ phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ. Ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong việc thi, kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm đúng thực chất, công bằng.

6. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo

Nâng cao hiệu quả đầu tư đối với công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục, gắn kết chặt chẽ nghiên cứu với đào tạo, phục vụ sản xuất, kinh doanh và hợp tác quốc tế; khai thác có hiệu quả các phòng thí nghiệm trọng điểm. Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, các trung tâm nghiên cứu xuất sắc ở một số trường đại học. Có chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp thành lập doanh nghiệp công nghệ, hợp tác với doanh nghiệp để sớm chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn. Thúc đẩy, khuyến khích nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên.

CHỈ THỊ SỐ 11-CT/TW, NGÀY 13/4/2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA X
về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

(trích)

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng tập trung thực hiện một số nội dung cơ bản sau đây:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong Đảng và nhân dân với nhiều hình thức phong phú, để nhận thức rõ về sự cần thiết, tầm quan trọng của việc xây dựng xã hội học tập ở nước ta hiện nay; xác định xây dựng xã hội học tập là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, là mục tiêu cơ bản trong chiến lược chấn hưng và phát triển giáo dục nước ta.

2. Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng xã hội học tập trong phạm vi từng địa phương, đơn vị. Trước mắt rà soát, bổ sung nội dung kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong "Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005 - 2010" mà Chính phủ đã ban hành. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào khuyến học, khuyến tài, góp phần hỗ trợ các sở giáo dục trong giảng dạy và học tập; xây dựng gia đình hiếu học; cộng đồng, dòng họ, cơ quan doanh nghiệp đơn vị khuyến học; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường, thị trấn, phát triển nhiều loại hình học tập đa dạng, phong phú với điều kiện nhu cầu học tập của cán bộ, nhân dân từng địa phương, đơn vị; chú trọng và kịp thời phát hiện, có chính sách cụ thể để bồi dưỡng nhân tài, nhất là tài năng trẻ trên các lĩnh vực.

Vận động nhân dân tích cực học tập nâng cao dân trí, nghề nghiệp chuyên môn nhằm tăng năng lực sản xuất, chất lượng công

việc, nâng cao chất lượng cuộc sống. Gắn việc phát triển phong trào khuyến học, khuyến tài với xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, học đi đôi với hành, với phong trào làm kinh tế giỏi, xóa đói giảm nghèo và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Chỉ đạo nghiên cứu, tổng kết, rút kinh nghiệm và có hình thức khen thưởng, tuyên dương nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả trong việc triển khai thực hiện phong trào khuyến học, xây dựng xã hội học tập ở các địa phương, đơn vị.

4. Củng cố, xây dựng hội khuyến học các cấp vững mạnh, làm nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp với các tổ chức, lực lượng xã hội tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp tích cực, chủ động tổ chức các hoạt động khuyến học, khuyến tài xây dựng xã hội học tập theo tinh thần xã hội hóa giáo dục.

5. Ban cán sự Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình khẩn trương chỉ đạo việc xây dựng, ban hành các chủ trương, chính sách, kế hoạch triển khai thực hiện "Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005 - 2010" của Chính phủ, nhất là các chủ trương chính sách bảo đảm phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên, tổ dạy nghề các quận, huyện, tạo điều kiện hoạt động cho các trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường thị trấn; có biện pháp tích cực, nội dung cụ thể giúp các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa những địa phương có khó khăn trong việc triển khai xây dựng xã hội học tập. Ban hành cơ chế giao cho hội khuyến học các cấp thực hiện nhiệm vụ triển khai phong trào khuyến học, khuyến tài, nghiên cứu xây dựng mô hình xã hội học tập; quan tâm tạo điều kiện thuận lợi về chế độ, chính sách, tổ chức bộ máy, kinh phí hoạt động của hội khuyến học các cấp theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam tăng cường các hoạt động phối hợp thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ của công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Các cơ quan thông tin đại chúng thường

xuyên tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và các cá nhân, tập thể có thành tích trong công tác này.

KẾT LUẬN SỐ 49-KL/TW, NGÀY 10/5/2019 CỦA BAN BÍ THƯ

tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

(trích)

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp tiếp tục quán triệt sâu rộng, thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị số 11-CT/TW; đồng thời quán triệt và tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước

Việc duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập là trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp, trước hết là người đứng đầu. Phát huy và quy định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, gắn với việc đánh giá kết quả công tác hằng năm. Cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW và Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020" của Thủ tướng Chính phủ. Phấn đấu mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và gia đình cán bộ, đảng viên trở thành đơn vị học tập, công dân học tập và gia đình học tập, làm nòng cốt trong việc xây dựng các mô hình học tập trong nhân dân.

2. Đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền

Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng nhằm nâng cao nhận thức về

tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Lồng ghép một số chuyên đề về công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập trong chương trình giáo dục chính trị tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, trung tâm bồi dưỡng chính trị. Phối hợp các lực lượng xã hội, các cơ quan truyền thông để tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia tích cực hơn nữa vào công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; kịp thời biểu dương gương sáng tự học, tự học thành tài để lập thân, lập nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và chất lượng, hiệu quả công việc, góp phần phát triển bền vững gia đình, xã hội, xây dựng đời sống văn hóa mới; tuyên dương và nhân rộng các mô hình hay, phong trào hoạt động tốt về công tác này.

3. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội

Mỗi tổ chức cần có biện pháp phù hợp thúc đẩy việc học tập suốt đời của các thành viên, hội viên trong tổ chức để góp phần cùng với gia đình, dòng họ, thôn bản, tổ dân phố, các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, viện nghiên cứu, bệnh viện, đơn vị lực lượng vũ trang... không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, coi đó là nội dung quan trọng trong cuộc vận động xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Hội Khuyến học tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong liên kết, phối hợp, thúc đẩy phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, xây dựng mô hình "Đơn vị học tập" trong các cơ quan, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu, doanh nghiệp... và trong lực lượng vũ trang.

4. Phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động và đa dạng các mô hình học tập; chú trọng đào tạo từ xa

Củng cố và phát triển các tổ chức Hội Khuyến học ở các cộng đồng dân cư; phát triển tổ chức khuyến học trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu... và trong lực lượng vũ trang, tạo nên phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời sôi nổi rộng khắp trong cả nước, gắn kết các

tiêu chí công nhận mô hình học tập, công dân học tập, gia đình học tập, đơn vị học tập... với việc công nhận các mô hình văn hóa, với các danh hiệu thi đua.

Phát huy, sử dụng có hiệu quả các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường, các thiết chế văn hóa ở cơ sở theo hướng chú trọng các hoạt động học tập; đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người dân.

Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên; giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá trong các cơ sở giáo dục thường xuyên phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Chú trọng phát triển đào tạo từ xa theo hướng coi trọng chất lượng và hiệu quả phù hợp với xu thế phát triển giáo dục trên thế giới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học; hỗ trợ cho người học có thể học từ xa, tự học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học tập suốt đời.

5. Tiếp tục xóa mù chữ cho người lớn, thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

Nâng cao tỉ lệ và chất lượng xóa mù chữ cho người lớn gắn với việc phổ cập nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là đối với người dân tộc thiểu số và phụ nữ. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức học tập, củng cố kết quả xóa mù chữ, chống tái mù để mọi người, mọi lứa tuổi đều có quyền học tập suốt đời phù hợp với điều kiện của mỗi cá nhân, với yêu cầu phát triển của địa phương, đất nước.

Nghiêm túc thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức danh phù hợp với đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị. Khuyến khích cán bộ, công chức cấp xã học ngoại ngữ; cán bộ công tác tại vùng có đông đồng bào dân tộc thì bắt buộc phải biết tiếng dân tộc. Nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, đổi mới chương

trình, tài liệu giảng dạy, nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân, người lao động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ, lao động năng động, sáng tạo trong điều kiện nền kinh tế số hiện nay. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ sở giáo dục nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề và kỹ năng sống cho người lao động.

6. Đổi mới cơ chế tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng công dân học tập, đơn vị học tập và tỉnh, thành phố học tập

Rà soát và bổ sung cơ chế, chính sách về xây dựng xã hội học tập; tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích, tôn vinh các tập thể, cá nhân đóng góp các nguồn lực cho giáo dục và đào tạo, cho công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Các địa phương cần tiếp tục hỗ trợ kinh phí để củng cố, phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng cấp xã; tạo thuận lợi cho các trung tâm học tập cộng đồng tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, đào tạo nghề, xây dựng xã hội học tập thực sự hiệu quả.

Từng bước tổ chức xây dựng mô hình "Đơn vị học tập" ở cấp quận, huyện, ở cơ quan, đơn vị; mô hình "Tỉnh học tập", "Thành phố học tập", "Công dân học tập" theo các tiêu chí được Chính phủ phê duyệt. Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Bổ sung, hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với những tài năng trẻ trong học sinh, sinh viên để đào tạo, bồi dưỡng nhân tài nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành của đất nước.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là đối với Tổ chức Văn hóa, Khoa học, Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO); nghiên cứu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế, các cơ quan nghiên cứu quốc tế về công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập. Chủ động,

tích cực tham gia mạng lưới "Thành phố học tập" do UNESCO điều hành.

Mở rộng, tăng cường liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo của nước ngoài có uy tín, đồng thời quản lý chặt chẽ chất lượng đào tạo. Khuyến khích việc học và nghiên cứu ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước. Vận động đội ngũ trí thức tài năng là người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp với hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập.

CHỈ THỊ SỐ 10-CT/TW, NGÀY 05/12/2011 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XI

về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Nâng cao trình độ dân trí một cách toàn diện, mở rộng giáo dục mầm non, hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và trung học cơ sở với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, tiến tới phổ cập giáo dục trung học ở những nơi có điều kiện; cơ bản xóa mù chữ và ngăn chặn tái mù chữ ở người lớn; đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở đi đôi với phát triển mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phổ thông gắn với dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- Năm 2015, huy động 80% trẻ từ 3 đến 5 tuổi vào học mẫu giáo; phấn đấu cả nước hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Năm 2020, huy động được 99,7% trẻ 6 tuổi vào học lớp 1, tỉ lệ lưu ban và bỏ học ở tiểu học dưới 0,5%. 100% đơn vị cấp tỉnh, 100% đơn vị cấp huyện và 99,5% đơn vị cấp xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi theo quy định của Chính phủ. Tỉ lệ trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 99,8%; tỉ lệ lưu ban và bỏ học ở bậc trung học cơ sở dưới 1%; phấn đấu có ít nhất 30% học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề, xóa mù chữ cho 1 triệu người từ 36 tuổi đến hết tuổi lao động.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Bổ sung và hoàn thiện chính sách, bảo đảm các điều kiện cần thiết hỗ trợ bậc mầm non phát triển bền vững; nâng dần tỉ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi được học mẫu giáo, thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày; hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi vào năm 2015.

2. Tiếp tục củng cố vững chắc và phát triển kết quả phổ cập giáo dục đã đạt được; hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi ở những huyện, xã chưa đạt chuẩn; từng bước tiến hành phổ cập giáo dục trung học ở những nơi có điều kiện theo quy định của Chính phủ.

3. Nhà nước tăng cường hỗ trợ giúp các địa phương đẩy mạnh công tác xóa mù chữ cho những người trong độ tuổi lao động, giảm tỉ lệ người tái mù chữ ở người lớn, nhất là Tây Nguyên, đồng bằng Sông Cửu Long và miền núi phía Bắc, người lao động tự do ở các tỉnh, thành phố lớn.

4. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở theo hướng tăng nhanh tỉ lệ học sinh vào học ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề. Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học nghề; hỗ trợ các trung tâm giáo dục thường xuyên dạy bổ túc văn hóa trung học phổ thông gắn với dạy nghề; có cơ chế khuyến khích các cơ sở tuyển dụng học sinh sau

trung học cơ sở qua đào tạo nghề; tạo điều kiện thuận lợi để học sinh được học liên thông lên các cấp học cao hơn.

5. Tập trung nguồn lực phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Có những giải pháp tích cực để nâng cao trình độ tiếng Việt, giảm tỉ lệ lưu ban và bỏ học đối với học sinh ở những vùng khó khăn, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số.

6. Tiếp tục nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của các trường sư phạm; đổi mới chính sách thu hút học sinh giỏi vào các trường sư phạm nhằm bảo đảm đủ số lượng và không ngừng nâng cao chất lượng, bảo đảm chuẩn hóa về trình độ đội ngũ giáo viên.

7. Hoàn thiện chế độ, chính sách đãi ngộ đối với giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Hoàn thiện chính sách thu hút giáo viên công tác tại vùng đặc biệt khó khăn và giáo viên dạy bổ túc văn hóa trung học phổ thông cho cơ sở dạy nghề và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

8. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phục vụ thiết thực công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt chương trình đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề; đồng thời tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác phổ cập giáo dục. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động, kịp thời biểu dương người tốt, việc tốt và những địa phương làm tốt công tác phổ cập giáo dục; phối hợp liên ngành, phát huy kết quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để bảo đảm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

THÔNG TRI SỐ 14-TT/TU, NGÀY 24/7/2019 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY thực hiện Kết luận số 51-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể, các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ giữa các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Chương trình hành động số 20-CTr/TU, ngày 24/4/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW. Xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả hệ thống chính trị, cần quyết liệt, kiên trì thực hiện. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận, tin tưởng của xã hội đối với sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trước hết là việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể định kỳ gặp gỡ, đối thoại, nắm bắt tâm tư, tình cảm, định hướng tư tưởng, nhằm giải quyết kịp thời nhu cầu, nguyện vọng và chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên.

2. Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về *đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* trong hệ thống giáo dục quốc dân và Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 28/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030*.

Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa học đường ngày càng tốt đẹp, gắn với tăng cường giáo dục về đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Thường xuyên thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam tỉnh Khánh Hòa trong việc giáo dục, rèn luyện học sinh.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở; xây dựng xã hội học tập

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, hoàn thiện chính sách phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập phù hợp với xu thế chung của khu vực và trong nước. Phát triển quy mô, cơ cấu giáo dục hợp lý, đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và tạo cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân. Chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn và người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Rà soát, quy hoạch, sắp xếp lại toàn bộ hệ thống các cơ sở đào tạo, dạy nghề sao cho hợp lý, có kế hoạch đồng bộ, tránh tình trạng thiếu kiểm soát trong tuyển sinh. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, dự báo, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho từng ngành

nghề của tỉnh dựa vào nhu cầu phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh và Chiến lược biển Việt Nam. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học. Ưu tiên đầu tư một số ngành nghề quan trọng, nhất là đối với những ngành, nghề có tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn. Tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch có chất lượng cao. Triển khai chính sách xã hội hóa hoạt động giáo dục nghề nghiệp tạo mối liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp sử dụng lao động.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới

Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo, bảo đảm đủ giáo viên cho từng cấp học, môn học. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với giáo viên nhằm tạo động lực cho giáo viên an tâm công tác.

Ưu tiên nguồn tài chính cho giáo dục, bảo đảm kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ tốt việc triển khai chương trình và sách giáo khoa mới. Tăng cường đầu tư, bảo đảm đủ điều kiện cho học sinh học ngày 02 buổi, nhất là ở vùng khó khăn, trước hết tập trung cho giáo dục mầm non, tiểu học. Tăng cường sử dụng phương tiện, phương pháp dạy học hiện đại.

5. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát; ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong hoạt động giáo dục và đào tạo

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, chú trọng quản lý chất lượng, gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và quản lý tài chính. Đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường phân cấp, phân quyền, đặc biệt chú trọng công tác quản trị nội bộ,

phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục - đào tạo và các địa phương. Phân định rõ công tác quản lý nhà nước với quản trị các cơ sở giáo dục - đào tạo. Tăng cường quản lý cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài và các chương trình liên kết đào tạo nước ngoài.

Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng cơ chế thuận lợi, minh bạch để thu hút các nguồn lực đầu tư giáo dục và đào tạo chất lượng cao. Thu hút các nguồn lực quốc tế thông qua hợp tác, liên kết đào tạo. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh ở vùng khó khăn; đối tượng thuộc diện chính sách. Phát triển quỹ khởi nghiệp sáng tạo và quỹ khuyến học, khuyến tài hỗ trợ học sinh, sinh viên.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng và đoàn thể nhân dân đối với hoạt động giáo dục - đào tạo. Kiên quyết đưa ra khỏi ngành Giáo dục và Đào tạo những giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục - đào tạo không đủ phẩm chất, năng lực. Tổ chức quản lý tốt việc dạy và học, các kỳ thi; xử lý nghiêm các sai phạm nhằm đánh giá đúng chất lượng giáo dục, bảo đảm đúng thực chất, công bằng.

6. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo

Nâng cao hiệu quả đầu tư đối với công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục, gắn kết chặt chẽ nghiên cứu với đào tạo, phục vụ sản xuất, kinh doanh và hợp tác quốc tế. Có chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, giáo dục nghề nghiệp thành lập doanh nghiệp công nghệ, hợp tác với doanh nghiệp để sớm chuyển giao công nghệ và kết quả ứng dụng vào thực tiễn. Thúc đẩy, khuyến khích nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên.

THÔNG TRI SỐ 13-TT/TU, NGÀY 16/7/2019 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành và hội khuyến học thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Quán triệt, thực hiện Kết luận số 49-KL/TW, ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về *đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng Đảng. Tiếp tục thực hiện các giải pháp trong Báo cáo số 125-BC/TU, ngày 25/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, trong đó chú trọng các nguồn lực để thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2013 - 2020" của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, thường xuyên nhằm duy trì và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, trước hết là trách nhiệm của người đứng đầu. Phát huy và quy định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong thực hiện Chỉ thị 11, gắn với đánh giá kết quả công tác hàng năm.

Cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị 11 và Kế hoạch thực hiện Đề

án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2013 - 2020" trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu mỗi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và gia đình cán bộ, đảng viên trở thành đơn vị học tập, công dân học tập và gia đình học tập, làm nòng cốt trong việc xây dựng các mô hình học tập trong nhân dân.

3. Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Lồng ghép một số chuyên đề về công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập trong chương trình giáo dục chính trị tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, trung tâm bồi dưỡng chính trị. Phối hợp các lực lượng xã hội, cơ quan truyền thông để tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia tích cực hơn nữa vào công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; kịp thời biểu dương gương sáng tự học, tự học thành tài để lập thân, lập nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và chất lượng, hiệu quả công việc, góp phần phát triển bền vững gia đình, xã hội, xây dựng đời sống văn hóa mới; tuyên dương và nhân rộng các mô hình hay, phong trào hoạt động tốt về công tác này.

4. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội. Mỗi tổ chức cần có biện pháp phù hợp thúc đẩy việc học tập suốt đời của các thành viên, hội viên trong tổ chức để góp phần cùng với gia đình, dòng họ, thôn bản, tổ dân phố, các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, đơn vị lực lượng vũ trang… không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, xem đây là nội dung quan trọng trong Cuộc vận động xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Hội khuyến học các cấp tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong liên kết, phối hợp, thúc đẩy phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, xây dựng mô hình "Đơn

vị học tập" trong các cơ quan, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang.

5. Củng cố, kiện toàn tổ chức, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hội khuyến học các cấp và các trung tâm học tập cộng đồng; phát triển tổ chức khuyến học trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện và trong lực lượng vũ trang, tạo phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời sôi nổi và rộng khắp trong toàn tỉnh. Các trung tâm học tập cộng đồng và ngành Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện đầy đủ, chính xác việc điều tra, cập nhật nhu cầu học tập của nhân dân để xây dựng chương trình và hình thức hoạt động phù hợp với yêu cầu thực tiễn của từng giai đoạn. Phấn đấu đến năm 2020 đạt 100% trường học có hội khuyến học; 80% cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang có ban khuyến học; 60% dân số trong tỉnh là hội viên hội khuyến học.

6. Tiếp tục triển khai xóa mù chữ cho người lớn, thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Thực hiện nghiêm túc chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức danh phù hợp với đặc điểm của địa phương, cơ quan, đơn vị. Nâng cao tỷ lệ và chất lượng xóa mù chữ cho người lớn gắn với việc phổ cập nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là đối với người dân tộc thiểu số và phụ nữ. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã về chuyên môn, nghiệp vụ, bình quân hàng năm bồi dưỡng trên 1.500 lượt cán bộ, công chức xã; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2020 đạt 60%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có việc làm đến năm 2020 trên 80%. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức học tập, củng cố kết quả xóa mù chữ, chống tái mù để mọi người, mọi lứa tuổi đều có quyền học tập suốt đời phù hợp với điều kiện của mỗi cá nhân, yêu cầu phát triển của từng đơn vị, địa phương.

Nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, phải đổi mới chương trình, tài liệu giảng dạy, nâng cao trình độ đội ngũ

giảng viên. Đẩy mạnh ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 vào quá trình dạy và học; hỗ trợ cho người học có thể học từ xa, tự học, tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân, người lao động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ, lao động năng động, sáng tạo trong điều kiện nền kinh tế số hiện nay.

7. Đổi mới cơ chế tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng công dân học tập, đơn vị học tập. Rà soát và bổ sung cơ chế, chính sách về xây dựng xã hội học tập; tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích, tôn vinh các tập thể, cá nhân đóng góp các nguồn lực cho giáo dục và đào tạo, cho công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Các đơn vị, địa phương cần quan tâm hỗ trợ kinh phí để củng cố, phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng cấp xã; tạo thuận lợi cho các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả, bền vững, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, thực hiện chủ trương của tỉnh về "khuyến học, khuyến tài, khuyến nghề" góp phần đáng kể trong việc đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn toàn tỉnh.

KẾ HOẠCH SỐ 31-KH/TU, NGÀY 03/5/2012 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tổ chức quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với công tác phổ cập giáo dục; phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn; không ngừng nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn mới.

2. Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, đúng tiến độ Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; củng cố vững chắc kết quả xóa mù chữ cho người lớn, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xây dựng kế hoạch và các giải pháp thực hiện đạt cơ bản các tiêu chí của phổ cập giáo dục trung học giai đoạn 2011 - 2015.

3. Xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở theo hướng tăng nhanh tỉ lệ học sinh vào học ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề. Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học nghề; hỗ trợ các trung tâm giáo dục thường xuyên dạy bổ túc văn hóa trung học phổ thông gắn với dạy nghề; có cơ chế khuyến khích các cơ sở tuyển dụng học sinh sau trung học cơ sở qua đào tạo nghề; tạo điều kiện thuận lợi để học sinh được học liên thông lên các cấp học cao hơn.

4. Tăng cường hỗ trợ đẩy mạnh công tác xóa mù chữ cho những người trong độ tuổi lao động còn mù chữ, giảm tỉ lệ tái mù chữ ở người lớn; tập trung nguồn lực phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục; có những giải pháp tích cực để nâng cao trình độ tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, giảm tỉ lệ lưu ban và bỏ học đối với học sinh, nhất là học sinh hai huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, các xã miền núi, xã ven biển, hải đảo trong tỉnh; quan tâm đến việc quy hoạch mạng lưới trường

học phù hợp với tính đặc thù của từng vùng, từng khu vực… sao cho học sinh đi học gần và thuận lợi nhất; xây dựng, điều chỉnh các chế độ, chính sách hỗ trợ học sinh cho phù hợp; tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nhân dân trong việc đưa con em đến trường, tạo điều kiện cho trẻ học tập đạt kết quả tốt.

5. Xây dựng chế độ, chính sách đãi ngộ đối với giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; có chính sách thu hút giáo viên đến công tác tại vùng khó khăn, miền núi, hải đảo, giáo viên dạy bổ túc văn hóa trung học phổ thông cho cơ sở dạy nghề và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

6. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phục vụ thiết thực công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt chương trình đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề; đồng thời, tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác phổ cập giáo dục. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để các tổ chức và mọi người dân tích cực, chủ động tham gia có hiệu quả các hoạt động xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Kịp thời biểu dương người tốt, việc tốt và những địa phương làm tốt công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở; phối hợp liên ngành, phát huy kết quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để bảo đảm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn.

LĨNH VỰC Y TẾ

A. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW, NGÀY 25/10/2017 CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 6 KHÓA XII
về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế "Thầy thuốc phải như mẹ hiền", có năng lực chuyên môn vững vàng, tiếp cận trình độ quốc tế. Nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi sản xuất, cung ứng dược phẩm, dịch vụ y tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025:

- Tuổi thọ trung bình khoảng 74,5 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 67 năm.

- Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số. Tỉ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho y tế giảm còn 35%.

- Tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 95% với 12 loại vắc xin. Giảm tỉ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi còn 18,5‰; dưới 1 tuổi còn 12,5‰.

- Tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 20%. Tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 12%. Chiều cao

trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 167 cm, nữ 156 cm.

- Phấn đấu trên 90% dân số được quản lý sức khỏe; 95% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

- Đạt 30 giường bệnh viện, 10 bác sĩ, 2,8 dược sĩ đại học, 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỉ lệ giường bệnh tư nhân đạt 10%.

- Tỉ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 80%.

Đến năm 2030:

- Tuổi thọ trung bình khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm.

- Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số. Tỉ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho chăm sóc y tế giảm còn 30%.

- Bảo đảm tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95% với 14 loại vắc xin. Giảm tỉ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi còn 15‰; dưới 1 tuổi còn 10‰.

- Tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 15%; khống chế tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 10%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ 157,5 cm.

- Phấn đấu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

- Đạt 32 giường bệnh viện, 11 bác sĩ, 3,0 dược sĩ đại học, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỉ lệ giường bệnh tư nhân đạt 15%.

- Tỉ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 90%.

- Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và của toàn xã hội trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu. Thống nhất nhận thức, quyết tâm hành động của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho bản thân, gia đình, cộng đồng.

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về y tế và các lĩnh vực ảnh hưởng đến sức khỏe như môi trường, thể dục, thể thao, văn hóa… vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chế độ, chính sách về y tế và các lĩnh vực liên quan tới sức khỏe.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và của cả cộng đồng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, trước hết là trong bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, rèn luyện thân thể, xây dựng nếp sống văn minh, tham gia bảo hiểm y tế toàn dân và thực hiện các quy định về phòng dịch, phòng và chữa bệnh.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, các phong trào thi đua, các cuộc vận động có các nội dung, tiêu chí liên quan tới công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân, tạo các điều kiện thuận lợi để huy động các tổ chức xã hội, tôn giáo tham gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Nâng cao sức khỏe nhân dân

- Tập trung nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, đề cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mỗi người dân; xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe và tầm vóc người Việt Nam. Quan tâm các điều

kiện để mỗi người dân được bảo vệ, nâng cao sức khỏe, đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi, hải đảo.

- Khuyến nghị, phổ biến chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng, nguồn nguyên liệu, khẩu vị của người Việt. Các sản phẩm, thực phẩm đóng gói phải có đầy đủ thông tin về thành phần, năng lượng, cảnh báo về sức khỏe trên bao bì. Triển khai các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi.

- Khẩn trương hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc.

- Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm tiêu thụ rượu, bia, thuốc lá.

- Đổi mới căn bản giáo dục thể chất, tâm lý, tăng số môn tập luyện tự chọn trong nhà trường, kết hợp chặt chẽ với tập luyện ngoài nhà trường. Phát triển mạnh các phong trào rèn luyện thân thể. Tăng cường công tác y tế học đường.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu tới sức khỏe. Tập trung nguồn lực xây dựng, nâng cấp các hệ thống cấp thoát nước; bảo đảm người dân được tiếp cận sử dụng nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh; xử lý chất thải; khắc phục ô nhiễm các dòng sông, các cơ sở sản xuất. Tăng cường cải tạo, hạn chế san lấp hệ thống kênh rạch, hồ ao; chống lạm dụng hóa chất trong nuôi trồng.

- Phát huy hiệu quả các thiết chế, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao. Tăng cường tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, vệ sinh; xóa bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống thảm họa, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động; phòng, chống tai nạn, thương tích, cháy, nổ, bệnh nghề nghiệp.

3. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở

- Bảo đảm an ninh y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp. Tăng nguồn lực trong nước cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng. Tăng số vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng phù hợp với khả năng ngân sách.

- Phát triển y học gia đình. Triển khai đồng bộ các hoạt động phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; chú trọng dự phòng, nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật; đẩy mạnh quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mãn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở. Đẩy mạnh kết hợp quân - dân y, y tế ở vùng biên giới, hải đảo. Kết nối y tế cơ sở với các phòng khám tư nhân, phòng chẩn trị đông y.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế.

- Thiết lập hệ thống sổ sức khỏe điện tử đến từng người dân. Thực hiện cập nhật các thông tin, chỉ số sức khỏe khi đi khám sức khỏe, chữa bệnh. Có cơ chế, lộ trình phù hợp, từng bước thực hiện để tiến tới mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ.

- Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, đặc biệt là ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, người bị ảnh hưởng bởi hậu quả của chiến tranh và các đối tượng ưu tiên; phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi phù hợp.

4. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện

- Phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng

hoàn chỉnh ở từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bên cạnh hệ thống bệnh viện thuộc lực lượng vũ trang; tăng cường phối hợp quân - dân y.

- Hoàn thiện hệ thống phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị thống nhất trong cả nước. Ban hành tiêu chí đánh giá, thực hiện kiểm định độc lập, xếp hạng bệnh viện theo chất lượng phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Thực hiện lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh; lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm, giữa các cơ sở khám, chữa bệnh gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ và có chính sách khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ ngay tại tuyến dưới.

- Phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh; tăng cường đào tạo, luân phiên cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Ban hành danh mục dịch vụ kỹ thuật các tuyến phải có đủ năng lực thực hiện, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến.

- Xây dựng và thực hiện chương trình phát triển y học cổ truyền, tăng cường kết hợp với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, nâng cao sức khỏe.

- Phát triển đồng bộ, tạo môi trường bình đẳng cả về hỗ trợ, chuyển giao chuyên môn kỹ thuật giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công và tư.

- Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

- Tập trung đẩy nhanh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin từ quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế, bệnh án điện tử tới chẩn đoán, xét nghiệm, khám, chữa bệnh từ xa.

- Tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách. Phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; triển khai các mô hình tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng nơi để bảo đảm dịch vụ khám, chữa bệnh cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

5. Đẩy mạnh phát triển ngành Dược và thiết bị y tế

- Bảo đảm thuốc đủ về số lượng, tốt về chất lượng, giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh, phục hồi chức năng, khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước.

- Tăng cường đấu thầu tập trung, giảm giá thuốc, thiết bị, hóa chất, vật tư y tế, bảo đảm công khai, minh bạch. Hoàn thiện cơ chế đầu tư, mua sắm và kiểm soát chặt chẽ chất lượng, chống thất thoát, lãng phí.

- Quản lý chặt chẽ nhập khẩu thuốc. Củng cố hệ thống phân phối thuốc, bảo đảm kỷ cương pháp luật, hiệu quả, chuyên nghiệp. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về quyền phân phối thuốc, không để các doanh nghiệp không được phép nhưng vẫn thực hiện phân phối thuốc trá hình. Tập trung quản lý hệ thống bán buôn, bán lẻ, các nhà thuốc trong và ngoài bệnh viện. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để truy xuất nguồn gốc thuốc, chấn chỉnh tình trạng bán thuốc không theo đơn. Ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện kết nối mạng, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá cả thuốc được mua vào, bán ra ở mỗi nhà thuốc trên toàn quốc.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất thuốc, vắc xin. Đầu tư đủ nguồn lực để làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin thế hệ mới, vắc xin tích hợp nhiều loại trong một, cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêm chủng mở rộng trong nước, tiến tới xuất khẩu. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất thuốc, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị, vật tư y tế, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị dược phẩm trong khu vực và trên thế giới.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, kiểm nghiệm, chứng minh tác dụng của các phương thức chẩn trị, điều trị không dùng thuốc, các bài thuốc, vị thuốc y học cổ truyền. Hỗ trợ phát hiện, đăng ký, công nhận sở hữu trí tuệ và thương mại hóa các bài thuốc y học cổ truyền; tôn vinh và bảo đảm quyền lợi của các danh y.

- Có chính sách đặc thù trong phát triển dược liệu, nhất là các dược liệu quý hiếm; ưu tiên đầu tư và tập trung phát triển các vùng chuyên canh, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu.

- Đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, sản xuất kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng giả, kém chất lượng. Kiểm soát chặt chẽ thực phẩm chức năng và hàng hóa có nguy cơ gây hại cho sức khỏe. Tăng cường kiểm soát chất lượng dược liệu ngoại nhập; giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn dược liệu của nước ngoài.

6. Phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế

- Đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu cả về y đức và chuyên môn trong điều kiện chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Khẩn trương hoàn thiện các quy định pháp luật và triển khai khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, khung trình độ quốc gia trong đào tạo nhân lực y tế, phát huy trách nhiệm, vai trò các bệnh viện trong đào tạo, phát triển bệnh viện đại học.

- Thành lập hội đồng y khoa quốc gia, tổ chức thi, cấp chứng chỉ hành nghề có thời hạn phù hợp thông lệ quốc tế. Thí điểm giao cho cơ quan độc lập tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến, phát triển đội ngũ cán bộ chuyên ngành thiết bị y tế. Có cơ chế giao trách nhiệm, tôn vinh các bệnh viện, viện nghiên cứu, các bác sĩ, nhà khoa học tham gia đào tạo nhân lực y tế.

- Thực hiện đãi ngộ xứng đáng đối với cán bộ y tế. Xác định bậc lương khởi điểm phù hợp với thời gian đào tạo. Có các chính sách đủ mạnh để khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong...

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

7. Đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất xuyên suốt về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành từ Trung ương tới địa phương trong phạm vi cả nước, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

- Tiếp tục sắp xếp các trung tâm, đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh và Trung ương, hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật thế giới.

- Sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành hệ thống cơ quan kiểm soát dược phẩm và thực phẩm, thiết bị y tế phù hợp, hội nhập quốc tế.

- Tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên môn. Tổ chức hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Phát triển mạnh hệ thống cấp cứu tại cộng đồng và trước khi vào bệnh viện.

- Về cơ bản, các bộ (trừ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an), các cơ quan ngang bộ không chủ quản các bệnh viện; Bộ Y tế chỉ chủ quản một số rất ít bệnh viện đầu ngành. Tập trung hoàn thiện bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh trước khi thành lập mới các bệnh viện chuyên khoa ở cấp tỉnh. Điều chỉnh, sắp xếp các bệnh viện, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi về mặt địa lý. Thí điểm hình thành chuỗi các bệnh viện. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho người dân.

8. Đổi mới mạnh mẽ tài chính y tế

- Tăng cường đầu tư và đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước trong lĩnh vực y tế để có nguồn lực triển khai toàn diện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là đối với các đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, biên giới, hải đảo.

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng.

- Tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hóa có hại cho sức khỏe như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng.

- Thực hiện nguyên tắc y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu. Khám, chữa bệnh do bảo hiểm y tế và người dân chi trả. Chăm sóc sức khỏe ban đầu do bảo hiểm y tế, người dân và ngân sách nhà nước cùng chi trả; bảo hiểm y tế đối với người lao động phải do người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng góp; ngân sách nhà nước bảo đảm đối với một số đối tượng chính sách. Ban hành "Gói dịch vụ y tế cơ bản do bảo hiểm y tế chi trả" phù hợp với khả năng chi trả của quỹ bảo hiểm y tế và "Gói dịch vụ y tế cơ bản do Nhà nước chi trả" phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước; đồng thời huy động các nguồn lực để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe người dân.

- Ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. Có cơ chế giá dịch vụ và cơ chế đồng chi trả phù hợp nhằm khuyến khích người dân khám, chữa bệnh ở tuyến dưới và các cơ sở y tế ở tuyến trên tập trung cung cấp các dịch vụ mà tuyến dưới chưa bảo đảm được.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch. Áp dụng mô

hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như quản trị doanh nghiệp. Có chính sách ưu đãi về đất, tín dụng… để khuyến khích các cơ sở y tế đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, kể cả của người có thu nhập cao, người nước ngoài.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế (kể cả trong chăm sóc sức khỏe ban đầu), tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Các cơ sở y tế, cơ sở chăm sóc người cao tuổi hoạt động không vì lợi nhuận được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường quản lý nhà nước, xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm phòng, chống, ngăn chặn và chấm dứt tình trạng lợi dụng chủ trương xã hội hóa để lạm dụng các nguồn lực công phục vụ các "nhóm lợi ích", tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế.

- Từng bước chuyển chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người tham gia bảo hiểm y tế gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế. Nâng cao hiệu quả quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo. Đẩy mạnh phương thức nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng và thực hiện cơ chế giá gắn với chất lượng dịch vụ, khuyến khích sử dụng dịch vụ y tế ở tuyến dưới.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Điều chỉnh mức đóng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, thu nhập của người dân và chất lượng dịch vụ. Đa dạng các gói bảo hiểm y tế. Tăng cường liên kết, hợp tác giữa bảo hiểm y tế xã hội với bảo hiểm y tế thương mại. Nâng cao năng lực, chất lượng giám định bảo hiểm y tế bảo đảm khách quan, minh bạch. Thực hiện các giải pháp đồng bộ chống lạm dụng, trục lợi, bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm y tế và quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, cơ sở y tế.

9. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các nước, các tổ chức quốc tế. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực y dược.

- Chủ động đàm phán và thực hiện có hiệu quả các hiệp định hợp tác song phương và đa phương về y tế. Tích cực tham gia xây dựng các chính sách, giải quyết các vấn đề y tế khu vực và toàn cầu, nâng cao vai trò, vị thế quốc tế của y học Việt Nam. Tăng cường quảng bá, đưa y dược cổ truyền Việt Nam ra các nước trên thế giới.

- Hài hòa hóa các thủ tục, quy trình với ASEAN và thế giới về y tế. Tăng cường xây dựng và áp dụng các chuẩn mực y tế trong nước theo hướng cập nhật với thế giới và khu vực. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về sức khỏe; hoàn thành trước thời hạn một số mục tiêu.

CHỈ THỊ SỐ 24-CT/TW, NGÀY 04/7/2008 CỦA BAN BÍ THƯ KHÓA X
về phát triển nền Đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới

(trích)

Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quán triệt và thực hiện tốt những nội dung sau đây:

1. Quan điểm chỉ đạo

- Phát triển nền đông y Việt Nam vì mục tiêu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là trách nhiệm các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn xã hội.

- Phát triển nền đông y Việt Nam là góp phần bảo tồn bản sắc,

phát huy và phát triển một bộ phận văn hóa của dân tộc Việt Nam, thể hiện tinh thần độc lập và tự cường của dân tộc Việt Nam.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tăng cường ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, giữ gìn tính đặc thù của nền đông y Việt Nam, đưa nền đông y Việt Nam thành một ngành khoa học mạnh, góp phần tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ đông y.

- Phát triển nền đông y Việt Nam theo nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa đông y và tây y trên tất cả các khâu: Tổ chức, đào tạo, kế thừa, nghiên cứu, áp dụng vào phòng bệnh và khám, chữa bệnh, nuôi trồng dược liệu, bảo tồn các cây, con quý hiếm làm thuốc, sản xuất thuốc; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động đông y.

- Củng cố, phát triển Hội Đông y Việt Nam là thực hiện công tác dân vận của Đảng và góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Hội Đông y Việt Nam và các tổ chức thành viên là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự chủ, năng động và sáng tạo, đại diện hợp pháp về quyền lợi và trách nhiệm của những người hành nghề đông y. Hội Đông y có vai trò nòng cốt trong phát triển nền đông y Việt Nam.

2. Mục tiêu phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam

2.1. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn và phát triển đông y; kết hợp đông y với tây y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; xây dựng nền y dược học Việt Nam hiện đại, khoa học, dân tộc và đại chúng, ngang tầm khu vực và thế giới; từng bước quảng bá nền đông y Việt Nam ra nước ngoài.

2.2. Hoàn thiện hệ thống tổ chức chuyên ngành đông y từ Trung ương đến địa phương; tiếp tục triển khai thực hiện "chính sách quốc gia về y dược học cổ truyền đến năm 2010" và những năm tiếp theo. Xây dựng đội ngũ thầy thuốc đông y đông đảo về số lượng, giỏi về chuyên môn và trong sáng về y đức, đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành.

2.3. Củng cố tổ chức, phát triển hội viên, đẩy mạnh hoạt động của Hội Đông y Việt Nam và các tổ chức thành viên ở các cấp để Hội thực sự đóng vai trò nòng cốt trong sự nghiệp phát triển nền

đông y Việt Nam, góp phần đắc lực vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Nâng cao nhận thức về vai trò của đông y, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc phát triển nền đông y Việt Nam.

3.2. Tiếp tục kiện toàn hệ thống khám, chữa bệnh bằng đông y và quản lý nhà nước về đông y, đông dược từ Trung ương đến cơ sở. Xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý giữa các ngành và các cấp trong nhiệm vụ phát triển nền đông y và Hội Đông y Việt Nam.

3.3. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng cơ chế, chính sách và những quy định cụ thể để thực hiện việc kết hợp giữa Đông y và Tây y một cách hài hòa và hiệu quả. Cần có chính sách đặc thù trong bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để các lương y chuyển giao những bài thuốc hay, cây thuốc quý và những kinh nghiệm phòng, chữa bệnh bằng đông y, khuyến khích truyền nghề cho thế hệ sau. Xây dựng các chế tài để xử lý nghiêm đối với những trường hợp hành nghề đông y, đông dược trái pháp luật.

3.4. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống mã ngành đào tạo thầy thuốc đông y, kể cả lương y, lương dược ở các bậc học khác nhau; tăng cường đầu tư, hoàn thiện hệ thống các cơ sở đào tạo, bao gồm trường đại học, trung học và dạy nghề đông y theo quy định của pháp luật, chú trọng đào tạo chuyên gia đầu ngành.

3.5. Xây dựng quy hoạch tổng thể vùng chuyên nuôi trồng dược liệu; đẩy mạnh nghiên cứu, điều tra, bảo tồn nguồn quỹ gen về dược liệu Việt Nam, xác định nhu cầu sử dụng dược liệu phục vụ công tác khám, chữa bệnh và xuất khẩu. Kết hợp chặt chẽ giữa việc khuyến khích "trồng cây thuốc tại vườn, tại nhà" với việc hình thành các vùng chuyên nuôi trồng, chế biến cây, con làm thuốc theo hướng công nghiệp.

3.6. Ưu tiên đầu tư và có chính sách đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Chú trọng việc giữ gìn bản sắc truyền thống và tính đặc thù của nền đông y Việt Nam từ kế thừa,

bảo tồn, nuôi trồng, khai thác, chế biến dược liệu đến các phương pháp khám, chữa bệnh.

3.7. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thành lập các cơ sở khám chữa bệnh, đào tạo nhân lực, sản xuất kinh doanh thuốc đông y, phát triển các vùng dược liệu; sớm xây dựng các tập đoàn đông dược đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.

3.8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh, nuôi trồng, chế biến dược liệu và trao đổi chuyên gia về đông y.

3.9. Tăng cường vai trò nòng cốt của Hội Đông y trong phát triển nền đông y Việt Nam.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN SỐ 154-TB/TW, NGÀY 20/02/2014 CỦA BAN BÍ THƯ
về 5 năm thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW của Ban Bí thư khóa X về phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y trong tình hình mới

(trích)

Ban Bí thư yêu cầu tập trung thực hiện một số nội dung sau:

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai Chỉ thị nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí của nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Cần xác định chỉ tiêu phát triển đông y trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.

2. Sớm khắc phục các hạn chế, yếu kém, vướng mắc trong phát triển nền đông y Việt Nam và hoạt động của Hội Đông y. Tăng cường đầu tư và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đông y, nhất là việc kết hợp đông y với y học hiện đại cho các cơ sở y tế tuyến huyện và tuyến xã. Xác định và triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong công tác quản lý nhà nước, của ngành Y tế đối với sự

bảo tồn, phát triển nền đông y. Trong đó, nhiệm vụ quan trọng là đẩy mạnh thực hiện Luật Sở hữu trí tuệ, công nhận bản quyền các bài thuốc gia truyền, phương pháp chữa bệnh gia truyền trên cơ sở phân tích, chứng minh khoa học. Sớm xây dựng chiến lược phát triển thuốc nam, nhất là các cây, con làm thuốc quý hiếm. Có cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế và tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho hoạt động nuôi trồng các cây, con làm thuốc, chế biến dược liệu.

3. Khuyến khích mọi người dân và các tổ chức tham gia tích cực vào hoạt động phát triển nền đông y để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ngay tại cộng đồng. Quan tâm việc thành lập, nâng cao chất lượng, các phòng khám, chẩn trị đông y, trung tâm nghiên cứu, triển khai ứng dụng, kết hợp y học hiện đại với đông y.

4. Công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y, dược cần quán triệt sâu sắc quan điểm kết hợp chặt chẽ giữa đông y với y học hiện đại. Xây dựng và thực hiện chuẩn đầu ra đối với học sinh, sinh viên được đào tạo về lĩnh vực này.

CHỈ THỊ SỐ 08-CT/TW, NGÀY 21/10/2011 CỦA BAN BÍ THƯ KHÓA XI
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới

(trích)

Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể nhân dân, các hiệp hội ngành nghề thực phẩm quán triệt tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an toàn thực phẩm

Các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn bộ hệ thống chính trị phải chú trọng đến việc quán triệt sâu sắc, nâng cao nhận thức của nhân dân về tầm quan trọng của an toàn thực phẩm đối với

đời sống xã hội, đến sức khỏe con người, sự phát triển giống nòi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mọi người dân có quyền được sử dụng thực phẩm an toàn và có nghĩa vụ bảo đảm an toàn thực phẩm. An toàn thực phẩm là trách nhiệm và uy tín của từng đơn vị sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Thường xuyên chú trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, vận động toàn dân tự giác thực hiện các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm để góp phần không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; đưa các tiêu chí về an toàn thực phẩm vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Nâng cao năng lực và chất lượng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

Chú trọng việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, tổ chức thực hiện đồng bộ hiệu quả các chính sách và pháp luật về an toàn thực phẩm. Sớm ban hành chiến lược quốc gia về an toàn thực phẩm đến năm 2020 và đẩy nhanh việc hướng dẫn thực hiện Luật An toàn thực phẩm và các quy chuẩn về an toàn thực phẩm; nghiên cứu phát hiện, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các quy định liên quan cho phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế; phân định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương.

Tăng cường kiểm tra và giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm. Kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm. Củng cố tổ chức, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

3. Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến thực sự về hành vi an toàn thực phẩm, đẩy mạnh xã hội hóa công tác an toàn thực phẩm

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng chủ động phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu

rộng Luật An toàn thực phẩm thông qua các hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với trình độ dân trí từng đối tượng, từng vùng, nhất là người dân sống ở các khu vực nông thôn, miền núi. Phát động phong trào rộng khắp và duy trì việc thực hiện các tiêu chí về an toàn thực phẩm gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", tạo sự chuyển biến căn bản trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng hàng hóa bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Các tổ chức xã hội, các hiệp hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng chủ động tham gia tư vấn, hướng dẫn áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật liên quan đến an toàn thực phẩm cho các cơ sở nuôi trồng, sản xuất, chế biến, vận chuyển, kinh doanh thực phẩm.

KẾT LUẬN SỐ 11-KL/TW, NGÀY 19/01/2017 CỦA BAN BÍ THƯ

về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới

(trích)

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW; đồng thời quán triệt, thực hiện tốt các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp sau:

1. An toàn thực phẩm có tầm quan trọng sống còn đối với sức khỏe, hạnh phúc của từng người dân, giống nòi dân tộc và sự phát triển đất nước ta; trở thành thách thức an ninh phi truyền thống.

Phấn đấu sớm đạt mục tiêu: Tất cả thực phẩm được sản xuất, kinh doanh, lưu thông và tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam đều là thực phẩm an toàn.

Bảo đảm an toàn thực phẩm là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, vừa cấp bách, vừa lâu dài của toàn Đảng, toàn dân và

toàn quân, của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, trước hết là của người đứng đầu; là chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm ở các cấp. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền từ Trung ương đến cơ sở phải kiên trì, kiên quyết lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Toàn hệ thống chính trị và toàn dân, nhất là đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp và từng hộ gia đình, từng người dân cần chủ động, sáng tạo, tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ này.

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn; đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân các cấp và các phương tiện truyền thông để bảo đảm an toàn thực phẩm ở tất cả các khâu từ sản xuất, kinh doanh, chế biến đến tiêu dùng.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội, của doanh nghiệp, của nhân dân về an toàn thực phẩm, về các chủ trương, chính sách, pháp luật và những kiến thức cần thiết về an toàn thực phẩm; khơi dậy và phát huy tính trung thực, đạo đức kinh doanh, ý thức trách nhiệm vì cộng đồng của từng doanh nghiệp, từng doanh nhân, từng hộ gia đình và từng người dân để bảo đảm an toàn thực phẩm, nhất là trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân, các hiệp hội và hội nghề nghiệp trong công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về an toàn thực phẩm.

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân, các đài phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các báo, đài khác có kênh, chương trình truyền thông chuyên đề, chuyên mục về an toàn thực phẩm theo hướng đa dạng, hấp dẫn, có sức thuyết phục, phù hợp trình độ, nhu cầu của người dân ở từng vùng, miền; biểu dương các điển hình tiên tiến trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn; đẩy mạnh quảng bá các thương hiệu mạnh của quốc gia về an toàn thực phẩm; công bố tên, địa chỉ những doanh nghiệp, hộ

kinh doanh, sản phẩm hàng hóa vi phạm an toàn thực phẩm.

Xử lý nghiêm minh theo pháp luật những tổ chức, cá nhân đưa tin sai sự thật, không chính xác về an toàn thực phẩm, tác động tiêu cực đến sản xuất, kinh doanh và niềm tin của nhân dân về thực phẩm an toàn ở nước ta.

3. Tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế, trước hết là với các nước láng giềng để bảo đảm an toàn thực phẩm; kiểm soát chặt chẽ hóa chất bảo vệ thực vật, các chất cấm trong sản xuất thực phẩm và thực phẩm nhập khẩu vào Việt Nam, nhất là qua đường tiểu ngạch.

Đẩy mạnh việc ký kết các điều ước, thỏa thuận quốc tế về công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực thực phẩm để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa thực phẩm Việt Nam vào các nước có quy định tiêu chuẩn kỹ thuật cao.

4. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Ban cán sự đảng Chính phủ sớm chỉ đạo tổng kết việc thi hành Luật An toàn thực phẩm để trình Quốc hội sửa đổi, ban hành Luật mới cho phù hợp; trên cơ sở đó, chỉ đạo nghiên cứu đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; đồng thời chỉ đạo hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp để bảo đảm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm theo tiêu chí tiên tiến thế giới.

Tăng cường, phân định rõ trách nhiệm của các ngành chức năng từ Trung ương đến cơ sở trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát các khâu sản xuất, chế biến, nhập khẩu thực phẩm trước khi đưa vào lưu thông và tiêu dùng; đồng thời có những biện pháp phù hợp, kiên quyết để phòng, chống nạn hàng giả, hàng kém chất lượng và hàng nhái đang lưu thông trên thị trường. Bổ sung các chế tài cần thiết, bảo đảm xử phạt nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm an toàn thực phẩm.

Các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có trách nhiệm cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin về an toàn thực phẩm, về các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm an toàn thực phẩm để công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

5. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật khuyến khích phát triển nền nông nghiệp hữu cơ, xanh và sạch; khuyến khích đầu tư sản xuất, chế biến thực phẩm với quy mô lớn theo chuỗi sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm; đổi mới công nghệ sản xuất thực phẩm, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng thương hiệu, phát triển hệ thống cung cấp thực phẩm an toàn.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, tham gia xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm nghiệm và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật bảo đảm an toàn thực phẩm.

NGHỊ QUYẾT SỐ 28-NQ/TW, NGÀY 23/5/2018 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XII
về cải cách chính sách Bảo hiểm xã hội

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội để bảo hiểm xã hội thực sự là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và

phát triển hệ thống thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, tin cậy và minh bạch.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn đến năm 2021:

Phấn đấu đạt khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 1% lực lượng lao động trong độ tuổi; khoảng 28% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; có khoảng 45% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; tỉ lệ giao dịch điện tử đạt 100%; thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; giảm số giờ giao dịch giữa cơ quan bảo hiểm xã hội với doanh nghiệp đạt mức ASEAN 4; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 80%.

Giai đoạn đến năm 2025:

Phấn đấu đạt khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 2,5% lực lượng lao động trong độ tuổi; khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; có khoảng 55% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 85%.

Giai đoạn đến năm 2030:

Phấn đấu đạt khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 5% lực lượng lao động trong độ tuổi; khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 90%.

II. NỘI DUNG CẢI CÁCH

Thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách để mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân; bảo đảm cân đối Quỹ bảo hiểm xã hội trong dài hạn, điều chỉnh lương hưu độc lập tương đối trong mối tương quan với tiền lương của người đang làm việc, thay đổi cách thức điều chỉnh lương hưu theo hướng chia sẻ.

1. Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng

- *Trợ cấp hưu trí xã hội:* Ngân sách nhà nước cung cấp một khoản trợ cấp cho người cao tuổi không có lương hưu, hoặc bảo hiểm xã hội hằng tháng. Có chính sách huy động các nguồn lực xã hội đóng thêm để các đối tượng này có mức hưởng cao hơn; điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội phù hợp với khả năng của ngân sách.

- *Bảo hiểm xã hội cơ bản, bao gồm bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện:* Bảo hiểm xã hội bắt buộc (với các chế độ hưu trí, tử tuất, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ốm đau, thai sản, thất nghiệp) dựa trên đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động. Bảo hiểm xã hội tự nguyện (với các chế độ hưu trí, tử tuất hiện nay, từng bước mở rộng sang các chế độ khác) dựa trên đóng góp của người lao động không có quan hệ lao động; có sự hỗ trợ phù hợp từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người có thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức để mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động đối với việc tự bảo đảm an sinh cho bản thân. Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội theo lộ trình điều chỉnh tăng tuổi nghỉ hưu phù hợp từng thời kỳ.

- *Bảo hiểm hưu trí bổ sung* là chế độ hưu trí tự nguyện theo nguyên tắc thị trường, tạo điều kiện cho người sử dụng lao động và người lao động có thêm sự lựa chọn tham gia đóng góp để được hưởng mức lương hưu cao hơn.

2. Sửa đổi quy định về điều kiện thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tối thiểu để hưởng chế độ hưu trí theo hướng linh hoạt đồng thời với việc điều chỉnh cách tính lương hưu theo

nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc sang các nhóm đối tượng khác

Sửa đổi điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo hướng giảm dần số năm đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng chế độ hưu trí từ 20 năm xuống 15 năm, hướng tới còn 10 năm với mức hưởng được tính toán phù hợp nhằm tạo điều kiện cho người lao động cao tuổi, có số năm tham gia bảo hiểm xã hội thấp được tiếp cận và thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện cách tính lương hưu, bảo đảm công bằng giữa nam và nữ, giữa khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước, kết hợp hài hòa các nguyên tắc đóng - hưởng và chia sẻ giữa người có mức lương cao với người có mức lương thấp để thu hẹp khoảng cách về thu nhập trong các đối tượng hưởng chế độ hưu trí. Rà soát, mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với các nhóm chủ hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương, người lao động làm việc theo chế độ linh hoạt.

3. Tăng cường sự liên kết, hỗ trợ giữa các chính sách bảo hiểm xã hội cũng như tính linh hoạt của các chính sách nhằm đạt được mục tiêu mở rộng diện bao phủ

Nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, chú trọng không chỉ các giải pháp xử lý hậu quả thông qua việc chi trả trợ cấp thất nghiệp, đào tạo đáp ứng yêu cầu của công việc mới, giới thiệu việc làm mà cần chú ý thoả đáng đến các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng thất nghiệp thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm cho người lao động. Nghiên cứu thiết kế các gói bảo hiểm xã hội tự nguyện ngắn hạn linh hoạt để người lao động có nhiều sự lựa chọn tham gia và thụ hưởng. Mở rộng các chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện, tạo điều kiện chuyển đổi thuận lợi giữa bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm xã hội bắt buộc, hướng tới chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với toàn bộ người lao động có việc làm, có thu nhập và tiền lương khi có đủ điều kiện cần thiết.

4. Cải cách trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách nhằm củng cố niềm tin, tăng mức độ hài lòng của người tham gia vào hệ thống bảo hiểm xã hội

Xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội bảo đảm sự công bằng, không phân biệt đối xử giữa các nhóm đối tượng tham gia; tăng cường sự chia sẻ giữa các nhóm đối tượng thụ hưởng nhằm khắc phục bất hợp lý, chênh lệch quá lớn về mức hưởng. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục đăng ký, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xã hội theo hướng thân thiện, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

5. Đẩy nhanh quá trình gia tăng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội trong khu vực phi chính thức

Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu thiết kế các gói bảo hiểm xã hội ngắn hạn với mức đóng, mức hưởng, phương thức giao dịch phù hợp với người lao động trong khu vực phi chính thức.

6. Sửa đổi, khắc phục các bất hợp lý về chế độ bảo hiểm hưu trí hiện nay theo hướng linh hoạt hơn về điều kiện hưởng chế độ hưu trí, chặt chẽ hơn trong quy định hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần, tăng tuổi nghỉ hưu bình quân thực tế của người lao động

Có quy định phù hợp để giảm tình trạng hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo hướng tăng quyền lợi nếu bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ hưu trí, giảm quyền lợi nếu hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

Sửa đổi các quy định để khuyến khích người lao động tham gia bảo hiểm xã hội thời gian dài hơn, từng bước tăng tuổi nghỉ hưu bình quân, tăng tỉ lệ giảm trừ tiền lương hưu đối với người lao động muốn nhận chế độ hưu trí sớm.

7. Thực hiện điều chỉnh tăng tuổi nghỉ hưu theo lộ trình

Điều chỉnh tuổi nghỉ hưu cần có tầm nhìn dài hạn và có lộ trình phù hợp với tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, thất nghiệp; không gây tác động tiêu cực đến thị trường lao động; bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu dân số; bình đẳng giới; cân đối Quỹ bảo hiểm xã hội trong dài hạn; xu hướng già hóa dân số; tính chất, loại hình lao động và giữa các ngành nghề, lĩnh vực.

Từ năm 2021, thực hiện điều chỉnh tuổi nghỉ hưu theo mục tiêu tăng tuổi nghỉ hưu chung, thu hẹp dần khoảng cách về giới trong quy định tuổi nghỉ hưu; đối với những ngành nghề đặc biệt, người lao động được quyền nghỉ hưu sớm, hoặc muộn hơn 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu chung.

8. Sửa đổi các quy định về mức đóng, căn cứ đóng bảo hiểm xã hội để đạt mục tiêu mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội

Sửa đổi quy định về căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của khu vực doanh nghiệp ít nhất bằng khoảng 70% tổng tiền lương và các khoản thu nhập khác có tính chất lương của người lao động để khắc phục tình trạng trốn đóng, đóng không đủ bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng đến khả năng cân đối Quỹ bảo hiểm xã hội và quyền lợi của người lao động.

Nghiên cứu điều chỉnh tỉ lệ đóng vào Quỹ bảo hiểm xã hội theo hướng hài hòa quyền lợi giữa người sử dụng lao động và người lao động.

9. Điều chỉnh tỉ lệ tích lũy để đạt tỉ lệ hưởng lương hưu tối đa phù hợp với thông lệ quốc tế

Sửa đổi cách tính lương hưu theo hướng giảm tỉ lệ tích lũy, bảo đảm khả năng cân đối quỹ hưu trí trong dài hạn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Có lộ trình điều chỉnh kéo dài thời gian tham gia bảo hiểm xã hội thực tế, bảo vệ quyền lợi của người hưởng chế độ hưu trí theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng và chia sẻ phù hợp.

10. Đa dạng hóa danh mục, cơ cấu đầu tư Quỹ bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc an toàn, bền vững, hiệu quả

Tăng cường công tác đánh giá, dự báo tài chính, hiệu quả đầu

tư các quỹ bảo hiểm xã hội; đa dạng hóa danh mục, cơ cấu đầu tư Quỹ bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc an toàn, bền vững và hiệu quả; ưu tiên đầu tư vào trái phiếu chính phủ, nhất là trái phiếu chính phủ dài hạn; nghiên cứu từng bước mở rộng sang các lĩnh vực có khả năng sinh lời cao, từng bước và có lộ trình đầu tư một phần tiền nhàn rỗi của Quỹ thông qua ủy thác đầu tư tại thị trường trong nước và quốc tế bảo đảm an toàn, bền vững.

11. Thực hiện điều chỉnh lương hưu độc lập tương đối trong mối tương quan với tiền lương của người đang làm việc, thay đổi cách thức điều chỉnh lương hưu theo hướng chia sẻ

Thực hiện điều chỉnh trợ cấp hưu trí xã hội theo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; lương hưu cơ bản được điều chỉnh chủ yếu dựa trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng, khả năng của Quỹ bảo hiểm xã hội và ngân sách nhà nước; quan tâm điều chỉnh thỏa đáng đối với nhóm đối tượng có mức lương hưu thấp và nghỉ hưu trước năm 1995 nhằm thu hẹp khoảng cách chênh lệch lương hưu giữa người nghỉ hưu ở các thời kỳ.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chính sách bảo hiểm xã hội

Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền; đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội để cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu rõ sự cần thiết, lợi ích, vai trò, ý nghĩa và những nội dung cơ bản của cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đối với bảo đảm an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội.

2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội

Thể chế hóa các chủ trương và hoàn thiện pháp luật, chính sách về bảo hiểm xã hội phải kết hợp với hoàn thiện pháp luật, chính sách về chế độ tiền lương, việc làm, chính sách người có công với

cách mạng và các chính sách, pháp luật trong các lĩnh vực có liên quan khác.

Sửa đổi, bổ sung pháp luật về bảo hiểm xã hội theo hướng tiến tới thực hiện bảo hiểm xã hội toàn dân; thiết kế hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng; hoàn thiện các quy định về đóng - hưởng bảo hiểm xã hội, bảo đảm các nguyên tắc công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Rà soát, sửa đổi các quy định về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, gắn với việc đẩy mạnh đàm phán, ký kết hiệp định song phương về bảo hiểm xã hội.

Sửa đổi, bổ sung chính sách bảo hiểm thất nghiệp, chính sách việc làm theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động duy trì việc làm, bảo đảm quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp và người lao động, khắc phục tình trạng gian lận, trục lợi bảo hiểm thất nghiệp. Có quy định cụ thể và cơ chế quản lý chặt chẽ việc đầu tư Quỹ bảo hiểm xã hội, bảo đảm việc đầu tư Quỹ bảo hiểm xã hội an toàn, bền vững, hiệu quả.

Hoàn thiện các chế tài xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, nhất là đối với các hành vi trốn đóng, nợ đóng, trục lợi bảo hiểm xã hội theo hướng cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội và cơ quan quản lý Quỹ bảo hiểm xã hội có thẩm quyền xử phạt các doanh nghiệp trốn đóng, nợ đóng, gian lận, trục lợi bảo hiểm xã hội; đồng thời, các doanh nghiệp và người lao động có quyền khiếu nại, hoặc khởi kiện cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý Quỹ bảo hiểm xã hội nếu phát hiện có sai phạm trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội

Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, nhất là trong việc hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo hiểm xã hội. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và địa phương trong

lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Nâng cao tính tuân thủ pháp luật về bảo hiểm xã hội thông qua thực hiện đồng bộ các biện pháp hành chính, kinh tế, tư pháp để tăng số người tham gia bảo hiểm xã hội, đi đôi với chú trọng tăng số người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội, đặc biệt là chế độ hưu trí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm, nhất là các hành vi trốn đóng, nợ đóng, gian lận, trục lợi tiền bảo hiểm xã hội.

Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để đẩy mạnh việc phân cấp cho các cơ quan bảo hiểm xã hội; thực hiện giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội cho các địa phương; phân định rõ quản lý nhà nước với quản trị bộ máy tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội.

Tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, thuế, lao động để nâng cao hiệu quả quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội và thực thi chính sách bảo hiểm xã hội. Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về bảo hiểm xã hội. Xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội, bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chất lượng cung ứng dịch vụ của cơ quan bảo hiểm xã hội.

4. Nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

Hoàn thiện bộ máy tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội. Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và thông tin báo cáo về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tất cả các lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; hoàn thiện, đẩy mạnh kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với các hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan nhằm phục vụ tốt công tác thực hiện chính sách và công tác nghiên cứu, hoạch định chính sách. Tiếp tục hiện đại hóa quản lý bảo hiểm xã hội, đầu tư phát triển công nghệ và phương pháp quản lý tiên tiến trong tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Kịp thời ngăn chặn tình trạng gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Triển khai có hiệu quả các chính sách bảo hiểm thất nghiệp, phát huy đầy đủ các chức năng của bảo hiểm thất nghiệp, bảo đảm bảo hiểm thất nghiệp thực sự là công cụ quản trị thị trường lao động. Chi phí tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp lấy từ nguồn Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, không lấy từ ngân sách nhà nước. Có cơ chế tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, nhất là trong bối cảnh thị trường lao động biến động nhanh chóng và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang làm biến đổi cấu trúc của thị trường lao động.

5. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt trong phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

CHỈ THỊ SỐ 07-CT/TW, NGÀY 06/7/2021 CỦA BAN BÍ THƯ KHÓA XIII
về tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống HIV/AIDS, tiến tới chấm dứt dịch bệnh AIDS tại Việt Nam trước năm 2030

(trích)

Để tiến tới chấm dứt dịch bệnh AIDS tại Việt Nam trước năm 2030 theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Ban Bí thư yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp quan tâm thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục quán triệt, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống HIV/AIDS; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống HIV/AIDS từ Trung ương đến địa phương. Xác định công tác phòng, chống HIV/AIDS là một nội dung trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị; là một tiêu chí để đánh giá hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, đảng viên trong xây dựng tổ dân phố, thôn, bản, gia đình văn hóa. Rà soát, bổ sung chương trình, quy chế, kế hoạch phối hợp liên ngành trong phòng, chống HIV/AIDS theo hướng đồng bộ, thống nhất với công tác phòng, chống ma túy, mại dâm.

2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống HIV/AIDS nhằm tác động hiệu quả tới mọi đối tượng, cộng đồng dân cư, từng gia đình, từng người dân, nhất là thanh, thiếu niên và nhóm người có nguy cơ cao lây nhiễm HIV. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền chống kỳ thị, phân biệt đối xử liên quan đến HIV/AIDS. Kịp thời biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp cho công tác phòng, chống HIV/AIDS. Lồng ghép, phối hợp hiệu quả các

hoạt động phòng, chống HIV/AIDS với các chương trình phát triển kinh tế, xã hội và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng gia đình văn hóa, tổ dân phố, thôn, bản văn hóa, cuộc vận động "Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"...

3. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS bảo đảm phù hợp thực tế và đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan. Ban hành cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi để tăng cường sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong xã hội cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS. Nâng mức đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác phòng, chống HIV/AIDS; mở rộng chi trả từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế cho các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS; huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn viện trợ quốc tế; bảo đảm cung ứng kịp thời và đầy đủ thuốc, sinh phẩm, trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác phòng, chống HIV/AIDS. Tiếp tục triển khai chính sách trợ cấp xã hội cho trẻ em bị nhiễm HIV, người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

4. Tập trung triển khai rộng rãi, linh hoạt và hiệu quả các giải pháp chuyên môn trong phòng, chống HIV/AIDS. Tăng cường các giải pháp can thiệp giảm tác hại và phòng ngừa lây nhiễm HIV, chú trọng nhóm đối tượng ưu tiên. Nâng cao chất lượng điều trị người nghiện ma túy; đa dạng các mô hình điều trị nghiện ma túy, cấp phát thuốc tại tuyến cơ sở; triển khai điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV cho các nhóm nguy cơ cao. Chủ động theo dõi, giám sát và dự báo kịp thời tình hình dịch HIV/AIDS; triển khai nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, các sáng kiến mới trong phòng, chống HIV/AIDS. Ưu tiên triển khai hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại các địa bàn có nguy cơ lây nhiễm HIV cao, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở bảo trợ xã hội, các cơ sở giam giữ, khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đa dạng hóa dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV tại cơ sở y tế, cộng đồng và tự xét nghiệm HIV. Đẩy mạnh việc kết nối các dịch vụ, từ dự phòng, tư vấn, xét nghiệm đến điều trị HIV/AIDS và các hỗ trợ xã hội cần thiết khác. Huy động sự tham gia của y tế

tư nhân trong điều trị HIV/AIDS; phân cấp điều trị HIV/AIDS về tuyến y tế cơ sở; mở rộng chăm sóc người bệnh HIV/AIDS tại nhà và cộng đồng.

5. Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban quốc gia, ban chỉ đạo các địa phương về phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm. Tăng cường tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho đội ngũ làm công tác phòng, chống HIV/AIDS các tuyến. Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực cho công tác phòng, chống HIV/AIDS từ Trung ương đến địa phương.

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 21-CTr/TU, NGÀY 12/12/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế; bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có năng lực chuyên môn vững vàng, tiếp cận trình độ quốc tế. Nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi sản xuất, cung ứng dược phẩm, dịch vụ y tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2020: (Thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2015 - 2020):

- Đạt 08 bác sĩ và 32 giường bệnh công lập trên 10.000 dân (không kể giường y tế xã).

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) dưới 9%.

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2020 đạt từ 90% trở lên.

b) Giai đoạn 2020 - 2025: Duy trì các chỉ tiêu đạt được của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2015 - 2020; đồng thời, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu Nghị quyết số 20-NQ/TW, cụ thể:

- Tuổi thọ trung bình khoảng 74,5 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 67 năm.

- Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số. Tỉ lệ chi trực tiếp từ tiền cá nhân của hộ gia đình cho y tế giảm còn 35%.

- Tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 95% với 12 loại vắc xin. Giảm tỉ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi dưới 18,5‰; dưới 1 tuổi dưới 12,5‰.

- Tỉ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 20%. Tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 12%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 167 cm, nữ 156 cm.

- Phấn đấu trên 90% dân số được quản lý sức khỏe; 95% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

- Đạt 32 giường bệnh viện, 10 bác sĩ, 2,8 dược sĩ đại học, 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỉ lệ giường bệnh tư nhân đạt 10%.

- Tỉ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 80%.

c) Đến năm 2030:

- Tuổi thọ trung bình khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm.

- Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số. Tỉ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho chăm sóc y tế giảm còn 30%.

- Bảo đảm tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95% với 14 loại vắc xin. Giảm tỉ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi dưới 15‰; dưới 1 tuổi dưới 10‰.

- Khống chế tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 10%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ 157,5 cm.

- Phấn đấu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

- Đạt 32 giường bệnh viện, 11 bác sĩ, 3,0 dược sĩ đại học, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỉ lệ giường bệnh tư nhân đạt 15%.

- Tỉ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 90%.

- Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và của toàn xã hội trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

- Cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu. Thống nhất nhận thức, quyết tâm hành động của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho bản thân, gia đình, cộng đồng.

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về y tế và các lĩnh vực ảnh hưởng đến sức khỏe như môi trường, thể dục, thể thao, văn hóa… vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chế độ, chính sách về y tế và các lĩnh vực liên quan tới sức khỏe.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

các đoàn thể và của cả cộng đồng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, trước hết là trong bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, rèn luyện thân thể, xây dựng nếp sống văn minh, tham gia bảo hiểm y tế toàn dân và thực hiện các quy định về phòng dịch, phòng bệnh và chữa bệnh.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, các phong trào thi đua, các cuộc vận động có các nội dung, tiêu chí liên quan tới công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân, tạo các điều kiện thuận lợi để huy động các tổ chức xã hội, tôn giáo tham gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Nâng cao sức khỏe nhân dân

- Tập trung nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, đề cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mỗi người dân; xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe và tầm vóc người dân; tạo điều kiện để mỗi người dân trong tỉnh được bảo vệ, nâng cao sức khỏe, đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi, hải đảo.

- Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc. Các sản phẩm, thực phẩm đóng gói phải có đầy đủ thông tin về thành phần, năng lượng, cảnh báo về sức khỏe trên bao bì. Triển khai các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi.

- Đổi mới căn bản giáo dục thể chất, tâm lý, tăng số môn tập luyện tự chọn trong nhà trường, kết hợp chặt chẽ với tập luyện ngoài nhà trường. Phát triển mạnh các phong trào rèn luyện thân thể. Tăng cường công tác y tế học đường.

- Tập trung nguồn lực xây dựng, nâng cấp các hệ thống cấp thoát nước; bảo đảm người dân được tiếp cận sử dụng nước sạch,

nhà tiêu hợp vệ sinh; xử lý chất thải; khắc phục ô nhiễm các dòng sông, các cơ sở sản xuất. Tăng cường cải tạo, hạn chế san lấp hệ thống kênh rạch, hồ ao; chống lạm dụng hóa chất trong nuôi trồng.

- Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm tiêu thụ rượu, bia, thuốc lá. Phát huy hiệu quả các thiết chế, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao. Tăng cường tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, vệ sinh; xóa bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

3. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở

- Bảo đảm an ninh y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp. Tăng cường huy động nguồn lực cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng. Tăng số vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng phù hợp với khả năng ngân sách.

- Phát triển y học gia đình. Triển khai đồng bộ các hoạt động phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; chú trọng dự phòng, nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật; đẩy mạnh quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở. Đẩy mạnh kết hợp quân - dân y, y tế ở vùng hải đảo. Kết nối y tế cơ sở với các phòng khám tư nhân, phòng chẩn trị đông y.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế.

- Thiết lập hệ thống sổ sức khỏe điện tử đến từng người dân. Thực hiện cập nhật các thông tin, chỉ số sức khỏe khi đi khám sức khỏe, chữa bệnh. Có cơ chế, lộ trình phù hợp, từng bước thực hiện

để tiến tới mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ.

- Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, đặc biệt là ở khu vực miền núi, vùng khó khăn, hải đảo. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, người bị ảnh hưởng bởi hậu quả của chiến tranh và các đối tượng ưu tiên; phát triển các mô hình chăm sóc người cao tuổi phù hợp.

4. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện

- Phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh trên địa bàn tỉnh bên cạnh hệ thống bệnh viện thuộc lực lượng vũ trang; tăng cường phối hợp quân - dân y. Thực hiện hệ thống phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị thống nhất; triển khai Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện, xếp hạng bệnh viện theo chất lượng phù hợp với quy định của Bộ Y tế.

- Thực hiện lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh; lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm, giữa các cơ sở khám, chữa bệnh gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ và có chính sách khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ ngay tại tuyến dưới. Triển khai Đề án bệnh viện vệ tinh; tăng cường đào tạo, luân phiên cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Ban hành danh mục dịch vụ kỹ thuật các tuyến phải có đủ năng lực thực hiện, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển ngành Y tế tỉnh Khánh Hòa đã được UBND tỉnh phê duyệt như: Xây dựng Bệnh viện Đa khoa Nha Trang, Bệnh viện Ung bướu,… Xây dựng và thực hiện chương trình phát triển y học cổ truyền, tăng cường kết hợp với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, nâng cao sức khỏe.

- Phát triển đồng bộ, tạo môi trường bình đẳng cả về hỗ trợ, chuyển giao chuyên môn kỹ thuật giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công và tư. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức;

xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

- Đẩy nhanh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin từ quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế, bệnh án điện tử tới chẩn đoán, xét nghiệm, khám, chữa bệnh từ xa. Tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách; triển khai các mô hình tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng nơi để bảo đảm dịch vụ khám, chữa bệnh cho người dân vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

5. Đẩy mạnh phát triển ngành dược và thiết bị y tế

- Bảo đảm thuốc đủ về số lượng, tốt về chất lượng, giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh, phục hồi chức năng; khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước. Tăng cường đấu thầu tập trung, giảm giá thuốc, thiết bị, hóa chất, vật tư y tế, bảo đảm công khai, minh bạch. Triển khai thực hiện đầu tư, mua sắm và kiểm soát chặt chẽ chất lượng, chống thất thoát, lãng phí theo đúng quy định.

- Quản lý chặt chẽ, củng cố hệ thống phân phối thuốc, bảo đảm kỷ cương pháp luật, hiệu quả. Tập trung quản lý hệ thống bán buôn, bán lẻ, các nhà thuốc trong và ngoài bệnh viện. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để truy xuất nguồn gốc thuốc, chấn chỉnh tình trạng bán thuốc không theo đơn. Ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện kết nối mạng, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá cả thuốc được mua vào, bán ra ở mỗi nhà thuốc trên toàn tỉnh.

- Hỗ trợ phát hiện, đăng ký, công nhận sở hữu trí tuệ và thương mại hóa các bài thuốc y học cổ truyền; tôn vinh và bảo đảm quyền lợi của các danh y. Có chính sách đặc thù trong phát triển dược liệu, nhất là các dược liệu quý hiếm; ưu tiên đầu tư và tập trung hình thành, phát triển các chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu.

- Đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, sản xuất kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng giả, kém chất lượng. Kiểm soát chặt chẽ thực phẩm chức năng và hàng hóa có nguy cơ gây hại cho sức khỏe.

6. Phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế

- Xây dựng Kế hoạch và tổ chức đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu cả về y đức và chuyên môn; phát huy trách nhiệm, vai trò các bệnh viện trong đào tạo, phát triển nhân lực y tế.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến, phát triển đội ngũ cán bộ chuyên ngành thiết bị y tế. Có cơ chế giao trách nhiệm, tôn vinh các bệnh viện, các bác sĩ, nhà khoa học tham gia đào tạo nhân lực y tế.

- Xây dựng chế độ thu hút, đãi ngộ xứng đáng đối với cán bộ y tế, đặc biệt là bác sỹ. Có các chính sách khuyến khích, đãi ngộ người có trình độ chuyên môn cao, chuyên gia làm việc tại các cơ sở y tế và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong,...

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

7. Đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất xuyên suốt về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành từ tuyến tỉnh tới tuyến xã; đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

- Tiếp tục sắp xếp các trung tâm, đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh, thành lập trung tâm kiểm soát dịch bệnh tuyến tỉnh. Tiếp tục hoàn thiện đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm, thiết bị y tế phù hợp, hội nhập quốc tế.

- Tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên

môn. Tổ chức hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Phát triển mạnh hệ thống cấp cứu tại cộng đồng và trước khi vào bệnh viện.

- Điều chỉnh, sắp xếp các bệnh viện, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi về mặt địa lý. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho người dân.

8. Đổi mới mạnh mẽ tài chính y tế

- Tăng cường đầu tư nguồn lực để triển khai toàn diện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là đối với các đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, hải đảo. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng.

- Triển khai thực hiện thu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hóa có hại cho sức khỏe như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng theo quy định hiện hành.

- Thực hiện nguyên tắc y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu. Khám, chữa bệnh do bảo hiểm y tế và người dân chi trả. Chăm sóc sức khỏe ban đầu do bảo hiểm y tế, người dân và ngân sách nhà nước cùng chi trả; bảo hiểm y tế đối với người lao động phải do người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng góp; ngân sách nhà nước bảo đảm đối với một số đối tượng chính sách, đồng thời huy động các nguồn lực để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe người dân.

- Ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. Khuyến khích người dân khám, chữa bệnh ở tuyến dưới và các cơ sở y tế ở tuyến trên tập trung cung cấp các dịch vụ mà tuyến dưới chưa bảo đảm được theo đúng quy định.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh thực hiện tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch. Áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như quản trị doanh nghiệp. Có chính sách ưu đãi về đất, tín dụng,… để khuyến khích các cơ sở y tế đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, kể cả của người có thu nhập cao, người nước ngoài.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế (kể cả trong chăm sóc sức khỏe ban đầu), tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Các cơ sở y tế, cơ sở chăm sóc người cao tuổi hoạt động không vì lợi nhuận được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường quản lý nhà nước, xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm phòng, chống, ngăn chặn và chấm dứt tình trạng lợi dụng chủ trương xã hội hóa để lạm dụng các nguồn lực công phục vụ các "nhóm lợi ích", tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế.

- Từng bước chuyển chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người tham gia bảo hiểm y tế gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế. Nâng cao hiệu quả quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo. Đẩy mạnh phương thức nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng và thực hiện cơ chế giá gắn với chất lượng dịch vụ, khuyến khích sử dụng dịch vụ y tế ở tuyến dưới.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Nâng cao năng lực, chất lượng giám định bảo hiểm y tế bảo đảm khách quan, minh bạch. Thực hiện các giải pháp đồng bộ chống lạm dụng, trục lợi, bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm y tế và quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, cơ sở y tế.

9. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các tổ chức quốc tế; tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực y dược. Triển khai các thủ tục, quy trình về y tế với ASEAN và thế giới theo quy định. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về sức khỏe; hoàn thành trước thời hạn một số mục tiêu.

THÔNG TRI SỐ 14 -TT/TU, NGÀY 09/6/2014 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 24-CT/TW của Ban Bí thư, Kế hoạch số 53-KH/TU, ngày 30/10/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị này để tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền trong xây dựng, củng cố tổ chức hội đông y các cấp, tạo điều kiện thuận cho việc thành lập tổ chức hội ở những nơi có đủ điều kiện theo quy định. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục về mục đích, ý nghĩa và tiềm năng to lớn của y học cổ truyền dân tộc trong công tác phòng, chữa bệnh cho nhân dân, gắn với vận động,

tuyên truyền cho nhân dân về ý thức và phương pháp chữa bệnh bằng thuốc đông y theo tư tưởng "Nam dược trị Nam nhân". Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW và các văn bản liên quan; định kỳ sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện để đánh giá kết quả đạt được, chỉ rõ những nguyên nhân của hạn chế để có giải pháp khắc phục kịp thời.

2. Thường xuyên chỉ đạo hội đông y và hoạt động đông y; đầu tư, phân bổ kinh phí hợp lý để phát triển đồng bộ nền đông y và hội đông y các cấp, nhất là về hạ tầng cơ sở, trang, thiết bị, đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học; có chế độ khuyến khích cán bộ thực hiện đề tài nghiên cứu về y dược học cổ truyền, kết hợp y dược học cổ truyền và y dược học hiện đại; tiếp thu những ý kiến tư vấn, phản biện, những đề xuất, kiến nghị của hội về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung và công tác của hội đông y nói riêng.

3. Hội đông y các cấp phối hợp với ngành y tế chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền ban hành các chủ trương, chính sách nhằm củng cố, phát triển hội và nghề đông y trên địa bàn tỉnh. Củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các phòng chẩn trị y học cổ truyền để tạo niềm tin, thu hút nhân dân đến khám, chữa bệnh; phát động rộng rãi phong trào gia đình trồng và sử dụng thuốc nam.

Thực hiện tốt công tác phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân theo phương châm đông, tây y kết hợp ngay từ cơ sở, trạm y tế xã, phường; phối hợp với Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa và các trường cao đẳng, đại học ngoài tỉnh tăng cường công tác bồi dưỡng, chuẩn hóa, đào tạo đội ngũ lương y, lương dược cho tỉnh để bổ sung, đáp ứng kịp thời nguồn nhân lực phục vụ khám, chữa bệnh về y học cổ truyền trong thời gian tới.

Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, tâm đắc thừa kế những cây thuốc quý, những bài thuốc hay, thuốc gia truyền. Tham gia tốt công tác tư vấn, phản biện, giám định xã hội về y học cổ truyền theo quy chế hoặc được mời tham gia.

KẾT LUẬN SỐ 72-KL/TU, NGÀY 04/6/2018 CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW của Ban Bí thư về phát triển nền Đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh tiếp tục quán triệt, nâng cao vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo hội đông y và hoạt động đông y trên địa bàn tỉnh; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, giáo dục mục đích, ý nghĩa và tiềm năng to lớn của y học cổ truyền dân tộc trong công tác phòng, chữa bệnh cho nhân dân, gắn với thực hiện vận động, tuyên truyền cho nhân dân về ý thức và phương pháp chữa bệnh bằng thuốc đông y theo tư tưởng *"Nam dược trị Nam nhân"*.

2. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm tăng tỷ lệ khám chữa bệnh bằng y, dược cổ truyền trên các tuyến xã, huyện, tỉnh. Quan tâm đầu tư kinh phí trong lĩnh vực y học cổ truyền, cung cấp các trang thiết bị, dịch vụ y tế cần thiết nhằm nâng cao chất lượng chữa bệnh bằng đông y ở các cơ sở y tế. Hoàn thiện các chính sách đặc thù cho đông y, trong đó có chính sách thu hút cán bộ y học cổ truyền, nhất là tuyến cơ sở và chế độ đãi ngộ đối với cán bộ hội các cấp. Đưa vào kế hoạch đầu tư xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng trong giai đoạn 2020 - 2025 trở thành Bệnh viện phục hồi chức năng kết hợp nghỉ dưỡng. Đầu tư xây dựng Trung tâm ứng

dụng thừa kế, phát huy và phát triển nền đông y đối với công tác khám, chữa bệnh, nuôi trồng, chế biến dược liệu.

3. Hội Đông y tỉnh, ngành Y tế tỉnh

- Hội đông y các cấp trong tỉnh chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền ban hành các chủ trương, chính sách nhằm củng cố, phát triển hội và nghề đông y; đổi mới phương thức hoạt động, nhất là ở tuyến cơ sở; phát triển hội viên và mạng lưới hội. Hội các cấp thường xuyên sinh hoạt, học tập, trao đổi kinh nghiệm, phát huy kết quả công tác tâm đắc thừa kế những bài thuốc hay, cây thuốc quý, nhân rộng phong trào trồng và sử dụng thuốc nam trong nhân dân. Phối hợp với ngành Y tế thực hiện tốt công tác phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân theo phương châm đông - tây y kết hợp ngay từ trạm y tế xã, phường, thị trấn. Hướng dẫn nhân dân trồng và sử dụng cây thuốc nam tại gia đình, nhằm phát huy tốt tác dụng phòng và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng.

- Ngành Y tế tỉnh có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng, chuẩn hóa, đào tạo các lương y, lương dược. Duy trì, củng cố xây dựng trồng vườn thuốc nam tại các cơ sở y tế, đặc biệt chỉ đạo để Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng có vườn thuốc nam nhằm phục vụ điều trị. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hành nghề y dược học cổ truyền; thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

4. Cấp ủy, chính quyền cấp huyện căn cứ các chỉ tiêu phấn đấu hàng năm xây dựng biện pháp, giải pháp phù hợp nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu theo lộ trình cụ thể đề ra. Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ khám, chữa bệnh bằng y, dược cổ truyền trên địa bàn tỉnh đạt 20% tuyến tỉnh, 25% tuyến huyện và 40% tuyến xã.

KẾ HOẠCH SỐ 49-KH/TU, NGÀY 19/4/2017 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

thực hiện Kết luận số 11-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới

(trích)

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm

Các cấp ủy đảng và toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở quán triệt sâu sắc tinh thần Kết luận số 11-KL/TW, nội dung Kế hoạch này và các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và việc tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra của chính quyền các cấp đối với công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Nâng cao vai trò người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp tự chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm các điều kiện thực hiện an toàn thực phẩm tại địa phương, đơn vị mình. Phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đối với việc đảm bảo an toàn thực phẩm ở tất cả các khâu từ sản xuất, kinh doanh, chế biến đến tiêu dùng. Đưa chỉ tiêu bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương hàng năm; kết hợp lồng ghép các hoạt động bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm với Chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng và các chương trình khác để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao; tổ chức thực hiện tốt Chương trình phối hợp về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020 giữa UBND tỉnh và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

2. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn các tổ chức, đội ngũ thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng, năng lực hoạt động của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành Y tế, Nông nghiệp và Công thương nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý an toàn thực phẩm trong tình hình hội nhập quốc tế hiện nay. Nâng cao năng lực hoạt động của ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm các cấp trong việc triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện Luật An toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các quy định, cơ chế, chính sách có liên quan đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Triển khai hiệu quả các mô hình sản xuất rau quả an toàn, các khu giết mổ gia súc tập trung; xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu thực phẩm, chế biến, kinh doanh thực phẩm tập trung theo quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức thực hiện tốt Quy chế phối hợp thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (theo Quyết định số 572/QĐ-UBND, ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh). Xây dựng hệ thống cảnh báo và phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm; phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm áp dụng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phối hợp liên ngành trong thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm đối với từng công đoạn của "Chuỗi cung cấp thực phẩm", qua đó kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm và thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết. Ngoài ra, cần nâng cao hơn nữa vai trò các ngành chức năng trong việc quản lý chặt chẽ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông các sản phẩm thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm theo chủ trương của Đảng và Nhà nước; tiếp tục quan tâm, đẩy mạnh việc xã hội hóa, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp đối với công tác về bảo đảm an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý an toàn thực phẩm.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục tạo sự chuyển biến về hành vi an toàn thực phẩm

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức pháp luật an toàn thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng; nghiên cứu xây dựng chuyên mục về an toàn thực phẩm để hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm, định hướng thay đổi trong hành vi của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và nhân dân phù hợp với từng nhóm đối tượng, tạo sự chuyển biến căn bản trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm.

- Tăng cường huy động các nguồn lực tham gia hoạt động truyền thông trong các đợt cao điểm như: Tháng hành động vì an toàn thực phẩm hàng năm, trong các dịp hè, lễ, hội, các sự kiện trọng đại của cả nước, địa phương.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ chuyên trách và đội ngũ cộng tác viên tuyên truyền an toàn thực phẩm; chú trọng phát triển đội ngũ tuyên truyền viên thuộc các tổ chức xã hội, các hiệp hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và người dân tộc thiểu số.

- Xây dựng bộ tiêu chí về an toàn thực phẩm; phát động phong trào rộng khắp và duy trì việc thực hiện các tiêu chí về an toàn thực phẩm gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trên toàn tỉnh; xây dựng các mô hình cộng đồng tự giám sát về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở chế biến thực phẩm quy mô nhỏ lẻ; xây dựng, củng cố mô hình "Làng văn hóa - sức khỏe", tiếp tục thực hiện mô hình bảo đảm an toàn thực phẩm thức ăn đường phố...

4. Tiếp tục xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP

Tiếp tục xây dựng các chính sách hỗ trợ đối với việc phát triển nông nghiệp hữu cơ, xanh và sạch; đầu tư sản xuất, chế biến thực phẩm với quy mô lớn theo chuỗi sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm; đổi mới công nghệ sản xuất thực phẩm, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng thương hiệu, phát triển hệ thống cung cấp thực phẩm an toàn.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 25-CTr/TU, NGÀY 10/10/2018 CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội để bảo hiểm xã hội thực sự là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, tin cậy và minh bạch.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn đến năm 2021:

Phấn đấu đạt trên 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm trên 1% lực

lượng lao động trong độ tuổi; trên 28% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; có trên 45% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; tỉ lệ giao dịch điện tử đạt 100%; thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; giảm số giờ giao dịch giữa cơ quan bảo hiểm xã hội với doanh nghiệp đạt mức ASEAN 4; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 80%.

b) Giai đoạn đến năm 2025:

Phấn đấu đạt trên 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm trên 2,5% lực lượng lao động trong độ tuổi; trên 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; có trên 55% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 85%.

c) Giai đoạn đến năm 2030:

Phấn đấu đạt trên 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm trên 5% lực lượng lao động trong độ tuổi; trên 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; trên 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 90%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUNG

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội

Các cấp ủy đảng, các ngành, các địa phương tiếp tục phổ biến, quán triệt Chương trình hành động số 15-CTr/TU, ngày 01/7/2013 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh và Chỉ thị 09-CT/

TU, ngày 24/7/2017 của Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị và Kết luận số 69-KL/TU, ngày 02/5/2018 của Tỉnh ủy tại Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị.

Các cấp ủy đảng, chính quyền cần xác định việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bảo hiểm xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên gắn liền với nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và chương trình hành động của Tỉnh ủy; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ quan chuyên môn trong thực hiện các chính sách, chế độ về bảo hiểm xã hội.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chính sách bảo hiểm xã hội

Các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền; đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội để cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu rõ sự cần thiết, lợi ích, vai trò, ý nghĩa và những nội dung cơ bản của cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đối với bảo đảm an sinh xã hội.

Các ngành, các địa phương và các cơ quan truyền thông phối hợp với ngành bảo hiểm xã hội tổ chức tuyên truyền chính sách bảo hiểm xã hội bằng nhiều hình thức và nội dung phù hợp với từng đối tượng lao động trong khu vực chính thức và khu vực phi chính thức tích cực tham gia bảo hiểm xã hội.

Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa mở chuyên trang, chuyên mục giới thiệu Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật Công đoàn và các chế độ, chính sách, vận động tổ chức, cá nhân tích cực tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; đấu tranh phê phán những cá nhân, đơn vị vi phạm chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

3. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo hiểm xã hội

Tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện bộ máy tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) "về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả".

Nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo hiểm xã hội từ tỉnh đến các huyện, thị xã, thành phố; tuyển chọn những cán bộ có năng lực, đặc biệt là xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt để tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội hiệu quả.

4. Thực hiện có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính

Nâng cao năng lực quản lý, đổi mới công tác điều hành, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông", giải quyết nhanh chóng, chính xác, đảm bảo quyền lợi của đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết công tác chuyên môn nghiệp vụ theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại.

5. Triển khai chính sách bảo hiểm xã hội mới

Triển khai các chính sách mới về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp ngay khi có văn bản quy định của cơ quan Trung ương ban hành. Thực hiện chi trả đầy đủ, đúng chế độ chính sách bảo hiểm xã hội cho đối tượng thụ hưởng.

6. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và phối hợp, chia sẻ thông tin phục vụ quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm, nhất là các hành vi trốn đóng, nợ

đóng, gian lận, trục lợi tiền bảo hiểm xã hội. Kiên quyết xử lý nghiêm các chủ doanh nghiệp cố tình vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, thuế, lao động, bảo hiểm xã hội để nâng cao hiệu quả quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và thực thi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh: Xây dựng chương trình giám sát việc triển khai thực hiện cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đối với các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội và các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh.

2. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hóa nhiệm vụ quản lý nhà nước để triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, cụ thể:

2.1. Giao các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, đặc biệt tập trung thực hiện tuyên truyền đối với chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện có sự hỗ trợ một phần tiền đóng của nhà nước.

- Căn cứ các quy định của Trung ương, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và tình hình thực tế của đơn vị, địa phương xây dựng cụ thể kế hoạch thực hiện của cấp mình; đồng thời nghiên cứu đưa vào kế hoạch, nhiệm vụ công tác hàng năm.

- Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định đưa vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch và đề xuất các giải pháp cụ

thể để triển khai thực hiện hiệu quả, trong đó bao gồm phân tích, đánh giá tính khả thi, dự kiến nguồn lực thực hiện chính sách hỗ trợ theo chính sách chung của tỉnh để hỗ trợ cho đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Tạo điều kiện hỗ trợ những người lao động trong hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp, người lao động bị thu hồi đất trong khu vực lao động phi chính thức có cơ hội tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của các địa phương. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và địa phương trong chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Nâng cao tính tuân thủ pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với các đơn vị sử dụng lao động thông qua thực hiện đồng bộ các biện pháp hành chính, kinh tế, tư pháp để tăng số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đi đôi với chú trọng tăng số người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội, đặc biệt là chế độ hưu trí.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, trước hết tập trung thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu trốn đóng, đóng không đủ số lao động thuộc diện phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; chậm đóng bảo hiểm xã hội; xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm.

- Tập trung đôn đốc người sử dụng lao động, người lao động thực hiện trách nhiệm tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Trong đó lưu ý đối với một số nhóm đối tượng người lao động đang làm việc trong các hộ kinh doanh, tổ hợp tác, các doanh nghiệp nhỏ; người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tổ chức khen thưởng, tôn vinh, khích lệ, động viên kịp thời các đơn vị sử dụng lao động, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

2.2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm đầu mối chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh, các sở, ban, ngành và các địa phương chủ động tham mưu Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy trên địa bàn tỉnh; xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đưa vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh; xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội cho các sở, ban, ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người sử dụng lao động và người lao động trong các loại hình doanh nghiệp. Tăng cường thanh tra kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, tập trung thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu trốn đóng, đóng không đủ số lao động thuộc diện phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; chậm đóng bảo hiểm xã hội; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các doanh nghiệp cố tình vi phạm các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.

- Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ riêng của tỉnh cho đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tạo điều kiện hỗ trợ những người lao động trong hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp, người lao động bị thu hồi đất trong khu vực lao động phi chính thức có cơ hội tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy. Đánh giá tình hình thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm trên địa bàn tỉnh. Đề xuất khen thưởng, tôn vinh, khích lệ, động viên kịp thời các đơn vị sử dụng lao động, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết số 28-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy trong nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng; tuyên truyền, phổ biến các hoạt động triển khai thực hiện Nghị quyết bằng các hình thức đa dạng, phù hợp, thường xuyên, liên tục.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh

- Trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Đảng, các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp lãnh đạo triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình bảo đảm việc thực hiện các chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội đạt kết quả tốt. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác giám sát việc thực hiện chính sách về bảo hiểm xã hội.

- Nâng cao vai trò, năng lực của tổ chức Công đoàn là tổ chức đại diện cho tập thể người lao động trong quan hệ lao động; phối hợp cùng với cơ quan quản lý nhà nước và các địa phương triển khai thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động về chính sách bảo hiểm xã hội.

- Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia bảo hiểm xã hội phù hợp với bản thân và gia đình; tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, góp phần phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

5. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với các doanh nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách đối với người lao động. Chủ động phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện tuyên truyền, đối thoại trực tiếp với người lao động khu vực phi chính thức về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện có sự hỗ trợ một phần tiền đóng của nhà nước, để phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Kiện toàn nhân sự, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác bảo hiểm xã hội. Mở rộng mạng lưới đại lý cùng đội ngũ cộng tác viên bảo hiểm xã hội ở tuyến xã, gắn liền với hoàn thiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội. Nâng cao chất lượng dịch vụ và công tác thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện.

- Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải thiện quy trình, thủ tục tham gia và thụ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận tham gia và thụ hưởng chế độ, đặc biệt liên quan đến chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Triển khai có hiệu quả các chính sách bảo hiểm thất nghiệp, phát huy đầy đủ các chức năng của bảo hiểm thất nghiệp. Xây dựng kế hoạch, giải pháp nhằm mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Triển khai thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

- Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành quản lý thu bảo hiểm xã hội trong các doanh nghiệp, trước hết tập trung thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu trốn đóng, đóng không đủ số lao động thuộc diện phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; chậm đóng bảo hiểm xã hội; xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm.

CHỈ THỊ SỐ 09-CT/TU, NGÀY 24/7/2017 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương từ tỉnh đến cơ sở tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, vận động người lao động, người sử dụng lao động và toàn xã hội nâng cao nhận thức, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; chú trọng vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

2. Tăng cường chỉ đạo công tác điều tra, thống kê, cập nhật, đối chiếu, rà soát các thông tin, số liệu phục vụ công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

3. Thống nhất, hoàn chỉnh các quy định và thực hiện hiệu quả công tác tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giữa các cơ quan, ban, ngành, đơn vị liên quan.

4. Chú trọng kiện toàn nhân sự, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ công tác ngành bảo hiểm xã hội, ngành y tế; nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Đồng thời, mở rộng mạng lưới đại lý cùng đội ngũ cộng tác viên bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ở tuyến xã, gắn liền với việc hoàn thiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý ngành, nâng cao chất lượng dịch vụ và công tác thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

5. Thực hiện đồng bộ các biện pháp tăng tỷ lệ lao động khu vực bắt buộc tham gia bảo hiểm xã hội; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ để các hộ kinh doanh chuyển thành doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy định của pháp luật; hỗ trợ thiết thực và giúp người nông dân, người lao động trong khu vực phi chính thức có lựa chọn các phương án tối ưu trong việc đóng - hưởng bảo hiểm xã hội tự nguyện.

6. Về tổ chức thực hiện:

6.1. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp ủy các cấp chỉ đạo chính quyền cùng cấp:

- Tiếp tục quán triệt, triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, nhóm giải pháp tại Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI); Chương trình hành động số 15-CTHĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVI) và Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 26/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ *về tăng cường thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp phát triển đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội*; hằng năm xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hướng tới đạt mục tiêu về tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đến năm 2020.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị mọi điều kiện để thực hiện tốt việc hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và triển khai thực hiện nghiêm túc mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ. Nghiên cứu, xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh các chính sách đề xuất liên quan đến việc thúc đẩy tăng nhanh tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội ở cả đối tượng bắt buộc và tự nguyện. Phát huy chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp khởi nghiệp có điều kiện tăng nhanh số lượng và các doanh nghiệp, hợp tác xã có thêm cơ hội mở rộng quy mô sử dụng lao động phát triển sản xuất kinh doanh nhằm tăng thêm lực lượng lao động được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở y tế trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Thanh tra, kiểm tra thường xuyên việc chấp hành của các doanh nghiệp trong khai trình, thông báo tình hình biến động lao động và đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm các hành vi trốn đóng, nợ đọng, trục lợi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội. Thường xuyên tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách với người lao động, người sử dụng lao động về bảo hiểm xã hội.

- Bảo đảm việc kết nối, khai thác thông tin, dữ liệu giữa các sở, ngành liên quan để quản lý được đơn vị, doanh nghiệp đang hoạt động, thành lập mới; người lao động đang làm việc, thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc tự nguyện.

- Thường xuyên rà soát, xem xét, giải quyết các vướng mắc, bất cập trong thực hiện thủ tục, khám, điều trị bệnh nhân bảo hiểm y tế. Chỉ đạo các cơ sở y tế nâng cao tinh thần thái độ, đạo đức nghề nghiệp, chỉ định sử dụng dịch vụ kỹ thuật, thuốc an toàn đúng quy chế chuyên môn; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Kịp thời ngăn ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở y tế và cá nhân có hành vi lạm dụng trục lợi quỹ bảo hiểm y tế. Nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hiểm y tế, góp phần thu hút mọi tầng lớp nhân dân tham gia và duy trì việc tham gia bảo hiểm y tế.

- Vận động sự đóng góp của cộng đồng doanh nghiệp, nhà hảo tâm mua thẻ bảo hiểm y tế, đóng bảo hiểm xã hội cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

6.2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường giám sát việc thực hiện Luật và các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên phạm vi toàn tỉnh.

6.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tuyên truyền, vận động người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

6.4. Liên đoàn Lao động tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức công đoàn các cấp phối hợp với chủ doanh nghiệp thống nhất ký kết thỏa ước lao động tập thể nhằm bảo đảm quyền lợi người lao động mà tổ chức công đoàn đại diện hoặc được ủy quyền đại diện; tăng cường tuyên truyền, vận động người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, giám sát việc thực thi pháp luật tại các đơn vị, doanh nghiệp; thực hiện khởi kiện ra tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (nhất là nợ đọng bảo hiểm xã hội) gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

6.5. Tòa án nhân dân tỉnh chỉ đạo tòa án nhân dân huyện thụ lý và nhanh chóng xử nghiêm các vụ khởi kiện liên quan đến việc nợ đọng, trốn đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo luật định.

6.6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn toàn ngành phối hợp với các ngành, đơn vị, đoàn thể liên quan tổ chức quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp, người lao động thuộc các thành phần về các vấn đề an sinh xã hội, trong đó chú trọng phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; hằng năm, báo cáo với cấp ủy kết quả thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ở địa phương và đề xuất giải pháp phù hợp nhằn góp phần nâng cao tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; phối hợp với các ngành liên quan chuẩn bị nội dung và chọn thời điểm thích hợp để tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị.

CÔNG VĂN SỐ 115-CV/TU, NGÀY 17/12/2020 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương từ tỉnh đến cơ sở tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm về BHXH, BHYT giai đoạn 2021 - 2030, như sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ về BHXH, BHYT theo các chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản sau

- Giai đoạn đến năm 2021: Phấn đấu đạt trên 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện chiếm trên 01% lực lượng lao động trong độ tuổi; trên 28% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp (BHTN); trên 45% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; trên 92% dân số tham gia BHYT; tỉ lệ giao dịch điện tử đạt 100%; thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; giảm số giờ giao dịch giữa cơ quan BHXH với doanh nghiệp đạt mức ASEAN 4; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH, BHYT đạt mức 80%; quản lý, sử dụng an toàn và đảm bảo cân đối quỹ BHYT, tránh tình trạng bội chi, lạm dụng, trục lợi quỹ BHYT. Xây dựng hệ thống BHXH, BHYT hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Giai đoạn đến năm 2025: Phấn đấu đạt trên 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện chiếm trên 2,5% lực lượng lao động trong độ tuổi; trên 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN; có trên 55% số người

sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; trên 95% dân số tham gia BHYT; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH, BHYT đạt mức 85%.

- Giai đoạn đến năm 2030: Phấn đấu đạt trên 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện chiếm trên 5% lực lượng lao động trong độ tuổi; trên 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN; trên 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; trên 98% dân số tham gia BHYT; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH, BHYT đạt mức 90%.

2. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ về BHXH, BHYT theo các nội dung cơ bản sau:

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, các cấp, ngành, các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các quy định pháp luật, các văn bản của Đảng, Nhà nước về BHXH, BHYT; đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, các ngành, các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với việc thực hiện chính sách BHXH, BHYT để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu. Việc đăng ký tham gia, đăng ký lại, giải quyết chế độ BHXH, BHYT được thực hiện giao dịch điện tử; việc nộp tiền BHXH, BHYT được thực hiện bằng chuyển khoản, internet Banking.

- Xây dựng, giao chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH, BHYT để đưa vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của từng cấp. Huy động nguồn lực hợp pháp, kết hợp với sự hỗ trợ phù hợp từ ngân sách cho nông dân, người nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số để mở rộng diện bao phủ BHXH, BHYT, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu được giao hằng năm.

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về BHXH, BHYT; đổi mới nội dung, phương pháp truyền thông trên các

phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu rõ sự cần thiết, vai trò, lợi ích, ý nghĩa của chính sách BHXH, BHYT, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp tới người dân về các lợi ích khi tham gia BHXH, BHYT để người dân biết, tích cực tham gia, nhằm đảm bảo an sinh xã hội lâu dài, bền vững.

- Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra tại các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn phát sinh nợ tiền đóng BHXH, BHYT; các doanh nghiệp có biểu hiện trốn đóng BHXH, BHYT cho người lao động từ dữ liệu cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về lao động để khắc phục tình trạng chậm đóng, trốn đóng, nợ BHXH, BHYT.

- Xây dựng và triển khai các giải pháp phòng ngừa, chống lạm dụng khi lập hồ sơ hưởng chế độ BHXH và khám, chữa bệnh BHYT nhằm thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và nhân dân.

- Tích cực triển khai thực hiện giao dịch thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia và môi trường điện tử tại các cơ quan, đơn vị, cấp phường, xã đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người tham gia và thụ hưởng chính sách BHXH, BHYT. Các tổ chức, đơn vị, cá nhân mở tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan BHXH trong lĩnh vực BHXH, BHYT. Tăng cường các giải pháp thu, chi BHXH, BHYT thông qua các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của cơ quan BHXH. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội, phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT.

- Hàng năm thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình hiệu quả; biểu dương, khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT.

LĨNH VỰC DÂN SỐ, GIA ĐÌNH, TRẺ EM

A. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

CHỈ THỊ SỐ 06-CT/TW, NGÀY 24/6/2021 CỦA BAN BÍ THƯ KHÓA XIII
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới

(trích)

Nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác xây dựng gia đình; nhận thức đúng về vai trò, tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới. Xác định gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững đất nước. Gia đình là đối tượng tác động, thực hiện và thụ hưởng chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh là một trong những nội dung quan trọng, yêu cầu xuyên suốt của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

Các cấp ủy, tổ chức đảng phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng gia đình; phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cấp về công tác xây dựng gia đình. Cán bộ, đảng viên phải nêu gương và vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng gia đình hạnh phúc. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau. Đề cao vai trò của gia đình trong nuôi dưỡng,

định hướng giá trị, giáo dục thế hệ trẻ. Kiên quyết đấu tranh chống lối sống thực dụng, tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình. Khắc phục bệnh thành tích, hình thức trong công tác xây dựng gia đình.

2. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về gia đình theo hướng lấy hoạt động của gia đình làm trọng tâm, bảo đảm sự gắn kết xã hội và vai trò của gia đình. Các chính sách về gia đình phải hướng đến mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, chú trọng đến đối tượng trẻ em và người bệnh tật, cao tuổi. Xây dựng danh mục dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản đối với gia đình, hỗ trợ gia đình phát triển bền vững, hạnh phúc và thực hiện bình đẳng giới.

Huy động các cá nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ gia đình và chăm lo giúp đỡ, hỗ trợ các gia đình nghèo, khó khăn; bảo đảm gia đình được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản công bằng, bình đẳng, thuận lợi. Gắn việc thực hiện công tác xây dựng gia đình với Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công tác xây dựng gia đình. Xây dựng, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Xây dựng Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2045; chương trình giáo dục quốc gia về gia đình; chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và các chương trình, dự án hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc.

Xây dựng dữ liệu số quốc gia về gia đình làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ gia đình tiếp cận các nguồn lực xã hội. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu khoa học về gia đình; hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách về gia đình; sáng tác các tác phẩm văn học - nghệ thuật về chủ đề gia đình.

Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về gia đình bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, thống nhất, gắn kết với các lĩnh vực dân số, bình đẳng giới và trẻ em. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nhân lực làm công tác gia đình theo hướng tích hợp đa ngành, phân định rõ đào tạo chuyên môn và cán bộ quản lý công tác gia đình.

4. Đẩy mạnh, đổi mới công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình; các chuẩn mực, giá trị văn hóa gia đình; kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình; các rủi ro đối với gia đình, giúp người dân chủ động phòng ngừa các ảnh hưởng tiêu cực đến gia đình. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình.

Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, con người Việt Nam giàu lòng nhân ái, khoan dung, chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý, cần cù, chăm chỉ, tiết kiệm, sáng tạo, khát vọng, hiện đại. Nâng cao hiệu quả, tính thiết thực trong xây dựng gia đình văn hóa, gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TW, NGÀY 25/10/2017 HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6 KHÓA XII
về công tác dân số trong tình hình mới

(trích)

1. Mục tiêu

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

Đến năm 2030:

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số 104 triệu người.

Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị, miền núi và đồng bằng; 50% số tỉnh đạt mức sinh thay thế; mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc có rất ít người.

- Tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%; tỉ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

- Tỉ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Chiều cao người Việt Nam 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ đạt 157,5 cm. Chỉ số Phát triển con người (HDI) nằm trong nhóm 4 nước hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

- Tỉ lệ dân số đô thị đạt trên 45%. Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân số. Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cả nước, của từng ngành, từng địa phương. Phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và của cả cộng đồng trong công tác dân số. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp; đặc biệt là trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 2 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2.2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nội dung truyền thông, giáo dục phải chuyển mạnh sang chính sách dân số và phát triển.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp.

Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực người Việt Nam. Nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

2.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc. Rà soát, điều chỉnh hoặc bãi bỏ một số quy định về xử lý vi phạm trong công tác dân số; đồng thời đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc. Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện, bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người dân, triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số. Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm.

Rà soát, bổ sung các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Ngăn ngừa có hiệu quả việc lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi. Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Ban hành Chiến lược dân số trong tình hình mới; phát huy tối

đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững và thích ứng với già hóa dân số.

Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi. Tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi.

Rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, chủ động chuẩn bị các điều kiện để dân cư được phân bố tương ứng, phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của từng vùng và trong chiến lược tổng thể xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng với các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ thỏa đáng để thu hút, tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài ở các khu vực khó khăn, trọng yếu về an ninh, quốc phòng. Thực hiện có hiệu quả chính sách bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người.

2.4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số.

Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

Sắp xếp lại hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tạo lập môi trường thân thiện, hòa nhập giữa các nhóm đối tượng và với xã hội.

Phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

Ưu tiên đầu tư nguồn lực Nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư… đều thực sự bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

Đẩy mạnh nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, phát triển mạng lưới nghiên cứu về dân số và phát triển.

2.5. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

Đẩy mạnh xã hội hóa, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

Phát triển thị trường, đa dạng hóa các gói bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại với nhiều mệnh giá tương ứng các gói dịch vụ khác nhau để các nhóm dân số đặc thù đều bình đẳng trong việc tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

2.6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cộng tác viên ở thôn, bản, tổ dân phố...

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang chính sách dân số và phát triển. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn, nghiên cứu khoa học.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho người dân. Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội. Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

2.7. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động, tích cực hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dân số. Tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn đa phương, song phương về dân số và phát triển. Tranh thủ sự đồng thuận, hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế. Tập trung nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về dân số.

CHỈ THỊ SỐ 20-CT/TW, NGÀY 05/11/2012 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XI

về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới

(trích)

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quán triệt và thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động để mọi người dân thấy được tính cấp bách và tầm quan trọng của công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Kịp thời tuyên truyền các điển hình tiên tiến, các tấm gương người tốt, việc tốt; quan tâm giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; phê phán, lên án các hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại, bạo lực, lôi kéo trẻ em vào hoạt động tội phạm và cản trở việc thực hiện các quyền của trẻ em.

2. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em theo hướng mở rộng chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em thuộc gia đình nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; gắn với Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020; Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng trường học an toàn, thân thiện và xây dựng cộng đồng vững mạnh.

3. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch hàng năm và 5 năm về công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của từng địa phương, từng ngành. Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ, cần xác định các mục tiêu chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em là một trong những nội dung trọng tâm của mục tiêu xã hội.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Các địa phương ưu tiên bố trí quỹ đất cho việc xây dựng các công trình phúc lợi cho trẻ em. Khi lập các dự án xây dựng khu dân cư, khu nhà ở phải dành diện tích thích hợp để xây dựng trường học, công trình vui chơi, giải trí cho trẻ em. Từng bước bố trí tăng nguồn ngân sách cho sự nghiệp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; trong đó ưu tiên kinh phí đầu tư các công trình cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, trẻ em các gia đình chính sách, gia đình nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em theo hướng nâng cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư và các tổ chức chính trị - xã hội. Khuyến khích sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động và công trình dành cho trẻ em.

Hàng năm, tổ chức các hoạt động có hiệu quả thiết thực: Tháng hành động vì trẻ em từ ngày 01 đến ngày 30/6, Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, Ngày Gia đình Việt Nam và Diễn đàn trẻ em các cấp.

Tổ chức thực hiện tốt Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em và các công ước, điều ước quốc tế khác có liên quan mà Nhà nước Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế, khu vực nhằm trao đổi kinh nghiệm, huy động nguồn lực bên ngoài cho công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

5. Tăng cường quản lý nhà nước, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp. Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới ở thôn, ấp, bản; cơ chế phối hợp liên ngành nhằm phát huy các nguồn lực của Nhà nước và xã hội để chăm lo, bảo vệ trẻ em phù hợp với hoàn cảnh của đất nước và từng bước hội nhập quốc tế. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, chính sách liên quan đến trẻ em và thực hiện các quyền của trẻ em.

6. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt phong trào "Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em" gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, giữa các ban, ngành, đoàn thể trong hoạt động chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em; trong đó, gia đình có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ trẻ em, cùng với nhà trường giáo dục hình thành nhân cách và trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em phát triển toàn diện. Tăng cường giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến trẻ em; phát hiện, ngăn chặn, lên án các hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật, vi phạm quyền trẻ em.

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 22-CTr/TU, NGÀY 12/12/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện toàn diện, đồng bộ về quy mô, cơ cấu, phân bổ, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số 1.383.000 người.

- Ít nhất 77% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ 15-49 tuổi được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 1/2 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống;

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống; 90% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân số. Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cả tỉnh, của từng ngành, từng cơ sở. Phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và của cả cộng đồng trong công tác dân số. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp; đặc biệt là trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 2 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số. Nội dung truyền thông, giáo dục phải chuyển mạnh sang chính sách dân số và phát triển.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp. Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe tầm vóc, thể lực người Việt Nam. Nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

3. Chấp hành đúng các chính sách, pháp luật về dân số

Tiếp tục vận động toàn dân chấp hành đúng các chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc. Phổ biến các quy định mới về xử lý vi phạm trong công tác dân số; đồng thời đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc. Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện, bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người dân, triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số. Xây dựng và kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm.

Phổ biến chiến lược dân số trong tình hình mới; vận động thực hiện các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Ngăn ngừa có hiệu quả việc lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi; đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Thực hiện các chính sách về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi. Chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số.

Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm

bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

Sắp xếp lại hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tạo lập môi trường thân thiện, hòa nhập giữa các nhóm đối tượng và với xã hội. Phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... đều thực sự bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

Đẩy mạnh nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học, phát triển mạng lưới nghiên cứu về dân số và phát triển.

5. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo.

Đẩy mạnh xã hội hóa, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các

cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cộng tác viên ở thôn, tổ dân phố.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, các ngành trong tỉnh đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang chính sách dân số và phát triển. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn, nghiên cứu khoa học.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho người dân. Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội. Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động, tích cực hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dân số. Tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn quốc tế về dân số và phát triển. Tranh thủ sự đồng thuận, hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các tổ chức quốc tế. Tập trung nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về dân số.

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

KẾ HOẠCH SỐ 48-KH/TU, NGÀY 20/02/2013 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Làm cho mọi trẻ em được sống trong môi trường an toàn, thân thiện, lành mạnh, có đời sống văn hóa, tinh thần phong phú, được đảm bảo phúc lợi xã hội và các quyền theo quy định.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 25% vào năm 2015 và xuống dưới 20% vào năm 2020; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống 10% vào năm 2015 và xuống dưới 10% vào năm 2020. Duy trì 100% trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi đến năm 2020.

- Duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (đã hoàn thành mục tiêu năm 2012); đến năm 2020, có ít nhất 30% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 85% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non. Đến năm 2020, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học là 99% và ở bậc trung học cơ sở là 95%, trong đó đặc biệt quan tâm đến trẻ em dân tộc ít người, trẻ em khuyết tật.

- Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt xuống 1,9% trên tổng số trẻ em vào năm 2015 và xuống 1,7% vào năm 2020; tăng tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục

hồi, tái hòa nhập và có cơ hội phát triển lên 95% vào năm 2015 và lên 97% vào năm 2020; số trẻ em bị bạo lực giảm 20% vào năm 2015 và giảm 40% vào năm 2020; giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích xuống 200/100.000 trẻ em vào năm 2015 và xuống 150/100.000 trẻ em vào năm 2020.

- Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từng bước đầu tư thêm ngân sách để tăng số xã, phường có điểm vui chơi dành cho trẻ em đạt tiêu chuẩn.

- Tăng tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp lên 20/100.000 trẻ em vào năm 2015 và lên 25/100.000 trẻ em vào năm 2020.

- Tăng tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em lên 95% vào năm 2015 và lên 97% vào năm 2020.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn hệ thống chính trị quán triệt sâu sắc tinh thần Chỉ thị 20-CT/TW của Bộ Chính trị và các quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; xây dựng kế hoạch, chương trình hành động với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị mình. Hàng năm, UBND các cấp đưa chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung thêm các chính sách cho trẻ em trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội, vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông và thực hiện quyền tham gia của trẻ em. Xây dựng và nhân rộng các mô hình dịch vụ xã hội dành cho trẻ em, các mô hình hoạt động thực hiện quyền tham gia

của trẻ em, đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, trẻ em các gia đình chính sách, gia đình nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động xã hội nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thực hiện quyền trẻ em

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, trong đó chú trọng tuyên truyền các điển hình tiên tiến, các tấm gương người tốt, việc tốt về công tác trẻ em. Đề cao việc chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em ngay tại gia đình.

Đẩy mạnh giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong nhà trường và gia đình kết hợp với phê phán, lên án các hành vi vi phạm pháp luật như bạo lực, xâm hại trẻ em, lôi kéo trẻ em vào hoạt động tội phạm và các hành vi cản trở việc thực hiện các quyền của trẻ em. Tạo điều kiện để trẻ em được tiếp cận và hiểu rõ các thông tin quyền lợi và nghĩa vụ của mình thông qua các cuộc thi tìm hiểu luật, hoạt động ngoại khóa…

3. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Chương trình Bảo vệ trẻ em tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 - 2015; Đề án xây dựng đội ngũ cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012 - 2015. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng các chương trình, kế hoạch chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em như: Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2013 - 2020; Kế hoạch hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020; Chương trình Bảo vệ trẻ em tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2013 - 2015 và giai đoạn 2016 -

2020; Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2013 - 2020; Chương trình phòng, chống bạo lực đối với trẻ em giai đoạn 2016 - 2020…

Để đảm bảo đúng tiến độ và mục tiêu đề ra trong các chương trình, kế hoạch trên, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cần nghiên cứu, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ ở tất cả ban, ngành, đoàn thể theo từng năm, từng giai đoạn. Định kỳ có kiểm tra, đánh giá và rút ra các bài học kinh nghiệm cho năm tiếp theo, giai đoạn sau.

Các cấp, các ngành cần có sự phối hợp chặt chẽ, liên ngành để thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch về trẻ em, trong đó ngành lao động - thương binh - xã hội và hội phụ nữ các cấp là đơn vị đầu mối, xâu chuỗi các hoạt động, chủ động đề xuất, chỉ đạo và theo dõi việc thực hiện các nội dung của chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Các địa phương ưu tiên bố trí quỹ đất dành cho việc xây dựng các công trình phúc lợi, khu vui chơi giải trí cho trẻ em; bố trí nguồn kinh phí ngân sách để duy tu, bảo dưỡng, mở rộng các công trình, khu vui chơi giải trí hiện có; nghiên cứu và đầu tư thêm các loại hình vui chơi giải trí phù hợp, hiệu quả đối với trẻ em, nhất là trẻ em dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn như công viên cây xanh, thư viện, bưu điện, trung tâm sinh hoạt văn hóa…

Đẩy mạnh xã hội hóa việc chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em theo hướng nâng cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư và các tổ chức chính trị - xã hội; khuyến khích và vận động sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động và công trình dành cho trẻ em.

Hàng năm, tổ chức các hoạt động có hiệu quả thiết thực trong Tháng hành động vì trẻ em từ ngày 01/6 đến ngày 30/6; Ngày quốc tế thiếu nhi 01/6; Tết Trung thu; Ngày Gia đình Việt Nam và Diễn đàn trẻ em các cấp...

4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, nhất là cấp cơ sở; xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới; xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành nhằm phát huy tối đa các nguồn lực của Nhà nước và xã hội để chăm lo, bảo vệ trẻ em phù hợp với tình hình từng địa phương; đồng thời thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, chính sách liên quan đến trẻ em và thực hiện các quyền của trẻ em.

5. Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội, giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp trong công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em thông qua việc xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với nhau, lồng ghép thực hiện cùng một lúc các phong trào liên quan để tăng hiệu quả thực hiện, trước mắt tập trung xây dựng và thực hiện phong trào "Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em" gắn với Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh chỉ đạo và thực hiện tốt các hoạt động thanh thiếu niên và nhi đồng.

Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, giữa các ban, ngành, đoàn thể trong hoạt động chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em; trong đó, gia đình có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ trẻ em, cùng với nhà trường giáo dục hình thành nhân cách và trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em phát triển toàn diện. Đồng thời, tăng cường giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật, chính sách liên quan đến trẻ em và thực hiện các quyền của trẻ em; phát hiện, ngăn chặn, lên án các hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật, vi phạm quyền trẻ em.

LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

A. VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG

CHỈ THỊ SỐ 50-CT/TW, NGÀY 04/3/2005 CỦA BAN BÍ THƯ
về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

(trích)

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định công nghệ sinh học là công nghệ được ưu tiên phát triển. Mục tiêu phát triển công nghệ sinh học trong thời gian tới là:

Tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao phục vụ tốt nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, tăng nhanh tỉ lệ nông - lâm - thủy sản chế biến, nhất là chế biến phục vụ xuất khẩu; tiến tới giảm nhập khẩu và tự cung cấp được một phần quan trọng nguyên liệu làm thuốc chữa bệnh thiết yếu cho nhân dân; áp dụng rộng rãi công nghệ sinh học trong công tác bảo vệ và khắc phục ô nhiễm môi trường.

Phát triển công nghệ sinh học đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực; xây dựng nền công nghiệp sinh học thành một ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao, sản xuất được một số sản phẩm chủ lực và có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế quốc dân.

Tạo ra phong trào ứng dụng công nghệ sinh học rộng rãi trong nông nghiệp và nông thôn.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

1. Ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống

Trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, công nghệ sinh học phải góp phần quan trọng trong việc tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, đóng góp thiết thực vào chuyển đổi cơ cấu kinh tế; tạo ra các công nghệ sản xuất các chế phẩm bảo vệ cây trồng, vật nuôi; các công nghệ bảo quản và chế biến nông - lâm - thủy sản nhằm đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm xuất khẩu và phục vụ tiêu dùng trong nước.

Trong lĩnh vực y dược, công nghệ sinh học có nhiệm vụ góp phần giảm nhập khẩu, từng bước tự túc các nguyên liệu làm thuốc và bảo đảm sản xuất, cung cấp đủ các vắc-xin thiết yếu và một số loại thuốc phục vụ phòng và chữa bệnh. Tập trung nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mũi nhọn để sản xuất vắc-xin thế hệ mới và thuốc điều trị có nguồn gốc protein tái tổ hợp. Nhanh chóng đưa liệu pháp công nghệ gen, công nghệ tế bào vào điều trị các bệnh hiểm nghèo và sử dụng vi sinh vật tái tổ hợp để sản xuất kháng sinh, vitamin và axít amin.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ sinh học trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường.

2. Đẩy mạnh xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ cho công nghệ sinh học

Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, bảo đảm đến năm 2015 cung cấp đủ cán bộ cho các nhu cầu nghiên cứu, phát triển công nghệ, giảng dạy, quản lý và sản xuất kinh doanh.

Tăng cường đầu tư và hoàn thiện mạng lưới các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học; tập trung đầu tư dứt điểm và đưa vào sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm; xây dựng ở ba miền Bắc, Trung, Nam các trung tâm mạnh về công nghệ sinh học làm hạt nhân cho việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong cả nước.

Nhanh chóng làm chủ các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Phấn đấu đến năm 2020 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực đối với một số lĩnh vực công nghệ quan trọng của công nghệ sinh học.

Làm chủ được công nghệ gen nhằm tạo ra các biến đổi bộ gen thực vật, động vật theo hướng có lợi; chữa các bệnh di truyền; chú trọng nghiên cứu các đặc điểm và những thay đổi bộ gen của người và vi sinh vật do tác động của ô nhiễm môi trường và chất độc hóa học. Đẩy mạnh ứng dụng tin - sinh học phục vụ nghiên cứu công nghệ sinh học, đặc biệt là công nghệ gen.

Tập trung nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tế bào thực vật và động vật trong tạo và nhân nhanh giống cây trồng và vật nuôi có ưu thế về năng suất, chất lượng; phát triển và ứng dụng công nghệ tế bào gốc trong trị liệu tế bào.

Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ enzim - protein trong công nghiệp chế biến và đặc biệt là trong lĩnh vực miễn dịch học phân tử phục vụ sản xuất vắc-xin thế hệ mới và chế phẩm chẩn đoán.

Công nghệ vi sinh tập trung nghiên cứu, đánh giá và ứng dụng tài nguyên vi sinh vật; tạo chủng giống cao sản bằng công nghệ cao; nghiên cứu hoàn thiện, phát triển và ứng dụng các kỹ thuật lên men vi sinh vật phục vụ phát triển công nghiệp sinh học.

3. Xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học

Tiến hành quy hoạch và đầu tư phát triển công nghiệp sinh học trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, y dược và công nghiệp chế biến thực phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm chủ lực cho nền kinh tế.

Công nghiệp sinh học nông nghiệp và thủy sản tập trung phát triển công nghiệp sản xuất giống, các chế phẩm chăm sóc và bảo vệ cây trồng, vật nuôi và công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản.

Công nghiệp sinh học y dược tập trung sản xuất vắc-xin, chế phẩm chẩn đoán, thuốc chữa bệnh và kháng sinh.

Công nghiệp sinh học hóa chất và sinh học thực phẩm tập trung sản xuất axít amin, axít hữu cơ, enzim công nghiệp, enzim thực phẩm, phụ gia thực phẩm và thực phẩm lên men.

Công nghiệp sinh học phục vụ bảo vệ môi trường tập trung sản xuất các chế phẩm vi sinh vật làm sạch môi trường và xử lý ô nhiễm.

III. GIẢI PHÁP

Để đạt được các mục tiêu và thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra nhằm phát triển công nghệ sinh học, cần thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các giải pháp sau đây:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp ủy đảng, các ngành, các cấp và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách và tăng cường công tác quản lý nhà nước về nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ sinh học. Sớm hình thành hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về an toàn sinh học.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ sinh học và công nghiệp sinh học. Cần tập trung chỉ đạo phát triển công nghiệp sinh học, trong đó ưu tiên lĩnh vực y - dược.

4. Có chính sách thu hút, đa dạng hóa các nguồn đầu tư trong nước và ngoài nước cho nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học thiết yếu. Ngân sách Nhà nước tập trung đầu tư cho một số chương trình trọng điểm về xây dựng phòng thí nghiệm, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

5. Xây dựng và áp dụng chính sách ưu đãi cho phát triển nhanh các doanh nghiệp công nghệ sinh học vừa và nhỏ.

Xây dựng chính sách gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khuyến khích và hỗ trợ mạnh mẽ các hoạt động phổ biến, chuyển

giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống.

Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng cơ sở nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học.

6. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi cơ hội để đào tạo đội ngũ cán bộ đầu đàn, chuyên gia giỏi và nâng cao trình độ nghiên cứu, phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học của đất nước.

KẾT LUẬN SỐ 06-KL/TW, NGÀY 01/9/2016 CỦA BAN BÍ THƯ

tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

(trích)

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, Người đứng đầu các cấp, các ngành có liên quan trực tiếp tăng cường chỉ đạo công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi theo cơ chế thị trường để khuyến khích phát triển công nghệ, công nghiệp sinh học, hỗ trợ hiệu quả vận hành thị trường công nghệ sinh học, đặc biệt chú trọng phát huy vai trò chủ lực của doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu mở về công nghệ sinh học. Xây dựng mạng lưới quản lý và kiểm định an toàn sinh học trong cả nước. Khuyến khích sử dụng các sản phẩm công nghệ sinh học có thương hiệu Việt Nam. Có chính sách hỗ trợ đối với các dự án nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm về công nghệ sinh học.

2. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghiệp sinh học phải theo cơ chế thị trường. Đầu tư phát triển công

nghiệp sinh học là một nhiệm vụ ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội, là giải pháp quan trọng để phát triển một nền kinh tế xanh, bền vững. Đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2020, chủ động được phần lớn các loại giống phục vụ sản xuất nông nghiệp và tự chủ hầu hết các loại vắc-xin phục vụ cho Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong khai thác, chế biến, nuôi trồng thủy, hải sản, phát huy tiềm năng kinh tế biển của Việt Nam. Ưu tiên chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới. Khuyến khích phát triển thị trường sản phẩm công nghệ sinh học.

3. Chú trọng đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghiệp sinh học theo cơ chế thị trường. Hiện đại hóa và đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với hệ thống các phòng thí nghiệm, các trung tâm kiểm định tại các vùng, miền nhằm đưa nhanh, có hiệu quả các tiến bộ khoa học - kỹ thuật về công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống. Tập trung đầu tư phát triển công nghệ sinh học trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về vai trò, vị trí của công nghệ sinh học đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

5. Ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả hoạt động công nghệ sinh học trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; xây dựng các chương trình phát triển nông nghiệp hiệu quả dựa vào công nghệ sinh học để thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng bảo tồn các nguồn gen quý; tạo các giống cây trồng,

vật nuôi mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, có khả năng chống chịu tốt với biến đổi khí hậu. Sớm đưa các quy trình công nghệ tiên tiến vào trồng trọt, chăn nuôi, quản lý rừng, khai thác và nuôi trồng, bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản. Tập trung xây dựng một số sản phẩm có thương hiệu quốc tế.

Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng nghiêm ngặt các quy định về an toàn sinh học. Chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác an toàn thực phẩm bảo đảm sức khỏe và đời sống của nhân dân. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào gốc trong chẩn đoán, giám định và điều trị các loại bệnh hiểm nghèo và trong công nghiệp thực phẩm, dược phẩm; công nghệ AND trong các hoạt động nhân đạo, dân sinh. Bảo tồn và phát triển các vùng dược liệu.

Tăng cường ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ sinh học nhằm góp phần tạo ra một nền sản xuất xanh, sạch; xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; khuyến khích sản xuất năng lượng mới, năng lượng sạch, có khả năng tái tạo từ phế liệu, phế thải, thực vật và thân thiện với môi trường để thay thế một phần các nhiên liệu hóa thạch đang dần cạn kiệt.

Đẩy mạnh nghiên cứu để làm chủ, đưa vào ứng dụng rộng rãi các sản phẩm, quy trình công nghệ để phát hiện nhanh, chính xác và đối phó có hiệu quả với tấn công sinh học, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

6. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học. Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, cá nhân nhằm tiếp cận và chuyển giao công nghệ. Chủ động xây dựng các chương trình, đề tài, dự án hợp tác song phương và đa phương với các nước có nền công nghệ sinh học tiên tiến để trao đổi thông tin dữ liệu, tranh thủ những kinh nghiệm, tiếp nhận tài trợ và đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển công nghệ sinh học Việt Nam.

NGHỊ QUYẾT SỐ 20-NQ/TW, NGÀY 01/11/2012 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XI

về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

(trích)

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Quan điểm

1.1. Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

1.2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.3. Đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

1.4. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển

khoa học và công nghệ. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai; coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ. Quan tâm đúng mức đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam.

1.5. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án khoa học và công nghệ của Việt Nam. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau khi được đào tạo ở nước ngoài về nước làm việc.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

b) Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Bảo đảm cung

cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước. Xây dựng được nền tảng khoa học tự nhiên hiện đại cho khoa học và công nghệ nói chung; phấn đấu đạt trình độ hàng đầu của khu vực và thứ hạng cao trên thế giới ở một số lĩnh vực; làm chủ, ứng dụng và phát triển các công nghệ có ảnh hưởng quyết định đến tốc độ và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế, tạo ra các sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao.

Đến năm 2020, thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 35% tăng trưởng kinh tế. Xây dựng được một số sản phẩm quốc gia mang thương hiệu Việt Nam. Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp; tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt khoảng 20%/năm; giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ tăng trung bình khoảng 15%/năm.

c) Hình thành đồng bộ đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, tâm huyết, trung thực, tận tụy. Phát triển các tổ chức, tập thể khoa học và công nghệ mạnh, các nhà khoa học đầu ngành. Số cán bộ khoa học và công nghệ nghiên cứu và phát triển đạt mức 11 người trên một vạn dân; tăng nhanh số lượng các công trình được công bố quốc tế và số lượng các sáng chế được bảo hộ trong nước và ở nước ngoài. Phát triển mạnh các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

II - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định việc phát huy và phát triển khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền; là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và

công nghệ với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng cấp; kế hoạch ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ là một nội dung của quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và địa phương.

2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ

2.1. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính.

Đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ và nhu cầu phát triển của quốc gia, ngành, địa phương; bảo đảm đồng bộ, gắn kết giữa định hướng phát triển dài hạn, chương trình phát triển trung hạn với kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hằng năm.

Điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng căn cứ vào kết quả, hiệu quả sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm khoa học và công nghệ cuối cùng theo kết quả đầu ra. Xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Mở rộng áp dụng cơ chế tài chính của quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; hình thành cơ chế đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các hoạt động khoa học và công nghệ.

Có cơ chế thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại; hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, mua thiết kế, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực ưu tiên, doanh nghiệp mua công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước. Nhà nước chủ động mua kết quả khoa học và công nghệ trong trường hợp có nhu

cầu. Chấm dứt và ngăn chặn có hiệu quả việc nhập công nghệ lạc hậu, công nghệ gây nguy hại đến sức khỏe con người, tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Thực hiện cơ chế đầu tư đặc biệt để triển khai một số dự án khoa học và công nghệ quy mô lớn phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc có tác động mạnh mẽ đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm quốc gia.

Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Nâng tổng đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt 1,5% GDP vào năm 2015, trên 2% GDP vào năm 2020 và khoảng 3% GDP vào năm 2030. Tăng đầu tư của Nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm. Có cơ chế sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ. Khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao.

Nghiên cứu ban hành quy định về việc doanh nghiệp trong nước lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ; coi đây là yêu cầu bắt buộc đối với doanh nghiệp nhà nước và là hoạt động được khuyến khích đối với các doanh nghiệp khác.

2.2. Đổi mới hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học, bảo đảm hoạt động có hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu và định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn. Xây dựng các trung tâm nghiên cứu hiện đại, làm hạt nhân cho việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ ở các lĩnh vực được ưu tiên. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2.3. Đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ

Thực hiện triệt để cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập về nhân lực, kinh phí hoạt động dựa trên kết quả và hiệu quả hoạt động.

Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực. Thí điểm thực hiện cơ chế hợp tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Giao quyền sở hữu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đồng thời có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả. Tạo điều kiện để các tổ chức khoa học và công nghệ được vay vốn từ các quỹ dành cho khoa học và công nghệ hoặc các tổ chức tín dụng.

2.4. Đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ

Quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước tới năm 2020 và tầm nhìn năm 2030.

Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học và công nghệ phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình. Nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các ngành, các cấp.

Có chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ khoa học và công nghệ đầu ngành, cán bộ khoa học và công nghệ được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, cán bộ khoa học và công nghệ trẻ tài năng.

Chủ động phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ từ các trường phổ thông, cao đẳng, đại học.

Sử dụng hiệu quả đội ngũ sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, chuyên gia khoa học và công nghệ học tập và làm việc ở nước ngoài. Có chính sách hỗ trợ cán bộ khoa học và công nghệ đi làm việc và thực tập có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công

nghệ, doanh nghiệp ở nước ngoài để giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có ý nghĩa quốc gia.

Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của tác giả các công trình khoa học và công nghệ; có chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với tác giả các công trình được công bố quốc tế, các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước.

Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ. Có chính sách tiếp tục sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ trình độ cao đã hết tuổi lao động có tâm huyết và còn sức khỏe làm việc vào công tác nghiên cứu khoa học.

Hoàn thiện hệ thống chức danh, chức vụ khoa học và công nghệ. Cải tiến hệ thống giải thưởng khoa học và công nghệ, danh hiệu vinh dự Nhà nước cho cán bộ khoa học và công nghệ.

2.5. Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng tinh gọn, tập trung vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách; tăng cường điều phối liên ngành, liên vùng. Phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở Trung ương và địa phương; gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương.

Điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ quản lý khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương. Trong đó, tăng cường phân công, phân cấp, quyền chủ động xây dựng và phê duyệt kế hoạch, quyền đề xuất phân bổ ngân sách khoa học và công nghệ, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2.6. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học.

Tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong các

hoạt động tư vấn, phản biện xã hội, vai trò xung kích của đoàn thanh niên, các tổ chức và cá nhân trong phong trào thi đua sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

3. Triển khai các định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu

3.1. Tăng cường nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh và mục đích công cộng.

Quan tâm nghiên cứu cơ bản có trọng điểm; ưu tiên một số lĩnh vực khoa học tự nhiên mà Việt Nam có lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng nghiên cứu cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Xây dựng chương trình phát triển khoa học cơ bản trong một số lĩnh vực toán, vật lý, khoa học sự sống, khoa học biển. Chú trọng phát triển một số lĩnh vực liên ngành giữa khoa học tự nhiên với khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển bền vững. Khoa học xã hội và nhân văn tập trung vào nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn quá trình đổi mới đất nước và dự báo xu hướng phát triển. Tiếp tục cung cấp luận cứ làm rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phục vụ xây dựng đường lối, chính sách phát triển và bảo vệ đất nước trong giai đoạn mới. Chú trọng các nghiên cứu về mô hình và chiến lược phát triển, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xu thế phát triển của xã hội, văn hóa, dân tộc, tôn giáo và con người Việt Nam; tăng cường nghiên cứu khoa học lịch sử; dự báo các xu thế phát triển của khu vực và thế giới, hội nhập quốc tế, nâng cao vai trò của Việt Nam trong giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu...

3.2. Ưu tiên phát triển một số công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ liên ngành

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đạt trình độ quốc tế trong một số lĩnh vực có lợi thế nhằm sớm đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về công nghệ thông tin - truyền thông.

Nghiên cứu và phát triển có trọng điểm các công nghệ gen, tế bào, vi sinh, enzym - protein, tin sinh học, nano sinh học; ứng dụng có hiệu quả các công nghệ này vào một số lĩnh vực chủ yếu: nông - lâm - ngư nghiệp, y - dược, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường.

Chú trọng tiếp nhận và phát triển các công nghệ vật liệu mới, hiện đại, như: vật liệu điện tử và quang tử, vật liệu nano, vật liệu y - sinh, vật liệu tiên tiến, sử dụng nguyên liệu trong nước, đặc biệt là nguyên liệu sinh học, đất hiếm, khoáng sản quý hiếm; vật liệu có tính năng đặc biệt sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, y - dược, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh.

Phát triển một số công nghệ chế tạo máy và tự động hóa trọng điểm, như: công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền đồng bộ trong dầu khí, thủy điện, nhiệt điện, đóng tàu, khai thác và chế biến khoáng sản.

Phát triển công nghệ môi trường: xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải; ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất, kinh doanh; phát triển công nghệ tái chế chất thải.

3.3. Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương

Tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ nông nghiệp, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước có nền sản xuất nông nghiệp tiên tiến; sản xuất và xuất khẩu hàng đầu thế giới về lúa gạo, thủy sản và sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới.

Nghiên cứu công nghệ và thiết bị phát triển các nguồn năng lượng tái tạo. Hiện đại hóa các nhà máy nhiệt điện và thủy điện hiện có. Chuẩn bị tích cực cho việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong lĩnh vực y tế; tập trung ưu tiên hình thành một số chuyên khoa khám, chữa bệnh công nghệ, chất lượng cao ở các bệnh viện quốc gia. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất thuốc từ dược liệu trong nước và thuốc y học cổ truyền.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, phát triển kinh tế biển, công nghệ vũ trụ phục vụ thông tin và truyền thông, nghiên cứu khoa học trái đất, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

Chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ để khai thác có hiệu quả các lợi thế và điều kiện đặc thù của từng vùng, nhất là khu vực nông thôn, miền núi. Hình thành tại mỗi vùng một số mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo, sản xuất, kinh doanh; hướng vào khai thác các lợi thế của vùng về các điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội, hình thành các sản phẩm chủ lực của mỗi vùng. Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh.

4. Phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia

Tập trung đầu tư phát triển một số viện khoa học và công nghệ, trường đại học cấp quốc gia theo mô hình tiên tiến của thế giới. Từng bước hình thành và phát triển viện hoặc trung tâm nghiên cứu tại các vùng kinh tế trọng điểm để phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng.

Tập trung nguồn lực xây dựng và đưa vào hoạt động có hiệu quả ba khu công nghệ cao quốc gia. Quy hoạch các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung. Quy hoạch và phát triển các trung tâm nghiên cứu hiện đại gắn với các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm chuyên ngành.

Phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Hình thành các tập thể nghiên cứu đáp ứng yêu cầu giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia. Phát triển các nhóm nghiên cứu trẻ, tiềm năng từ các trường đại học, viện nghiên cứu để làm hạt nhân hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển. Khuyến khích thành lập các viện nghiên cứu phát triển có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập chi nhánh của các viện nghiên cứu nước ngoài ở Việt Nam.

Phát triển hạ tầng thông tin và thống kê khoa học và công nghệ quốc gia hiện đại. Hình thành các bảo tàng khoa học và công nghệ.

5. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ. Có chế tài xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật trong giao dịch, mua bán các sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ. Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ kỹ thuật khoa học và công nghệ, môi giới, chuyển giao, tư vấn, đánh giá và định giá công nghệ. Đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng liên thông với hệ thống các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ của các tỉnh, thành phố, kết nối với các sàn giao dịch công nghệ khu vực và thế giới.

Xây dựng quy định và tiêu chí đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, chuyển nhượng, góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ. Hoàn thiện các chính sách về hỗ trợ xác lập và bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và thương mại hóa sản phẩm. Khuyến khích thành lập tổ chức chuyển giao công nghệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu.

Xây dựng bộ chỉ số thống kê, đo lường kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của các ngành và địa phương. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghệ, chuyên gia công nghệ, kết nối cung - cầu sản phẩm khoa học và công nghệ mới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp, trao đổi, giao dịch thông tin về khoa học và công nghệ.

Xây dựng hệ thống các giải pháp để hỗ trợ phát triển thị trường trong nước, ngăn chặn nhập khẩu các sản phẩm, công nghệ lạc hậu.

6. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

Xác định rõ đối tác chiến lược trong hợp tác nghiên cứu chung và địa bàn trọng điểm có công nghệ nguồn cần khai thác, chuyển giao. Triển khai hợp tác khoa học và công nghệ tầm quốc gia với các nước tiên tiến về khoa học và công nghệ, là đối tác chiến lược của Việt Nam.

Tăng cường hợp tác giữa các trung tâm nghiên cứu trong nước với các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ nước ngoài. Nghiên cứu hình thành một số trung tâm khoa học công nghệ hiện đại có liên kết với các tổ chức khoa học tiên tiến nước ngoài.

Có cơ chế, chính sách ưu đãi về đầu tư, đất đai, cơ sở hạ tầng, thủ tục hành chính... để tạo đột phá trong thu hút các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

Phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.

KẾT LUẬN SỐ 50-KL/TW, NGÀY 30/5/2019 CỦA BAN BÍ THƯ

tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

(trích)

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp sau:

1. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh, đồng bộ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết. Nâng cao, phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo,

chỉ đạo và quản lý của cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp trong triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp, trước hết là người đứng đầu chịu trách nhiệm thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của mình; xác định kết quả thực hiện nhiệm vụ này là một trong những tiêu chí, thước đo đánh giá về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý nhà nước.

2. Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ. Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế, phương thức quản lý tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đổi mới hệ thống sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm; trường đại học, viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu chủ yếu, là yếu tố "lõi" của hệ thống khoa học quốc gia.

Rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ, giảm đầu mối trung gian, khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực nghiên cứu. Nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Kiên quyết thực hiện cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập gắn với trách nhiệm giải trình, chịu sự đánh giá độc lập và từng bước thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng, đấu thầu và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng. Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

Tiếp tục thúc đẩy, khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo; tăng số lượng và quy mô các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; đẩy mạnh hợp tác công - tư, hình thành trung tâm mô phỏng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy nhanh việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

3. Tiếp tục tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng. Nâng cao năng lực ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới để phát triển các sản phẩm chủ lực có tính cạnh tranh cao của quốc gia.

Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu cơ bản; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi. Lựa chọn và tập trung hỗ trợ triển khai nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ cho một số ngành và lĩnh vực then chốt. Trong công nghiệp, ưu tiên các ngành công nghiệp mới, công nghiệp công nghệ cao như công nghiệp hóa dược, sinh học, cơ điện tử, các ngành tự động hóa; chế tạo, năng lượng sạch, chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp môi trường. Ưu tiên cao nhất để đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong nông nghiệp, ưu tiên các hoạt động nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh học. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học y học, phát triển các ngành khoa học phục vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe con người. Tiếp tục đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin theo mô hình tiên tiến thế giới. Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng thông tin, thống kê kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ tin cậy, cập nhật, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

4. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tháo gỡ các vướng mắc trong chính sách đào tạo, thu hút tạo nguồn cán bộ khoa học từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; sử dụng, đặc biệt là cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn cao, nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ quốc gia đặc biệt quan trọng. Xây dựng các quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học phù hợp thông lệ quốc tế. Xây dựng, triển khai các chương trình cụ thể để thu hút và phát huy có hiệu quả các nhà khoa học, chuyên

gia giỏi là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài. Xây dựng các chính sách cử cán bộ khoa học Việt Nam đi làm việc, học tập tại các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp ở nước ngoài. Có chính sách khuyến khích, thúc đẩy gắn kết viện, trường với doanh nghiệp để đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh.

5. Tiếp tục thúc đẩy phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; hoàn thiện chính sách hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Thúc đẩy sự liên thông của thị trường khoa học và công nghệ với thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn.

Kết nối có hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương. Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ trung gian môi giới, đánh giá, chuyển giao công nghệ. Hỗ trợ phát triển các nhóm nghiên cứu trẻ tiềm năng, các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

6. Đa dạng hóa đối tác và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, theo lĩnh vực ưu tiên; gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với hợp tác quốc tế về kinh tế. Chủ động tăng cường hợp tác nghiên cứu chung với các đối tác quan trọng sở hữu công nghệ nguồn, mở rộng hợp tác khoa học và công nghệ tầm quốc gia với các nước tiên tiến. Chú trọng khai thác, chuyển giao công nghệ từ các địa bàn có công nghệ nguồn để rút ngắn khoảng cách, nâng cao trình độ, năng lực khoa học và công nghệ trong nước. Khuyến khích các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp Việt Nam hoặc thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển ở Việt Nam. Hỗ trợ hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật về khoa học và công nghệ tầm khu vực và quốc tế.

NGHỊ QUYẾT SỐ 52-NQ/TW, NGÀY 27/9/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hóa đất nước; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2025: Duy trì xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc 3 nước dẫn đầu ASEAN. Xây dựng được hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; Internet băng thông rộng phủ 100% các xã. Kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP; năng suất lao động tăng bình quân trên 7%/năm. Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN trong xếp hạng chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc. Có ít nhất 3 đô thị thông minh tại 3 vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung.

3. Một số mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Duy trì xếp hạng về chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới. Mạng di động 5G phủ sóng toàn quốc; mọi người dân được truy cập Internet băng thông rộng với chi phí thấp. Kinh tế số chiếm trên 30% GDP; năng suất lao động tăng bình quân khoảng

7,5%/năm. Hoàn thành xây dựng Chính phủ số. Hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung; từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới.

4. Tầm nhìn đến năm 2045: Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Châu Á; có năng suất lao động cao, có đủ năng lực làm chủ và áp dụng công nghệ hiện đại trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh.

II. MỘT SỐ CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH CHỦ ĐỘNG THAM GIA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về sự cấp thiết phải chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, coi đó là một nhiệm vụ trọng tâm. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Xác định nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

- Nhà nước ưu tiên chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ mới trong các ngành, lĩnh vực; có trách nhiệm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, công nghệ, tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm để người dân và doanh nghiệp là các chủ thể quyết định tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phát huy sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi các chính sách có liên quan đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xây dựng cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi các chính sách.

2. Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia

- Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng; đồng thời ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực cả về kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng. Bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới được ưu đãi đầu tư để thúc đẩy tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm. Nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới. Thực hiện định danh, công nhận, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Chủ động tham gia vào các khuôn khổ pháp lý khu vực và toàn cầu để phát triển kinh tế số. Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho việc tạo dựng, kết nối,

chia sẻ và khai thác dữ liệu bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong nước, tiến tới kết nối với khu vực ASEAN và quốc tế. Xây dựng hành lang pháp lý cho định danh số và xác thực điện tử quốc gia; thiết lập khung danh tính số quốc gia.

- Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo. Sửa đổi các quy định về đầu tư theo hướng tạo thuận lợi cho các hoạt động thu hút vốn, mua cổ phần, mua bán sáp nhập doanh nghiệp công nghệ; các nhà đầu tư nước ngoài góp vốn vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đối với các sáng chế tại Việt Nam trên cơ sở tuân thủ pháp luật trong nước và bảo đảm lợi ích an ninh quốc gia. Khuyến khích các công ty đa quốc gia đặt các cơ sở nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam.

- Hoàn thiện pháp luật, chính sách về tài chính - tiền tệ, thanh toán điện tử, quản lý thuế và các dịch vụ xuyên biên giới phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số. Hoàn thiện chính sách đặt hàng sản xuất và mua sắm công đối với các sản phẩm công nghệ số do Việt Nam sản xuất.

- Ban hành các chính sách hạn chế các tác động tiêu cực của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tạo lập hành lang pháp lý cho việc triển khai các mô hình lao động, việc làm mới trên nền tảng công nghệ số và hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xử lý kịp thời các thách thức đặt ra đối với phát triển xã hội. Thúc đẩy việc tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia về phát triển các

doanh nghiệp công nghệ, ưu tiên phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ cao thực hiện thiết kế, sáng tạo và sản xuất tại Việt Nam.

- Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về phát triển đô thị thông minh bền vững; hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia; hệ thống hạ tầng dữ liệu, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của đô thị thông minh. Xác định rõ lộ trình thí điểm và lựa chọn các đô thị thí điểm đô thị thông minh; cho phép thực hiện thí điểm một số cơ chế đặc thù trong quá trình triển khai thí điểm phát triển đô thị thông minh bảo đảm tính hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu

- Triển khai băng thông rộng chất lượng cao trên phạm vi toàn quốc. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp. Đầu tư trang bị các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu công.

- Quy hoạch xây dựng hạ tầng thanh toán số quốc gia theo hướng đồng bộ, thống nhất, dùng chung, tận dụng và khai thác có hiệu quả hạ tầng mạng lưới viễn thông để triển khai các dịch vụ thanh toán cho người dân với chi phí thấp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy mạnh mẽ thanh toán không dùng tiền mặt. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam xây dựng các hệ thống thanh toán số. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ các hình thức thanh toán trực tuyến qua biên giới.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Xây dựng và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia.

- Nâng cấp hạ tầng các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trước hết là hạ tầng năng lượng và giao thông. Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia.

4. Chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia

- Cơ cấu lại toàn diện hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ công lập. Xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, tập trung vào các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao hiệu quả đầu tư công cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trên cơ sở áp dụng mô hình quản trị mới theo thông lệ tốt của thế giới.

- Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh. Khuyến khích các trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

- Ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia làm nền tảng cho việc ứng dụng và phát triển các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất và đời sống. Tạo lập đồng bộ và kịp thời khung pháp lý và hệ thống các chính sách để triển khai và phát triển các công nghệ mới. Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Hoàn thiện mô hình và cơ chế, chính sách để tạo sự phát triển đột phá đối với các khu công nghệ cao. Trên cơ sở các khu công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội), Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, phát triển các khu đô thị sáng tạo đạt đẳng cấp quốc tế. Thúc đẩy

phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, trước mắt tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Rà soát tổng thể, thực hiện đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu. Đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số; lấy đánh giá của doanh nghiệp làm thước đo cho chất lượng đào tạo của các trường đại học trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

- Có cơ chế khuyến khích và ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục và đào tạo, tạo ra sản phẩm phục vụ cho nền kinh tế số. Xây dựng một số trung tâm giáo dục, đào tạo xuất sắc về công nghệ theo hình thức hợp tác công - tư. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Phát triển mạnh đào tạo nghề và hỗ trợ đào tạo kỹ năng cho chuyển đổi công việc. Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho người lao động khi tham gia đào tạo lại, đào tạo nâng cao chuyên môn và kỹ năng để chuyển đổi công việc.

- Hình thành mạng học tập mở của người Việt Nam. Thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt trình độ cơ bản cho người dân. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

6. Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên

- Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông;

an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hóa số; y tế; giáo dục và đào tạo.

- Ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, trọng tâm là: Công nghệ thông tin và truyền thông, cơ điện tử, công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, điện tử y sinh.

- Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ các ngành và công nghệ ưu tiên chủ yếu thông qua đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; phát triển nguồn nhân lực; phát triển khoa học và công nghệ; đặt hàng mua sắm công.

7. Chính sách hội nhập quốc tế

- Mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác về khoa học, công nghệ với các đối tác, đặc biệt là các nước đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến, đang đi đầu trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chủ động tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu.

- Đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

- Hoàn thiện luật pháp, chính sách về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng nâng cao tiêu chuẩn công nghệ, khuyến khích hình thức liên doanh và tăng cường liên kết, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài; quản lý chặt chẽ hoạt động của các doanh nghiệp dựa trên nền tảng cung cấp dịch vụ xuyên quốc gia để bảo đảm môi trường kinh doanh bình đẳng trong nước. Hoàn thiện các quy định pháp luật về đầu tư mạo hiểm có vốn nước ngoài.

8. Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

- Tiên phong thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số của Chính phủ và các cấp chính quyền, tạo điều kiện để mọi công dân có thể cập nhật thông tin cần thiết về hoạt động của bộ máy nhà nước. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thu thập, quản lý dữ liệu và giao dịch trên nền tảng Internet ở các cơ quan Nhà nước.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chuẩn hóa và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện chuyển đổi số. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

KẾ HOẠCH SỐ 28-KH/TU, NGÀY 24/10/2016 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư (khóa IX) về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, đẩy mạnh công

tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nâng cao vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tuyên truyền, vận động việc ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, vào công tác bảo vệ môi trường, nhất là vấn đề xử lý chất thải; kịp thời phát hiện và yêu cầu xử lý, khắc phục đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, cung cấp kịp thời các tài liệu cho cán bộ làm công tác trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Có chính sách sử dụng và thu hút đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi trong lĩnh vực công nghệ sinh học về công tác tại các trường, viện, trung tâm nghiên cứu của tỉnh. Từng bước đáp ứng nhu cầu bố trí kinh phí đầu tư, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học cho các phòng thí nghiệm, các cơ sở nghiên cứu thử nghiệm và khảo nghiệm cho Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm Khuyến nông khuyến ngư...

3. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực làm công tác công nghệ sinh học từ cấp tỉnh đến cấp huyện giai đoạn 2016-2020 và khảo sát nhu cầu thực tế hàng năm. Nghiên cứu có chính sách phù hợp để ngành công nghiệp sinh học có cơ hội phát triển thuận lợi; có cơ chế và tạo điều kiện mở rộng mối liên kết, hợp tác giữa các viện nghiên cứu, trường đại học trong tỉnh, trong nước và quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đồng thời triển khai ứng dụng những thành tựu nghiên cứu công nghệ sinh học vào thực tiễn phục vụ sản xuất và đời sống. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế xã hội hóa và khuyến khích cá nhân, tổ chức, cộng đồng tham gia

tích cực vào việc ứng dụng công nghệ sinh học vào nghiên cứu và sản xuất cũng như sử dụng các sản phẩm công nghệ sinh học có thương hiệu Việt Nam.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng nghiêm ngặt các quy định về an toàn sinh học. Chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác an toàn thực phẩm bảo đảm sức khỏe và đời sống của nhân dân. Phát triển và ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học - công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học, phục vụ thiết thực và có hiệu quả trong phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, kinh tế biển, công nghiệp chế biến, bảo vệ sức khỏe và bảo vệ môi trường. Tập trung xây dựng thương hiệu một số sản phẩm ở các ngành, nghề có chất lượng và có giá trị kinh tế cao, nâng cao sức cạnh tranh cả trong nước và xuất khẩu.

5. Tăng cường ứng dụng các đề tài nghiên cứu, dự án khoa học - công nghệ cấp tỉnh, đưa các mô hình tại các trung tâm nghiên cứu đạt kết quả tốt vào triển khai thực hiện trên địa bàn. Phát huy, nhân rộng các mô hình chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, các đề tài nghiên cứu khoa học trong tuyển chọn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản sạch bệnh, có chất lượng tốt đưa vào cơ cấu sản xuất, thúc đẩy nhanh tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, nâng cao năng suất, chất lượng gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

Nhanh chóng làm chủ và đưa vào ứng dụng rộng rãi các sản phẩm công nghệ sinh học, các quy trình để phát hiện nhanh, chính xác, đối phó hiệu quả các tác nhân sinh học được sử dụng trong phòng chống tội phạm, chiến tranh hoặc khủng bố, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh.

6. Xây dựng hệ thống các cơ sở nghiên cứu - ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học đủ năng lực, có khả năng nghiên cứu và tiếp nhận, ứng dụng triển khai phát triển từ tỉnh xuống huyện; nghiên cứu tạo ra công nghệ mới, chuyển giao ứng dụng, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

THÔNG TRI SỐ 15-TT/TU, NGÀY 09/8/2019 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

thực hiện Kết luận số 50-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các sở, ban ngành thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Tập trung quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trong Báo cáo số 120-BC/TU, ngày 07/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động số 13-CTr/TU, ngày 13/3/2013 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

2. Các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành trước hết là người đứng đầu chịu trách nhiệm thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của mình; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ này là một trong những tiêu chí, thước đo đánh giá về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của tổ chức, cá nhân người đứng đầu hằng năm. Đồng thời, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng có tính bản lề để nâng

cao năng suất, chất lượng các hoạt động đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển tỉnh nhà và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

3. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ kết hợp xây dựng, ban hành và triển khai các quy định của địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển công nghệ thông tin.

Rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ nhằm giảm mạnh đầu mối. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ; phát triển mạnh mẽ thị trường khoa học và công nghệ phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương. Nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Kiên quyết thực hiện cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập gắn với trách nhiệm giải trình, chịu sự đánh giá độc lập và từng bước thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng, đấu thầu và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng. Tiếp tục thúc đẩy, khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo; tăng số lượng và quy mô các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

4. Tiếp tục phát triển các chương trình khoa học và công nghệ theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng. Nâng cao năng lực ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến để phát triển các sản phẩm chủ lực có tính cạnh tranh cao của tỉnh.

Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu cơ bản; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi. Lựa chọn và tập trung hỗ

trợ triển khai nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ cho một số ngành và lĩnh vực then chốt. Trong công nghiệp, ưu tiên các ngành công nghiệp mới, công nghiệp công nghệ cao như: công nghiệp hóa dược, sinh học, cơ điện tử, các ngành tự động hóa, chế tạo, năng lượng sạch, chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp môi trường. Ưu tiên đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong nông nghiệp, ưu tiên các hoạt động nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh học. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học y học, phát triển các ngành khoa học phục vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe con người. Đẩy nhanh tiến độ triển khai phương án xây dựng Khu công nghệ cao của tỉnh và 02 phân khu công nghệ thông tin tập trung nhằm tạo điều kiện thu hút các nguồn lực đầu tư, phát triển các ngành nghề thuộc công nghiệp công nghệ thông tin, kinh tế tri thức.

5. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng, phát triển của tỉnh trong tình hình mới. Có những cơ chế, chính sách đào tạo, thu hút tạo nguồn cán bộ khoa học từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; sử dụng cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn cao. Xây dựng các quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp phù hợp trong nghiên cứu khoa học.

Xây dựng, triển khai các chương trình cụ thể để thu hút và phát huy có hiệu quả các nhà khoa học, chuyên gia giỏi về tỉnh công tác. Có chính sách cử cán bộ khoa học đi làm việc, học tập tại các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với các trường đại học, doanh nghiệp để gắn kết quả nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo và sản xuất kinh doanh khi có nhu cầu.

6. Tiếp tục phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ; hoàn thiện về cơ chế, chính sách hỗ trợ để khuyến khích

các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Thúc đẩy sự liên thông của thị trường khoa học và công nghệ với thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn.

Kết nối có hiệu quả các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ của tỉnh với các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ trung gian môi giới, đánh giá, chuyển giao công nghệ. Hỗ trợ phát triển các nhóm nghiên cứu trẻ tiềm năng, các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

7. Đa dạng hóa đối tác và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, theo lĩnh vực ưu tiên; gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với hợp tác quốc tế về kinh tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin; chuyển giao các công nghệ mới, sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm thuộc công nghiệp 4.0 để ứng dụng trong quản lý, điều hành và sản xuất, kinh doanh. Chú trọng khai thác, chuyển giao công nghệ từ các địa bàn có công nghệ nguồn để rút ngắn khoảng cách, nâng cao trình độ, năng lực khoa học và công nghệ trong nước. Khuyến khích các dự án đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong tỉnh. Hỗ trợ hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật về khoa học và công nghệ tầm khu vực và quốc tế.

8. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh và các cơ quan liên quan giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tri này.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 13-CTr/TU, NGÀY 13/5/2013 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

(trích)

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ (KH&CN), làm cho KH&CN của tỉnh thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KH&CN ở các ngành, các cấp nhằm tạo ra kết quả nghiên cứu, ứng dụng có chất lượng, tiếp cận trình độ công nghệ tiên tiến trong vùng, khu vực và quốc tế; đáp ứng các yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững. Phấn đấu xây dựng tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương, là trung tâm kinh tế - du lịch, khoa học và công nghệ, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, kinh tế du lịch và chăm sóc sức khỏe nhân dân của vùng duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến năm 2020, đóng góp của KH&CN thông qua năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) khoảng 35% cho tăng trưởng kinh tế; giá trị sản phẩm công nghệ và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp.

Tỷ lệ đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị đạt 10 - 15% vào năm 2015 và trên 20% vào năm 2020. Giá trị giao dịch trên thị trường công nghệ tăng bình quân 10 - 15 %/năm.

- Tổng đầu tư xã hội cho KH&CN đạt 1,5% GDP năm 2015 và 2% GDP vào năm 2020.

- Phấn đấu có sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký vào năm 2015; đến năm 2020, số lượng này đạt gấp 2 lần so với năm 2016; trong đó đặc biệt tăng nhanh số lượng sáng chế, công bố khoa học theo chuẩn mực quốc gia, quốc tế được tạo ra từ các chương trình trọng điểm cấp tỉnh.

- Tạo bước đột phá trong chính sách nhân lực KH&CN, bảo đảm gia tăng số cán bộ nghiên cứu và phát triển trên một vạn dân đạt mức 10 - 12 người năm 2015 và 12 - 14 người vào năm 2020 (năm 2011 là 8,5 người). Phấn đấu xây dựng một đội ngũ nhân lực công nghệ cao, các chuyên gia khoa học công nghệ đầu ngành, một đội ngũ đủ sức đảm đương việc thiết kế, chế tạo ra các sản phẩm công nghệ cao có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Hình thành lực lượng sản xuất mới là các doanh nghiệp KH&CN vào năm 2015, đến năm 2020 hình thành một số doanh nghiệp KH&CN chủ yếu ở các lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và ở các ngành kinh tế - kỹ thuật thế mạnh của tỉnh, tạo ra được một số sản phẩm quốc gia và sản phẩm công nghệ cao.

- Năm 2015 hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, tạo điều kiện ra đời khu công nghệ cao của tỉnh. Đến 2020, Khánh Hòa xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật trong việc phát triển công nghệ cao và đưa Khu công nghệ cao tỉnh vào hoạt động, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp KHCN.

- Đến năm 2020, năng lực KH&CN và đổi mới của Khánh Hòa nằm trên mức trung bình của cả nước, các thành tựu khoa học công nghệ đạt được có sức lan tỏa ra các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển KH&CN

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền về vai trò của KH&CN trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định việc phát huy, phát triển KH&CN là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN với các kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng cấp; kế hoạch ứng dụng, phát triển KH&CN là một nội dung của quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, địa phương.

- Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với KH&CN. Làm cho toàn Đảng bộ và nhân dân thấy rõ những thế mạnh, cơ hội của tỉnh, phải phát triển KH&CN để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đảm bảo phát triển bền vững.

2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ quản lý, tổ chức, hoạt động KH&CN

2.1. Đổi mới quản lý và hoạt động KH&CN:

- Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách KH&CN gắn với định hướng lâu dài, kế hoạch 5 năm, hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hoạt động KH&CN phải gắn chặt, phù hợp với đặc thù quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; việc triển khai các đề tài KH&CN phải xuất phát từ nhu cầu bức xúc của sản xuất, theo đơn đặt hàng, phải có địa chỉ áp dụng, phải hướng mạnh về cơ sở. Xây dựng các chương trình, đề án KH&CN cấp tỉnh theo phương thức tuyển chọn theo cơ chế cạnh tranh; thẩm định, đánh giá độc lập trong việc giao thực hiện nhiệm vụ và nghiệm thu kết quả độc lập, khách quan theo đúng quy định. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học và doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống.

- Củng cố và phát huy vai trò Hội đồng KH&CN tỉnh; thành lập, củng cố Hội đồng KH&CN ngành, cơ sở; tăng cường tính dân

chủ, công khai, công bằng, minh bạch của công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tham mưu tư vấn.

- Tăng cường tổ chức và hoạt động Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật tỉnh trong vai trò tập hợp đội ngũ cán bộ KH&CN, tham gia giám sát, phản biện khoa học.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, công nghệ và tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động KH&CN và chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN từ tỉnh đến cấp huyện. Tăng cường cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn sâu phù hợp tính chất công việc của Sở KH&CN, tăng cường năng lực tham mưu công tác quản lý KH&CN của tỉnh. Thực hiện phân cấp nhiệm vụ, tài chính cho hoạt động KH&CN các ngành, các huyện, thị, thành phố.

2.2. Phát triển và đổi mới cơ chế hoạt động hệ thống tổ chức KH&CN:

- Nâng cao năng lực các đơn vị, tổ chức KH&CN hiện có; thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập về nhân lực, kinh phí dựa trên kết quả và hiệu quả hoạt động.

- Khuyến khích phát triển các tổ chức KH&CN ở các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ KH&CN. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động KH&CN, tạo thêm động lực, môi trường thuận lợi tự do sáng tạo, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ, nâng cao tiềm lực và hiệu quả đầu tư cho KH&CN.

- Hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tổ chức KH&CN được vay vốn từ các quỹ dành cho KH&CN hoặc từ các tổ chức tín dụng. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp, trước hết doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới công nghệ. Khuyến khích các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN thành lập quỹ phát triển KH&CN.

2.3. Đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ KH&CN:

- Công tác quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực KH&CN phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh tới năm 2020 và tầm nhìn năm 2030.

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ KH&CN các trung tâm, trạm, trại, các ngành tỉnh. Phát hiện, bồi dưỡng tài năng từ các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chính sách khuyến khích hoạt động KH&CN, đặc biệt chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ để khuyến khích, phát huy mọi khả năng, tiềm năng sáng tạo đội ngũ cán bộ KH&CN tham gia nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, nhất là đối với nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu chính sách tín dụng đối với công tác đào tạo cán bộ KH&CN, công nhân kỹ thuật lành nghề.

Bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của tác giả các công trình KH&CN, có chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với các tác giả có công trình được công bố quốc tế, các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước; tác giả công trình KH&CN được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao; các tổ chức, cá nhân có đóng góp xuất sắc trong hoạt động KH&CN của tỉnh.

2.4. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học:

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trong các hoạt động tư vấn, phản biện xã hội; vai trò xung kích của đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức và cá nhân nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, thử nghiệm - ứng dụng tiến bộ KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

3. Triển khai các định hướng nhiệm vụ KH&CN chủ yếu

3.1. Tăng cường điều tra cơ bản, nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:

- Tiếp tục nghiên cứu, điều tra cơ bản về điều kiện, tài nguyên thiên nhiên để cung cấp căn cứ khoa học cho việc xây dựng các chủ trương, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học; bảo tồn nguồn gen động, thực vật quý hiếm; xây dựng giải pháp ứng phó với việc biến đổi khí hậu - nước biển dâng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Tập trung nghiên cứu những vấn đề về kinh tế hợp tác nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp - thủy sản trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, xây dựng nhãn hiệu tập thể và tiêu thụ sản phẩm; mô hình nông thôn mới - công nghiệp hóa, hiện đại hóa (cấp xã); các vấn đề văn hóa, xã hội phục vụ cho việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và ở các khu, cụm công nghiệp.

- Ưu tiên một số lĩnh vực khoa học - công nghệ là thế mạnh của tỉnh như nuôi trồng thủy sản, yến sào, kinh tế biển, ứng dụng KH&CN trong phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch.

- Khoa học xã hội và nhân văn tập trung vào nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn quá trình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào quản lý và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; dự báo xu hướng phát triển; cung cấp luận cứ, cơ sở khoa học phục vụ xây dựng đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa; chú trọng nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, văn hóa - xã hội, con người, tôn giáo, dân tộc.

3.2. Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển KH&CN các ngành, các cấp và trong các lĩnh vực sản xuất, đời sống và trong công tác quản lý:

- Trong nông nghiệp, tập trung nghiên cứu, áp dụng các thành tựu KH&CN, trong đó chú trọng ứng dụng rộng rãi công nghệ

sinh học, ưu tiên phát triển công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong sản xuất giống nhằm tạo bước đột phá về giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng tốt xây dựng các mô hình trình diễn tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nói chung theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến để chế biến và bảo quản và đa dạng hóa các mặt hàng nông - lâm - thủy sản, xây dựng các thương hiệu mạnh cho các sản phẩm xuất khẩu và đặc sản truyền thống ở quy mô công nghiệp đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Phát triển công nghệ, công cụ và thiết bị tiên tiến, đồng bộ phục vụ quy hoạch phát triển nông nghiệp hiện đại và xây dựng nông thôn mới.

Phấn đấu làm tăng nhanh hàm lượng khoa học công nghệ trong các sản phẩm nông nghiệp, đẩy mạnh triển khai mô hình "sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao".

- Trong các lĩnh vực công nghiệp, đổi mới và từng bước nâng cao trình độ công nghệ của các ngành kinh tế nhằm tăng năng suất lao động, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Chú trọng phát triển các công nghệ sau thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản, cơ khí phục vụ nông nghiệp, tiết kiệm năng lượng điện, công nghệ phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị. Khuyến khích, hỗ trợ hoạt động chuyển giao các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao ở các ngành lĩnh vực then chốt của tỉnh.

- Từng bước ứng dụng công nghệ cao, tiếp cận trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới trong lĩnh vực y tế đáp ứng yêu cầu về chất lượng cao trong khám, chữa bệnh ở bệnh viện tỉnh.

- Triển khai nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực đời sống xã hội, trước hết là triển khai tin học hóa công tác quản lý trong các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng, xây dựng cơ sở dữ liệu về kinh tế - xã hội, KH&CN.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO vào hoạt động ở các lĩnh vực của sản xuất và đời sống xã hội. Trước hết trong công tác quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước và đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa chủ lực trong nền kinh tế của tỉnh.

4. Phát huy và tăng cường tiềm lực KH&CN

Tập trung nguồn lực, tăng cường đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nghiên cứu, ứng dụng KH&CN nhằm nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ đáp ứng các yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao trình độ công nghệ của tỉnh, trước hết là các ngành, lĩnh vực then chốt. Tập trung phát triển một số sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chủ lực có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Từng bước xây dựng nền nông nghiệp trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao.

- Tăng cường tiềm lực cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung phát triển các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức hoạt động KH&CN công lập thuộc các sở, ngành tỉnh. Trước mắt thành lập và xây dựng dự án đầu tư tăng cường năng lực cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, dự án nâng cao năng lực cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng theo Đề án 317 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ thành lập doanh nghiệp KH&CN, tăng cường hoạt động liên kết, hợp tác trong công tác nghiên cứu, chuyển giao KH&CN với các tổ chức KH&CN, viện - trường đại học trong và ngoài tỉnh, liên kết vùng, khu vực và quốc tế.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình "Đào tạo và phát huy nguồn nhân lực", trước mắt ưu tiên tập trung đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học - công nghệ trình độ cao cho một số ngành như: Khoa học tự nhiên, giáo dục - đào tạo, công nghệ thông tin, nông nghiệp, y tế, công nghiệp…; đào tạo kỹ sư công nghệ, kỹ sư tin học (theo chỉ tiêu của Chương trình nguồn nhân lực và Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện nghị quyết Trung ương về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp

hóa, hiện đại hóa đất nước). Đào tạo công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

5. Hình thành và phát triển thị trường KH&CN

Nghiên cứu cơ chế chính sách đảm bảo từng bước hình thành thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh; có cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư hoạt động của các doanh nghiệp KH&CN; tổ chức và tham gia tổ chức các hội chợ công nghệ tại tỉnh. Khuyến khích thành lập sàn giao dịch công nghệ, các tổ chức dịch vụ kỹ thuật KH&CN, môi giới, tư vấn, chuyển giao công nghệ.

Tổ chức đánh giá, đo lường kết quả và hiệu quả hoạt động KH&CN của địa phương trong thời gian qua để xác định mặt được, chưa được, rút kinh nghiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong thời gian tới.

Xây dựng các tiêu chí, chính sách để hỗ trợ xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng thương hiệu và thương mại hóa các sản phẩm truyền thống, các sản phẩm là thế mạnh của tỉnh.

Tăng cường công tác thông tin, thống kê KH&CN để cung cấp, trao đổi, giao dịch thông tin KH&CN đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý, dự báo và hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, sản xuất kinh doanh…. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia triển lãm giới thiệu và chuyển giao công nghệ.

6. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN

Đẩy mạnh và mở rộng hợp tác KH&CN với các tỉnh, thành phố có thế mạnh trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh khu vực vùng kinh tế trọng điểm duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; các viện nghiên cứu, trường đại học; chủ động liên kết với các tổ chức KH&CN của các quốc gia có trình độ KH&CN tiên tiến, hiện đại và các tổ chức quốc tế... để tạo khâu đột phá trong việc thu hút các nguồn lực tham gia vào hoạt động KH&CN của tỉnh và chuyển giao công nghệ hiện đại từ các nước tiên tiến vào tỉnh. Tham gia và tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế, triển lãm giới thiệu các thành tựu KH&CN mới, tiên tiến trong và ngoài nước.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 39-CTr/TU, NGÀY 24/6/2020 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với thực hiện các đột phá chiến lược về công nghệ; hoàn thành quá trình chuyển đổi số, mà trọng tâm là đề án chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông; nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Hoàn thiện nền tảng chính quyền điện tử, chính quyền số đảm bảo đồng bộ, hiện đại dựa trên các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho tài nguyên số, nền tảng dữ liệu mở để có thể chia sẻ và tích hợp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng và tham gia triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia; tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nền tảng của tỉnh

đảm bảo liên thông, chia sẻ đồng bộ, thống nhất, an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng theo tiến độ của Chính phủ và các bộ ngành Trung ương triển khai.

- Phấn đấu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; tối thiểu 50% hồ sơ thủ tục hành chính có phí, lệ phí được thanh toán trực tuyến; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh.

- 100% doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh và trên 50% số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh hoàn thành chuyển dịch lên nền tảng số.

- Tạo môi trường thuận lợi nhất để phát triển thanh toán điện tử phổ biến rộng rãi tại Khánh Hòa.

- Đưa một số công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có mặt trong các ngành sản xuất trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành việc thiết lập hạ tầng để thành phố Nha Trang cơ bản đáp ứng các tiêu chí của đô thị thông minh.

- Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; nâng cao thứ hạng của tỉnh đối với chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông (ICT Index), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (Par Index).

- Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 11-12%/năm.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Hoàn thành xây dựng, cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam hướng tới nền chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số. Phát triển mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh, kết nối mạng lưới đô thị thông minh quốc gia.

- Hình thành nền kinh tế số; năng suất lao động xã hội tăng bình quân trên 10%/ năm.

- Đưa ngành du lịch, dịch vụ của tỉnh Khánh Hòa thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước và khu vực Đông Nam Á về chất lượng dịch vụ, trải nghiệm khách hàng dựa trên nền tảng áp dụng, khai thác các công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư kết hợp với khai thác tốt giá trị của cơ sở hạ tầng.

- Có nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo với năng suất lao động cao, có đủ năng lực làm chủ và áp dụng công nghệ hiện đại.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới, nâng cao nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

- Nâng cao nhận thức, vai trò của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, coi đó là một nhiệm vụ trọng tâm. Gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh và bổ sung các nhiệm vụ vào kế hoạch, chương trình, đề án, dự án đầu tư, phát triển của các địa phương, đơn vị.

- Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số, với trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số.

- Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, công nghệ; tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm nhằm phát triển các dịch vụ trên nền tảng công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực để người dân và doanh nghiệp là các chủ thể giám sát, tham gia và hưởng lợi từ các dịch vụ đô thị thông minh. Ưu tiên chuyển giao và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến khích đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực.

- Tăng cường công tác phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành; vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách liên quan đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn của tỉnh để triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế và thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số địa phương; ban hành một số cơ chế thử nghiệm để khuyến khích phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới của nền kinh tế số dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng; đồng thời, ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực cả về kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng.

- Triển khai các cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo; thực hiện áp dụng, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho việc tạo dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành Trung ương thông qua hệ thống nền tảng, chia sẻ tích hợp dữ liệu của tỉnh trên cơ sở đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Triển khai các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo; tạo thuận lợi cho các hoạt động thu hút vốn đầu tư về tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách và pháp luật về sở hữu trí tuệ, tăng cường bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các

tài sản trí tuệ, sản phẩm đặc thù của địa phương; khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ đối với các sáng chế tại Việt Nam trên cơ sở tuân thủ pháp luật và bảo đảm lợi ích an ninh quốc gia. Khuyến khích các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo đặt các cơ sở nghiên cứu và phát triển tại tỉnh.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, các chính sách, pháp luật về tài chính - tiền tệ, thanh toán điện tử, quản lý thuế và các dịch vụ của tỉnh phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số.

- Vận dụng các chính sách ưu đãi cho việc triển khai các mô hình lao động, việc làm mới trên nền tảng công nghệ số và hoàn thiện chính sách an sinh xã hội của tỉnh; xử lý kịp thời các thách thức đặt ra đối với phát triển xã hội để giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Tổ chức triển khai các kế hoạch, giải pháp về phát triển đô thị thông minh bền vững.

3. Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, nâng cao chất lượng, hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin

- Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông, triển khai băng thông rộng chất lượng cao và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số và quá trình phát triển mô hình đô thị thông minh.

- Hoàn thiện hệ thống Trung tâm dữ liệu của tỉnh kết nối đồng bộ và thống nhất liên thông với các trung tâm dữ liệu vùng và hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia đảm bảo tính tin cậy và ổn định. Đầu tư trang bị các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu công của tỉnh.

- Xây dựng triển khai hạ tầng thanh toán số quốc gia theo hướng đồng bộ, thống nhất, dùng chung, tận dụng và khai thác có hiệu quả hạ tầng mạng lưới viễn thông để triển khai các dịch vụ thanh toán cho người dân với chi phí thấp. Thực hiện giải pháp thúc đẩy mạnh mẽ thanh toán không dùng tiền mặt. Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng, triển khai các hệ thống thanh toán số; quản lý và kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả các hình thức thanh toán trực tuyến.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn, an ninh mạng. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng Quốc gia.

4. Triển khai các chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo

- Nâng cao hiệu quả đầu tư công cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trên cơ sở áp dụng mô hình quản trị mới theo thông lệ của quốc tế.

- Tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh thành lập các trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển giao thành tựu nghiên cứu khoa học, công nghệ.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu - triển khai, trong đó chú trọng nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa kết quả.

5. Triển khai thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu. Đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số; khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

- Nghiên cứu áp dụng các cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục và đào tạo, tạo ra sản phẩm phục vụ cho nền kinh tế số; các cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút, sử dụng nhân tài,

nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt trình độ cơ bản cho người lao động tại các cơ quan, đơn vị.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, nâng cao nhận thức, xây dựng văn hóa số trong cộng đồng. Tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao kỹ năng của người dân về sử dụng các ứng dụng của thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phát triển mạnh đào tạo nghề và hỗ trợ đào tạo kỹ năng cho chuyển đổi công việc. Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho người lao động khi tham gia đào tạo lại, đào tạo nâng cao chuyên môn và kỹ năng để chuyển đổi công việc.

6. Triển khai thực hiện chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên

- Tập trung phát triển một số ngành ưu tiên có công nghệ nền tảng, mức độ sẵn sàng cao theo hướng đáp ứng tình hình thực tiễn, đảm bảo phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của tỉnh như: Du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao…

- Ưu tiên nguồn lực để triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP, ngày 17/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng 2025.

- Bổ sung quy hoạch khu công nghệ thông tin tập trung trong quy hoạch khu Công nghệ cao của tỉnh, triển khai xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung theo kế hoạch xây dựng khu Công nghệ cao của tỉnh và lộ trình của Chính phủ.

- Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, thông thoáng, thuận lợi, hỗ trợ các cơ sở hạ tầng thiết yếu, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia.

7. Tăng cường liên kết, hợp tác và hội nhập quốc tế

- Chủ động, tăng cường hợp tác với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài tỉnh trong lĩnh vực khoa học công nghệ,

công nghệ thông tin và truyền thông nhằm tạo cơ hội tham gia, tăng cường liên kết, chuyển giao công nghệ, kết nối với hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong vùng, hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh thu hút mọi nguồn lực cho các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, giáo dục và đào tạo, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiệu quả quản lý, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai thực hiện chính sách về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng nâng cao tiêu chuẩn công nghệ, khuyến khích hình thức liên doanh và tăng cường liên kết, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh với các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.

8. Thúc đẩy chuyển đổi số trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

- Tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số của tỉnh và các cấp chính quyền, tạo điều kiện để mọi công dân có thể cập nhật thông tin cần thiết về hoạt động của bộ máy nhà nước. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thu thập, quản lý dữ liệu và giao dịch trên nền tảng Internet ở các cơ quan nhà nước.

- Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chuẩn hóa và tăng cường năng lực của cán bộ quản lý nhà nước các cấp. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện chuyển đổi số. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

A. VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG

NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW, NGÀY 03/6/2013 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XI

về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2020, về cơ bản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững, kiềm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

- Đến năm 2050, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững tài nguyên; bảo đảm chất lượng môi trường sống và cân bằng sinh thái, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về môi trường tương đương với mức hiện nay của các nước công nghiệp phát triển trong khu vực.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu của các cơ quan chuyên môn. Hình thành cho mỗi thành viên trong xã hội ý thức chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Giảm dần thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra.

Chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển, nhất là vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, ven biển miền Trung, trước hết là khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau và các thành phố ven biển khác.

Giảm mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị GDP từ 8-10% so với năm 2010.

- Về quản lý tài nguyên:

Đánh giá được tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên đất liền. Đạt được bước tiến quan trọng trong điều tra cơ bản tài nguyên biển.

Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia. Ngăn chặn xu hướng suy giảm tài nguyên nước ngọt và tài nguyên rừng; nâng cao hiệu quả sử dụng nước tính trên một đơn vị GDP. Bảo đảm cân đối quỹ đất cho phát triển kinh tế-xã hội; giữ và sử dụng linh hoạt 3,8 triệu ha đất chuyên trồng lúa nhằm bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Khai thác hiệu quả và bền vững sinh thái, cảnh quan, tài nguyên sinh vật. Hạn chế tối đa xuất khẩu khoáng sản thô.

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỉ lệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới lên trên 5% tổng năng lượng thương mại sơ cấp; giảm tiêu hao năng lượng tính trên một đơn vị GDP.

- Về bảo vệ môi trường:

Không để phát sinh và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 70% lượng nước thải ra môi trường lưu vực các sông được xử lý; tiêu hủy, xử lý trên 85% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế; tái sử dụng hoặc tái chế trên 65% rác thải sinh hoạt.

Phấn đấu 95% dân cư thành thị và 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh. Kiểm soát an toàn, xử lý ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh. Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư. Cải thiện rõ rệt môi trường làng nghề và khu vực nông thôn.

Quản lý khai thác hợp lý, sớm chấm dứt khai thác rừng tự nhiên, nâng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên lên trên 3 triệu ha; nâng độ che phủ của rừng lên trên 45%.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ chung

- Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Ban hành bộ chỉ số đánh giá kết quả phát triển bền vững, tăng trưởng xanh đưa vào bộ tiêu chí quốc gia; thí điểm phát triển mô hình kinh tế xanh, công nghiệp xanh, đô thị xanh, nông thôn xanh.

- Thực hiện phân vùng chức năng dựa trên đặc tính sinh thái, tiềm năng tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu làm căn cứ để lập quy hoạch phát triển; quy hoạch không gian biển gắn với không gian phát triển trên đất liền; lồng ghép mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương.

- Thiết lập, ứng dụng các mô hình dự báo tổng thể tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế-xã hội và tài nguyên, môi trường. Áp dụng thí điểm phương thức quản lý tổng hợp, thống nhất về tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu cho lưu vực sông, vùng ven biển, sau đó nhân rộng ra cả nước.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tổng hợp và thống nhất về tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu theo chuẩn quốc tế. Có cơ chế phù hợp khai thác, chia sẻ thông tin, sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xây dựng, phát triển năng lực nghiên cứu, giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai đạt trình độ tương đương nhóm các nước dẫn đầu trong khu vực Đông Nam Á. Thường xuyên cập

nhật, hoàn thiện kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cụ thể cho giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới thích ứng biến đổi khí hậu trong xây dựng đô thị, phát triển, sử dụng năng lượng, giao thông, vật liệu xây dựng, thoát nước...

Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, vùng, miền, nhất là các địa phương ven biển, vùng núi cao, vùng dễ bị tổn thương trước thiên tai. Có phương án chủ động xử lý tình huống xấu nhất ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống dịch bệnh. Chú trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân trong các vùng bị tác động mạnh của biến đổi khí hậu. Phát huy trách nhiệm và huy động các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tích cực tham gia phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thực hiện chương trình nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, nhất là ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên, trung du miền núi phía Bắc. Nâng cấp các đoạn đê biển, đê sông xung yếu, xây dựng cống ngăn mặn, giữ ngọt. Bảo vệ, đẩy mạnh phục hồi, trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn.

Bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông, trước hết cho sông Hồng, sông Cửu Long, sông Cầu, sông Nhuệ-sông Đáy, sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và các sông lớn khác.

Củng cố và xây dựng mới các công trình cấp, thoát nước của các đô thị, nhất là vùng ven biển.

- Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng.

Xây dựng bản đồ nguy cơ ngập lụt theo các kịch bản nước biển dâng đến cấp xã. Rà soát, bổ sung điều chỉnh chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế-xã hội vùng và địa phương phù hợp với kịch bản nước biển dâng. Chủ động di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của lũ lụt, bão và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

Triển khai thực hiện đề án chống ngập cho Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau, các thành phố ven biển khác, nhất là ở vùng châu thổ sông Cửu Long.

- Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính.

Điều tra, kiểm kê, xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện nước ta trên cơ sở hỗ trợ tài chính và công nghệ của các nước và tổ chức quốc tế. Phát triển thị trường trao đổi tín chỉ các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon toàn cầu.

Ưu tiên thực hiện chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực chống mất rừng, suy thoái rừng và tạo sinh kế cho cộng đồng.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Về quản lý tài nguyên

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên quốc gia.

Coi trọng công tác điều tra cơ bản tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên biển. Chú trọng điều tra cơ bản địa chất khoáng sản vùng biển sâu, phát hiện các loại khoáng sản mới.

Từng bước xác định, đánh giá các giá trị, thiết lập tài khoản, hạch toán trong nền kinh tế đối với các loại tài nguyên quốc gia.

Đánh giá, phát huy các giá trị dịch vụ hệ sinh thái, cảnh quan, tài nguyên di truyền.

- Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.

Xây dựng chiến lược bảo vệ, khai thác, sử dụng các loại tài nguyên quan trọng đối với phát triển đất nước. Thiết lập cơ chế quản lý, giám sát minh bạch, bảo đảm sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.

Hạn chế tối đa, từng bước tiến tới chấm dứt xuất khẩu khoáng sản thô và chỉ qua chế biến sơ, thúc đẩy chế biến sâu. Đối với loại khoáng sản chiến lược đặc thù như than, dầu khí... cần có chính sách cụ thể, cân đối giữa nhập khẩu và xuất khẩu. Định hướng dự trữ, nhập khẩu một số loại khoáng sản quan trọng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội lâu dài của đất nước.

Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai. Thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; kết hợp bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp; từng bước khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sử dụng đất. Đẩy mạnh khai thác quỹ đất chưa sử dụng, mở hướng đi mới trong khai thác quỹ đất trung du, miền núi cho mục đích phi nông nghiệp.

Bảo vệ, phòng, chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa... và bảo đảm diện tích đất cho phát triển rừng bền vững theo quy hoạch, đặc biệt là ở vùng núi Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.

Quy hoạch khai thác, bảo vệ nguồn nước, tăng cường quản lý nguồn nước theo lưu vực sông; tích nước, điều tiết nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế-xã hội. Tăng cường kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác và sử dụng nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Chủ động hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ nguồn nước xuyên quốc gia.

Kiểm soát các hoạt động khai thác, đấu tranh, ngăn chặn tình trạng đánh bắt mang tính hủy diệt nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vùng gần bờ.

- Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỉ trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng quốc gia. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

Đẩy mạnh hợp tác thăm dò, khai thác tài nguyên từ bên ngoài, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong nước. Phát triển sản xuất các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới để thay thế các loại tài nguyên truyền thống.

c) Về bảo vệ môi trường

- Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường, bảo đảm chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường từ khâu lập, phê duyệt, triển khai thực hiện. Cấm nhập khẩu công nghệ, triển khai các dự án đầu tư mới sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tiêu tốn nguyên liệu, tài nguyên, hiệu quả thấp.

Thực hiện cơ chế quản lý về bảo vệ môi trường theo từng loại hình và mức độ tác động đến môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thực hiện lộ trình áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường (phát thải và công nghệ) tương đương với nhóm các nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tụ điểm khai thác, chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông, các đô thị lớn và khu vực nông thôn. Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị, thành phố có mật độ

dân cư cao. Kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp (dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, đốt rơm rạ…) ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống nhân dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kiểm soát về môi trường đối với các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ nhằm ngăn chặn việc đưa công nghệ lạc hậu, máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu không đảm bảo yêu cầu về môi trường từ bên ngoài vào nước ta. Hạn chế các tác động bất lợi từ hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa đối với môi trường nước ta.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xử lý nước thải, nhất là nước thải chứa kim loại nặng, chất phóng xạ, nước thải y tế, nước thải công nghiệp, nước thải chế biến nông, lâm, hải sản, nước thải sinh hoạt đô thị. Tập trung xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại. Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

Phát triển ngành kinh tế môi trường trên cơ sở ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của nhân dân.

Quan tâm cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

Đánh giá đầy đủ thiệt hại do ô nhiễm môi trường và xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân gây ra. Tập trung xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; áp dụng chế tài mạnh, xử lý nghiêm khắc, buộc các cơ sở gây ô nhiễm môi trường thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Chú trọng cải tạo những hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông, suối bị ô nhiễm nặng, trước hết ở nơi đầu nguồn, trong các đô thị, khu dân cư. Tập trung nguồn lực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ-sông Đáy và sông Đồng Nai.

Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản. Đẩy nhanh tiến độ rà phá và khắc phục hậu quả bom mìn, cải tạo các vùng đất bị nhiễm chất độc điôxin, hoàn trả quỹ đất sạch phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, bảo đảm an toàn cho nhân dân.

Chú trọng cải thiện chất lượng không khí, cây xanh, không gian vui chơi, giải trí trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các thành phố lớn.

- Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, đẩy mạnh trồng rừng, nhất là rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng. Sớm dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên.

Tăng cường quản lý, mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên hiện có tại những nơi có đủ điều kiện và đẩy nhanh việc thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên mới. Ưu tiên nguồn lực cho bảo vệ cảnh quan, sinh thái, di sản thiên nhiên.

Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi có giá trị, loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng. Ngăn chặn sự xâm nhập, phát triển của sinh vật ngoại lai xâm hại. Tăng cường quản lý rủi ro từ sinh vật biến đổi gen.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường

Đa dạng hóa hình thức, đổi mới nội dung, xác định các đối

tượng ưu tiên tuyên truyền, giáo dục; đưa nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình đào tạo các cấp học phổ thông, đại học, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý. Phổ biến kinh nghiệm, xây dựng năng lực, kỹ năng phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu cho mọi người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tạo dư luận xã hội lên án và thống nhất nhận thức về việc phải xử lý nghiêm các hành vi sử dụng lãng phí tài nguyên, đốt phá rừng, gây ô nhiễm môi trường, săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã.

Nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, doanh nghiệp và mọi người dân. Xây dựng tiêu chí, chuẩn mực về bảo vệ môi trường trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên. Hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức môi trường trong xã hội. Thực hiện đánh giá, phân hạng về môi trường đối với các ngành, địa phương.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Chú trọng nghiên cứu khoa học về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Sớm hình thành một số chuyên ngành khoa học mũi nhọn như năng lượng tái tạo, tái chế chất thải, vật liệu mới, thiên văn...

Thúc đẩy đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải và các-bon thấp; nghiên cứu phát triển và tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng đến các giải pháp phi công trình.

Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Xây dựng và thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước phục vụ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Tăng cường quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Chú trọng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực có liên quan như đầu tư, thuế, xử lý vi phạm hành chính, dân sự... theo hướng bổ sung, kết hợp khắc phục các chồng chéo, xung đột pháp luật nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ.

Hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột trong ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Sửa đổi, bổ sung các chế tài hành chính, kinh tế, hình sự... về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo đảm đủ sức răn đe. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật.

Nghiên cứu kiện toàn tổ chức bộ máy và hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực theo hướng tổng hợp, thống nhất, tập trung đầu mối, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, khắc phục triệt để tình trạng phân tán, chồng chéo trong quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng; cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa; cơ chế để nhân dân giám sát có hiệu quả việc quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Kết hợp tăng chi từ ngân sách với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nhất là các nguồn vốn ưu đãi cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò, trách nhiệm của bộ quản lý chuyên ngành trong việc huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực.

Hằng năm ưu tiên bố trí ngân sách phù hợp cho công tác điều tra cơ bản, xử lý ô nhiễm môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu. Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường sông Cầu, sông Nhuệ-sông Đáy, sông Đồng Nai. Bảo đảm sử dụng minh bạch, đúng mục đích và hiệu quả nguồn vốn ODA và các nguồn hỗ trợ quốc tế khác.

Quán triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tham gia hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; hỗ trợ người dân trồng và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển, người dân bị ảnh hưởng do khai thác tài nguyên thái quá.

Có lộ trình đến năm 2020 xóa bỏ các cơ chế, chính sách hỗ trợ giá đối với nhiên liệu hóa thạch; thực hiện bù giá 10 năm đầu đối với các dự án phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, tái chế chất thải, sản xuất điện từ chất thải.

5. Coi trọng hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế; coi trọng việc tham gia và thực hiện các Điều ước quốc tế. Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, đối thoại chính sách với các nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và trong việc thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ.

Đẩy mạnh hợp tác với các nước có liên quan, các tổ chức và các diễn đàn quốc tế để bảo vệ các nguồn nước xuyên biên giới, tiếp cận công nghệ mới và huy động nguồn lực cho giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Thúc đẩy hợp tác Á-Âu, Châu Á-Thái Bình Dương, khu vực Đông Á, trong ASEAN, tiểu vùng sông Mê Kông về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN SỐ 02-KL/TW, NGÀY 26/4/2016 CỦA BAN BÍ THƯ
tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

(trích)

Để sớm khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên, đạt được các mục tiêu về bảo vệ môi trường đã được xác định trong Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX, Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX và Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Đổi mới nội dung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, doanh nghiệp và mọi người dân. Hết sức chú ý đến yếu tố môi trường, phát triển kinh tế xanh, bền vững trong thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Xây dựng tiêu chí, chuẩn mực về bảo vệ môi trường trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức, ứng xử thân thiện với môi trường trong toàn xã hội.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác bảo vệ môi trường. Làm rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường kéo dài. Thực hiện giao chỉ tiêu, đánh giá, xếp hạng công tác bảo vệ môi trường đối với các ngành, địa phương.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy từ Trung ương đến địa phương theo

hướng tổng hợp, thống nhất, tập trung đầu mối; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, vai trò của ngành môi trường, khắc phục triệt để tình trạng phân tán, chồng chéo trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Chú trọng nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương, nhất là đối với cấp huyện, cấp xã. Sử dụng nguồn chi sự nghiệp môi trường để bố trí cán bộ hợp đồng chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường ở cấp xã.

4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng bám sát thực tiễn, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, xung đột giữa pháp luật về môi trường với các lĩnh vực khác có liên quan; nghiên cứu xây dựng luật về không khí sạch, về nguồn nước sạch; phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm; về quản lý chất thải; về khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; về bảo tồn thiên nhiên và dạng sinh học… đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

5. Cơ cấu lại, sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng mục đích nguồn chi sự nghiệp môi trường. Kết hợp tăng chi từ ngân sách với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho bảo vệ môi trường như: Thúc đẩy hiệu quả hợp tác công – tư (PPP) trong đầu tư bảo vệ môi trường; quy định mức chi cho bảo vệ môi trường theo tỉ lệ vốn đầu tư của các dự án; thực hiện cơ chế cho phép chủ đầu tư được trực tiếp thu để bù chi bảo vệ môi trường trên nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả tiền" và "người hưởng lợi từ môi trường phải trả chi phí", coi đây là giải pháp mang tính đột phá để huy động nguồn lực từ xã hội, giảm gánh nặng từ nguồn ngân sách Nhà nước.

6. Chú trọng nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về bảo vệ môi trường; thúc đẩy đổi mới công nghệ sản xuất và phát triển công nghệ môi trường; hạn chế phát triển mới và có lộ trình giảm dần các hoạt động kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường.

7. Thực hiện tổng điều tra, đánh giá, phân loại và có biện pháp kiểm soát các nguồn thải, nhất là các nguồn thải lớn; tập trung giải quyết các vấn đề môi trường khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn, làng nghề, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, lưu vực sông, ven biển… Khoanh vùng, xử lý, cải tạo các khu vực bị ô nhiễm, nhất là ô nhiễm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật. Khôi phục rừng tự nhiên; thúc đẩy khoanh vùng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

KẾ HOẠCH SỐ 65-KH/TU, NGÀY 06/12/2013 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

(trích)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2020, về cơ bản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững, kiềm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

- Đến năm 2050, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững tài nguyên; bảo đảm chất lượng môi trường sống và cân bằng sinh thái, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về môi trường tương đương với mức hiện nay của các nước công nghiệp phát triển trong khu vực.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Hoàn thiện việc đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Phấn đấu trên 90% cộng đồng dân cư và 100% công chức, viên chức nhà nước hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu và các tác động của nó. Hình thành cho mỗi thành viên trong xã hội ý thức chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chính quyền các cấp, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh chủ động xây dựng phương án phòng, chống, hạn chế, giảm dần thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra.

- Giảm mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị GDP từ 8 - 10% so với năm 2010.

- Phối hợp với các cơ quan Trung ương nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu của các cơ quan chuyên môn.

b) Về quản lý tài nguyên

- Công tác quản lý và sử dụng đất được thực hiện đúng theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất từng thời kỳ ở cả 3 cấp; cập nhật chỉnh lý biến động tại 3 cấp được thực hiện kịp thời; đảm bảo 100% các dự án sử dụng đất hiệu quả, đúng mục đích theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt.

- Tài nguyên nước được điều tra, đánh giá, lập quy hoạch khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả, hạn chế tối đa khai thác nước dưới đất ở những nơi đã có nước cấp tập trung; chú trọng bảo vệ, dự trữ nguồn nước dưới đất, khai thác nước không vượt quá trữ lượng; kết hợp khai thác, sử dụng hợp lý nguồn nước mặt và nguồn nước dưới đất; tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, giám sát chặt chẽ việc xả nước thải vào nguồn nước.

- Khoáng sản được đánh giá đầy đủ, toàn diện và bảo vệ hiệu quả; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến khoáng sản đầu tư

cải tạo công nghệ, thiết bị hoặc thay thế các cơ sở chế biến khoáng sản đã lạc hậu; quản lý chặt chẽ các mỏ khoáng sản đang hoạt động theo quy hoạch đã được phê duyệt theo định hướng đầu tư, cải tạo, mở rộng, xuống sâu; từng bước thực hiện kinh tế hóa ngành khai khoáng, thu, quản lý và sử dụng đúng quy định, có hiệu quả các nguồn thu từ hoạt động khoáng sản. Phấn đấu trước năm 2015 chấm dứt tình trạng xuất khẩu khoáng sản thô, không qua chế biến.

- Khai thác hiệu quả và bền vững sinh thái, cảnh quan, tài nguyên sinh vật.

c) Về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

- Không để phát sinh và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 70% lượng nước thải vào lưu vực các sông được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; tiêu hủy, xử lý trên 85% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế; tái sử dụng hoặc tái chế trên 65% rác thải sinh hoạt.

- Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh là trên 95% ở thành thị và trên 90% ở nông thôn. Kiểm soát an toàn, xử lý ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh. Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư. Cải thiện rõ rệt môi trường làng nghề và khu vực nông thôn.

- Quản lý khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên rừng. Phấn đấu đến năm 2015 độ che phủ rừng đạt 45%, năm 2020 đạt 47%.

- Bảo tồn tại chỗ các loài cây ăn trái thuần chủng và đặc thù của tỉnh: Mía tím, sầu riêng, bưởi, xoài... phát triển các loài cây thảo dược, dược liệu quý trên địa bàn.

- Phấn đấu đến năm 2015 hoàn thành việc lập quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở cho công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học. Đảm bảo giữ được diện tích các khu bảo tồn, các hệ sinh thái tự nhiên hiện có như Hòn Bà, vịnh Nha Trang, Rạn Trào, thiết lập, mở rộng các khu bảo tồn đa dạng sinh học mới như: Sơn Thái - Giang Ly, Hòn Hèo hoặc các vùng sinh thái khác có tiềm năng trên địa bàn tỉnh.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Theo dõi, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với các ngành, lĩnh vực và địa phương theo kịch bản biến đổi khí hậu mới nhất; cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh cho giai đoạn 2015 - 2020 và các năm tiếp theo.

+ Bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông. Củng cố và xây dựng mới các công trình cấp, thoát nước, nhất là các đô thị, khu dân cư tập trung và vùng ven biển, hạ lưu các sông chính trong tỉnh.

+ Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu, cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

+ Chủ động xây dựng các phương án, giải pháp phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa phương; ưu tiên bố trí ngân sách địa phương kết hợp với nguồn hỗ trợ từ Trung ương để thực hiện xây mới, sửa chữa, nâng cấp, bảo đảm an toàn các các công trình cấp, thoát nước, hồ chứa thủy lợi, thủy điện; triển khai có hiệu quả đề án chống sạt lở bờ biển, bờ sông, bờ suối.

+ Đẩy mạnh trồng mới, phục hồi rừng ngập mặn, rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển.

- Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng.

+ Bổ sung, xây dựng mới bản đồ nguy cơ ngập lụt cho vùng ven biển và hạ lưu các sông chính trong tỉnh theo kịch bản nước biển dâng mới nhất do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

+ Rà soát, bổ sung điều chỉnh quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và địa phương phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính.

+ Điều tra, kiểm kê, xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với đặc thù của địa phương.

+ Thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, hỗ trợ các tổ chức tham gia phát triển thị trường trao đổi tín chỉ các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon toàn cầu.

+ Ưu tiên thực hiện chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực chống mất rừng, suy thoái rừng và tạo sinh kế cho cộng đồng.

+ Đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

2. Về quản lý tài nguyên

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên.

+ Từng bước thăm dò, tìm kiếm, phát hiện các loại khoáng sản có triển vọng ở tỷ lệ bản đồ 1/50.000 trên địa bàn tỉnh; phối hợp Trung ương điều tra lập bản đồ địa chất và tìm kiếm khoáng sản diện tích biển ven bờ sâu đến 30m nước, các đảo, khoanh định các diện tích có triển vọng về khoáng sản.

+ Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất bản đồ tỷ lệ 1/25.000- 1/50.000 đối với các vùng chưa được điều tra, đánh giá. Ưu tiên điều tra, đánh giá tài nguyên nước phục vụ khai thác sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

+ Đánh giá, phát huy các giá trị dịch vụ hệ sinh thái, cảnh quan, tài nguyên di truyền, tài nguyên biển và hải đảo, phát huy lợi thế các loại tài nguyên vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên.

+ Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng các loại tài nguyên trên đất liền, hải đảo, ưu tiên tập trung đối với các loại tài nguyên quan trọng, thế mạnh của địa phương.

+ Phấn đấu trước năm 2014 dừng xuất khẩu khoáng sản thô (kể cả cát trắng thủy tinh), chưa qua chế biến hoặc chỉ ở dạng sơ chế (tuyển rửa).

+ Tăng cường công tác quản lý quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011- 2020 và kế hoạch sử dụng đất từng thời kỳ được Chính phủ phê duyệt; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai; thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; kết hợp bảo vệ, sử dụng linh hoạt, hợp lý diện tích đất chuyên canh tác nông nghiệp; từng bước khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sử dụng đất.

+ Bảo vệ, phòng, chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa... và bảo đảm diện tích đất cho phát triển rừng bền vững theo quy hoạch.

+ Kiểm soát các hoạt động khai thác, đấu tranh, ngăn chặn tình trạng đánh bắt mang tính hủy diệt nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vùng gần bờ.

- Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.

+ Đẩy mạnh đầu tư phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỉ trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng quốc gia.

+ Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

+ Phát triển sản xuất các loại vật liệu mới như: Gạch không nung, đá thiên nhiên, bê tông từ cát biển,… để thay thế các loại vật liệu truyền thống. Trước mắt cần xây dựng cơ chế chính sách hợp lý, nhằm hạn chế việc sử dụng đất sét sản xuất gạch nung theo lộ trình, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

3. Về bảo vệ môi trường

- Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

+ Nâng cao chất lượng công tác thẩm định đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

+ Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, khu vực khai thác, chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông, các đô thị và khu vực nông thôn.

+ Đẩy mạnh nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xử lý nước thải, vệ sinh môi trường nhất là nước thải đối với các khu đô thị, khu dân cư tập trung.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của nhân dân.

+ Tập trung xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; thực hiện nguyên tắc người gây thiệt hại đối với môi trường phải khắc phục, bồi thường. Thực hiện việc thu phí, ký quỹ bảo vệ môi trường, buộc bồi thường thiệt hại về môi trường.

+ Chú trọng cải tạo những hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông, suối bị ô nhiễm nặng, trước hết ở nơi đầu nguồn, trong các đô thị, khu dân cư.

+ Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản. Đẩy nhanh tiến độ rà phá và khắc phục hậu quả bom mìn, cải tạo các vùng đất bị nhiễm chất độc điôxin, hoàn trả quỹ đất sạch phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, bảo đảm an toàn cho nhân dân.

+ Chú trọng cải thiện chất lượng không khí, cây xanh, không gian vui chơi, giải trí trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các thành phố trong tỉnh.

+ Sớm giải quyết dứt điểm và cấm triệt để việc xây dựng nhà vệ sinh thải trực tiếp ra sông, ven biển và các đảo trên địa bàn tỉnh.

- Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

+ Bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, đẩy mạnh trồng rừng, nhất là rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng. Quản lý chặt chẽ việc khai thác gỗ rừng tự nhiên, từng bước tiến tới thực hiện đóng cửa rừng theo hướng dẫn của Chính phủ.

+ Tăng cường quản lý, mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, lập quy hoạch các vùng sinh thái, đẩy mạnh công tác bảo vệ cảnh quan, sinh thái.

+ Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, các loại cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi có giá trị, loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức

Đa dạng hóa hình thức, đổi mới nội dung, xác định các đối tượng ưu tiên tuyên truyền, giáo dục.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tạo dư luận xã hội lên án và thống nhất nhận thức về việc phải xử lý nghiêm các hành vi sử dụng lãng phí tài nguyên, đốt phá rừng, gây ô nhiễm môi trường, săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã.

Nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, doanh nghiệp và mọi người dân.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ

Triển khai các nghiên cứu khoa học nhằm cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp với đặc thù của địa phương.

Thúc đẩy đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải và các-bon thấp; nghiên cứu phát triển và tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến cho ứng phó với biến đổi khí hậu,

quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng đến các giải pháp phi công trình.

Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Tăng cường quản lý nhà nước

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực có liên quan như đầu tư, thuế, xử lý vi phạm hành chính, dân sự... nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy trong quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính và đa dạng hóa nguồn lực

- Kết hợp tăng chi từ ngân sách của địa phương với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nhất là các nguồn vốn ưu đãi hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Hàng năm ưu tiên bố trí ngân sách phù hợp cho công tác điều tra cơ bản, xử lý ô nhiễm môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quán triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: Người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tham gia hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; hỗ trợ người dân

trồng và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển, người dân bị ảnh hưởng do khai thác tài nguyên thái quá.

5. Coi trọng hợp tác, hội nhập quốc tế

Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế; coi trọng việc tham gia và thực hiện các điều ước quốc tế. Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, đối thoại chính sách với các nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và trong việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ, nhất là việc xóa đói, giảm nghèo.

Đẩy mạnh hợp tác với các nước, các tổ chức, tiếp cận công nghệ mới và huy động nguồn lực cho giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

KẾ HOẠCH SỐ 22 -KH/TU, NGÀY 27/7/2016 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY thực hiện Kết luận số 02-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nâng cao vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên và cải thiện môi trường; các mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kết hợp bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Hàng năm tổ chức tập huấn bồi dưỡng các chủ trương của

Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về môi trường và nghiệp vụ quản lý môi trường cho cán bộ quản lý các cấp. Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước về môi trường từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo nguồn nhân lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Bố trí đủ kinh phí đầu tư, nâng cấp hệ thống quan trắc, phân tích môi trường đáp ứng yêu cầu giám sát, cảnh báo chất lượng môi trường. Tăng cường năng lực ứng phó xử lý sự cố môi trường, giải quyết tranh chấp, đền bù thiệt hại về môi trường.

3. Xây dựng Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 và hàng năm sát nhu cầu thực tế. Hoàn thiện cơ chế xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ môi trường, có cơ chế khuyến khích cá nhân, tổ chức, cộng đồng tham gia công tác bảo vệ môi trường, trong các lĩnh vực truyền thông, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải ...

4. Nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường các dự án đầu tư có nhiều chất thải, gần các khu vực bảo tồn thiên nhiên, nguồn nước ...; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường; rà soát, phân loại và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, nhất là các nguồn thải ra sông, biển; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường. Lập kế hoạch xử lý, di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường vào các khu, cụm công nghiệp phù hợp với nguồn lực, tiến độ đầu tư.

5. Tăng đầu tư cho sự nghiệp môi trường, các dự án môi trường; ngoài nguồn chi từ ngân sách nhà nước cần vận động các nguồn như Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh và các định chế tài chính khác; triển khai đúng kế hoạch, tiến độ Dự án vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang (giai đoạn 2) từ nguồn vốn vay ngân hàng thế giới; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư về bảo vệ môi trường gắn với hoạt động kinh doanh, phát triển bền vững; hỗ trợ các dự án, kế hoạch bảo vệ môi trường ở các địa phương.

6. Tăng cường ứng dụng kết quả các đề tài nghiên cứu, khảo sát đánh giá hiện trạng môi trường, biến đổi khí hậu, phòng tránh sự cố thiên tai... trên địa bàn tỉnh. Chú trọng phát triển các dự án ứng dụng công nghệ mới trong xử lý chất thải, tái chế nguyên liệu làm

nguyên liệu sản xuất, sản xuất thử nghiệm; gắn hoạt động nghiên cứu chuyển giao công nghệ với các dự án phát triển cộng đồng, nâng cao thu nhập cho các tổ chức, cá nhân. Khuyến khích việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong nước và nước ngoài để xử lý chất thải công nghiệp và dân sinh; xử lý chất thải phù hợp với khu vực nông thôn, làng nghề.

7. Ưu tiên đầu tư vào hoạt động, dự án bảo tồn các hệ sinh thái rừng và biển; mở rộng, điều chỉnh phạm vi các khu vực bảo tồn gắn với quy hoạch các khu phát triển cộng đồng, xây dựng, sản xuất kinh doanh, du lịch... Xây dựng các mô hình doanh nghiệp du lịch tham gia xây dựng dự án, quản lý, cải tạo phục hồi đa dạng sinh học rừng, san hô, thảm sinh vật biển, rừng ngập mặn... kết hợp với các hoạt động du lịch.

LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO

NGHỊ QUYẾT SỐ 08-NQ/TW, NGÀY 01/12/2011 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XI

về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020

(trích)

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng quán triệt và thực hiện tốt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển thể dục, thể thao là một yêu cầu khách quan của xã hội, nhằm góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực và chất lượng cuộc sống của nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực; giáo dục ý chí, đạo đức, xây dựng lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế; đồng thời, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội và của mỗi người dân. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm thường xuyên lãnh đạo công tác thể dục, thể thao, bảo đảm cho sự nghiệp thể dục, thể thao ngày càng phát triển.

2. Đầu tư cho thể dục thể thao là đầu tư cho con người, cho sự phát triển của đất nước. Tăng tỷ lệ chi ngân sách nhà nước, ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao và đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao; đồng thời phát huy các nguồn lực của xã hội để phát triển thể dục, thể thao, phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức xã hội trong quản lý, điều hành các hoạt động thể dục, thể thao.

3. Gìn giữ, tôn vinh những giá trị thể dục, thể thao dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, phát triển nền thể dục, thể thao nước ta mang tính dân tộc, khoa học, nhân dân và văn minh.

II. MỤC TIÊU

Hoàn thiện bộ máy tổ chức, đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thể dục, thể thao; tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ làm nền tảng phát triển mạnh mẽ và vững chắc sự nghiệp thể dục thể thao; đến năm 2020, phấn đấu 90% học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể; các trường học, xã, phường, thị trấn, khu công nghiệp có đủ cơ sở vật chất thể dục, thể thao phục vụ việc tập luyện của nhân dân; trình độ một số môn thể thao trọng điểm được nâng cao ngang tầm Châu Á và thế giới; bảo đảm các điều kiện để sẵn sàng đăng cai tổ chức thành công các sự kiện thể thao lớn của Châu Á và thế giới.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học

Cần quan tâm đầu tư đúng mức thể dục, thể thao trường học, với vị trí là bộ phận quan trọng của phong trào thể dục, thể thao; là một mặt của giáo dục toàn diện nhân cách học sinh, sinh viên.

Xây dựng và thực hiện "Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học". Thực hiện tốt giáo dục thể chất theo chương trình nội khóa; phát triển mạnh các hoạt động thể thao của học sinh, sinh viên, bảo đảm mục tiêu phát triển thể lực toàn diện và kỹ năng vận động cơ bản của học sinh, sinh viên, góp phần đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao.

Đối với chương trình và phương pháp giáo dục thể chất, gắn giáo dục thể chất với giáo dục ý chí, đạo đức, giáo dục quốc phòng, giáo dục sức khỏe và kỹ năng sống của học sinh, sinh viên. Đãi ngộ hợp lý và phát huy năng lực đội ngũ giáo viên thể dục hiện có; mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên thể dục cho trường học; củng cố các cơ sở nghiên cứu khoa học về tâm lý lứa tuổi và thể dục, thể thao trường học.

2. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục thể thao quần chúng

Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng các hình thức tập luyện thể dục, thể thao ở cơ sở. Gắn việc chỉ đạo phát triển phong trào thể dục, thể thao với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở" với Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu đô thị văn minh; quan tâm phát triển phong trào thể dục, thể thao người cao tuổi, người khuyết tật và người lao động tại các khu công nghiệp.

Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng các hình thức tổ chức.

Bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động thể dục, thể thao. Có các giải pháp để phát huy tính tích cực, tính văn hóa, văn minh trong thể dục, thể thao.

Chú trọng phát triển thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong việc phát triển thể dục, thể thao của nhân dân trên

từng địa bàn, nhất là ở vùng biên giới, vùng cao, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Có quy hoạch dành đất cho thể dục, thể thao ở các trường học, xã, phường, thị trấn, khu công nghiệp, chú trọng tới xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao phục vụ việc tập luyện của nhân dân; quan tâm tới xây dựng các khu vui chơi giải trí trong lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao.

3. Nâng cao hiệu quả đào tạo tài năng thể thao

Dành nguồn lực thích đáng để hình thành hệ thống đào tạo tài năng thể thao với đội ngũ kế cận dồi dào và có chất lượng, làm tiền đề cho bước phát triển đột phá về thành tích trong một số môn thể thao.

Đầu tư, nâng cấp các trung tâm huấn luyện thể thao của quốc gia, các ngành, các địa phương, đáp ứng yêu cầu huấn luyện thể thao hiện đại. Củng cố và phát triển các trường, lớp năng khiếu thể thao ở các tỉnh, thành phố với quy mô phù hợp, có nhiệm vụ hỗ trợ phát triển mạng lưới hoạt động thể thao thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên các trường học và phát hiện, bồi dưỡng các năng khiếu và tài năng thể thao. Khuyến khích phát triển câu lạc bộ về các môn thể thao hoạt động theo phương thức tự quản, có sự hỗ trợ của Nhà nước. Mở rộng quy mô và hiện đại hóa các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia.

Đổi mới tổ chức, quản lý thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp phù hợp với đặc điểm của từng môn và từng địa phương. Ưu tiên đầu tư của Nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ cho các cơ sở đào tạo vận động viên các môn thể thao trọng điểm; tích cực chuẩn bị lực lượng vận động viên và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết, để sẵn sàng đăng cai tổ chức Đại hội thể thao Châu Á. Bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Coi trọng giáo dục đạo đức, ý chí, lòng tự hào dân tộc cho vận động viên. Tôn vinh và đãi ngộ xứng đáng các vận động viên xuất

sắc và phát huy vai trò nêu gương của họ đối với lớp vận động viên kế cận và với thanh, thiếu niên nói chung. Kiên quyết đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong thể thao, nhất là trong bóng đá và các môn thể thao thành tích cao.

4. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học thể dục, thể thao. Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, giáo viên thể dục, thể thao, huấn luyện viên, cán bộ quản lý có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao. Mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo cán bộ thể dục, thể thao. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức xã hội và tư nhân tham gia đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài, cán bộ quản lý...

Triển khai nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức, quản lý, cơ chế hoạt động thể dục, thể thao trong điều kiện mới. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ, y học thể thao phục vụ tuyển chọn, đào tạo vận động viên và tập luyện thể dục, thể thao vì sức khỏe của nhân dân. Quan tâm công tác thông tin khoa học và chuyển giao công nghệ thể dục, thể thao.

5. Đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát triển các tổ chức xã hội về thể dục thể thao; tăng cường hợp tác quốc tế

Kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước về thể dục, thể thao ở các ngành, các cấp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ. Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về thể dục, thể thao ở các cấp, đặc biệt là năng lực triển khai thực hiện các chính sách, kế hoạch thể dục, thể thao. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phân cấp quản lý thể dục thể thao.

Phát huy vai trò của Ủy ban Olympic quốc gia, các liên đoàn, hiệp hội thể thao trong việc điều hành các hoạt động thể dục, thể thao. Nghiên cứu việc hình thành hệ thống tổ chức xã hội mang tính

liên hiệp về thể dục, thể thao từ cơ sở đến toàn quốc, để tập hợp và điều phối chúng đối với các tổ chức xã hội về thể dục, thể thao, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, có sự quản lý và hỗ trợ về tài chính của Nhà nước. Khuyến khích các tổ chức xã hội, các cơ sở thể thao ngoài công lập tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao. Quan tâm phát triển công nghiệp dịch vụ, trang thiết bị thể thao và các hoạt động kinh tế phù hợp để tạo các nguồn thu trong thể thao.

Tăng cường công tác tuyên truyền trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo hướng đúng mức, không thái quá, không chạy theo thành tích thứ hạng.

Mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế trên cơ sở bình đẳng, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao; chú trọng tới hợp tác đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao một cách bài bản ở nước ngoài

6. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội cần quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác thể dục, thể thao, trên cơ sở đó có chủ trương phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo công tác thể dục, thể thao ở từng địa phương, cơ sở. Quan tâm chỉ đạo công tác tuyên truyền đúng mức, giáo dục, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác thể dục, thể thao.

Các cấp ủy đảng, chính quyền cần đặc biệt chăm lo xây dựng tổ chức và bố trí cán bộ có phẩm chất và năng lực để lãnh đạo, quản lý công tác thể dục, thể thao; thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện "Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020", xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển thể dục, thể thao; quy hoạch đất và huy động nguồn lực để xây dựng các cơ sở tập luyện thể dục, thể thao ở xã, phường, thị trấn gắn với trường học; hỗ trợ phát triển thể dục thể thao ở các địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 09-CTr/TU, NGÀY 27/9/2012 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020

(trích)

I. MỤC TIÊU

Hoàn thiện bộ máy tổ chức, đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thể dục thể thao (TDTT). Tăng cường cơ sở vật chất, phát triển mạnh mẽ và vững chắc sự nghiệp TDTT. Đến năm 2020, phấn đấu toàn bộ học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể; các trường học, xã, phường, thị trấn, khu công nghiệp có đủ cơ sở vật chất TDTT phục vụ việc tập luyện của học sinh, cán bộ, công nhân và nhân dân; trình độ một số môn thể thao trọng điểm được nâng ngang tầm khu vực Đông Nam Á; bảo đảm các điều kiện để sẵn sàng đăng cai tổ chức thành công các sự kiện thể thao lớn của khu vực Đông Nam Á và Châu Á. Để đạt được mục tiêu này cần phải:

- Tiếp tục triển khai các mục tiêu của quy hoạch ngành TDTT đến năm 2010 và định hướng đến năm 2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động TDTT quần chúng, TDTT giải trí đáp ứng nhu cầu giải trí của xã hội. Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học, bảo đảm yêu cầu phát triển con người toàn diện, làm nền tảng phát triển thể thao thành tích cao và góp phần xây dựng lối sống lành mạnh trong tầng lớp thanh - thiếu niên. Tích cực phát triển TDTT trong lực lượng vũ trang, góp phần bảo đảm an ninh - quốc phòng toàn dân.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, đào tạo tài năng

thể thao, gắn kết đào tạo các tuyến, các lớp kế cận. Thống nhất quản lý phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp theo hướng tiên tiến, phù hợp với đặc điểm thể chất và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân. Nâng cao thành tích thi đấu, giữ vững vị trí là một trong những trung tâm thể thao mạnh của quốc gia.

- Triển khai thực hiện "Kế hoạch phát triển TDTT tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020".

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học

a) Nhiệm vụ

- Thực hiện tốt giáo dục thể chất theo chương trình nội khóa. Phát triển mạnh các hoạt động thể thao của học sinh, sinh viên, bảo đảm mục tiêu phát triển thể lực toàn diện và kỹ năng vận động cơ bản của học sinh, sinh viên, góp phần đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao.

- Đổi mới chương trình, phương pháp và nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, gắn giáo dục thể chất với giáo dục ý chí, đạo đức, giáo dục quốc phòng, giáo dục sức khỏe và kỹ năng sống của học sinh, sinh viên.

b) Giải pháp

- Đầu tư xây dựng Trường Năng khiếu TDTT vào năm 2015 theo chiến lược phát triển giáo dục đào tạo và chiến lược phát triển TDTT của tỉnh đến năm 2020.

- Quy hoạch đất để xây dựng sân bãi, nhà thi đấu dành cho giáo dục thể chất trong trường học. Khuyến khích phát triển câu lạc bộ các môn thể thao trong trường học, hoạt động theo phương thức xã hội hóa, tự chủ, có sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực để có đủ đội ngũ giáo viên có trình độ giỏi cho giáo dục thể chất và thể thao trong trường học. Đãi ngộ hợp lý và phát huy năng lực đội ngũ giáo viên thể dục hiện có.

- Đổi mới chương trình, phương pháp giáo dục thể chất học đường theo hướng thể thao kết hợp với giải trí.

2. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động TDTT quần chúng

a) Nhiệm vụ

- Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện TDTT, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện TDTT ở cơ sở. Gắn việc chỉ đạo phát triển phong trào TDTT với Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở" và Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu đô thị văn minh. Quan tâm phát triển phong trào TDTT người cao tuổi, người khuyết tật và người lao động tại các khu công nghiệp.

- Bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động TDTT. Có các giải pháp để phát huy tính tích cực, tính văn hóa, văn minh trong TDTT.

- Chú trọng phát triển TDTT trong lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Phát huy vai trò của lực lượng vũ trang trong việc phát triển TDTT của nhân dân trên từng địa bàn, nhất là ở hải đảo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Có quy hoạch dành đất cho TDTT ở các trường học, xã, phường, thị trấn, khu công nghiệp, chú trọng xây dựng cơ sở vật chất TDTT phục vụ việc tập luyện của nhân dân, các khu vui chơi giải trí trong lĩnh vực văn hóa, TDTT.

b) Giải pháp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng và phát triển phong trào TDTT. Cấp ủy đảng, chính quyền cần coi công tác phát triển TDTT là nhiệm vụ thường xuyên, phát triển TDTT là một trong những nội dung trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn của địa phương, đơn vị.

- Tăng kinh phí cho hoạt động thể thao quần chúng.

- Xây dựng các tiêu chí phát triển TDTT gắn với tiêu chí Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở", với Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu đô thị văn minh. Xây dựng đề án chuyên đề về phát triển TDTT đối với những địa bàn hải đảo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, củng cố cơ sở vật chất cho TDTT quần chúng ở cấp huyện (tất cả các huyện, thị xã, thành phố đến năm 2015 phải có công trình sân vận động, nhà thi đấu; đến năm 2020 phải có công trình bể bơi); các xã, phường, thị trấn, khu dân cư, khu công nghiệp và phát triển TDTT học đường ở các trường học.

3. Nâng cao hiệu quả phát hiện, đào tạo tài năng thể thao

a) Nhiệm vụ

- Dành nguồn lực thích đáng để hình thành hệ thống đào tạo tài năng thể thao với đội ngũ kế cận dồi dào và có chất lượng, làm tiền đề cho bước phát triển đột phá về thành tích trong một số môn thể thao trọng điểm của tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư của Nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ cho đào tạo vận động viên các môn thể thao trọng điểm mũi nhọn của tỉnh; tích cực chuẩn bị lực lượng vận động viên và các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết, để tham dự Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII vào năm 2014, đồng thời sẵn sàng đăng cai tổ chức Đại hội thể thao Biển Châu Á lần thứ V năm 2016 tại Nha Trang - Khánh Hòa.

- Tôn vinh và đãi ngộ xứng đáng các vận động viên xuất sắc và phát huy vai trò nêu gương của họ đối với lớp vận động viên kế cận và với thanh, thiếu niên nói chung. Kiên quyết đấu tranh loại bỏ những hiện tượng tiêu cực trong lĩnh vực hoạt động TDTT của tỉnh.

b) Giải pháp

- Tăng kinh phí đầu tư, hỗ trợ cho hoạt động thể thao thành tích cao.

- Đầu tư, nâng cấp Trung tâm Huấn luyện kỹ thuật thể thao của tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao. Xây dựng và phát triển trường, lớp năng khiếu thể thao ở tỉnh và ở các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh với quy mô phù hợp.

- Đổi mới tổ chức, quản lý thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp phù hợp với đặc điểm của từng môn và từng đơn vị, ngành, địa phương.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ thể thao thành tích cao, bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn đăng cai tổ chức các giải thể thao cấp quốc gia, quốc tế. Hoàn thành Khu Liên hợp TDTT của tỉnh (đã được phê duyệt quy hoạch tại xã Phước Đồng) để đưa vào sử dụng năm 2020.

4. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ

a) Nhiệm vụ: Tập trung xây dựng đội ngũ huấn luyện viên, giáo viên TDTT, cán bộ quản lý có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh. Mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo cán bộ. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức xã hội và tư nhân tham gia đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài, cán bộ quản lý...

b) Giải pháp

- Thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn ngắn hạn, dài hạn (đại học chính quy, trên đại học… ở trong nước, nước ngoài) để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tạo ra đội ngũ cán bộ quản lý có nghiệp vụ, huấn luyện viên giỏi và đội ngũ giáo viên giỏi cho giáo dục thể chất và thể thao nhà trường.

- Tổ chức hội thảo các vấn đề lý luận và đúc kết từ thực tiễn về tổ chức, quản lý, cơ chế hoạt động TDTT trong điều kiện mới. Ứng dụng khoa học - công nghệ, y học thể thao đối với công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên và tập luyện TDTT. Quan tâm công tác thông tin khoa học và chuyển giao công nghệ TDTT.

5. Đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước; phát triển các tổ chức xã hội; tăng cường hợp tác quốc tế về TDTT

a) Nhiệm vụ:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về TDTT ở các cấp phù hợp với yêu cầu thực tế. Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về TDTT ở các cấp, đặc biệt là năng lực triển khai thực hiện các chính sách, kế hoạch TDTT.

- Tăng cường công tác tuyên truyền trong lĩnh vực TDTT theo hướng tuyên truyền đúng mức, không thái quá, không chạy theo thành tích. Xử lý nghiêm minh các trường hợp tiêu cực trong thể thao.

- Phát huy vai trò của các liên đoàn, hiệp hội thể thao trong việc điều hành các hoạt động TDTT toàn tỉnh, trên nguyên tắc hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, có sự quản lý và hỗ trợ của Nhà nước.

- Mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế trên cơ sở bình đẳng, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao. Chú trọng tới hợp tác, liên kết đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao một cách bài bản ở các nước mà tỉnh có mối quan hệ hợp tác phát triển toàn diện.

b) Giải pháp:

- Đổi mới và hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước về TDTT, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng cán bộ TDTT đối với tổ chức bộ máy làm công tác quản lý về TDTT từ cơ sở xã, phường, thị trấn đến huyện, thị, thành phố và tỉnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phân cấp quản lý TDTT phù hợp quy định của nhà nước ở cấp tỉnh và địa phương.

- Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động TDTT, khuyến khích các tổ chức xã hội, các cơ sở thể thao ngoài công lập tổ chức các hoạt động TDTT. Tăng cường huy động và tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển TDTT quần chúng, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp (30% các môn thể thao thành tích cao đang có của tỉnh chuyển sang thể thao chuyên nghiệp).

6. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền

- Quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác TDTT, trên cơ sở đó có chủ trương phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo công tác TDTT ở từng địa phương, đơn vị. Quan tâm chỉ đạo công tác tuyên truyền đúng mức, giáo dục, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác TDTT.

- Đặc biệt chăm lo xây dựng tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi và bố trí cán bộ có phẩm chất và năng lực để lãnh đạo, quản lý công tác TDTT. Thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện "Kế hoạch phát triển TDTT tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020", xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển TDTT; quy hoạch đất và huy động nguồn lực để xây dựng các cơ sở tập luyện TDTT ở xã, phường, thị trấn gắn với trường học; hỗ trợ phát triển TDTT ở các địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ

A. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW, NGÀY 16/6/2008 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới

(trích)

Để tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới, cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp chỉ đạo thực hiện tốt một số mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, chủ trương và giải pháp cụ thể sau:

1. Mục tiêu

- Tập trung mọi nguồn lực xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về

chân, thiện, mỹ của các tầng lớp nhân dân; phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ Việt Nam một cách toàn diện cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu loại hình, có các thế hệ nối tiếp nhau vững chắc, có tình yêu Tổ quốc nồng nàn, gắn bó sâu sắc với nhân dân, với sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo, có năng lực sáng tạo phong phú, đa dạng, đoàn kết, gắn bó cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc anh em trên đất nước ta.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, bảo đảm yêu cầu phát triển của lĩnh vực văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam.

- Văn học, nghệ thuật Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế phải phát triển toàn diện và mạnh mẽ, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ. Phấn đấu sáng tác nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, có tác dụng to lớn xây dựng con người; vừa có tác dụng định hướng, vừa đáp ứng nhu cầu văn hóa - tinh thần ngày càng cao của nhân dân. Phát triển sâu rộng văn nghệ quần chúng, đồng thời với tập trung xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp. Trên cơ sở giữ gìn, phát triển, phát huy những giá trị của văn học, nghệ thuật dân tộc, tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tiến bộ của nước ngoài, đồng thời kiên quyết ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn áp đặt, xâm lăng văn hóa của các thế lực thù địch.

- Tài năng văn học, nghệ thuật và vốn quý của dân tộc. Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tính độc lập, khơi dậy mọi nguồn lực sáng tạo của văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ, người chiến sĩ xây dựng và phát triển nền văn nghệ tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cần phát huy lòng yêu nước nồng nàn, gắn bó máu thịt với nhân dân, nêu cao trách nhiệm công dân, sáng tạo nên nhiều tác phẩm có giá trị phụng sự đất nước và dân tộc.

3. Chủ trương và các giải pháp

- Tiếp tục đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng của văn học, nghệ thuật về đề tài, nội dung, loại hình, phương pháp sáng tác, sự tìm tòi, thể nghiệm, nâng cao chất lượng toàn diện nền văn học, nghệ thuật nước nhà. Trên nền tảng mỹ học mác - xít, tư tưởng Hồ Chí Minh, khuyến khích văn nghệ sĩ bám sát thực tiễn của đất nước, gắn bó với cuộc sống của nhân dân, bảo vệ, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; lên án, phê phán không khoan nhượng những tiêu cực, xấu xa đang cản trở sự phát triển của đất nước và con người Việt Nam.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao năng lực, trình độ lãnh đạo của Đảng đối với văn học, nghệ thuật; bồi dưỡng nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, đặc trưng của văn học, nghệ thuật cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, cán bộ trực tiếp chỉ đạo, quản lý lĩnh vực này; xây dựng và đưa vào chương trình đào tạo cán bộ thuộc các trường đảng nội dung về văn học, nghệ thuật. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải đưa nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật vào quy hoạch, kế hoạch phát triển, của từng địa phương, từng ngành. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý khoa học, bảo đảm được định hướng chính trị; khắc phục những hiện tượng mất dân chủ hoặc can thiệp thô bạo đối với hoạt động văn học nghệ thuật, cũng như xu hướng thả nổi, không phê phán

những tác giả, tác phẩm đi ngược lại các giá trị chân, thiện, mỹ, những giá trị tốt đẹp của dân tộc và cách mạng. Cấp ủy đảng các cấp có kế hoạch định kỳ làm việc với lực lượng sáng tạo và hoạt động văn học, nghệ thuật.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn học, nghệ thuật. Hoàn thành cơ bản việc thể chế hóa các quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng về văn học, nghệ thuật. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển dài hạn các lĩnh vực văn học, nghệ thuật; rà soát, bổ sung và xây dựng mới các chế độ, chính sách đối với hoạt động văn học, nghệ thuật, như chế độ lương, nhuận bút, đãi ngộ tài năng, bồi dưỡng lao động nghề nghiệp, chế độ hưu. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật, làm rõ các lĩnh vực cần xã hội hóa, lĩnh vực Nhà nước và nhân dân cùng làm, lĩnh vực Nhà nước phải đầu tư bảo tồn, xây dựng và phát triển. Tăng mức đầu tư cho văn học, nghệ thuật; bảo đảm kinh phí cho các chương trình mục tiêu lớn, cho hoạt động sáng tạo của các hội văn học, nghệ thuật, xác định việc đầu tư này là đầu tư cho phát triển. Xây dựng đề án và cơ chế bảo tồn, truyền bá các loại hình văn học, nghệ thuật cổ truyền; có chính sách đặc biệt hỗ trợ sự phát triển của ngôn ngữ, chữ viết và văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số. Có kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, nghệ thuật; nâng cấp, cải tạo và xây mới một số nhà hát, rạp chiếu phim, trung tâm triển lãm văn học, nghệ thuật có chất lượng cao, tầm cỡ lớn, tính chất hiện đại ở các thành phố, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của đất nước. Các cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình phối hợp chặt chẽ với các hội văn học, nghệ thuật nhằm công bố, giới thiệu, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng tốt, định hướng thẩm mỹ cho công chúng. Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới, phát triển lý luận văn học, nghệ thuật. Kiên quyết khắc phục những yếu kém kéo dài của hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật, nâng cao tính khoa học, tính thuyết phục, góp phần hướng dẫn, điều chỉnh sáng tác, phê bình văn nghệ. Đổi mới và nâng cao hiệu quả các hoạt động công bố, giới thiệu, truyền bá các sản phẩm tốt phục vụ đông đảo nhân dân ở mọi miền đất

nước. Tổ chức nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc thành quả lý luận văn học, nghệ thuật của ông cha ta và của thế giới, vận dụng sáng tạo, làm phong phú lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho mọi năng lực sáng tạo có cơ hội phát huy phát triển, khích lệ những tìm tòi, tôn trọng những ý kiến khác nhau về lý luận và phê bình văn nghệ vì lợi ích chung và sự phát triển lành mạnh của văn nghệ. Xây dựng cơ chế quản lý và chế tài ngăn chặn, xử lý các hoạt động sáng tác, truyền bá những sản phẩm văn học, nghệ thuật có nội dung, tư tưởng nghệ thuật thấp, ảnh hưởng xấu tới xã hội; xây dựng các đạo luật điều chỉnh lĩnh vực văn học, nghệ thuật, trước mắt sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí, Luật Xuất bản..., có những chế tài nâng cao trách nhiệm trong việc thẩm định, đánh giá, quyết định công bố, trình diễn, truyền bá các tác phẩm, đặc biệt trên hệ thống thông tin đại chúng, phát thanh, truyền hình, dịch vụ biểu diễn nghệ thuật. Phối hợp tốt các lực lượng làm công tác văn hóa đối ngoại, coi trọng xây dựng, phát triển lực lượng dịch giả văn học, nghệ thuật để nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc đưa các tác phẩm văn nghệ Việt Nam ra nước ngoài phục vụ đồng bào ta và bạn bè quốc tế. Xây dựng cơ chế thẩm định, lựa chọn tác phẩm (cả sáng tác, lý luận, nghiên cứu, phê bình) của nước ngoài đưa vào nước ta.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ đáp ứng yêu cầu tiếp tục phát triển mạnh mẽ nền văn học, nghệ thuật Việt Nam trong thời kỳ mới.

Nâng cao chất lượng các trường đào tạo văn học, nghệ thuật; hoàn thiện chương trình, nội dung, giáo trình trong các trường cao đẳng, đại học, giảng dạy các ngành đào tạo văn học, nghệ thuật (sáng tác, nghiên cứu, lý luận, phê bình, biểu diễn, chỉ huy, đạo diễn...); rà soát, sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng văn nghệ sĩ, đáp ứng yêu cầu đào tạo đặc thù trong lĩnh vực này. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài các năng khiếu, tài năng văn học, nghệ thuật. Xây dựng tiêu chuẩn và cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu lĩnh vực văn học, nghệ thuật

có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất đảm đương công việc. Xây dựng và thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, ưu đãi văn nghệ sĩ có quá trình cống hiến, có nhiều tác phẩm tốt, ảnh hưởng tích cực trong xã hội.

- Củng cố, đổi mới hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và các địa phương nhằm nâng cao khả năng tập hợp, động viên phát huy tiềm năng sáng tạo và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ của hội. Các hội văn học, nghệ thuật phải làm tốt vai trò tập hợp, đoàn kết, phát huy tính chủ động, tích cực xã hội và tài năng sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ. Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của các hội phù hợp với thời kỳ mới, khuyến khích tìm tòi các phương thức hoạt động gắn chặt với thực tiễn cuộc sống. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thực hiện Luật Sở hữu trí tuệ, bảo vệ bản quyền tác giả văn học, nghệ thuật.

Chính phủ xây dựng nghị định về các hội văn học, nghệ thuật, khẳng định các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp phục vụ sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, được đầu tư, chăm lo cho sự phát triển. Nghiên cứu phương thức huy động các nguồn lực cho hoạt động của các hội theo hướng đa dạng hóa và việc sử dụng nguồn lực các hội một cách hợp lý, tạo cơ hội cho ra đời các tác phẩm tốt. Xây dựng và đổi mới cơ chế, chính sách, chế tài điều chỉnh việc Nhà nước đặt hàng mua tác phẩm, tổ chức sản xuất, xuất bản, công diễn, trình chiếu, triển lãm, tặng giải thưởng các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của đảng đoàn các hội, hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng trong các đơn vị hoạt động văn nghệ, quan tâm bồi dưỡng, kết nạp vào Đoàn, vào Đảng những văn nghệ sĩ trẻ tuổi.

Tăng cường các biện pháp xây dựng, phát triển văn nghệ quần chúng, hướng dẫn, khuyến khích quần chúng tham gia sáng tạo, bảo tồn, truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ truyền thống của dân tộc.

NGHỊ QUYẾT SỐ 33-NQ/TW, NGÀY 09/6/2014 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XI

về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

(trích)

Ban Chấp hành Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

I. NHIỆM VỤ

1. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc.

Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thế giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Xây dựng và phát huy lối sống "Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người"; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học - nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng.

Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái. Đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, có nền nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau. Xây dựng mỗi trường học phải thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ. Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất

lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Gắn các hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, với chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa các giai tầng xã hội, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng, hoàn thiện đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng.

Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; khuyến khích các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ, "tốt đời, đẹp đạo". Khuyến khích các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn", từ thiện, nhân đạo.

3. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên.

Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết

là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phục hồi và bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam.

Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; khắc phục tình trạng lạm dụng tiếng nước ngoài. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước. Đẩy mạnh sáng tác, quảng bá tác phẩm, công trình về đề tài cách mạng, kháng chiến, lịch sử dân tộc, công cuộc đổi mới đất nước. Từng bước xây dựng hệ thống lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam.

Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật nhằm tập hợp, tạo điều kiện để văn nghệ sĩ hoạt động tích cực, hiệu quả. Khuyến khích nhân dân sáng tạo, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Có cơ chế khuyến khích văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật với ý thức đầy đủ về trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình. Trọng

dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân trên cơ sở cống hiến cho đất nước. Chú trọng phát triển năng khiếu và tài năng trẻ.

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên mạng Internet để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân, nhất là cho thanh niên, thiếu niên. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và cơ chế đầu tư theo hướng ưu tiên các cơ quan báo chí, truyền thông chủ lực. Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ chủ yếu; nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, góp phần xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam.

5. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển.

Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa.

Nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội. Củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý và cơ quan thực thi quyền tác giả từ Trung ương đến địa phương.

6. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc.

Phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước, trở thành cầu nối quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam. Chú trọng truyền bá văn hóa Việt Nam, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam. Xây dựng một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài và trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại; hỗ trợ quảng bá nghệ thuật quốc gia và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa ra nước ngoài.

II. GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa

Các cấp ủy, tổ chức đảng cần xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Mỗi cán bộ, đảng viên nêu cao vai trò gương mẫu, động viên, tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn; khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo.

Phải coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, mà nội dung quan trọng là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Văn hóa, đạo đức và

lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên, hội viên. Sự gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên là yêu cầu quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

Điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với tính đặc thù của văn hóa, nghệ thuật. Bổ sung chính sách kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; có chính sách văn hóa đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa, các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Thúc đẩy cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực văn hóa.

Tăng cường công tác thanh tra văn hóa, gắn với trách nhiệm cá nhân và tổ chức khi để xảy ra sai phạm. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và công dân đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa.

Chủ động đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trên lĩnh vực văn hóa. Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích, sản phẩm lệch lạc, thị hiếu tầm thường.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa

Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa. Coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở.

Quan tâm xây dựng các trường văn hóa, nghệ thuật, tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng và quy mô đào tạo. Hình thành một số cơ sở đào tạo đại học, trên đại học trọng điểm, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế. Tiếp tục gửi sinh viên, cán bộ đi đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật, thể thao ở các nước phát triển. Xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trong các dân tộc thiểu số, có chính sách khuyến khích họ trở về công tác tại địa phương. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giảng dạy các chuyên ngành văn hóa.

Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; trọng dụng người có tài, có đức. Điều chỉnh chế độ tiền lương, trợ cấp đối với những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù.

4. Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa

Mức đầu tư của Nhà nước cho văn hóa phải tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế. Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch nguồn đầu tư của Nhà nước, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và một số loại hình nghệ thuật truyền thống cần bảo tồn, phát huy.

Đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người.

Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về đất, tín dụng, thuế và phí đối với các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hóa do khu vực tư nhân đầu tư, đặc biệt là ở vùng còn khó khăn. Khuyến khích hình thành các quỹ đào tạo, khuyến học, phát triển nhân tài, quảng bá văn học nghệ thuật, phát triển điện ảnh, hỗ trợ xuất bản...

Xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm. Các địa phương, các cơ quan, công sở, trường học, khu công nghiệp, doanh nghiệp, khu dân cư... có thiết chế văn hóa phù hợp (thư viện, nhà văn hóa, công trình thể thao...).

Tăng cường đầu tư để đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người.

KẾT LUẬN SỐ 76-KL/TW, NGÀY 04/6/2020 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

(trích)

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện các nội dung sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xác định rõ xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Chú trọng tính đặc thù của văn hóa, vừa bảo đảm để văn hóa, văn học, nghệ thuật phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm tự do sáng tạo của cá nhân trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn. Khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo. Định kỳ kiểm tra, giám sát

việc thể chế hóa chủ trương của Đảng đối với cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đẩy nhanh việc cụ thể hóa chủ trương, quan điểm của Đảng thành chương trình, đề án cụ thể, sát thực tiễn. Rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật, quản lý hiện hành có liên quan; sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn phù hợp. Tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, xác định rõ những chiến lược và giải pháp lãnh đạo, quản lý phù hợp với từng đối tượng, lĩnh vực và địa bàn cụ thể. Tăng cường các nguồn lực cho phát triển văn hóa, tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Ưu tiên đầu tư một số cơ sở đào tạo trọng điểm, chất lượng cao và một số ngành công nghiệp văn hóa chủ đạo, có khả năng dẫn dắt các hoạt động văn hóa. Coi trọng hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, những người làm công tác văn hóa, nghệ thuật.

3. Tập trung xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người Việt Nam có thế giới quan khoa học, có nhân cách, lối sống đẹp với các đặc tính cơ bản "yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo". Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng xã hội cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật, tôn trọng đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", "tương thân tương ái". Khẳng định, tôn vinh, nhân rộng các giá trị tốt đẹp, nhân văn. Chấn chỉnh kịp thời việc lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá tư tưởng duy tâm thần bí, thực hành mê tín dị đoan, gây mất an ninh trật tự. Đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, các hành vi tiêu cực, cơ hội, vi phạm pháp luật, truyền bá tư tưởng sai trái, lối

sống thực dụng, trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam.

4. Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Có cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Đề cao vai trò, trách nhiệm và các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ thanh thiếu nhi, cùng với nhà trường giáo dục, hình thành nhân cách, đạo đức trong sáng và kỹ năng ứng xử xã hội văn minh. Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, gìn giữ, ứng xử đúng đắn với môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh. Huy động nguồn lực của mọi tầng lớp xã hội đầu tư và tổ chức đời sống văn hóa, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp trong xã hội.

5. Tăng cường xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh việc "học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nhất là với cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ những người làm công tác giáo dục, văn nghệ sĩ và cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, lãnh đạo doanh nghiệp và những người có tầm ảnh hưởng quan trọng trong cộng đồng và xã hội. Chủ động phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hệ thống chính trị và xã hội. Chú trọng yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. Đẩy mạnh việc triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tinh thần khởi nghiệp, xây dựng đội ngũ doanh nhân giỏi, kinh doanh đúng pháp luật, đóng góp có trách nhiệm cho cộng đồng và xã hội.

6. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa. Xử lý hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam. Chú trọng thực hiện các chương trình phục hồi, bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một; giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, các giá trị văn hóa trong tôn giáo, tín ngưỡng. Tạo điều kiện, khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật. Đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật, nâng cao tính chuyên nghiệp; đồng thời phát triển sâu rộng văn học, nghệ thuật quần chúng. Đầu tư nhiều hơn cho hoạt động nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam. Tập trung thực hiện quy hoạch và quản lý báo chí toàn quốc. Phát huy vai trò của báo chí, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt trên môi trường mạng Internet.

7. Tăng cường bảo hộ quyền tác giả, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa. Tạo nhận thức sâu sắc của toàn xã hội về vị trí, vai trò của các ngành công nghiệp văn hóa. Phát huy mặt tích cực của cơ chế thị trường; tăng cường và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư để phát triển công nghiệp văn hóa. Có giải pháp đồng bộ, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách khuyến khích hoạt động sáng tạo, thu hút đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, tạo thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và các ngành công nghiệp văn hóa. Nâng cao hiệu quả việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

8. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và truyền bá văn hóa Việt Nam ra thế giới. Mở rộng giao lưu, hợp tác văn hóa với các nước; đa dạng hóa các hình

thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu. Tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế đầu tư trí tuệ, nguồn lực, tham gia phát triển văn hóa, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Tăng cường các chương trình dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam. Chọn lọc, tiếp thu kinh nghiệm tốt, phù hợp của các nước trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

CHỈ THỊ SỐ 46-CT/TW, NGÀY 27/7/2010 CỦA BAN BÍ THƯ
về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội

(trích)

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở các cấp phải thực sự quan tâm, có kế hoạch tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống phù hợp với từng đối tượng trong xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ, nâng cao năng lực và trình độ nhận biết, đánh giá để bài trừ, tẩy chay các sản phẩm văn hóa độc hại. Tất cả các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị, từ Trung ương đến cơ sở, cần xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, nền nếp các quy định cụ thể về ngăn chặn, phê phán, bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào cơ quan, đơn vị từng cá nhân.

2. Vận động các tầng lớp nhân dân chấp hành đầy đủ, nghiêm túc pháp luật, các quy định về bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại. Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, mặt trận, đoàn thể đấu tranh chống sản phẩm văn hóa độc hại đồng bộ, toàn diện, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm, nhất là ở khu vực đô thị, cửa khẩu, vùng biên giới.

Tập trung thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nâng cao ý thức tự giác của các thành viên trong gia đình tẩy chay, loại bỏ các sản phẩm văn hóa độc hại, bảo vệ các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Ngành Giáo dục và Đoàn thanh niên cần đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức, lối sống, thẩm mỹ, ứng xử văn hóa và kỹ năng sống cho thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên; bằng nhiều biện pháp kiên quyết bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào nhà trường và thế hệ trẻ.

3. Khẩn trương rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành, đồng thời xây dựng mới các chính sách, cơ chế, chế tài xử lý đáp ứng đòi hỏi của công tác quản lý xã hội, quản lý văn hóa trong tình hình mới nhằm ngăn chặn, bài trừ có hiệu quả sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại; đặc biệt chú trọng quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu, công bố, giới thiệu, truyền bá các sản phẩm văn hóa từ nước ngoài trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại các cơ sở dịch vụ văn hóa.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý văn hóa, đặc biệt ở khâu thẩm định, thanh tra, kiểm tra văn hóa.

4. Xây dựng các quy chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thường xuyên giữa các ngành văn hóa, thông tin, giáo dục, hải quan, công an, quản lý thị trường... trong việc kiểm soát, ngăn chặn các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào nước ta. Đồng thời, cần có các giải pháp kỹ thuật để ngăn chặn sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại qua mạng internet, các thiết bị kỹ thuật số, điện thoại di động...

5. Các cơ quan báo chí, truyền thông đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền về nhiệm vụ chống sự xâm nhập và tác hại của các sản phẩm văn hóa độc hại; phát hiện, biểu dương những điển hình tốt, gương tiêu biểu trong việc giữ gìn đạo đức, thuần phong mỹ tục, xây dựng gia đình văn hóa và

trong công tác phòng, chống, bài trừ, phê phán các sản phẩm văn hóa độc hại.

6. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy đảng các cấp quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

CHỈ THỊ SỐ 41-CT/TW, NGÀY 05/02/2015 CỦA BAN BÍ THƯ
về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội
(trích)

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau :

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội; bảo đảm việc quản lý và tổ chức lễ hội của từng ngành, địa phương, cơ sở theo đúng quy định của pháp luật; thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; phù hợp với thuần phong mỹ tục, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, có ý nghĩa giáo dục cao; đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần lành mạnh của nhân dân. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội đón Tết Nguyên đán, vui Xuân Ất Mùi, các sự kiện, ngày lễ lớn trong năm 2015 và những năm tiếp theo, bảo đảm thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm; phù hợp với văn hóa truyền thống của dân tộc, phong tục, tập quán của từng địa phương.

2. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu chấp hành các quy định về quản lý và tổ chức lễ hội; phê bình và xử lý nghiêm đối với cán bộ, đảng viên vi phạm. Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, không tham dự lễ hội với danh nghĩa tổ chức, cơ quan, đơn vị nếu không được cấp có thẩm quyền phân công.

3. Giảm tần suất, thời gian tổ chức, nhất là những lễ hội có quy mô lớn. Hạn chế sử dụng ngân sách nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực trong việc tổ chức lễ hội. Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện quy hoạch, tổ chức lễ hội, các sinh hoạt tín ngưỡng và các hoạt động vui chơi giải trí trong lễ hội hợp lý, lành mạnh; ngăn chặn và khắc phục tình trạng lợi dụng di tích, nơi thờ tự, lễ hội nhằm trục lợi, tuyên truyền mê tín, dị đoan và tổ chức các hoạt động trái pháp luật. Thực hiện nghiêm việc quản lý đốt hàng mã; quản lý, sử dụng đồng tiền Việt Nam trong lễ hội theo đúng quy định của pháp luật; khắc phục tình trạng đặt hòm công đức và đặt tiền lễ tùy tiện; quản lý và sử dụng tiền công đức công khai, minh bạch, phục vụ công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích và tổ chức lễ hội. Không lạm dụng truyền hình trực tiếp để huy động tài trợ cho việc tổ chức lễ hội.

4. Tăng cường các biện pháp giữ gìn, bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống cháy nổ, an toàn giao thông; khắc phục, giải quyết dứt điểm tình trạng ùn tắc giao thông; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh cảnh quan môi trường tại các lễ hội. Thực hiện nếp sống văn minh trong sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng và lễ hội. Quản lý chặt chẽ các hoạt động dịch vụ, niêm yết công khai giá dịch vụ; kiểm tra, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại về giá, phí dịch vụ, lệ phí, lưu hành ấn phẩm văn hóa trái phép; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân lợi dụng lễ hội để tăng giá, ép giá.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng về nội dung Chỉ thị này; định hướng, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phản ánh những nét đẹp văn hóa truyền thống trong hoạt động lễ hội, cổ vũ, nêu gương các cơ sở, cá nhân gương mẫu thực hiện tốt, đồng thời phê phán cơ sở, cá nhân thực hiện không tốt các quy định về quản lý, tổ chức và tham gia lễ hội.

Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu với Bộ Chính trị tổ chức tổng kết

15 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII và 5 năm thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 22/7/2009 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 23-CTr/TU, NGÀY 23/10/2014 CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

(trích)

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu chung

Xây dựng văn hóa và con người Khánh Hòa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh và của đất nước. Đầu tư cơ sở vật chất, môi trường văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí tiến bộ, lành mạnh; khoa học - công nghệ, y tế, giáo dục - đào tạo tiên tiến, hiện đại, phấn đấu để Khánh Hòa trở thành trung tâm văn hóa, khoa học, giáo dục của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

2. Những nhiệm vụ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

2.1. Trên lĩnh vực tư tưởng, chính trị

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng, trong cơ quan nhà nước; tiếp tục triển khai Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay", kết hợp với việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đi vào thực chất; ngăn chặn, đẩy lùi tình

trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, bảo đảm yêu cầu phát triển văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí trong thời kỳ mới. Chú trọng việc cung cấp thông tin về tình hình thời sự, kinh tế, xã hội trong nước, trong tỉnh và các quan điểm, đường lối, chính sách, giải pháp của Đảng, Nhà nước và của tỉnh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, báo chí.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống sự xâm nhập của các loại văn hóa phẩm độc hại, các tài liệu, bài viết có nội dung xuyên tạc của các thế lực thù địch nhằm chống phá Đảng và Nhà nước ta; ngăn chặn xu hướng phát triển và sự lây lan của khuynh hướng tư tưởng văn hóa - văn nghệ, báo chí thoát ly sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trên địa bàn tỉnh có hiệu quả.

2.2. Trên lĩnh vực văn hóa

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; xây dựng con người Khánh Hòa có nhân cách, giàu lòng yêu nước, tự hào dân tộc, trọng đạo nghĩa, có ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân, có lối sống tốt đẹp, có năng lực trí tuệ, tự tin và thích ứng với môi trường xã hội văn minh, tiến bộ; tôn trọng truyền thống văn hóa tín ngưỡng tốt đẹp của nhân dân; tuyên truyền, giáo dục, ngăn chặn và xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan...

- Xây dựng và đưa vào sử dụng một số công trình văn hóa trọng điểm như: Nhà Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Văn hóa - triển lãm và hội chợ, các khu di tích lịch sử căn cứ địa cách mạng và các công trình văn hóa ở các địa phương như: Đền thờ Trần Đường, công trình tượng đài nghệ thuật tại ngã sáu thành phố Nha Trang, các tụ điểm văn hóa ở các huyện, thị, thành phố; Nhà Văn hóa, Trung tâm văn hóa xã trong Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh (20 xã)…

- Tiếp tục thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc

tang và lễ hội; gắn kết và phát huy kết quả đạt được của Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng "làng văn hóa", "cơ quan văn hóa", "gia đình văn hóa" với phong trào xây dựng nông thôn mới, xây dựng nếp sống văn minh đô thị đi vào chiều sâu, thực chất và có hiệu quả. Từng bước thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng, miền núi, biển đảo, vùng xa.

- Sử dụng lồng ghép có hiệu quả các công trình công cộng (trường học, đình làng…) cho hoạt động văn hóa ở cơ sở; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trên lĩnh vực văn hóa, nhằm góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

- Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương, tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng.

- Thực hiện hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh; tập trung nghiên cứu, sưu tầm các giá trị văn hóa phi vật thể. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả hoạt động quảng bá các loại hình văn hóa truyền thống độc đáo của Khánh Hòa đến với du khách trong và ngoài nước.

- Ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động phục vụ nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của công nhân ở các khu công nghiệp tập trung; khuyến khích đầu tư xây dựng các bảng quảng cáo, tuyên truyền điện tử.

- Xây dựng quy hoạch, đào tạo nguồn cán bộ quản lý văn hóa có chuyên môn đạt chuẩn; từng bước cân đối nguồn cán bộ (về độ tuổi, giới tính, thành phần dân tộc, địa bàn công tác ở 3 cấp) phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương.

- Tuyển chọn, bổ sung thêm nguồn nhân lực có chất lượng; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; xây dựng cơ chế hoạt động, từng bước chuyển đổi mạnh mẽ hoạt động của đoàn Ca múa nhạc Hải Đăng; đẩy mạnh hoạt động các loại hình

nghệ thuật đường phố, các tụ điểm vui chơi, giải trí, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân và phát triển du lịch. Tăng cường nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các đội Tuyên truyền lưu động, các đội chiếu phim lưu động từ tỉnh đến các huyện, thị xã, thành phố, đảm bảo tốt cho công tác tuyên truyền, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân các khu vực miền núi, nông thôn, ven biển và hải đảo.

- Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, con người cho Nhà hát nghệ thuật truyền thống. Có chính sách đãi ngộ, tôn vinh đối với đội ngũ văn nghệ sĩ, nhất là đối với những nghệ nhân hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật truyền thống, văn hóa - văn nghệ dân gian.

- Nâng cao chất lượng, nội dung chương trình giảng dạy; đẩy mạnh chiêu sinh, mở các lớp quản lý văn hóa, nghiệp vụ văn hóa và các bộ môn nghệ thuật truyền thống, nhằm bổ sung nguồn nhân lực cho tỉnh.

- Tăng cường nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động văn hóa đối ngoại. Đăng cai tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật lớn mang tầm khu vực, quốc gia và quốc tế; phấn đấu xây dựng thành phố Nha Trang - Khánh Hòa trở thành trung tâm văn hóa, du lịch, tổ chức sự kiện của cả nước.

2.3. Trên lĩnh vực thông tin - truyền thông

- Xây dựng Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị *về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế giai đoạn 2015 - 2020*. Triển khai Quy hoạch phát triển Xuất bản - In - Phát hành xuất bản phẩm tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch báo chí đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Phát triển và tăng cường quản lý báo chí, trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet bảo đảm thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, nâng cao tính nhân văn và khoa học; chú trọng tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, các điển hình hoạt động của

câu lạc bộ ông bà cháu, câu lạc bộ ông bà mẫu mực, con cháu hiếu thảo... Trước mắt, xây dựng trang thông tin điện tử của Hội Nhà báo tỉnh, trang thông tin điện tử Tạp chí Nha Trang và trang thông tin điện tử Tạp chí Văn hóa, Thể thao và Du lịch... Xây dựng cơ sở hạ tầng Đài Phát thanh - Truyền hình tại địa điểm mới; triển khai Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 theo đúng lộ trình chung của Đề án Quốc gia.

- Đẩy mạnh việc triển khai Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính, hoạt động sự nghiệp, kinh doanh dịch vụ...

2.4. Trên lĩnh vực văn học - nghệ thuật

- Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; xây dựng, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ Khánh Hòa một cách toàn diện cả về số lượng và cơ cấu loại hình, có các thế hệ nối tiếp nhau vững chắc, có tình yêu Tổ quốc nồng nàn, gắn bó sâu sắc với nhân dân, với sự nghiệp đổi mới, có năng lực sáng tạo các tác phẩm văn học - nghệ thuật có nội dung tư tưởng, tính nhân văn sâu sắc và giá trị nghệ thuật cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về hưởng thụ văn hóa của nhân dân, phục vụ tốt nhiệm vụ xây dựng và phát kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh nhà và xây dựng nhân cách con người Việt Nam.

- Tăng cường các hoạt động thực tế sáng tác tại tỉnh, tập trung vào các đề tài: Xây dựng nông thôn mới; hướng về biển, đảo quê hương, đất nước; phản ánh, khắc họa đậm nét cuộc sống, con người Khánh Hòa trong chiến đấu, xây dựng và phát triển...

- Xây dựng tổ chức hội vững mạnh, đoàn kết gắn bó; ngăn chặn xu hướng văn học - nghệ thuật, báo chí thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

2.5. Trên lĩnh vực khoa học, giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát triển kinh tế - xã hội… trên địa bàn tỉnh theo đúng mục tiêu: Đến năm 2020, công tác giáo dục và đào tạo tỉnh

Khánh Hòa được đổi mới theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.

- Coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, truyền thống cách mạng, ý thức trách nhiệm xã hội, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp… nhằm ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức.

- Triển khai các thủ tục thành lập Trường Đại học Khánh Hòa theo quy hoạch; tổ chức, sắp xếp lại các trung tâm, các trường trung cấp, cao đẳng của tỉnh, đầu tư và tạo cơ chế kêu gọi đầu tư cơ sở vật chất để phát triển cơ sở đào tạo nguồn nhân lực; phấn đấu đưa Khánh Hòa trở thành trung tâm về giáo dục và đào tạo ở khu vực Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học trên những lĩnh vực mới, trong đó, chú trọng ưu tiên những lĩnh vực tỉnh có thế mạnh, nhất là phát triển kinh tế biển và kinh tế du lịch. Triển khai ứng dụng những đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu trên các lĩnh vực nhằm phát huy kết quả nghiên cứu, phục vụ thiết thực vào phát triển kinh tế, xây dựng môi trường văn hóa trên địa bàn tỉnh.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí; tiếp tục đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo và quản lý văn hóa, báo chí.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. Đẩy nhanh và đổi mới việc thể chế hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng về văn hóa.

- Tăng cường nguồn lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật và đổi mới cơ chế quản lý, phương thức và hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, báo chí có đủ năng lực và phẩm chất đảm đương công việc. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và

sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa ở cấp xã, phường, thị trấn có năng lực hoạt động thực tiễn, xây dựng phong trào văn hóa ở cơ sở.

- Xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước và tổ chức hội, đoàn thể trên lĩnh vực văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí theo đúng nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, các tổ chức hội, đoàn thể xây dựng phong trào, tổ chức thực hiện.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút các dự án ngoài ngân sách đầu tư xây dựng trường học, bệnh viện, cơ sở y tế, văn hóa, thể thao, dạy nghề và môi trường trên địa bàn tỉnh.

CÔNG VĂN SỐ 3865-CV/TU, NGÀY 14/8/2020 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY triển khai Kết luận 76-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Các cấp ủy đảng tiếp tục tuyên truyền, quán triệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU, ngày 23/10/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh *về thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW và các nhiệm vụ, giải pháp trong Báo cáo số 314-BC/TU, ngày 30/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa,*

con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của văn hóa và con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xác định rõ xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Chú trọng tính đặc thù của văn hóa, vừa bảo đảm để văn hóa, văn học, nghệ thuật phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm tự do sáng tạo của cá nhân trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn. Khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo, hạn chế tự do sáng tạo. Định kỳ kiểm tra, giám sát việc thể chế hóa chủ trương của Đảng đối với cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh và chính quyền các cấp kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng về văn hóa thành chương trình, kế hoạch sát với thực tiễn của tỉnh, địa phương. Đổi mới phương thức quản lý đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp quản lý phù hợp với từng đối tượng, lĩnh vực, địa bàn cụ thể. Tiếp tục đầu tư các nguồn lực cho phát triển văn hóa, tương xứng với mức tăng trưởng kinh tế của tỉnh; ưu tiên đầu tư các thiết chế văn hóa ở cơ sở. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tập trung tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW và việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; giữa các ban, ngành, đoàn thể trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, thẩm mỹ cho thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", các phong trào thi đua yêu nước.

4. Tập trung xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người Việt Nam có thế giới quan khoa học, có nhân cách, lối sống đẹp với các đặc tính cơ bản "yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo". Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng xã hội cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật, tôn trọng đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", "tương thân tương ái". Khẳng định, tôn vinh, nhân rộng các giá trị tốt đẹp, nhân văn; chấn chỉnh kịp thời việc lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để truyền bá tư tưởng duy tâm thần bí, thực hành mê tín dị đoan. Đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật, truyền bá tư tưởng sai trái, lối sống thực dụng, trái thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam.

5. Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", cuộc vận động "Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Có quy chế phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục. Đề cao vai trò, trách nhiệm và các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình. Thực sự coi gia đình là nhân tố quan trọng, hàng đầu cùng với nhà trường và xã hội trong việc nuôi dưỡng, bảo vệ và giáo dục thanh thiếu nhi hình thành nhân cách, đạo đức trong sáng và kỹ năng ứng xử xã hội văn minh. Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, gìn giữ, ứng xử đúng đắn với môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh. Tiếp tục đẩy mạnh huy động nguồn lực của mọi tầng lớp xã hội đầu tư cho phát triển văn hóa và phát triển con người tại địa phương.

6. Tăng cường xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh việc "học

tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nhất là với cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ những người làm công tác giáo dục, văn nghệ sĩ và cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, lãnh đạo doanh nghiệp. Chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, các hành vi tham nhũng, lãng phí trong hệ thống chính trị và xã hội. Chú trọng yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế. Đẩy mạnh việc triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tinh thần khởi nghiệp, xây dựng đội ngũ doanh nhân giỏi, kinh doanh đúng pháp luật.

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa. Xử lý hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương trong tỉnh để góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam và tỉnh Khánh Hòa. Chú trọng thực hiện các chương trình phục hồi, bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống; giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, các giá trị văn hóa trong tôn giáo, tín ngưỡng. Tạo điều kiện, khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ trong tỉnh để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật. Đổi mới phương thức hoạt động của Hội Văn học Nghệ thuật, nâng cao tính chuyên nghiệp; quan tâm tạo điều kiện cho hoạt động của các câu lạc bộ văn học, nghệ thuật địa phương. Phát huy vai trò của báo chí, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt trên môi trường mạng Internet.

8. Triển khai thực hiện tốt Chiến lược công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh; có cơ chế, chính sách khuyến khích hoạt động sáng tạo, thu hút đầu tư cơ sở, vật chất, công nghệ tiên tiến để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa. Thực hiện tốt việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh.

9. Nâng cao hiệu quả hợp tác và giao lưu văn hóa với các nước nhằm tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại và truyền bá văn hóa Việt Nam. Tạo điều kiện thuận lợi người Việt Nam ở nước

ngoài, các tổ chức quốc tế đầu tư nguồn lực tham gia phát triển văn hóa, quảng bá hình ảnh đất nước con người Việt Nam và tỉnh Khánh Hòa đến với bạn bè thế giới.

KẾ HOẠCH SỐ 95-KH/TU, NGÀY 21/9/2020 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Ban Bí thư về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội

(trích)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tạo phong trào quần chúng sâu rộng, ngăn chặn, đẩy lùi sự xâm nhập và tác động tiêu cực của các sản phẩm văn hóa độc hại từ bên ngoài xâm nhập vào nước ta. Xây dựng, nâng cao ý thức cảnh giác, năng lực nhận biết, bài trừ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trước sự xâm nhập, tác động của các sản phẩm văn hóa độc hại.

2. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý xã hội, quản lý văn hóa của các ngành, các cấp; sự tham gia chủ động, tích cực, thường xuyên của Mặt trận và các đoàn thể các cấp để ngăn chặn, chống lại sự xâm nhập và tác động tiêu cực của các sản phẩm văn hóa độc hại.

3. Tạo môi trường sống tốt đẹp, trong sạch, đa dạng; sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, đồng thời tiếp nhận có chọn lọc các giá trị văn hóa của thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa phong phú của nhân dân.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp có kế hoạch tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống phù hợp với từng đối tượng trong xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ, nâng cao năng lực và trình độ nhận biết, đánh giá để bài trừ, tẩy chay các sản phẩm văn hóa độc hại. Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, nền nếp các

quy định cụ thể về ngăn chặn, phê phán, bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào cơ quan, đơn vị và từng cá nhân.

Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, Mặt trận, đoàn thể trong công tác đấu tranh chống sự xâm nhập của sản phẩm văn hóa độc hại một cách đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, nhất là ở khu vực đô thị. Vận động các tầng lớp nhân dân chấp hành đầy đủ, nghiêm túc pháp luật, các quy định về bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại. Tập trung thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nâng cao ý thức tự giác của các thành viên trong gia đình đối với việc tẩy chay, loại bỏ các sản phẩm văn hóa độc hại, bảo vệ các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

2. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo:

a) Sở Văn hóa - Thể thao khẩn trương rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành, đồng thời xây dựng mới các chính sách, cơ chế, chế tài xử lý đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý xã hội, quản lý văn hóa trong tình hình mới, nhằm ngăn chặn, bài trừ có hiệu quả sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại; đặc biệt chú trọng quản lý chặt chẽ việc công bố, giới thiệu, truyền bá các sản phẩm văn hóa từ nước ngoài trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại các cơ sở dịch vụ văn hóa. Lồng ghép việc thực hiện Chỉ thị 46-CT/TW vào tiêu chí bình xét danh hiệu gia đình văn hóa.

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công Thương, Cục Hải quan, Công an tỉnh xây dựng các quy chế phối hợp trong việc kiểm soát, ngăn chặn các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào trong tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý và ngăn chặn những hành vi lợi dụng vấn đề văn hóa để in, bán, tán phát các ấn phẩm văn hóa độc hại với mục đích trục lợi, làm ảnh hưởng không tốt đến đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh của nhân dân.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý văn hóa, đặc biệt ở khâu thẩm định, thanh tra, kiểm tra văn hóa.

b) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng văn bản quản lý nhà nước trên các lĩnh vực thông tin – truyền thông, tăng cường công tác kiểm tra đối với các cơ sở in ấn, các trang tin điện tử trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn các cơ quan truyền thông xây dựng kế hoạch tuyên truyền về nhiệm vụ chống sự xâm nhập và tác hại của các sản phẩm văn hóa độc hại. Đồng thời, có biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại qua mạng Internet, các thiết bị kỹ thuật số, điện thoại di động…;

c) Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Tỉnh đoàn đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức, lối sống, thẩm mỹ, ứng xử văn hóa và kỹ năng sống cho thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên; bằng nhiều biện pháp, kiên quyết bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại xâm nhập vào nhà trường và thế hệ trẻ.

3. Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa mở chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền nhiệm vụ chống sự xâm nhập và tác hại của các sản phẩm độc hại; phát hiện, biểu dương những điển hình tốt, gương tiêu biểu trong việc giữ gìn đạo đức, thuần phong mỹ tục, xây dựng gia đình văn hóa và trong công tác phòng chống, bài trừ, phê phán các sản phẩm văn hóa độc hại.

4. Ban Chỉ đạo 94 các cấp có kế hoạch đưa việc triển khai thực Chỉ thị 46-CT/TW của Ban Bí thư vào nội dung, chương trình hoạt động của cấp mình.

CÔNG VĂN SỐ 1523-CV/TU, NGÀY 11/5/2015 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Các cấp ủy đảng

- Tổ chức tốt, hiệu quả việc quán triệt và triển khai thực hiện các nội dung được nêu tại Chỉ thị 41-CT/TW của Ban Bí thư và Công điện số 229/CĐ-TTg, ngày 12/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ *về việc quản lý, tổ chức lễ hội* và các văn bản chỉ đạo khác của Đảng, Chính phủ có liên quan, gắn với tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về *"xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước"*.

- Chỉ đạo tăng cường quản lý và thực hiện nghiêm túc việc tổ chức lễ hội trên địa bàn, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; phù hợp với thuần phong mỹ tục và các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, của địa phương; đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần lành mạnh của nhân dân.

- Chỉ đạo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức gương mẫu chấp hành các quy định về quản lý, tổ chức và tham gia lễ hội; mặt khác, nghiêm khắc phê bình và xử lý nghiêm đối với cán bộ, đảng viên vi phạm.

2. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo việc triển khai thực hiện công tác quy hoạch, quản lý và tổ chức lễ hội, tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa lớn trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với văn hóa truyền thống của dân tộc và của địa phương. Chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra, nhằm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các địa phương, cơ sở, cá nhân có sai phạm trong quản lý, tổ chức và tham gia lễ hội.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Chỉ đạo công tác tuyên truyền Chỉ thị số 41-CT/TW của Ban Bí thư và Công điện số 229/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên hệ thống phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh. Quan tâm định hướng tuyên truyền, phản ánh những nét đẹp văn hóa truyền thống trong hoạt động lễ hội, đồng thời phê phán những việc làm trái với các quy định về quản lý, tổ chức và tham gia lễ hội trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kế hoạch tổ chức hội nghị quán triệt Chỉ thị số 41-CT/TW của Ban Bí thư và Công điện số 229/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, kết hợp với tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW, ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) và 5 năm thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 22/7/2009 của Bộ Chính trị (khóa X) *về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW "về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội"*.

- Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra nhằm đảm bảo việc triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và thường xuyên tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình thực hiện công tác quản lý và tổ chức lễ hội trên địa bàn tỉnh.

CÔNG TÁC LỊCH SỬ ĐẢNG VÀ GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG

A. VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG

CHỈ THỊ SỐ 20-CT/TW, NGÀY 18/01/2018 CỦA BAN BÍ THƯ
về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng

(trích)

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng và toàn xã hội, trước hết là của người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng đối với công

tác xây dựng Đảng trong tình hình mới. Làm tốt công tác này nhằm phát huy truyền thống, lịch sử vẻ vang của Đảng, là cội nguồn sức mạnh, là động lực tinh thần to lớn cổ vũ toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

2. Các cấp ủy, trực tiếp và thường xuyên là thường trực cấp ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác lịch sử Đảng. Quan tâm việc sưu tầm khai thác tư liệu, nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng. Chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác lịch sử Đảng có kiến thức chuyên ngành sâu rộng, có bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm cao; bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất, kinh phí cần thiết cho công tác quan trọng này.

3. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, nâng cao chất lượng, tính khách quan, khoa học của các công trình lịch sử Đảng ở các cấp; chú trọng nghiên cứu, biên soạn biên niên sự kiện lịch sử Đảng, văn kiện Đảng và về quan hệ quốc tế của Đảng. Quan tâm sưu tầm, khai thác bổ sung tư liệu lịch sử Đảng, nhất là tư liệu lịch sử Đảng ở nước ngoài và tư liệu qua phỏng vấn các nhân chứng lịch sử. Làm tốt công tác bảo quản, lưu trữ tư liệu lịch sử Đảng, đồng thời đẩy mạnh, tiến tới số hóa toàn bộ tư liệu lịch sử Đảng. Đổi mới phương pháp nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng theo hướng gắn liền với nghiên cứu, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nghiên cứu lịch sử dân tộc. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, sưu tầm tư liệu lịch sử Đảng ở nước ngoài và nghiên cứu lịch sử một số đảng cầm quyền trên thế giới.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng trong Đảng và toàn xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ với phương pháp, cách thức đa dạng, phù hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; làm tốt công tác thông tin, giới thiệu lịch sử Đảng ta với bạn bè quốc tế. Chủ động đấu tranh phê phán, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc lịch sử Đảng ta.

CHỈ THỊ SỐ 42-CT/TW, NGÀY 24/3/2015 CỦA BAN BÍ THƯ
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030

(trích)

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Nhận thức đúng, đầy đủ tính cấp bách và tầm quan trọng của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, từ đó xác định trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và toàn xã hội đối với công tác này

Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, quan trọng, đòi hỏi phải có sự quan tâm, đầu tư thích đáng. Đầu tư cho giáo dục, trong đó có giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ là đầu tư cho tương lai của đất nước. Đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, của các cấp, các ngành, đoàn thể, gia đình và toàn xã hội; tạo điều kiện tối đa cho thế hệ trẻ học tập, lao động, cống hiến, là lực lượng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động toàn xã hội thấy được ý nghĩa, vai trò, sự cần thiết của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ; nhìn nhận đúng thế mạnh, cũng như những hạn chế vốn có của giới trẻ Việt Nam, đổi mới nội dung, phương thức giáo dục thanh thiếu nhi. Lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền định kỳ gặp

gỡ, đối thoại, nắm bắt tâm tư, tình cảm, định hướng tư tưởng, giải quyết kịp thời nhu cầu, nguyện vọng chính đáng và chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thế hệ trẻ.

Chủ động, kịp thời cung cấp thông tin chính thống về tình hình trong nước và thế giới cho thanh niên. Chú trọng tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước, gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đấu tranh phòng, chống "diễn biến hòa bình", phản bác các luận điệu, thông tin sai trái; tăng sức đề kháng cho thế hệ trẻ trước sự chống phá của các thế lực thù địch.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan truyền thông, nhất là các cơ quan báo chí, xuất bản của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Khắc phục tình trạng một bộ phận báo chí, xuất bản hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích, làm ảnh hưởng đến nhận thức, tư tưởng của thế hệ trẻ. Chú trọng khai thác, sử dụng có hiệu quả các phương tiện truyền thông hiện đại, thành tựu khoa học - công nghệ, nhất là Internet trong công tác giáo dục thanh thiếu nhi.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục thanh thiếu nhi các cấp. Xây dựng đội ngũ làm công tác thông tin, định hướng tuyên truyền trên mạng Internet; nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, giảng viên chính trị… làm công tác giáo dục thế hệ trẻ.

2. Xây dựng môi trường lành mạnh, tạo điều kiện để thế hệ trẻ học tập, rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư khóa XI về công tác xây dựng Đảng; Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; phát huy vai trò, trách nhiệm, tính tiền phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên; ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên.

Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến thanh thiếu nhi, gắn với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chiến lược Phát triển gia đình Việt Nam, Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em, Chiến lược Phát triển thanh niên Việt Nam, Chương trình xây dựng nông thôn mới… Tăng cường giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật liên quan. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, lên án các hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến công tác giáo dục thanh thiếu nhi.

Xây dựng và phát huy lối sống "Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người", có ý thức tự trọng, tự chủ, trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, phù hợp thuần phong mỹ tục, truyền thống của người Việt Nam.

Tăng cường quản lý văn hóa, thông tin, kịp thời ngăn chặn các sản phẩm văn hóa độc hại, thông tin sai trái tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của thế hệ trẻ, nhất là qua các trang mạng xã hội, trang web phản động, đồi trụy. Có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để các cơ quan văn hóa, văn học nghệ thuật, xuất bản, báo chí sáng tác và phổ biến tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần định hướng, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế và sản phẩm văn hóa hiện có; đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa mới; phát triển các loại hình giải trí lành mạnh cho thanh thiếu nhi. Xây dựng môi trường văn hóa công sở; khu dân cư tiên tiến; làng, xã, gia đình văn hóa.

Từng bước tăng ngân sách đầu tư cho sự nghiệp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Ưu tiên bố trí quỹ đất và kinh phí để xây dựng trường học, công trình phúc lợi, vui chơi, giải trí cho thanh thiếu nhi.

Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, tạo chuyển biến trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội (nhất là ma túy, mại dâm, mê tín dị đoan), an toàn giao thông, bảo vệ môi trường sống, bảo đảm cho thế hệ trẻ được an toàn trong cuộc sống, học tập, vui chơi.

3. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, giữa các ban, ngành, đoàn thể trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ

Đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ thanh thiếu nhi; cùng với nhà trường giáo dục hình thành nhân cách và trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho thế hệ trẻ phát triển toàn diện. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa, ông bà, cha mẹ, anh chị mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, gia đình đoàn kết, thương yêu nhau, bảo vệ cái tốt, cái đúng, chống lại cái xấu, cái ác.

Xây dựng trường học thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục, rèn luyện thanh thiếu nhi; kết hợp hài hòa giữa học chính khóa và ngoại khóa, qua đó góp phần hình thành lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Tạo điều kiện để các tổ chức Đoàn, Hội, Đội trong trường học phát huy vai trò, ảnh hưởng, tích cực tham gia quá trình giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị, đạo đức, bảo đảm thực chất, giúp thế hệ trẻ nhận thức sâu sắc, toàn diện về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sống có văn hóa, nghĩa tình, phấn đấu thực hiện mục tiêu "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội", bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần tự cường dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển đất nước.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", các phong trào thi đua yêu nước; tạo điều kiện thuận lợi để thanh thiếu nhi tham gia các hoạt động thực tiễn, qua đó rèn luyện, cống hiến, trưởng thành.

4. Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức của thanh thiếu nhi

Tăng cường giáo dục chính trị cho thế hệ trẻ bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, với sự tham gia, phối hợp có trách nhiệm của nhà trường, gia đình, đoàn thể và toàn xã hội. Thường xuyên trao đổi, đối thoại với thế hệ trẻ, kịp thời nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội trong thanh thiếu nhi, nhất là ở các thành phố lớn và địa bàn nhạy cảm. Kịp thời đấu tranh, phê phán, uốn nắn nhận thức lệch lạc, biểu hiện sai trái trong cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi.

Đề cao vai trò nêu gương của cán bộ Đoàn, Hội, Đội, nhân rộng điển hình tiên tiến gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; phát huy tinh thần tự học tập, rèn luyện, phấn đấu trong cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi.

Tổ chức Đoàn, Hội, Đội chủ động phối hợp với nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Xây dựng, củng cố và phát huy vai trò của hệ thống các nhà văn hóa thanh thiếu nhi, trường đào tạo, báo chí, xuất bản của Đoàn trong công tác này.

Chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi qua các phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ, qua đó, vừa làm công tác giáo dục, vừa phát huy vai trò của lớp trẻ tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đồng thời, tăng cường khả năng đoàn kết, tập hợp thanh thiếu nhi vào tổ chức.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về công tác giáo dục của Đoàn; tiến hành đổi mới nội dung, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đoàn, Hội, Đội phù hợp với yêu cầu, tình hình mới.

Nâng cao chất lượng đoàn viên và công tác bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng.

B. VĂN BẢN CỦA TỈNH

CHỈ THỊ SỐ 05-CT/TU, NGÀY 24/11/2006 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về đẩy mạnh công tác sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp triển khai thực hiện một số việc sau đây:

1. Đẩy mạnh công tác biên soạn lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2015, tất cả các xã, phường, thị trấn trong tỉnh hoàn thành việc biên soạn lịch sử cách mạng của địa phương. Việc nghiên cứu, biên soạn lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn phải đảm bảo tính Đảng, tính khoa học, phản ánh đúng sự thật và khách quan của lịch sử, rút ra được những bài học kinh nghiệm, bài học truyền thống phục vụ nhiệm vụ chính trị hiện nay của mỗi xã, phường, thị trấn, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Sau khi biên soạn và phát hành, cần chỉ đạo tổ chức làm tốt công tác giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là tầng lớp thanh, thiếu niên.

2. Các huyện, thị, thành ủy xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tổ chức việc sưu tầm, quản lý tư liệu, nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương mình; duyệt đề cương sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn và thẩm định nội dung, hình thức bản thảo lịch sử cách mạng của từng xã, phường, thị trấn; gửi cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thẩm định lần cuối trước khi xuất bản.

3. Cấp ủy, chính quyền các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức sưu tầm, quản lý tư liệu, nghiên cứu và tổ chức biên soạn lịch sử cách mạng địa phương mình, cụ thể: Thành lập

Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn do đồng chí Bí thư cấp ủy làm trưởng ban và một số đồng chí trong cấp ủy, chính quyền, đoàn thể làm ủy viên. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ giúp cấp ủy, chính quyền xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí cho việc sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn; duyệt đề cương, bản thảo và tổ chức tọa đàm góp ý bản dự thảo; trình cấp ủy, chính quyền thông qua bản thảo lần cuối. Thành lập Tổ biên soạn có từ 4 đến 5 người, giúp Ban Chỉ đạo xây dựng đề cương, sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và tổ chức biên soạn bản thảo lịch sử theo đúng thời gian quy định. Tổ biên soạn có thể mời các cán bộ nghiên cứu, biên soạn lịch sử của tỉnh, huyện, giáo viên dạy lịch sử ở các trường phổ thông trung học và các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng am hiểu về lịch sử xã, phường, thị trấn cùng tham gia. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng xã phường, thị trấn cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là thanh, thiếu niên.

KẾ HOẠCH SỐ 84-KH/TU, NGÀY 17/4/2018 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng

(trích)

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW. Trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu thực hiện một số nội dung sau:

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, trực tiếp là ban thường vụ, đồng chí bí thư cấp ủy tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng. Chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội

ngũ cán bộ làm công tác lịch sử Đảng có kiến thức chuyên ngành sâu rộng, có bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm cao.

2. Tiếp tục nâng cao chất lượng các ấn phẩm lịch sử ở các cấp, các ngành. Chú trọng đến công tác sưu tầm, khai thác tư liệu khi nghiên cứu, biên soạn lịch sử. Có kế hoạch chỉnh lý, tái bản các ấn phẩm lịch sử Đảng giai đoạn trước năm 1975 đã xuất bản nhưng còn nhiều nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa.

3. Đẩy nhanh tiến độ biên soạn, xuất bản các ấn phẩm lịch sử:

- Các huyện, thị xã, thành phố chưa hoàn thành việc biên soạn lịch sử Đảng bộ giai đoạn sau năm 1975 cần đẩy mạnh sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và biên soạn đến năm 2015, phấn đấu hoàn thành trước đại hội đảng bộ năm 2020.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh chưa biên soạn lịch sử hoặc biên niên lịch sử, hoặc kỷ yếu của đơn vị mình cần khẩn trương sưu tầm tư liệu và biên soạn đến năm 2015 hoặc mốc thời gian kết thúc nhiệm kỳ gần nhất.

- Các xã, phường, thị trấn cần đẩy nhanh việc biên soạn, xuất bản lịch sử cách mạng hoặc biên niên lịch sử theo đúng tiến độ đề ra (30/12/2018).

4. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống, lịch sử địa phương trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

HƯỚNG DẪN SỐ 90-HD/TGTU, NGÀY 24/3/2014 CỦA BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY về việc thành lập Hội đồng thẩm định Lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn

(trích)

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn một số nội dung như sau:

1. Các xã, phường, thị trấn khi tiến hành biên soạn lịch sử

cách mạng địa phương mình phải có văn bản đề nghị ban tuyên giáo huyện, thị, thành ủy tham mưu ban thường vụ huyện, thị, thành ủy quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định đề cương chi tiết và thẩm định bản thảo lần cuối trước khi xin giấy phép xuất bản.

2. Hội đồng thẩm định có 05 hoặc 07 người, gồm: Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo ban tuyên giáo huyện, thị, thành ủy; Các thành viên Hội đồng có thể mời đại diện lão thành cách mạng của địa phương, đại diện cấp ủy của địa phương, đại diện Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đại diện Hội Sử học tỉnh Khánh Hòa. Thành viên Hội đồng thẩm định phải là người có chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực lịch sử và am hiểu tình hình cơ bản của địa phương được phản ánh trong công trình. Hội đồng thẩm định không bao gồm những người trực tiếp tham gia vào quá trình biên soạn công trình.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: Thẩm định đề cương chi tiết, thẩm định bản thảo lần cuối trước khi xin giấy phép xuất bản, gồm: bố cục, nội dung, maket trang bìa, ảnh, bản đồ, phần phụ lục.

4. Bản thảo công trình lịch sử phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng thẩm định ít nhất 15 ngày trước khi tổ chức thẩm định, các bản nhận xét được Thư ký Hội đồng tập hợp và báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng để định hướng những vấn đề cần đưa ra thảo luận, thống nhất.

5. Bản thảo đã được Hội đồng thẩm định đánh giá, nhận xét và kết luận bằng văn bản là căn cứ để Ban biên soạn tiến hành chỉnh sửa, bổ sung. Sau khi Ban biên soạn chỉnh sửa, bổ sung, bản thảo phải được Hội đồng thẩm định thông qua bằng văn bản (do Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký) mới tiến hành xin giấy phép xuất bản.

6. Kinh phí tổ chức thẩm định do địa phương chủ trì biên soạn lịch sử chịu trách nhiệm.

CÔNG VĂN SỐ 207-CV/TGTU, NGÀY 25/4/2016 CỦA BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY
về thành lập Hội đồng thẩm định lịch sử Đảng bộ các huyện, thị, thành phố và lịch sử các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh

(trích)

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc thành lập Hội đồng thẩm định lịch sử Đảng bộ các huyện, thị xã, thành phố và lịch sử các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh như sau:

1. Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc và các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh khi tiến hành biên soạn lịch sử Đảng bộ hoặc truyền thống của địa phương, đơn vị mình phải có văn bản đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định đề cương chi tiết và thẩm định bản thảo lần cuối trước khi xin giấy phép xuất bản.

Hội đồng thẩm định có 07 hoặc 09 người, gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; các thành viên Hội đồng mời đại diện: lão thành cách mạng, cấp ủy của địa phương, đơn vị; Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội Sử học tỉnh Khánh Hòa...;

Hội đồng thẩm định không bao gồm những người trực tiếp tham gia vào quá trình biên soạn công trình. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: Thẩm định đề cương chi tiết, tham dự và góp ý bản thảo tại Hội thảo lần cuối, thẩm định bản thảo trước khi xin giấy phép xuất bản, gồm: bố cục, nội dung, maket trang bìa, ảnh, bản đồ, phụ lục (nếu có);

Đề cương chi tiết, bản thảo công trình lịch sử phải gửi trước cho các thành viên Hội đồng thẩm định ít nhất 15 ngày trước khi tổ chức

thẩm định. Bản thảo đã được Hội đồng thẩm định đánh giá, nhận xét và kết luận bằng văn bản là căn cứ để Ban biên soạn tiến hành chỉnh sửa, bổ sung. Sau khi Ban biên soạn chỉnh sửa, bổ sung, bản thảo phải được Hội đồng thẩm định thông qua bằng văn bản (do Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký) mới tiến hành xin giấy phép xuất bản.

2. Kinh phí tổ chức thẩm định do địa phương, đơn vị chủ trì biên soạn công trình lịch sử chịu trách nhiệm.

KẾT LUẬN SỐ 99-KL/TU, NGÀY 16/01/2019 CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

tổng kết Chỉ thị số 05-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh công tác sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề nghị các cấp ủy, đoàn thể, cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 84-KH/TU, ngày 17/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng.

2. Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức cho các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục truyền thống, lịch sử địa phương, lịch sử ngành. Người đứng đầu cấp ủy, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cần xác định rõ việc triển khai công tác này là nhiệm vụ chính trị cụ thể của địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

3. Về công tác sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn xuất bản các ấn phẩm lịch sử:

Đối với các cấp ủy đảng: Chỉ đạo quyết liệt đối với các xã, phường, thị trấn đủ điều kiện nhưng chưa biên soạn, xuất bản

ấn phẩm lịch sử của địa phương giai đoạn 1930 - 2015, phải hoàn thành trước tháng 12/2019. Xây dựng kế hoạch chỉnh lý, bổ sung, tái bản ấn phẩm lịch sử đảng bộ các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn trước năm 1975, đồng thời biên soạn lịch sử đảng bộ các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 1975 - 2015, hoàn thành trước tháng 11/2020 *(theo Kế hoạch số 84-KH/TU, ngày 17/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Phấn đấu hoàn thành trước đại hội đảng bộ năm 2020)*. Chỉ đạo sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn các tài liệu lịch sử chuyên đề, nhân vật lịch sử, tấm gương của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, trong công cuộc xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa từ sau ngày giải phóng đến nay để làm tài liệu tuyên truyền, giáo dục truyền thống cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh chưa biên soạn lịch sử, biên niên lịch sử hoặc kỷ yếu của ngành, đơn vị mình cần khẩn trương sưu tầm tư liệu và biên soạn đến năm 2015 hoặc mốc thời gian kết thúc nhiệm kỳ gần nhất, hoàn thành trước tháng 12/2020. Đối với các cơ quan, đơn vị đã xuất bản tiếp tục có kế hoạch chỉnh lý, bổ sung, tái bản khi có nhu cầu.

Đưa nội dung hoàn thành các ấn phẩm lịch sử thành một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng. Đây là một trong những ấn phẩm để chào mừng đại hội đảng các cấp.

4. Về công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống, lịch sử đảng bộ, lịch sử cách mạng địa phương, lịch sử ngành

Hàng năm, các địa phương, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống, lịch sử đảng bộ, lịch sử cách mạng địa phương, lịch sử ngành cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Đồng thời, trên cơ sở các tài liệu lịch sử đó, biên soạn thành tài liệu tuyên truyền, giáo dục truyền thống có nội dung phù hợp với từng đối tượng. Tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như hội thảo, tọa đàm, thi tìm hiểu, thăm các di tích lịch sử, các buổi nói chuyện chuyên đề…

Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện tốt một số nội dung:

- Trường Chính trị tỉnh, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy chỉ đạo trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện tiếp tục thực hiện việc tích hợp nội dung lịch sử đảng bộ, lịch sử cách mạng địa phương, lịch sử ngành phù hợp trong chương trình giảng dạy.

- Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh tiếp tục biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung tài liệu giảng dạy và học tập lịch sử Khánh Hòa phù hợp với từng cấp học, đồng thời chỉ đạo các phòng giáo dục và đào tạo, các trường tiếp tục nâng cao chất lượng trong việc tích hợp nội dung lịch sử Đảng bộ các cấp, lịch sử cách mạng địa phương phù hợp trong các bộ môn học như: lịch sử, địa lý, giáo dục công dân, ngữ văn… và các hoạt động ngoại khóa. Sở Văn hóa - Thể thao tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với UBND các huyện, thị, thành phố tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử, truyền thống cách mạng, di sản văn hóa lịch sử cho học sinh các trường; tuyên truyền bằng hình thức sân khấu hóa, các pano, áp phích… nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, của quê hương. Trường Đại học Khánh Hòa, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Du Lịch, Sở Văn hóa - Thể thao và Tỉnh đoàn tổ chức bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về truyền thống, lịch sử cách mạng địa phương cho đội ngũ giảng viên, giáo viên, tổng phụ trách đội, cán bộ đoàn, hội, đội, cán bộ văn hóa cấp xã, huyện, tỉnh, trợ lý thanh niên trong lực lượng vũ trang, hướng dẫn viên du lịch.

- Tỉnh đoàn tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử đảng, lịch sử truyền thống cho đoàn viên, thanh niên trong toàn tỉnh bằng hình thức thi viết, thi trắc nghiệm trên mạng Internet…; chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động của đoàn, đội, hội trong việc giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng của địa phương cho đoàn viên, hội viên, sinh viên, học sinh.

- Các cơ quan báo, đài của tỉnh, trang thông tin điện tử của các địa phương, cơ quan, đơn vị tăng cường đưa tin, bài viết về công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống, lịch sử đảng bộ các cấp, lịch sử cách mạng địa phương và lịch sử ngành.

CHỈ THỊ SỐ 21-CT/TU, NGÀY 13/9/2019 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về tăng cường bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cơ quan, địa phương, đơn vị tập trung triển khai một số nhiệm vụ sau:

1. Khẩn trương hoàn thành việc lập hồ sơ xếp hạng, cắm mốc di tích, bia di tích theo đúng quy định pháp luật. Trước mắt, lập hồ sơ xếp hạng, cắm mốc xác định vị trí khu vực bảo vệ I đối với các di tích là căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy trong 2 cuộc kháng chiến chưa xếp hạng: Đồng Bò *(Nha Trang)*, Đồng Trăn *(Diên Khánh)*, Hòn Hèo, Đá Bàn *(Ninh Hòa)*. Trong đó, cần xác định khu vực bảo vệ I, các kiến trúc, hiện vật cần bảo tồn nguyên trạng hoặc phục dựng lại; đảm bảo giá trị lịch sử, văn hóa của di tích.

Có kế hoạch tu bổ, tôn tạo các di tích, nhất là các di tích đã xuống cấp. Thường xuyên tu bổ, tôn tạo các di tích là căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy đã được xếp hạng: Hòn Dù, Hòn Dữ *(Khánh Vĩnh)*, Tô Hạp *(Khánh Sơn)*.

2. Nghiên cứu nâng cấp và đầu tư hoàn chỉnh một số di tích có điều kiện gắn với phát triển du lịch như: Căn cứ cách mạng Đồng Bò *(Nha Trang)*; Địa điểm lưu niệm Tàu C235 *(đường Hồ Chí Minh trên biển) (xã Ninh Vân - Ninh Hòa)*, Khu Di tích mộ bác sĩ Alexandre Yersin *(xã Suối Cát - Cam Lâm)*... Khuyến khích xã hội hóa công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di tích; thu hút đầu tư xây dựng các dự án du lịch gắn với các khu di tích; các tuyến, điểm du lịch kết nối với các di tích. Việc đầu tư, nâng cấp di tích phải đảm bảo hài hòa các mục tiêu: Đúng quy định pháp luật; giữ gìn, tôn tạo cảnh quan di tích; phát triển du lịch; nâng cao đời sống của

người dân; tuyên truyền, giáo dục lịch sử, truyền thống văn hóa; bảo vệ an ninh - quốc phòng.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ về giá trị của các di tích, nhất là ý nghĩa, vai trò của các di tích gắn với các sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng, kháng chiến của tỉnh; về sự cần thiết phải bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích... với các hình thức như: Dã ngoại về nguồn; xây dựng tài liệu tuyên truyền, phóng sự, thi tìm hiểu...

KẾ HOẠCH SỐ 11-KH/TU, NGÀY 28/3/2016 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030

(trích)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, quản lý của Nhà nước, sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội chăm lo giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ

- Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, gia đình và toàn xã hội; cần tạo điều kiện tối đa cho thế hệ trẻ học tập, lao động, cống hiến, kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng, của các thế hệ đi trước.

- Các cấp ủy đảng cần có kế hoạch, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác này ở cấp mình; phân công cán bộ trong cấp ủy theo dõi tình hình thanh, thiếu nhi; phân công đảng viên có uy tín, năng lực, phụ trách công tác đoàn, hội ở địa phương, đơn vị. Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các cấp ít nhất mỗi năm một lần tổ

chức gặp gỡ đối thoại với thế hệ trẻ để nắm bắt tâm tư, tình cảm, định hướng tư tưởng, giải quyết kịp thời nhu cầu, nguyện vọng của thế hệ trẻ.

- Tập trung tuyên truyền, giáo dục và vận động từng gia đình, cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy được ý nghĩa, vai trò, sự cần thiết của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Chủ động thường xuyên trao đổi, định hướng cung cấp thông tin chính thống kịp thời cho thanh, thiếu nhi, nhất là qua mạng internet nhằm phản bác các luận điệu, thông tin sai trái; tăng sức đề kháng cho thế hệ trẻ trước sự chống phá của các thế lực thù địch.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng đội ngũ làm công tác giáo dục thanh, thiếu nhi các cấp trong tỉnh. Có chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ Đoàn, Hội, Đội hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Xây dựng và tạo lập môi trường lành mạnh, tạo điều kiện để thế hệ trẻ học tập, rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng; Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của Đảng bộ và chính quyền địa phương liên quan đến thanh, thiếu nhi.

- Tăng cường quản lý văn hóa, thông tin, kịp thời ngăn chặn các sản phẩm văn hóa độc hại, thông tin sai trái tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của thế hệ trẻ, nhất là qua các trang mạng xã hội, trang web phản động, đồi trụy.

- Từng bước tăng ngân sách đầu tư cho sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ; khuyến khích, tạo điều kiện để các đơn vị văn học, nghệ thuật, văn nghệ sĩ sáng tác, phổ biến tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần định hướng thế hệ trẻ sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, giữ gìn, phát huy bản sắc văn

hóa của con người Việt Nam, thuần phong mỹ tục, truyền thống của quê hương, đất nước. Phát huy hiệu quả các thiết chế và sản phẩm văn hóa hiện có. Đầu tư kinh phí, ưu tiên quỹ đất ở các địa điểm thuận lợi để xây dựng trường học, công trình phúc lợi, vui chơi giải trí cho thanh, thiếu nhi.

- Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc (nhất là ma túy, mại dâm, mê tín dị đoan), bảo đảm cho thế hệ trẻ được an toàn trong cuộc sống, học tập, vui chơi. Xây dựng và phát huy lối sống *"Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người"*, có ý thức tự trọng, tự chủ, trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để thanh niên có việc làm và khởi nghiệp.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, giữa các ban, ngành, đoàn thể nhân dân trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ

- Cần đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình trong việc nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ thanh, thiếu nhi. Xây dựng, biểu dương và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa, ông bà, cha mẹ, anh chị mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, gia đình đoàn kết, thương yêu nhau. Các đoàn thể nhân dân và xã hội thường xuyên giám sát, giúp đỡ và kịp thời phát hiện, lên án mạnh mẽ những gia đình có biểu hiện buông lỏng quản lý và thiếu sự quan tâm, giáo dục con em mình.

- Nhà trường tăng cường giáo dục hình thành nhân cách và trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho thế hệ trẻ phát triển toàn diện; trường học thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục, rèn luyện thanh, thiếu nhi; tạo điều kiện để các tổ chức Đoàn, Hội, Đội trong trường học phát huy vai trò, ảnh hưởng và tích cực tham gia quá trình giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị, đạo đức, bảo đảm thực chất, sống có văn hóa, nghĩa tình, vì mục tiêu *"độc lập dân tộc gắn liền với chủ*

nghĩa xã hội", niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển đất nước.

4. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức của thanh, thiếu nhi

- Tăng cường giáo dục chính trị cho thế hệ trẻ bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, với sự tham gia, phối hợp đồng bộ của nhà trường, gia đình, đoàn thể và toàn xã hội. Kịp thời nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội trong thanh, thiếu nhi, cũng như đấu tranh, phê phán nhận thức lệch lạc, biểu hiện sai trái trong cán bộ, đoàn viên, thanh, thiếu nhi.

- Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, thực sự là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh, thiếu nhi trong tỉnh; lấy việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị làm thước đo sự phấn đấu, rèn luyện của từng cá nhân. Nâng cao chất lượng đoàn viên và công tác bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng.

- Tổ chức Đoàn, Hội, Đội chủ động phối hợp với nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Đẩy mạnh hơn nữa các phong trào hành động cách mạng của thanh niên trong tỉnh nhằm tạo môi trường cho thanh niên rèn luyện, trải nghiệm, cống hiến, trưởng thành, góp phần hình thành kỹ năng sống. Chủ động phối hợp xây dựng các mô hình giải quyết việc làm cho thanh niên và hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, qua đó, phát huy vai trò của lớp trẻ tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đồng thời, tăng cường khả năng đoàn kết, tập hợp thanh, thiếu nhi.

- Đa dạng phương thức thực hiện Chương trình rèn luyện đoàn viên; thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động "Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới" với những tiêu chí, giá trị cốt lõi "Dưỡng tâm trong - Rèn trí sáng - Xây hoài bão lớn" để đoàn viên, thanh niên hướng đến và làm theo.

PHẦN THỨ HAI

MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

Chuyên đề 1

CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ

1. Vị trí, vai trò của công tác tuyên giáo ở cơ sở

- Vị trí: Công tác tuyên giáo ở cơ sở là một bộ phận hợp thành trong hoạt động lãnh đạo của tổ chức đảng, một công tác trọng yếu của chính quyền và các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Công tác tuyên giáo ở cơ sở có vị trí và ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở cơ sở; xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Vai trò: Công tác tuyên giáo ở cơ sở trước hết nhằm xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao và không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

Công tác tuyên giáo ở cơ sở có vai trò quan trọng hàng đầu trong việc đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với mỗi người dân; khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tính chủ động sáng tạo của quần chúng nhân dân nhằm biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành hiện thực, thành phong trào hành động cách mạng của quần chúng nhân dân.

Công tác tuyên giáo ở cơ sở có vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự thống nhất trong tổ chức đảng, sự đồng thuận trong xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở cơ sở.

2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của ban tuyên giáo cơ sở *(Theo Quy định số 14-QĐ/TU, ngày 26/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)*

2.1. Chức năng

Ban tuyên giáo đảng ủy xã là một bộ phận tham mưu, giúp việc cho đảng ủy xã về công tác xây dựng đảng trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng - văn hóa, khoa giáo, biên soạn và bổ sung lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã), góp phần xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh.

2.2. Nhiệm vụ

- Giúp đảng ủy xã xây dựng và theo dõi việc tổ chức thực hiện các kế hoạch về công tác tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các ngày lễ lớn của dân tộc, địa phương; các lớp học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các chương trình, kế hoạch kinh tế - xã hội của cấp trên và của đảng ủy xã; các buổi thời sự, chính sách cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

- Giúp đảng ủy xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết nghị quyết, chỉ thị của Đảng thuộc các lĩnh vực của công tác tuyên giáo.

- Nắm bắt tình hình tư tưởng và dư luận xã hội trên địa bàn xã để tham mưu cho đảng ủy xã có biện pháp giải quyết đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng mới phát sinh; động viên và nhân rộng gương người tốt việc tốt trong các hoạt động tại xã.

- Giúp đảng ủy xã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống gắn với việc thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống trong đảng bộ và nhân dân.

- Giúp đảng ủy xã lãnh đạo, chỉ đạo nội dung thông tin trên đài truyền thanh xã; trong các buổi sinh hoạt tư tưởng, văn hóa, văn nghệ của các tổ chức và quần chúng thuộc phạm vi quản lý của xã.

- Thực hiện các công việc khác trên lĩnh vực tuyên giáo do đảng ủy xã giao.

2.3. Tổ chức bộ máy

Ban tuyên giáo đảng ủy xã trực thuộc đảng ủy xã, có số lượng 03 người, gồm: 01 trưởng ban (là đồng chí bí thư hoặc phó bí thư đảng ủy xã), 01 phó trưởng ban và 01 thành viên, trong đó có 01 cán bộ hoạt động không chuyên trách. Đối với những trường hợp đặc biệt, trưởng ban tuyên giáo đảng ủy xã không phải là đồng chí bí thư hoặc phó bí thư đảng ủy xã, sẽ do cấp ủy cấp huyện xem xét, quyết định.

2.4. Chế độ làm việc

Ban tuyên giáo đảng ủy xã làm việc theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; làm việc theo chương trình kế hoạch; có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm công tác trên cơ sở chương trình công tác của đảng ủy và hướng dẫn của ban tuyên giáo cấp trên.

Trưởng ban chịu trách nhiệm trước đảng ủy xã về toàn bộ công việc của ban; phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân theo dõi, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.

Phó trưởng ban chịu trách nhiệm trước đảng ủy và trưởng ban về các việc được phân công. Thành viên của ban chịu trách nhiệm trước đảng ủy và lãnh đạo ban về các việc được phân công.

Tập thể ban thảo luận và quyết định các vấn đề sau: Chương trình công tác năm và các chương trình, kế hoạch công tác khác của ban; các văn bản tham mưu trình đảng ủy xã; các báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động của ban.

2.5. Điều kiện và lề lối làm việc

Lãnh đạo và các thành viên ban tuyên giáo đảng ủy xã được ban tuyên giáo cấp trên cung cấp thông tin, được mời dự các cuộc họp, hội nghị của xã và của cấp trên có liên quan đến lĩnh vực công tác tuyên giáo.

Đảng ủy, UBND xã bảo đảm cơ sở vật chất cần thiết và kinh phí hoạt động theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước cho ban tuyên giáo đảng ủy xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Hàng tháng, lãnh đạo ban báo cáo kết quả hoạt động và các đề xuất, kiến nghị với đảng ủy xã và ban tuyên giáo cấp trên. Định kỳ một tháng họp ban một lần.

2.6. Mối quan hệ công tác

Ban tuyên giáo đảng ủy xã chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của đảng ủy xã; Ban tuyên giáo đảng ủy xã chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của ban tuyên giáo cấp trên và thực hiện chế độ báo cáo với cấp trên theo quy định; Quan hệ giữa ban tuyên giáo đảng ủy xã với các bộ phận, chức danh khác của đảng ủy, với các chi bộ trực thuộc và các đơn vị, cơ quan, ban ngành của xã là mối quan hệ phối hợp nhằm phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng ủy xã.

3. Nguyên tắc, phương châm của công tác tuyên giáo ở cơ sở

3.1. Nguyên tắc

- Nguyên tắc tính đảng: Tính đảng là nguyên tắc cơ bản nhất của công tác tuyên giáo. Công tác tuyên giáo phải đứng vững trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ động đấu tranh không khoan nhượng với những tư tưởng thù địch, phản khoa học, đi ngược lại với lợi ích giai cấp, lợi ích quốc gia, dân tộc. Công tác tuyên giáo ở cơ sở đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đảng, phục vụ kịp thời công tác lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý của chính quyền; góp phần xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Nguyên tắc tính khoa học: Công tác tuyên giáo được tiến hành trên cơ sở khoa học, tuân theo các quy luật vận động, biến đổi của tự nhiên, xã hội, tư tưởng, bảo đảm tính khách quan, vừa cụ thể vừa toàn diện. Công tác tuyên giáo được tiến hành có kế hoạch, nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng, đáp ứng nhu cầu giải đáp những vướng mắc và định hướng tư tưởng cho mọi đối tượng. Công tác tuyên giáo phải sử dụng các phương tiện tác động ngày càng hiện đại.

- Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn: Công tác tuyên giáo phải xuất phát từ thực tiễn và phục vụ thực tiễn; đồng

thời phải được soi sáng, định hướng bằng lý luận, được chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách khoa học.

3.2. Phương châm

Phương châm công tác tuyên giáo là những định hướng có tính chỉ đạo trong hoạt động tuyên giáo. Tùy theo đặc điểm, nhiệm vụ chính trị trọng tâm của đất nước, của ngành tuyên giáo, của địa phương mà xác định phương châm cho phù hợp, đem lại hiệu quả cao trong công tác. Có phương châm chung và phương châm riêng cho từng lĩnh vực công tác trong từng thời điểm, nhiệm vụ cụ thể.

Phương châm công tác tuyên giáo ở cơ sở có thể khái quát như sau:

- Gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, với phong trào cách mạng của quần chúng, với từng đối tượng ở cơ sở.

- Kết hợp chặt chẽ ba nội dung: (1) Giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; (2) Giáo dục kiến thức khoa học, kiến thức thực tiễn, tình hình, nhiệm vụ của địa phương, cơ sở; (3) Giáo dục phẩm chất và đạo đức cách mạng.

- Kết hợp công tác tuyên giáo với công tác tổ chức và các mặt công tác khác.

- Kết hợp giáo dục tư tưởng trong học tập với rèn luyện trong thực tiễn cách mạng.

- Kết hợp giáo dục tư tưởng trong nội dung sinh hoạt của tất cả các tổ chức, kết hợp công tác tư tưởng trong Đảng với công tác tư tưởng trong xã hội.

- Kết hợp bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cách mạng với phê phán mạnh mẽ những biểu hiện tư tưởng sai trái; biểu dương những ưu điểm đi đôi với phê bình những khuyết điểm.

Ngoài ra, còn có nhiều cách diễn đạt về phương châm công tác tuyên giáo ở cơ sở như: "Công tác tuyên giáo đi trước, đi cùng, đi sau công tác thực tiễn", "lấy cái đẹp, dẹp cái xấu, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực", "hướng về cơ sở, xây đi đôi với chống", "nói đi đôi với làm, làm đúng những gì đã nói", "không đánh trống bỏ dùi", "không trống đánh xuôi, kèn thổi ngược", "nhanh nhạy, hiệu quả, phù hợp, thuyết phục"…

II. LỰC LƯỢNG TIẾN HÀNH CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ

1. Ban Tuyên giáo đảng ủy xã: Tham mưu, giúp việc cho cấp ủy về các mặt công tác tư tưởng, văn hóa, khoa giáo, biên soạn, bổ sung lịch sử đảng bộ địa phương; trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên giáo trên địa bàn cơ sở.

2. Các lực lượng phối hợp tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở

- Ở xã, ngoài ban tuyên giáo đảng ủy xã theo cơ cấu nêu trên, công tác tuyên giáo còn có sự phối hợp tham gia của ban dân vận, ban công tác mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, cấp ủy các cơ quan, đơn vị như: trạm y tế, trường học, các đơn vị quân đội, công an, bộ đội biên phòng đóng trên địa bàn…

- Ở thôn, bản, làng, ấp, xóm, tổ dân phố, chi ủy, chi bộ thực hiện các mặt công tác xây dựng đảng nói chung và công tác tuyên giáo nói riêng.

3. Cách thức phối hợp giữa các lực lượng tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở

- Căn cứ vào nhiệm vụ công tác tuyên giáo của cấp trên, cấp ủy cấp xã xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện.

+ Ban Tuyên giáo đảng ủy xã chủ trì, phối hợp với các lực lượng làm công tác tuyên giáo ở xã tham mưu kế hoạch, chương trình công tác trình cấp ủy.

+ Cấp ủy thông qua kế hoạch, chương trình và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng thực hiện.

+ Sau khi được cấp ủy thông qua, từng tổ chức, đơn vị phải cụ thể hóa kế hoạch, chương trình của mình.

- Công tác phối hợp thể hiện trên các nội dung, nhiệm vụ cụ thể tại địa phương như: tổ chức các hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các nghị quyết, chỉ thị thông qua nhiều hình thức, phương tiện như: tổ chức các cuộc sinh hoạt chính trị, phát động các phong trào thi đua yêu nước, tổ chức các ngày kỷ niệm, các sự

kiện lớn của đất nước, thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền miệng…

- Cấp ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ công tác tuyên giáo của các đoàn thể chính trị - xã hội, các đơn vị trên địa bàn.

III. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Tình hình công tác tuyên giáo ở cơ sở trong những năm qua trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

1.1. Vài nét về sự hình thành và tổ chức bộ máy ban tuyên giáo cơ sở

Năm 2004, tỉnh Khánh Hòa triển khai thí điểm thành lập ban tuyên giáo đảng ủy xã, phường, thị trấn (gọi tắt là ban tuyên giáo cơ sở) ở một số đảng ủy xã của Huyện ủy Ninh Hòa (nay là Thị ủy Ninh Hòa). Năm 2006, sau khi rút kinh nghiệm việc thí điểm xây dựng ban tuyên giáo xã, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XV) ban hành Thông báo số 14-TB/TU, ngày 10/3/2006 về việc cho chủ trương xây dựng và hình thành ban tuyên giáo xã, phường trong toàn tỉnh. Ngày 22/5/2006, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp ban hành Hướng dẫn liên ban số 02-HD/LB TC-TG, về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của ban tuyên giáo cơ sở. Ngày 07/8/2006, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành Công văn số 130-CV/TGTU về mẫu quy chế hoạt động của ban tuyên giáo xã, phường, thị trấn.

Đến tháng 8/2008, 137/137 chi, đảng bộ xã, phường, thị trấn (trừ 3 xã, thị trấn của huyện Trường Sa) thành lập ban tuyên giáo cơ sở, với hơn 686 cán bộ. Ban tuyên giáo cơ sở có số lượng từ 5 đến 7 người, có cơ cấu: Trưởng ban là bí thư hoặc phó bí thư đảng ủy, chi ủy; Phó Trưởng ban là đảng ủy viên, chi ủy viên, một số là phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường phụ trách công tác văn hóa - xã hội; các ủy viên là trưởng các đoàn thể (Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và cán bộ phụ trách văn hóa…).

Sau 5 năm thực hiện Thông báo số 14-TB/TU, ngày 26/9/2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 14-QĐ/TU về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của ban tuyên giáo đảng ủy xã, phường, thị trấn, theo đó Ban tuyên giáo đảng ủy xã trực thuộc đảng ủy xã, có số lượng 03 người, gồm: 01 trưởng ban (là đồng chí bí thư hoặc phó bí thư đảng ủy xã), 01 phó trưởng ban và 01 thành viên, trong đó, có 01 cán bộ hoạt động không chuyên trách. Đối với những trường hợp đặc biệt, trưởng ban tuyên giáo đảng ủy xã không phải là đồng chí bí thư hoặc phó bí thư đảng ủy xã, sẽ do cấp ủy cấp huyện xem xét, quyết định.

Tính đến cuối năm 2020, 136/139 xã, phường, thị trấn của tỉnh Khánh Hòa có ban tuyên giáo cơ sở (công tác tuyên giáo của 03 xã, thị trấn thuộc huyện Trường Sa do cán bộ quân đội đảm nhiệm; xã Diên Bình và xã Diên Lộc nhập thành xã Bình Lộc), với 388 cán bộ (gồm cán bộ kiêm nhiệm và chuyên trách). Trình độ chuyên môn và lý luận chính trị của cán bộ tuyên giáo cơ sở cơ bản đáp ứng nhu cầu thực tiễn (có 01 tiến sĩ, 07 thạc sĩ, còn lại có trình độ từ trung cấp trở lên). Ban tuyên giáo đảng ủy xã làm việc theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm công tác trên cơ sở chương trình công tác của đảng ủy và hướng dẫn của ban tuyên giáo cấp trên. Ban tuyên giáo cấp huyện duy trì chế độ giao ban mỗi quý/lần đối với các ban tuyên giáo cơ sở trên địa bàn.

1.2. Những kết quả đạt được

Thực tiễn cho thấy, việc thành lập ban tuyên giáo cơ sở là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn. Đây là cầu nối đưa thông tin định hướng của Đảng đến với các tầng lớp nhân dân, góp phần thúc đẩy việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Công tác tuyên giáo ở cơ sở đã được cấp ủy đảng, ban tuyên giáo các cấp quan tâm, chỉ đạo sâu sát hơn, đầu tư lực lượng, cơ sở vật chất. Do vậy, ban tuyên giáo cơ sở đã phát huy được vai trò, chức năng, nhiệm vụ và có nhiều hoạt động tích cực, góp phần quan trọng trong việc giữ vững an ninh tư tưởng, chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố niềm tin của các tầng lớp nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Thể hiện ở một số nội dung sau:

- Tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống đấu tranh cách mạng hào hùng của quê hương, đất nước.

- Tuyên truyền, triển khai, theo dõi, đôn đốc cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần đưa đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách vào cuộc sống, tạo sự nhất trí trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân để triển khai thực hiện. Nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đã nhanh chóng đến với nhân dân, được nhân dân hào hứng, phấn khởi đón nhận và tự giác thực hiện, đạt kết quả tốt.

- Cổ vũ tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường; động viên các tầng lớp nhân dân phát huy tài năng, sáng kiến, mạnh dạn đầu tư cho sản xuất, quyết tâm chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, vươn lên làm giàu, xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh. Những gương điển hình về sản xuất, khôi phục và phát triển làng nghề, giải quyết việc làm cho người lao động…. ngày càng nhiều và được cổ vũ kịp thời, tạo nên sức sống mới ở nhiều địa phương, cơ sở.

- Nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn, giúp giải quyết tốt các yêu cầu, nhiệm vụ và những vấn đề bức xúc tại cơ sở. Nhiều địa phương đã làm tốt công tác tư tưởng cho nhân dân trong giải tỏa đất đai, nhà cửa, giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa, động viên nhân dân góp công, góp của xây dựng các công trình làm đẹp cho quê hương.

- Góp phần tích cực vào việc tham mưu, đề xuất và vận động nhân dân đóng góp tài năng, sáng kiến cho các cấp lãnh đạo, quản lý để giải quyết những vấn đề ở cơ sở như phòng, chống tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, công tác giáo dục, y tế trên địa bàn…

- Góp phần trực tiếp trong việc tuyên truyền, định hướng tư tưởng cho nhân dân tại địa phương đấu tranh chống các âm mưu kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, các hoạt động chống

phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

1.3. Những hạn chế, yếu kém

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác tuyên giáo ở cơ sở còn những hạn chế, khó khăn như:

- Công tác tuyên giáo có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức, ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ; chưa được tổ chức và tiến hành chu đáo, chặt chẽ, có biểu hiện buông lỏng, coi nhẹ, do vậy trong những tình huống nhất định còn thiếu chủ động, kịp thời, chưa bám sát thực tiễn.

- Phương thức tổ chức triển khai các nhiệm vụ công tác tuyên giáo chậm đổi mới; công tác phối hợp giữa các lực lượng tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở thiếu chặt chẽ, chưa tạo được sự phối hợp chủ động, thường xuyên.

- Việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng chưa đạt chất lượng và hiệu quả cao, còn nặng về hình thức. Công tác tuyên truyền, học tập gương tốt, điển hình tiên tiến ở cơ sở còn yếu; thông tin tình hình thời sự, chính trị, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn chậm. Ở nhiều thôn xóm, các vùng sâu, vùng xa, cán bộ, đảng viên và nhân dân thiếu thông tin nên dễ bị kẻ xấu tuyên truyền, kích động, lừa mị, lợi dụng….

- Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa thực sự đi vào chiều sâu, có nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả của việc làm theo chưa cao. "Việc tu dưỡng, rèn luyện, làm theo Bác, nhất là trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt người đứng đầu chưa thường xuyên; một số cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm các quy định của Đảng, vi phạm pháp luật. Việc thực hiện Chỉ thị 05 gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết các khâu đột phá, các vấn đề cấp bách, bức xúc còn lúng túng, hiệu quả chưa cao. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc còn bị động, kết quả chưa cao. Việc phát hiện, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình trong học tập và làm theo Bác chưa kịp thời, thiếu sức

thuyết phục. Công tác đấu tranh với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chưa mạnh mẽ; tự phê bình và phê bình có nơi, có lúc còn hình thức; tình trạng thiếu tự giác nhận khuyết điểm, đổ lỗi, nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi. Công tác kiểm tra, giám sát của nhiều cấp ủy đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt, phạm vi, đối tượng còn hẹp, hiệu quả cảnh báo, phòng ngừa vi phạm chưa đạt yêu cầu"[1].

- Việc nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân có lúc còn chậm, do chưa chủ động và kịp thời định hướng thông tin, tạo sự thống nhất; một số vấn đề bức xúc chưa được giải quyết thấu tình, đạt lý ngay từ chi bộ.

- Công tác tuyên giáo ở cơ sở chưa thể hiện rõ tính chiến đấu trong đấu tranh chống các tư tưởng và hành vi sai trái, thù địch, chống tệ nạn xã hội, chống quan liêu, tham nhũng và suy thoái đạo đức, lối sống.

- Cán bộ tuyên giáo ở cơ sở là lực lượng kiêm nhiệm, đội ngũ còn mỏng, chưa thực sự nhiệt tình, chưa dành thời gian cho việc nghiên cứu, triển khai các nội dung công tác tuyên giáo. Năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác tuyên giáo còn hạn chế.

- Ở một số nơi, việc đầu tư cho công tác tuyên giáo ở cơ sở hạn chế cả về kinh phí, lực lượng và phương tiện.

1.4. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

Một là, nhận thức và quyết tâm của cấp ủy, ban tuyên giáo các cấp trong chỉ đạo, tổ chức, đầu tư và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng chưa ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ.

Hai là, việc thể chế hóa các quy định về công tác tuyên giáo ở cơ sở chưa được thực hiện đầy đủ, đồng bộ, thiếu quy chế phối hợp giữa các lực lượng làm công tác tuyên giáo ở cơ sở; chế độ phụ cấp đối với cán bộ tuyên giáo cấp xã không còn được thực

[1] Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị, ngày 18/5/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị "về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh".

hiện (Trước năm 2020, phó trưởng ban là đồng chí cán bộ không chuyên trách cấp xã làm công tác tuyên giáo, không kiêm nhiệm công tác khác, được hưởng phụ cấp theo Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND, ngày 28/6/2012 của HĐND tỉnh về mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách làm công tác tuyên giáo cấp xã (hệ số 1,00 của mức lương tối thiểu).

Ba là, nội dung, hình thức tiến hành công tác tư tưởng còn chậm đổi mới, đơn điệu, xơ cứng, thiếu sinh động, chưa tận dụng được ưu thế của các phương tiện thông tin, truyền thông hiện đại qua Internet, mạng xã hội…

Bốn là, lực lượng làm công tác tuyên giáo ở cơ sở là các cán bộ, công chức kiêm nhiệm thực hiện, không có lực lượng chuyên trách. Công tác bồi dưỡng cán bộ làm công tác tuyên giáo về mọi mặt, nhất là về nghiệp vụ chuyên môn còn yếu. Chế độ, chính sách, nguồn lực đầu tư chưa có tác dụng động viên, khuyến khích cán bộ cơ sở tâm huyết với công việc, chưa động viên đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân cùng tham gia làm công tác tư tưởng.

Năm là, một số cấp ủy địa phương, đơn vị còn xem nhẹ, thiếu quan tâm chỉ đạo, buông lỏng khâu kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác tuyên giáo.

1.5. Một số kinh nghiệm trong tổ chức và hoạt động công tác tuyên giáo ở cơ sở

Thứ nhất, thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy và ban tuyên giáo các cấp đối với công tác tuyên giáo ở cơ sở.

Cấp ủy và ban tuyên giáo các cấp phải thường xuyên chăm lo xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo; thường xuyên theo dõi, chỉ đạo và định kỳ kiểm tra, rút kinh nghiệm hoạt động của ban tuyên giáo và cán bộ tuyên giáo ở cơ sở. Phải phân công cán bộ theo dõi từng cơ sở, cụm cơ sở để chỉ đạo, hướng dẫn, đảm bảo cho công tác tuyên giáo ở các cơ sở hoạt động nhịp nhàng, đúng hướng, đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Đối với các cơ sở còn nhiều khó khăn, thiếu thốn ở các "điểm nóng", ở vùng sâu, vùng xa… cần có cán bộ theo dõi, bám và nắm

cơ sở thường xuyên để cùng với cấp ủy đảng, chính quyền và ban tuyên giáo cơ sở tổ chức tiến hành công tác tuyên giáo đạt chất lượng hiệu quả cao.

Thứ hai, phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

Ở cơ sở, xác định rõ cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp thống nhất các hoạt động công tác tuyên giáo; chính quyền (hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân) tham gia xây dựng nội dung, kế hoạch và tạo điều kiện cho các tổ chức hoạt động; ban tuyên giáo đảng ủy xã làm nòng cốt, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phân công cán bộ làm công tác tuyên giáo để tổ chức, tiến hành các hoạt động công tác tuyên giáo ở cơ sở, đồng bộ và rộng khắp.

Thứ ba, bám sát thực tiễn, kịp thời giải đáp những vấn đề tư tưởng, những băn khoăn, bức xúc của nhân dân ở cơ sở; nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả của công tác tuyên giáo ở cơ sở.

Cấp ủy, ban tuyên giáo đảng ủy xã phải luôn bám sát đời sống, sản xuất và mọi hoạt động, tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Phân công cán bộ, đảng viên, cấp ủy và quần chúng bám sát tình hình, kịp thời phản ánh cho cấp ủy, cán bộ các cấp. Khi có dấu hiệu bất thường hoặc phát hiện vấn đề nảy sinh trong tư tưởng, tâm trạng, đời sống, khi có thắc mắc đề nghị cần giải đáp, cấp ủy phải nghiên cứu, bàn bạc và thống nhất cách giải quyết, đồng thời phân công cán bộ có đủ khả năng, kinh nghiệm giải quyết thật cụ thể, có sức thuyết phục, không để hình thành "điểm nóng" hay bức xúc về tư tưởng kéo dài, gây bất bình và mất ổn định trong nhân dân.

Thứ tư, phát huy nhân tố tích cực trong nhân dân, dựa vào nhân dân để tuyên truyền giáo dục, vận động nhân dân.

Trong công tác tuyên giáo, nhân dân luôn là lực lượng hùng hậu, họ không chỉ là đối tượng tuyên truyền, giáo dục, vận động mà còn là chủ thể tích cực tham gia giải quyết những vấn đề tư tưởng ở cơ sở. Một mặt, nhân dân là "tai, mắt" của Đảng trong nắm bắt và phản ánh tình hình tư tưởng. Mặt khác, nhân dân là

chủ thể, là lực lượng tuyên truyền, giáo dục có sức mạnh to lớn và hiệu quả. Đặc biệt là trong đấu tranh chống tiêu cực, chống tệ nạn xã hội, trong giải quyết mâu thuẫn nội bộ nhân dân… cần phát huy tốt sức mạnh đoàn kết và vai trò của các đoàn thể chính trị xã hội. Một khi toàn dân đã ủng hộ, tích cực tham gia công tác tuyên truyền, giáo dục, đấu tranh chống tiêu cực tạo nên dư luận xã hội lành mạnh thì công tác tuyên giáo có sức sống và hiệu quả rất lớn.

Để phát huy vai trò của nhân dân, nhiều địa phương cơ sở đã có các sáng kiến, hình thức tập hợp lực lượng như thành lập các câu lạc bộ, các diễn đàn, các cộng tác viên, các hội, tổ, nhóm… do cấp ủy lãnh đạo. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiến hành. Nội dung hoạt động do cấp ủy, ban tuyên giáo cấp xã chỉ đạo, điều hành, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội trợ giúp về vật chất.

2. Bối cảnh tình hình hiện nay tác động đến công tác tuyên giáo

Thứ nhất, công cuộc đổi mới đất nước trong 35 năm qua nhất là 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, đã "đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật"[2] thể hiện ở những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền, an ninh quốc gia, khẳng định và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, đơn vị.

Đánh giá về thành tựu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: "đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vừa quyết liệt

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, trang 7.

phòng, chống dịch bệnh, vừa duy trì, phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội"[3]. Đó là nguồn động viên, cổ vũ lớn lao đối với toàn Đảng, toàn dân trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đại hội lần thứ XIII cũng đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém: "Kết quả phát triển kinh tế - xã hội trên nhiều mặt vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và thiếu tính bền vững. Tăng trưởng kinh tế thấp hơn mục tiêu kế hoạch đề ra, chưa thu hẹp được khoảng cách và bắt kịp các nước trong khu vực", "văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường một số mặt còn yếu kém, khắc phục còn chậm. Quản lý, phát triển xã hội còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Một số biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử và những vụ việc bạo lực gia đình, bạo hành trẻ em gây bức xúc xã hội. Chênh lệch giàu -nghèo có xu hướng gia tăng, đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn", "quản lý nhà nước về văn hóa, văn nghệ, tôn giáo, tín ngưỡng, thông tin truyền thông nhiều mặt còn bất cập", "hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý kinh tế, xã hội một số mặt còn hạn chế, bất cập. Năng lực, phẩm chất ý thức kỷ luật của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao; còn tình trạng nhũng nhiễu, tham nhũng vặt, gây bức xúc cho người dân, doanh nghiệp. Sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa thực sự chặt chẽ, hiệu quả"[4]. Từ đó tác động đến niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế độ, đặc biệt là ở cơ sở. Thực tế đó ảnh hưởng sâu sắc đến hiệu quả công tác tuyên giáo.

Thứ hai, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nền kinh tế thị trường vừa tạo thời cơ thuận lợi vừa đặt ra những thách thức đối với sự phát triển đất nước.

Kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng, một số hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới quan trọng như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối

---

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, trang 82.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, trang 86, 87.

tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)… tạo cơ hội mở rộng thị trường, đầu tư cho phát triển công nghiệp và thực hiện công nghiệp hóa"[5], khơi dậy trong cán bộ, đảng viên và nhân dân tinh thần tích cực, chủ động, thích ứng và phát huy tài năng, trí tuệ xây dựng đất nước. Nhiều tấm gương tiêu biểu có mặt trên khắp mọi mặt của Tổ quốc, ở mọi cấp, mọi ngành đã có sức động viên, lôi cuốn đông đảo quần chúng vươn lên.

Mặt khác, hội nhập quốc tế đặt ra những thách thức lớn về sự chồng lấn, xâm lăng của văn hóa ngoại lai đe dọa, phá vỡ những giá trị truyền thống, bản sắc, tinh hoa văn hóa dân tộc, thang giá trị đạo đức xã hội, chuẩn mực đạo đức, lối sống, lý tưởng, niềm tin…. Mặt trái của nền kinh tế thị trường làm nảy sinh nhiều vấn đề tiêu cực. Tệ nạn xã hội, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân vẫn là một trong những vấn đề bức xúc hiện nay. Hiện tượng phai nhạt lý tưởng trong một bộ phận thanh niên, tư tưởng thực dụng, sùng ngoại trong nhân dân có chiều hướng gia tăng….

Điều đó đã đặt ra những thách thức và yêu cầu mới đối với công tác tuyên giáo, đòi hỏi phải có những thay đổi cả về nhận thức, nội dung và phương thức hoạt động. Tình hình đó cũng đòi hỏi yêu cầu ngày càng cao đối với công tác tuyên giáo ở cơ sở.

Thứ ba, sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, trong đó có công nghệ thông tin, truyền thông làm Internet, mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, đã tạo nên nhưng phương thức tiếp cận thông tin mới, những xu hướng truyền thông mới, làm cho thông tin lan tỏa nhanh, phạm vi rộng, hiệu ứng mạnh.

Tuy nhiên, sự bùng nổ thông tin và tính phức tạp của các thông tin nếu không được định hướng kịp thời có thể làm cho người tiếp cận thông tin dễ dao động, hoài nghi, dễ bị lôi kéo, kích động. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch không ngừng chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng ta với âm mưu "diễn biến hòa bình"

---

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tập 2, trang 91.

bằng những chiêu thức, thủ đoạn mới, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng internet để cung cấp thông tin bịa đặt, xuyên tạc gây mơ hồ về chính trị, ảo tưởng về chủ nghĩa tư bản, thiếu sự nhất trí và đồng thuận với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Do vậy, công tác tuyên giáo cần phải tiến hành các hoạt động nhanh nhạy, sắc bén, kịp thời, mang tính thuyết phục và thực chất.

Thứ tư, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động nhanh, sâu rộng đến mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường. Tiến bộ công nghệ có thể làm thay đổi bản chất của thương mại, đầu tư và lao động toàn cầu, tạo cơ hội cho các nước đi sau tăng tốc phát triển nhưng cũng có thể khiến cho các khâu sản xuất có thể chuyển ngược trở lại các quốc gia phát triển, làm hạn chế dòng dịch chuyển vốn toàn cầu[6]. Đó đều là những vấn đề mới đòi hỏi công tác tuyên giáo phải có những dự báo kịp thời để phát triển lý luận, góp phần đưa ra các giải pháp để hoàn thiện chủ trương, chính sách đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Một số định hướng đổi mới công tác tuyên giáo ở cơ sở đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra những yêu cầu đối với công tác tuyên giáo: "nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; coi trọng hơn nữa công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ."[7]; "Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng; giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Tiếp tục nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên,

---

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, trang 89.

[7] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG, Hà Nội, 2021, tập 2, tr.229.

nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược; tích cực đấu tranh, phản bác có hiệu quả quan điểm sai trái của các thế lực thù địch"[8]; "công tác tư tưởng phải kết hợp giữa "xây" và "chống", lấy "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài làm cho tư tưởng tiến bộ, tích cực thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, có tác dụng uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, cải tạo những tư tưởng lạc hậu, đẩy lùi những sai trái. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng, bảo đảm tính đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn, kịp thời và hiệu quả; nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh"[9].

Với phương châm hướng về cơ sở, xây dựng cơ sở vững mạnh, tạo tiền đề tiến hành công tác tuyên giáo có chiều rộng, chiều sâu và sức sống bền vững trong toàn xã hội, trong bối cảnh có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, vấn đề đổi mới công tác tuyên giáo ở cơ sở đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới là đòi hỏi hết sức cần thiết.

3.1. Đổi mới nhận thức của cấp ủy và cán bộ, đảng viên đối với công tác tuyên giáo ở cơ sở

Cần thống nhất quan điểm, nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng, tác dụng to lớn của công tác tuyên giáo đối với hoạt động ở cơ sở. Khắc phục những biểu hiện coi nhẹ, trông chờ, ỷ lại vào cấp trên, khoán trắng, coi đó là nhiệm vụ của ban tuyên giáo đảng ủy xã.

Thực tế chỉ ra rằng, chỉ khi nào cấp ủy cơ sở, cán bộ, đảng viên nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của công tác tuyên giáo, xác định rõ trách nhiệm của mình, tự giác, tích cực tham gia làm công tác tuyên giáo thì mới tạo nên sự chuyển biến và hiệu quả thực sự của công tác này ở cơ sở. Muốn vậy, cần phát huy vai trò của cán bộ chủ chốt ở cơ sở, trước hết là bí thư và ban thường vụ, người đứng đầu bộ máy chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội,

[8] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG, Hà Nội, 2021, tập 2, tr.231.

[9] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB CTQG, Hà Nội, 2021, tập 2, tr.232

đồng thời, tăng cường sự chỉ đạo kiểm tra của cấp ủy và cơ quan cấp trên, giúp cho cơ sở có sự chuyển biến kịp thời, đổi mới nhận thức và hành động tích cực.

3.2. Đổi mới nội dung công tác tuyên giáo ở cơ sở

- Trước hết, cần có sự đổi mới trong tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở cần phải đặt trọng tâm là dựa trên quan điểm, chủ trương, chính sách chung để xem xét đánh giá cụ thể tình hình của địa phương, xác định trách nhiệm của các cấp, các ngành, vai trò của từng tập thể, cá nhân trong tổ chức thực hiện. Xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện tốt nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sau học tập, mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng phải thực hiện nghị quyết bằng việc làm và đạt kết quả cụ thể, khắc phục tình trạng học tập nghị quyết mang tính hình thức, học chưa đi đôi với hành, nghị quyết chậm đi vào cuộc sống, chương trình hành động của cấp ủy, của các tổ chức chính trị - xã hội còn chung chung.

- Trong bối cảnh thực tiễn sinh động, diễn biến phức tạp, mau lẹ hiện nay, cần đổi mới nội dung tuyên truyền đối với cấp cơ sở.

Nội dung tuyên truyền ở cơ sở thường tập trung vào các thông tin sau: đẩy mạnh tuyên truyền những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của địa phương; xây dựng niềm tin và lòng tự hào của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới đất nước; vạch trần các luận điệu phản tuyên truyền của các thế lực thù địch và các phần tử tiêu cực, làm cho trận địa tư tưởng ở cơ sở luôn lành mạnh, trong sạch, vững mạnh.

Đổi mới về nội dung tuyên truyền đối với cấp cơ sở trong điều kiện hiện nay cần chú ý bảo đảm yêu cầu, thông tin phải ngắn gọn, dễ nhớ, thiết thực, cụ thể, tin cậy, thuyết phục; thông tin phải đi trước một bước; thông tin thời sự chính sách phải đa dạng, cập nhật thường xuyên, tạo ra nhu cầu tinh thần ở cơ sở sôi động, lành

mạnh, đẩy lùi và lấn át các loại thông tin nhiễu loạn, tiêu cực; phải bảo đảm các quy định của Luật tiếp cận thông tin…

- Tăng cường giáo dục, học tập, làm theo tấm gương tiêu biểu của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong lao động, học tập, công tác. Xây dựng các điển hình và tuyên truyền điển hình một cách tích cực, mạnh mẽ, làm cho cái tích cực, tiến bộ được nhân rộng, trở thành phổ biến, "lấy cái đẹp dẹp cái xấu; lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực".

3.3. Đổi mới phương thức tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở

Đa dạng hóa các hình thức tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở, làm cho công tác này luôn phong phú, sinh động, đáp ứng yêu cầu của mọi đối tượng, trong mọi hoàn cảnh.

Tùy theo đặc điểm về địa lý, phân bố dân cư, tổ chức, biên chế, lực lượng cán bộ, đảng viên ở từng cơ sở mà xác định, lựa chọn các hình thức học tập, tuyên truyền, cổ động, thông tin thời sự, chính trị…

Sử dụng mọi phương tiện, mọi lực lượng sẵn có, tận dụng mọi thời gian, không gian và cơ hội để tuyên truyền, giáo dục. Đặc biệt tận dụng sự phát triển của internet, mạng xã hội để tiến hành công tác tuyên giáo như: viết bài tuyên truyền trên mạng xã hội; tổng hợp tin tức, dư luận xã hội, nắm bắt tư tưởng của nhân dân thông qua mạng xã hội; sử dụng mạng xã hội để đấu tranh phản bác với các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch; tăng cường chia sẻ thông tin tích cực qua mạng xã hội, đẩy lùi các thông tin tiêu cực…

Khắc phục khuynh hướng "hành chính hóa" công tác tuyên giáo, đây là khuynh hướng đã và đang làm cho công tác này ở nhiều nơi trở nên xơ cứng, gò ép thiếu sức sống.

Hiện nay, nhiều địa phương, cơ sở đã có những hình thức tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khá phong phú, hấp dẫn và hiệu quả (như sân khấu hóa hình thức tuyên truyền các chủ trương, chính sách; tổ chức các buổi kể chuyện, tọa đàm, diễn đàn; tổ chức các cuộc thi thông tin lưu động; các hoạt động văn hóa, thể thao lồng ghép với nội dung tuyên truyền, giáo dục…), động viên đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia làm công tác tuyên giáo.

Trên cơ sở lực lượng nòng cốt đủ mạnh, cấp ủy và ban tuyên giáo đảng ủy xã cần động viên, tập hợp đông đảo cán bộ, đảng viên có khả năng làm công tác tuyên giáo thuộc mọi lứa tuổi, trên mọi địa bàn thôn, xóm, tổ dân phố, kể cả các chức sắc tôn giáo và những người có uy tín cao trong nhân dân tham gia. Trong đó tập trung bồi dưỡng, phát huy vai trò nòng cốt của cán bộ, đảng viên và quần chúng tích cực. Mạnh dạn, chọn người, giao việc, xây dựng nòng cốt ở mọi cơ sở, mọi ngành nghề trong địa phương, đơn vị. Xây dựng đội ngũ cộng tác viên đông đảo, rộng khắp trên địa bàn, làm cho hoạt động công tác tuyên giáo luôn sôi nổi, rộng khắp, có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời, có tính nhân dân sâu rộng.

Định kỳ tổ chức khảo sát, điều tra, đánh giá kết quả và tổ chức rút kinh nghiệm về công tác tuyên giáo. Hằng tháng, hằng quý tiến hành hội nghị giao ban công tác tuyên giáo ở cơ sở với phạm vi và quy mô phù hợp. Thông qua sinh hoạt chi bộ, tổ dân phố, sinh hoạt các đoàn thể để điều tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và bổ sung nội dung, hình thức mới cho phù hợp. Cấp ủy, ban tuyên giáo đảng ủy xã phải thường xuyên gặp gỡ cán bộ, đảng viên và lực lượng nòng cốt trong các tổ chức chính trị - xã hội để nắm tình hình, trao đổi kinh nghiệm hoạt động và đánh giá kết quả hoạt động công tác tư tưởng ở cơ sở, kịp thời chỉ đạo, giải quyết tốt những vấn đề mới nảy sinh trong nhân dân.

3.4. Đổi mới cơ chế, chính sách đối với công tác tuyên giáo

Trước hết, cần tăng cường đầu tư điều kiện vật chất, phương tiện làm công tác tuyên giáo ở cơ sở như: sách, báo, tài liệu, phương tiện nghe nhìn, hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin truyền thông, phương tiện thông tin, cổ động…. Đảm bảo mỗi thành viên của ban tuyên giáo xã có đủ các tài liệu bồi dưỡng về nghiệp vụ và được cung cấp thông tin kịp thời. Có chế độ bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm (theo định kỳ) do ban tuyên giáo trợ cấp, phụ cấp hợp lý đối với lực lượng làm công tác tuyên giáo ở cơ sở để động viên, khuyến khích, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

Chuyên đề 2

CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG Ở CƠ SỞ

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ

1. Khái niệm công tác giáo dục lý luận chính trị

Công tác lý luận là một bộ phận của công tác tư tưởng, hướng vào việc nghiên cứu, phát triển sáng tạo hệ tư tưởng của giai cấp lãnh đạo cách mạng - giai cấp công nhân, nghiên cứu và tổng kết thực tiễn cách mạng nhằm xây dựng hệ thống quan điểm lý luận và cơ sở lý luận cho việc hoạch định đường lối, chính sách, các quyết định của Đảng và Nhà nước, đấu tranh, phê phán các trào lưu tư tưởng sai trái, thù địch.

Công tác lý luận là nhiệm vụ trung tâm của công tác tuyên giáo, bao gồm: Công tác nghiên cứu, phát triển lý luận; công tác quán triệt nghị quyết; công tác giáo dục lý luận chính trị; công tác lịch sử đảng và giáo dục truyền thống cách mạng; công tác đấu tranh, phản bác với các quan điểm sai trái, thù địch.

Công tác giáo dục lý luận chính trị là một bộ phận quan trọng của công tác lý luận, công tác tư tưởng của Đảng, thực hiện việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Công tác giáo dục lý luận chính trị nhằm hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cộng sản, bản lĩnh chính trị, niềm tin và năng lực hoạt động thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, đáp ứng yêu cầu của từng thời kỳ phát triển của đất nước.

Công tác giáo dục lý luận chính trị bao gồm hoạt động giáo dục chính trị theo chương trình giáo dục tại các cơ sở giáo dục quốc dân và hoạt động giáo dục lý luận chính trị thường xuyên của Đảng.

2. Yêu cầu, nhiệm vụ của công tác giáo dục lý luận chính trị hiện nay

2.1. Yêu cầu

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới hết sức nặng nề. Bên cạnh những thuận lợi chúng ta còn phải đương đầu với không ít khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động rất phức tạp. Trong khi đó, không ít những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong quá trình đổi mới đất nước chưa được tổng kết kịp thời hoặc chưa đủ sáng tỏ, còn những ý kiến khác nhau cả trên vấn đề cụ thể cũng như trên một số vấn đề cơ bản.

Mặt khác, các thế lực thù địch đang tăng cường chống phá cách mạng nước ta trên cả lĩnh vực lý luận và thực tiễn. Chúng triệt để sử dụng kinh tế làm điều kiện ép ta thay đổi về chính trị; tìm cách móc nối với các đối tượng cơ hội chính trị, bất mãn trong nước; lợi dụng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo", "chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực" để kích động chống đối, chia rẽ nội bộ, xuyên tạc, phủ định mục tiêu lý tưởng, con đường của cách mạng Việt Nam, tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, phủ định sự lãnh đạo của Đảng.

Trong tình hình ấy, cán bộ, đảng viên phải luôn luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, thống nhất nhận thức, ý chí và hành động trên nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng. Công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và toàn dân phải không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả.

Chính vì vậy, công tác giáo dục lý luận chính trị trong thời kỳ mới cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau đây:

Một là, tạo ra sự nhất trí cao đối với đường lối của Đảng, có ý chí nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Hai là, xây dựng con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách; xây dựng con người có thế giới quan khoa học, hướng tới chân - thiện - mỹ; nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập.

Ba là, phát huy tinh thần cách mạng, tiến công, giữ vững và tăng cường chủ động trên trận địa tư tưởng làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hành động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tuyên giáo.

2.2. Nhiệm vụ

Một là, tiếp tục giáo dục trong Đảng và nhân dân kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng, làm cho ý chí kiên định đó trở thành lập trường chính trị không thể lay chuyển, kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái, thù địch, ngăn ngừa ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc. Kiên định nhưng phải sáng tạo, phát triển không ngừng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ quan điểm: "Tiếp tục đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng bảo đảm thiết thực, hiệu quả".

Thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới xác định nhiệm vụ, giải pháp như sau:

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Thật sự coi trọng việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc định hướng phát triển và hoạt động thực tiễn ở địa phương, cơ quan, đơn vị một cách thiết thực và hiệu quả; bám sát thực tiễn, định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng trên lĩnh vực lý luận chính trị.

- Tiếp tục đổi mới phương thức triển khai, phương pháp tiếp cận nghiên cứu công tác lý luận. Khẳng định mạnh mẽ và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn nước ta. Trên nền tảng đó, nghiên cứu, xây dựng và phát triển hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam trong thời kỳ mới; làm rõ những vấn đề bổ sung, phát triển; tập trung nghiên cứu để giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở nước ta đã được Đại hội XIII của Đảng chỉ ra. Làm rõ một số vấn đề nảy sinh trong thực tiễn đổi mới, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Phát huy dân chủ trong công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; tôn trọng tính sáng tạo và nâng cao ý thức trách nhiệm của nhà khoa học, tăng cường trao đổi, đối thoại trong nghiên cứu lý luận. Đổi mới cơ chế và tăng cường đầu tư cho tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Rà soát, bổ sung, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, giáo dục, đào

tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phù hợp với từng đối tượng, phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và phương pháp công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ. Tiếp tục đổi mới nội dung giáo trình theo hướng giảng dạy, truyền thụ đầy đủ những nội dung cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cập nhật những học thuyết đương đại, vận dụng sáng tạo, tăng cường liên hệ thực tiễn. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, ứng dụng các phương pháp hiện đại, hấp dẫn người học, tạo hứng thú tìm tòi, nghiên cứu. Đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lý luận chính trị theo hướng thực chất, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong học tập lý luận chính trị.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng chương trình học tập theo hướng phân biệt rõ cấp học và đối tượng học; đồng thời tăng cường, bảo đảm tính liên thông trong đào tạo các trình độ lý luận chính trị, phân cấp rõ ràng, hạn chế tối đa sự chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống các cơ sở đào tạo lý luận chính trị để nâng cao hiệu quả việc học tập, đào tạo, bồi dưỡng và tránh lãng phí về thời gian, kinh phí. Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp với nhu cầu quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ.

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về giá trị, những nội dung cơ bản, cốt lõi và những nội dung được Đảng ta vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phát huy sức mạnh tổng hợp của báo chí, truyền thông, kết hợp chặt chẽ với tuyên truyền miệng và các kênh thông tin khác.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh phản bác có hiệu quả, kịp thời các quan điểm sai trái, thù địch. Đa dạng hóa các hình thức đấu tranh bảo vệ nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư

tưởng Hồ Chí Minh. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin, chủ động nắm bắt âm mưu, thủ đoạn, phương thức chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng cơ hội chính trị; chú trọng xây dựng luận cứ đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc; tạo sự thống nhất trong phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành có liên quan. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ để cập nhật về nội dung và phương pháp đấu tranh; có cơ chế, chế độ phù hợp cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí hoạt động và hiện đại hóa các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, trước hết là người đứng đầu thường xuyên và kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chú trọng trao đổi, đối thoại, thuyết phục; lắng nghe, tiếp thu các góp ý mang tính xây dựng để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho phù hợp.

Hai là, tiếp tục giáo dục sâu rộng trong Đảng và nhân dân đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung quán triệt và thực hiện có hiệu quả các phương hướng, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Ba là, giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, kiến thức và năng lực thực tiễn của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Bốn là, giáo dục, nâng cao cảnh giác, chống các âm mưu, thủ đoạn và hành động "diễn biến hòa bình" gây bạo loạn, lật đổ và răn đe quân sự của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên và

nhân dân hiểu rõ bản chất trong đấu tranh chống lại âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đồng thời, phải tăng cường phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc, không ngừng củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

3. Công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở

3.1. Tình hình công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Trong những năm qua, công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, đi vào nền nếp, góp phần củng cố, nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở địa phương, cơ sở, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Cấp ủy ở cơ sở đã quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở địa phương mình, nhất là việc triển khai học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; không ngừng đổi mới hình thức, phương pháp học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, đảm bảo tính nghiêm túc và hiệu quả. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật thông tin, kiến thức mới, nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hàng tháng, thông qua hội nghị báo cáo viên, hội nghị thời sự định kỳ đã cung cấp thông tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh và địa phương.

Trung tâm chính trị các huyện, thị, thành phố đã phối hợp các cấp ủy mở các lớp sơ cấp lý luận chính trị, các chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, giúp học viên nâng cao nghiệp vụ, hiểu rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời đã mở các lớp như: bồi dưỡng lý luận chính trị kết nạp đảng, lớp bồi dưỡng lý luận chính trị đảng viên mới, lớp bồi

dưỡng các chương trình, chuyên đề, có tỷ lệ học viên tham gia khá cao. … Qua đánh giá tổng kết các lớp học, hầu hết học viên sau khi được bồi dưỡng có sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động, góp phần tích cực vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở vẫn còn một số tồn tại, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, chất lượng và hiệu quả còn thấp so với yêu cầu mới; một số cấp ủy cơ sở nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, tầm quan trọng của việc tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; coi nhẹ việc quản lý, giám sát cán bộ, đảng viên tham gia học tập nội dung, chương trình còn nặng tính lý luận, nhẹ tính thực tiễn; một số ít cán bộ, đảng viên vẫn còn xem nhẹ việc học tập lý luận chính trị… Phương pháp truyền đạt nghị quyết, chỉ thị của Đảng thiếu hấp dẫn, ít gắn với thực tiễn ở cơ sở nên việc vận dụng, cụ thể hóa tinh thần các chỉ thị, nghị quyết chưa hiệu quả, có lúc, có nơi lúng túng… Cơ sở vật chất phục vụ cho học tập chỉ thị, nghị quyết của Đảng ở một số xã, phường còn khó khăn, chưa đảm bảo yêu cầu.

3.2. Đối tượng, nội dung giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở

- Công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở thuộc hệ giáo dục phổ cập, vì vậy phải quan tâm đến mọi thành viên ở cơ sở, trước hết là cán bộ, đảng viên và đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị ngoài diện đào tạo, bồi dưỡng do trường chính trị tỉnh, thành phố phụ trách và các đoàn viên, hội viên của các đoàn thể nhân dân ở cơ sở.

- Nội dung cơ bản của giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở là những vấn đề cơ bản, thiết thực nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương.

3.3. Tổ chức lực lượng làm công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở

Theo đối tượng được phân cấp, tổ chức lực lượng làm công tác

giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở bao gồm những lực lượng chủ yếu sau:

- Ban Tuyên giáo và Trung tâm chính trị cấp huyện có nhiệm vụ mở các lớp bồi dưỡng theo Quy định số 208-QĐ/TW, ngày 08/11/2019 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm chính trị cấp huyện và những quy định liên quan khác.

- Ban Tuyên giáo cấp xã là cơ quan tham mưu và là lực lượng chủ yếu trực tiếp giúp cấp ủy tổ chức học tập các nghị quyết và chỉ thị của Đảng.

- Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền và tổ chức học tập chính trị cho hội viên, đoàn viên các tổ chức chính trị - xã hội.

- Giáo viên thuộc hệ thống trường học ở cơ sở tuyên truyền, giáo dục chính trị cho học sinh theo các chương trình thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

3.4. Một số nghiệp vụ công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở

- Về giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Xây dựng quy hoạch, kế hoạch bồi dưỡng lý luận chính trị hàng năm cho các đối tượng: bí thư đảng ủy, chi bộ, cấp ủy viên; trưởng thôn, trưởng bản; đảng viên mới; đối tượng phát triển đảng; trưởng các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội... kế hoạch được cấp ủy thông qua rồi gửi Trung tâm chính trị cấp huyện để đưa vào kế hoạch mở lớp.

Những cơ sở có điều kiện và khả năng cần chủ động xây dựng kế hoạch mở lớp tại chỗ. Trung tâm chính trị cấp huyện hỗ trợ về giảng viên, tài liệu, thủ tục mở lớp và cấp chứng chỉ cho học viên...

+ Thực hiện các hình thức tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị sinh động, thiết thực, như tổ chức lớp học kết hợp tổ chức thi tìm hiểu lịch sử truyền thống dân tộc, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về đường lối, chính sách, pháp luật; tổ chức các cuộc thi bí thư chi bộ giỏi, trưởng thôn, trưởng bản giỏi.

+ Tổ chức cho cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị học tập các chương trình chuyên đề liên quan đến đường lối, quan điểm của Đảng do Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành, giới thiệu nhân các ngày lễ lớn...

Trong những năm qua, các cuộc thi tìm hiểu về Đảng quang vinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bí thư chi bộ giỏi, báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi (tiêu biểu như Cuộc thi "Ánh sáng soi đường", "Giảng viên lý luận chính trị giỏi" do Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức)... là hình thức giáo dục lý luận chính trị thể hiện sự hấp dẫn và mang lại hiệu quả. Để mỗi cuộc thi đạt kết quả tốt cần phải có kế hoạch cụ thể, xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, các bước tiến hành. Phải tạo sự hưởng ứng và tham gia tích cực của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân ở cơ sở. Những người dự thi cần được quan tâm, giúp đỡ để có sự chuẩn bị chu đáo. Cần kết hợp cả thi viết và trả lời miệng (vấn đáp). Nội dung thi vấn đáp cần nêu ra các tình huống có vấn đề, đòi hỏi người dự thi vận dụng kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn để trả lời. Ban giám khảo phải lựa chọn, đưa ra các tình huống để người dự thi nâng cao kiến thức, nghiệp vụ công tác, năng lực xử lý các vấn đề thực tế đặt ra...

- Về triển khai học tập nghị quyết của Đảng:

+ Tổ chức học tập nghị quyết cho đảng viên

Xây dựng kế hoạch học tập nghị quyết, chuẩn bị tài liệu và những điều kiện vật chất khác, thông báo sớm để đảng viên sắp xếp công việc đến dự đông đủ, nghiêm túc. Cần sắp xếp tổ chức để tất cả đảng viên trong đảng bộ tham gia học tập. Nếu số lượng đảng viên đông có thể phân chia thành hai, ba lớp nối tiếp nhau, hoặc tổ chức học tập cho đội ngũ đảng ủy viên, bí thư chi bộ, chi ủy viên để về truyền đạt, hướng dẫn lại cho đảng viên trong chi bộ.

Lựa chọn, bố trí báo cáo viên nắm chắc nội dung cơ bản của nghị quyết và có phương pháp trình bày, phân tích dễ hiểu, dễ nhớ để giúp người học hiểu đúng, hiểu rõ nghị quyết.

Trong mỗi lần học nghị quyết nhất thiết phải có báo cáo cấp ủy về chương trình hành động thực hiện nghị quyết của cơ sở.

Cố gắng bảo đảm cho mỗi chi bộ có ít nhất một cuốn văn kiện nghị quyết và cuốn tài liệu học tập nghị quyết (tài liệu dành cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở) để giúp cho đảng viên trong chi bộ nghiên cứu sâu và kỹ hơn.

Khi đã triển khai học nghị quyết, đã có chương trình hành động thì phải tập trung chỉ đạo có hiệu quả để tạo ra sự chuyển biến thực sự, bảo đảm nói đi đôi với làm. Đảng viên nào không làm, làm không đầy đủ hoặc làm trái nghị quyết của Đảng phải bị phê bình, xử lý nghiêm túc.

+ Giáo dục, phổ biến nghị quyết trong nhân dân:

Việc giáo dục, phổ biến nghị quyết trước hết thông qua các hình thức sinh hoạt của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ để họ phát huy được vai trò tích cực trong việc tổ chức học tập và thực hiện nghị quyết trong tổ chức, đoàn thể của mình.

Gắn nội dung giáo dục, phổ biến nghị quyết với nội dung các kỳ sinh hoạt xóm, thôn, tổ dân phố. Sử dụng có hiệu quả hệ thống truyền thanh xã, phường để giúp nhân dân hiểu được những điểm cốt lõi trong nghị quyết.

Tài liệu phổ biến rộng rãi dành cho nhân dân là tài liệu hỏi - đáp về những nội dung của nghị quyết do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn. Chương trình hành động của đảng bộ phải được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và trở thành các phong trào hoạt động cụ thể để nhân dân hưởng ứng và làm theo nghị quyết của Đảng.

- Về giáo dục chính sách, pháp luật của Nhà nước:

Chính sách, pháp luật của Nhà nước là sự thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng. Vì vậy, giáo dục chính sách, pháp luật chính là nội dung, hình thức giáo dục lý luận chính trị. Cần có kế hoạch tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nghiên cứu về các chính sách, pháp luật hiện hành, nhất là các chính sách, pháp

luật có quan hệ trực tiếp đến đời sống của nhân dân, như Luật đất đai, Luật bảo vệ rừng, Luật hợp tác xã, Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Bộ Luật hình sự, Bộ Luật dân sự, Luật nghĩa vụ quân sự, Luật giáo dục, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật hôn nhân và gia đình...

Mọi đảng viên phải học, nắm vững và thực hiện nghiêm túc, đồng thời, phổ biến sâu rộng và vận động nhân dân chấp hành đúng chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Hình thức giáo dục chủ yếu là thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể, thôn xóm, tổ dân phố. Mặt khác, cần thường xuyên theo dõi kiểm tra, kịp thời biểu dương những tấm gương chấp hành tốt; nhắc nhở, phê bình những trường hợp làm sai, nhất là những việc cố ý làm trái quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sử dụng có hiệu quả tủ sách pháp luật của xã, phường, đơn vị.

- Việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở:

Học tập lý luận chính trị là trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ các cấp. Kết quả học tập lý luận chính trị là một trong những tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ, đánh giá tư cách đảng viên và tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong những năm qua, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản quy định về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng như: Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII) quy định về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng; Kết luận số 69-KL/TW, ngày 14/4/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị (khóa VIII); Quy định số 164-QĐ/TW, ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cấp; Kết luận số 57-KL/TW, ngày 08/3/2013 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp;

Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý...., Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đã đề ra 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó nhấn mạnh: "Thực hiện nghiêm túc chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị và cập nhật kiến thức mới cho cán bộ".

Thực hiện các quy định của Đảng về nhiệm vụ học tập lý luận chính trị của đảng viên, đảng ủy cơ sở cần thường xuyên kiểm tra cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu trên, kịp thời biểu dương những tấm gương học tập tốt, nhắc nhở, phê bình những trường hợp lười học, ngại học. Hàng năm, khi phân tích chất lượng đảng viên, chi bộ lấy kết quả học tập, nhất là, học tập lý luận chính trị là một trong những tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá.

Nhiệm vụ kiểm tra công tác giáo dục lý luận chính trị còn được tiến hành trong các trường tiểu học, trung học cơ sở... trên địa bàn xã, phường, thị trấn, thông qua tổ chức đảng của trường trong việc giảng dạy môn giáo dục đạo đức, giáo dục công dân theo đúng phương hướng chính trị tư tưởng của Đảng.

II. CÔNG TÁC GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG

1. Mục đích của giáo dục truyền thống cách mạng

- Truyền thống là thói quen được hình thành từ lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Truyền thống có tính cộng đồng và tính lịch sử; có tính ổn định và bền vững tương đối; có thể trở thành những chuẩn mực, định hướng hành động cho các cá nhân và cộng đồng.

- Truyền thống cách mạng là truyền thống của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Giáo dục truyền thống cách mạng nhằm nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho quần chúng nhân dân là một nhiệm vụ thường xuyên, cần thiết đối với Đảng Cộng sản cầm quyền trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước.

- Giáo dục truyền thống cách mạng là nhằm xây dựng những con người và thế hệ Việt Nam gắn bó thiết tha với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ gìn và phát huy các giá trị của văn hóa dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, phát huy tiềm năng của dân tộc và con người Việt Nam, có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tổ chức và kỷ luật, có sức khỏe, là những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên" như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Nội dung chủ yếu của giáo dục truyền thống

- Giáo dục chủ nghĩa yêu nước. Yêu nước là giá trị truyền thống cao quý nhất của nhân dân ta, được hun đúc trong suốt hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, trở thành cội nguồn sức mạnh của dân tộc. Ngày nay, giáo dục truyền thống yêu nước cần gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, đó là mục tiêu lý tưởng của Đảng ta và của dân tộc ta.

- Giáo dục truyền thống đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng. Lòng nhân ái "thương người như thể thương thân", truyền thống đoàn kết hợp tác, giúp nhau trong khó khăn, hoạn nạn… là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta, ngày nay được Đảng ta kế thừa và phát huy trên tinh thần của chủ nghĩa nhân đạo mác-xít, trên tinh thần quốc tế cao cả.

- Truyền thống anh hùng, bất khuất trong đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta được Đảng ta phát huy và phát triển thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu và lao động sáng tạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Cần cù và sáng tạo trong lao động là nét đẹp truyền thống của nhân dân ta. Trong cách mạng, truyền thống ấy được kế thừa và phát huy trên tinh thần tự hào và tự tôn dân tộc, trở thành thái độ

lao động mới, lao động sáng tạo, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất lao động cao, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Tinh thần lạc quan cách mạng trong cuộc sống và trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng. Đây cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc được Đảng ta phát huy và phát triển trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Trong quá trình cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với truyền thống vốn có của dân tộc thì nhiều giá trị tinh thần mới được hình thành và phát triển, trở thành truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta như tinh thần dân chủ, thi đua yêu nước, "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", tinh thần quốc tế chung thủy trong sáng…

3. Hình thức giáo dục truyền thống cách mạng

Tùy theo nội dung và điều kiện cụ thể của từng cơ sở, có thể lựa chọn các hình thức phù hợp, có một số hình thức sau:

- Tổ chức mít tinh tuyên truyền cổ động ở cơ sở vào dịp các ngày lễ lớn của dân tộc và cách mạng.

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền miệng, thông tin cổ động về đề tài này qua hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

- Tổ chức sinh hoạt chính trị tư tưởng; tổ chức tốt các cuộc thi tìm hiểu các đề tài về truyền thống cách mạng, những gương điển hình.

- Sử dụng các loại hình văn học, nghệ thuật, thể dục, thể thao,…

Cần tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong công tác giáo dục truyền thống theo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm. Tổ chức rút kinh nghiệm sau mỗi đợt phát động phong trào, tổ chức các hội thi. Đây là việc làm cần thiết, góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả công tác giáo dục truyền thống cách mạng.

Chuyên đề 3

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, CỔ ĐỘNG

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, CỔ ĐỘNG

1. Khái niệm

a) Tuyên truyền và công tác tuyên truyền

Tuyên truyền theo nghĩa rộng là truyền bá, truyền đạt một quan điểm nào đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh định nghĩa: "Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại".

Công tác tuyên truyền là một hình thái, một bộ phận cấu thành của công tác tư tưởng, nhằm truyền bá hệ tư tưởng và đường lối chiến lược, sách lược trong quần chúng, xây dựng cho quần chúng thế giới quan phù hợp với lợi ích của chủ thể hệ tư tưởng, hình thành và củng cố niềm tin, tập hợp và cổ vũ quần chúng hành động theo thế giới quan và niềm tin đó.

Trong công tác tư tưởng của Đảng và Nhà nước ta, công tác tuyên truyền là hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những tinh hoa văn hóa của dân tộc và nhân loại…, làm cho chúng trở thành nhân tố chi phối, thống trị trong đời sống tinh thần của xã hội; động viên, cổ vũ tính tích cực, tự giác, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b) Cổ động và công tác cổ động

Theo từ Hán - Việt, cổ động được ghép từ "cổ" với nghĩa là cái trống, "động" là hoạt động; trước đây thường dùng tiếng trống để làm tín hiệu thúc giục xung trận hoặc chống lụt, chống bão, chữa cháy… Với hai nghĩa trên có thể hiểu, *cổ động* là thông tin, giải

thích về những sự kiện đang diễn ra trong đời sống để cổ vũ, động viên con người đi tới hành động.

Công tác cổ động là sự tác động của chủ thể vào tư tưởng, tình cảm của đối tượng thông qua việc giải thích một việc cụ thể, thiết thực nhằm tạo nên một ấn tượng mạnh ở đối tượng, kích thích và thúc đẩy họ hăng hái hành động thực hiện công việc đó.

2. Vai trò của công tác tuyên truyền, cổ động

- Công tác tuyên truyền, cổ động là phương tiện quan trọng để phổ biến, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những vấn đề thời sự lớn của đất nước và quốc tế, những vấn đề mới đặt ra trong sự nghiệp đổi mới, qua đó nâng cao nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân; cổ vũ, động viên mọi người tích cực, tự giác thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị trong mỗi thời kỳ.

- Công tác tuyên truyền, cổ động là công cụ để nâng cao nhận thức, định hướng tư tưởng, hướng dẫn suy nghĩ và hành động của toàn xã hội; thúc đẩy, cổ vũ con người từ nhận thức lý luận đi đến hành động cách mạng.

- Công tác tuyên truyền, cổ động góp phần quan trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức; xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Công tác tuyên truyền, cổ động giúp phát huy vai trò làm chủ, tính tích cực, sáng tạo của quần chúng, trước hết là ở cơ sở trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

- Công tác tuyên truyền, cổ động góp phần tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường sự đồng thuận trong xã hội.

- Công tác tuyên truyền, cổ động là công cụ sắc bén trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch; phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc nảy sinh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước.

3. Hình thức, phương tiện tuyên truyền, cổ động

a) Hình thức tuyên truyền

- *Tuyên truyền miệng:* Đây là hình thức tuyên truyền đặc biệt quan trọng, nhất là ở cơ sở, được thực hiện chủ yếu bởi đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, thông qua các hình thức giao tiếp trực tiếp, như nói chuyện thời sự, tọa đàm, hội thảo, kể chuyện gương người tốt, việc tốt…

- *Tuyên truyền thông qua các ấn phẩm viết, như sách, báo* (báo in, báo điện tử), bản tin, khẩu hiệu, biểu ngữ, tờ gấp…

- *Tuyên truyền qua nghe, nhìn,* như phát thanh, truyền hình, phim ảnh, triển lãm, tham quan… trong đó vai trò của truyền hình ngày càng trở nên quan trọng do tính phổ cập, nhanh chóng và rộng rãi trong toàn xã hội.

- *Tuyên truyền bằng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật*, thông qua các hoạt động của ngành văn hóa, nghệ thuật…

- *Tuyên truyền tổng hợp, kết hợp cổ động*, tuyên truyền miệng, phim ảnh, thơ ca, hò, vè… (tuyên truyền lồng ghép).

- Tuyên truyền trên nền tảng Internet, không gian mạng, mạng xã hội…

b) Hình thức cổ động

Cổ động chủ yếu dùng phương thức tác động trực tiếp tới số đông quần chúng. Hình thức cổ động thường rất linh hoạt, có khả năng thích ứng với từng đối tượng, đặc biệt là có khả năng phù hợp với trình độ, điều kiện và phương tiện vốn có của mỗi địa phương. Các hình thức chủ yếu của cổ động là hình thức qua nghe và nhìn như: Cổ động miệng, diễn thuyết, tọa đàm, trao đổi, hội thảo… Các hình thức tờ rơi, mít tinh, diễu hành, rước đuốc… Các hình thức trực quan như khẩu hiệu, tranh vẽ, triển lãm, phim thời sự - tài liệu, panô, áp phích, các khẩu hiệu. Các hình thức cổ động bằng văn nghệ như hát, hoạt cảnh, ảo thuật và các tiết mục sân khấu ngắn như kịch, chèo, cải lương… cũng được sử dụng rất rộng rãi trong công tác cổ động.

c) Phương tiện tuyên truyền, cổ động

Các phương tiện để tiến hành công tác cổ động cũng rất phong phú: hệ thống loa, phát thanh, truyền thanh, các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông đa phương tiện; ứng dụng công nghệ thông tin, Internet, mạng xã hội… Mỗi hình thức, phương tiện tuyên truyền, cổ động nêu trên đều quan trọng và có ưu thế riêng. Việc quyết định sử dụng hình thức, phương tiện nào phải xuất phát từ nội dung, tính chất và yêu cầu cụ thể của từng vấn đề, từng đợt tuyên truyền, đối tượng và khả năng kinh tế của địa phương, cơ sở.

4. Phương châm của công tác tuyên truyền, cổ động

a) Bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng, phát huy tinh thần cách mạng của các tầng lớp nhân dân. Nội dung công tác tuyên truyền, cổ động ở mỗi thời kỳ, thời điểm đều phải dựa vào nhiệm vụ chính trị của Đảng, bám sát sự chỉ đạo của các cấp ủy cấp trên và phải gắn chặt với nhiệm vụ chính trị do cấp ủy cơ sở đề ra. Tuyên truyền, cổ động phải nhằm củng cố, giữ vững lòng tin của quần chúng với Đảng, đẩy lùi được tâm trạng hoài nghi, hoang mang, dao động.

b) Công tác tuyên truyền, cổ động phải kịp thời, nhạy bén, nội dung chính xác, có tính chiến đấu cao. Phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các vấn đề thời sự quốc tế, trong nước, địa phương cho các tầng lớp nhân dân biết để làm theo. Nội dung tuyên truyền, cổ động phải đúng sự thật, không tô hồng, bôi đen, nhưng cũng không rơi vào chủ nghĩa tự nhiên, thiếu định hướng. Phải tỏ rõ chính kiến trước những sự kiện, hiện tượng tiêu cực của xã hội; phê phán, đấu tranh với luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, ảnh hưởng tới lợi ích của quốc gia, dân tộc.

c) Kết hợp tuyên truyền, cổ động nâng cao nhận thức tư tưởng với hướng dẫn hành động và cổ vũ phong trào. Mục tiêu của tuyên truyền, cổ động không chỉ dừng lại ở việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân, mà từ nhận thức phải hướng quần chúng tới hành động cách mạng và phải tiếp tục cổ vũ cho phong trào cách mạng để thúc đẩy phong trào phát triển, mở rộng lôi cuốn ngày càng đông đảo mọi người tham gia.

d) Kết hợp giữa biểu dương và phê phán. Biểu dương và phê phán là hai mặt không thể thiếu được trong tuyên truyền, cổ động. Hai mặt này gắn bó mật thiết với nhau, hỗ trợ tạo điều kiện cho nhau. Khắc phục khuynh hướng chỉ nhấn mạnh một mặt, xem nhẹ mặt còn lại, dẫn tới hạn chế hiệu quả công tác, thậm chí có thể gây ra phản tác dụng.

đ) Tuyên truyền, cổ động phải cụ thể, thiết thực, sinh động. Để nội dung tuyên truyền, cổ động cụ thể, thiết thực, trước hết cần nắm vững tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân để tuyên truyền đúng đối tượng. Trong tuyên truyền phải sử dụng cách nói dễ hiểu, đơn giản, bằng ngôn ngữ của quần chúng để nói với quần chúng, tránh những từ hoa mỹ, trống rỗng. Sử dụng hình thức phù hợp với đối tượng ở cơ sở. Những nhiệm vụ đặt ra phải cụ thể, thiết thực, quần chúng có thể làm được.

e) Phối hợp tốt các mặt hoạt động của công tác tuyên truyền, cổ động. Kết hợp các lực lượng và hình thức tuyên truyền. Kết hợp tuyên truyền thường xuyên với tuyên truyền theo chủ đề, từng thời gian. Kết hợp tuyên truyền với cổ động.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, CỔ ĐỘNG Ở CƠ SỞ

1. Công tác tuyên truyền, cổ động trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, cổ động trên địa bàn tỉnh đã được cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, các tổ chức - chính trị xã hội, cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, với nhiều hình thức, đa dạng, phong phú đạt được kết quả tích cực; đã tập trung tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các sự kiện chính trị quan trọng, nổi bật như: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII và đại hội đảng các cấp; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh; những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trên các

lĩnh vực của đời sống xã hội... tạo sự phấn khởi, tin tưởng trong toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân, củng cố khối đại đoàn kết, thống nhất trong nhận thức và hành động, tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, để vượt qua những khó khăn thách thức, thúc đẩy sự phát triển trong công cuộc đổi mới, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị mà nghị quyết đại hội các cấp đã đề ra.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tuyên truyền, cổ động vẫn còn một số hạn chế nhất định như: một số ít cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức, một số mặt công tác hiệu quả chưa cao, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có thời điểm chưa chặt chẽ, thường xuyên, chưa kịp thời, kinh phí đầu tư cho công tác tuyên truyền cổ động còn hạn hẹp chưa đáp ứng với yêu cầu hiện nay.

2. Nội dung của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở

- Tuyên truyền, cổ động về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của địa phương, thông tin tình hình thời sự, định hướng giải quyết những việc khó khăn, bức xúc cần giải quyết ở cơ sở. Đây là một nội dung chủ yếu, thường xuyên của công tác tuyên truyền, cổ động, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân, biến những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành những kết quả trong thực tế.

- Tuyên truyền, cổ động về những thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội… của đất nước và của địa phương, những thuận lợi và khó khăn, những kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của địa phương.

- Tuyên truyền, cổ động về đạo đức, lối sống, nếp sống…, góp phần xây dựng con người mới và nền văn hóa mới ở địa phương.

- Tiến hành các hoạt động tuyên truyền, cổ động nhân các ngày kỷ niệm, các đợt vận động chính trị lớn của đất nước và địa phương nhằm giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng trong nước và địa phương, niềm tự hào dân tộc, qua đó thúc đẩy, cổ vũ nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ của địa phương.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức mới, quy trình công nghệ mới trong sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường ở cơ sở; cổ động nhân dân tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào trong sản xuất, góp phần làm giàu cho quê hương.

- Tuyên truyền, giáo dục về gương người tốt, việc tốt và các điển hình tiên tiến, cổ động, thúc đẩy các phong trào thi đua ở cơ sở.

- Chỉ rõ âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; nhiệm vụ đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, tệ nạn xã hội, phê phán những thói hư, tật xấu…, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" tại cơ sở.

3. Nhiệm vụ của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở

Công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở có ba nhiệm vụ cơ bản sau:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về lý luận chính trị, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những kiến thức khoa học…, tạo sự thống nhất cao trong Đảng và đồng thuận trong nhân dân.

- Cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào và hành động cách mạng, thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và góp phần xây dựng con người mới, nền văn hóa mới, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

- Đấu tranh chống mọi thủ đoạn tuyên truyền của các thế lực thù địch; chống những quan điểm sai trái, cơ hội, lệch lạc, phản động; bài trừ các loại hủ tục lạc hậu, các biểu hiện phi văn hóa trong nhân dân.

Từ ba nhiệm vụ cơ bản nêu trên, tùy theo nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ và tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị để xác định nhiệm vụ cụ thể của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở.

Chuyên đề 4

KỸ NĂNG TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN MIỆNG VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH VIẾT BẢN TIN CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH CƠ SỞ

I. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG BÁO CÁO VIÊN, CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN MIỆNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) *về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới*, các cấp ủy đảng đã có sự quan tâm đối với công tác báo cáo viên, tuyên truyền miệng. Qua đó, chất lượng hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền miệng của Đảng bộ tỉnh được nâng lên, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương trên lĩnh vực tư tưởng. Hiện nay, tỉnh có 04 báo cáo viên Trung ương, 50 báo cáo viên Tỉnh ủy; 277 báo cáo viên cấp huyện và tương đương; 3.481 báo cáo viên, tuyên truyền viên cấp xã. Nhìn chung, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên được kiện toàn và quản lý chặt chẽ từ tỉnh đến cơ sở, đã thông tin kịp thời, chính xác đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân những vấn đề được dư luận quan tâm, tăng thêm niềm tin trong Đảng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

2. Hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động báo cáo viên, công tác tuyên truyền miệng vẫn còn một số hạn chế như: nhận thức của một số ít cấp ủy đảng về vị trí, vai trò của công tác tuyên truyền miệng và hoạt động báo cáo viên còn hạn chế, một số nơi khoán

trắng cho ngành tuyên giáo; tài liệu định hướng dư luận xã hội trước những vấn đề xã hội quan tâm chưa kịp thời; hầu hết báo cáo viên hoạt động kiêm nhiệm nên thời gian dành cho việc nghiên cứu, cập nhật thông tin ít; một số báo cáo viên hạn chế về năng lực tổng hợp, phân tích, bình luận, định hướng thông tin.

II. KỸ NĂNG TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN MIỆNG

1. Trước khi phát biểu

Trước khi tiến hành phát biểu, cán bộ tuyên truyền cần chuẩn bị tốt các vấn đề sau:

- *Chuẩn bị thêm về nội dung:* Cần nắm chắc đề cương, bổ sung, cập nhật những thông tin mới, suy nghĩ về nội dung và cách trình bày những nội dung quan trọng nhất, có thể nói thầm hoặc nói nhỏ những vấn đề quan trọng đó, tìm cách "nhập vai" khi trình bày chúng.

- *Chuẩn bị về thể chất và tinh thần, sức khỏe và tâm lý*

- *Chuẩn bị thời gian và địa điểm:* Thời gian tổ chức buổi nói chuyện tốt nhất là vào buổi sáng và buổi tối hoặc buổi chiều. Không nên nói chuyện vào buổi trưa.

Việc chọn địa điểm hợp lý tạo ra chất lượng cho buổi nói chuyện. Kích thước hội trường nên phù hợp với số lượng người nghe. Nếu người nghe không nhiều, hội trường rộng thì nên mời họ ngồi ở những hàng ghế đầu. Bố trí người đến trước ngồi cách xa cửa ra vào để người đến sau không làm cho họ phải phân tán sự chú ý. Hội trường cần đủ ánh sáng, khuôn mặt của diễn giả phải được chiếu sáng vừa đủ.

2. Bắt đầu phát biểu

Sau khi bước lên bục giảng, cần phải làm nhiệm vụ "tổ chức người nghe", tập trung sự chú ý của họ, biến những cá nhân độc lập trở thành một tập thể thống nhất, có sự hưởng ứng chung đối với bài phát biểu. Thủ thuật tạo ra sự chú ý ban đầu ở người nghe là sự yên lặng trong khoảng 5-10 giây mà người ta gọi một cách ước lệ là "phút yên lặng ban đầu".

Trong phút yên lặng ban đầu này, người nói cần xác lập sự giao

tiếp bằng mắt với người nghe, nhìn vào mắt của họ và gặp họ qua ánh mắt, chào thầm họ bằng ánh mắt thiện cảm của mình. Đồng thời, qua kênh giao tiếp này cảm nhận về thái độ của họ để trên cơ sở ấy quyết định lựa chọn phương pháp vào đề, phương pháp trình bày vấn đề. Trong giai đoạn này thường xảy ra một số tình huống như sau:

- *Người nói bị hồi hộp:* Sự hồi hộp khi bắt đầu buổi nói chuyện thường do các nguyên nhân sau: Thiếu tự tin vào khả năng của mình. Thiếu kinh nghiệm, chưa từng trải trong thực tiễn tuyên truyền miệng... Do đặc trưng tâm lý của một số người. Chưa chuẩn bị kỹ hoặc nắm chưa chắc đề cương bài phát biểu. Khắc phục: thở sâu vài ba lần. Làm dịu về thể chất bằng cách tiến hành một việc gì đó: di chuyển vị trí; nắm chặt bàn tay rồi thả lỏng dần dần một số lần. Đưa mắt tìm kiếm những nét mặt quen thuộc, có thiện cảm với mình và dừng lại ở đó một lúc. Chuẩn bị tốt nội dung bài phát biểu, luyện tính tự tin, tự chủ.

- *Người nghe ồn ào, không tập trung chú ý:* Cách khắc phục tốt nhất là nói to và rõ ràng khi bắt đầu phát biểu.

3. Trong khi phát biểu

3.1. Kỹ năng tiến hành phát biểu

Trong quá trình phát biểu, người nói thực hiện tác động đến người nghe chủ yếu thông qua hai kênh: kênh ngôn ngữ và kênh phi ngôn ngữ (mối quan hệ ngược người nghe - người nói cũng được thực hiện bằng hai kênh này).

- *Kênh ngôn ngữ:* Sử dụng các yếu tố như ngữ điệu, cường độ, âm lượng, nhịp độ lời và sự ngừng giọng, để tạo ra sự hấp dẫn cho bài nói. *Ngữ điệu* của lời nói phải phong phú, biến hóa, có sự vận động của âm, thanh, tránh cách nói đều đều, đơn điệu, buồn tẻ. Cường độ lời nói (nói to hay nói nhỏ) cần phù hợp với hội trường, số lượng và đặc điểm người nghe; điều chỉnh cường độ lời nói đủ để người ngồi xa nhất có thể nghe được. *Nhịp độ* lời nói (nói nhanh hay nói chậm) do nội dung bài nói, tình huống và không gian giao tiếp, nhịp độ lời nói cần vừa phải. Thông thường khi trình bày bài nói trước đối tượng nhịp độ chậm hơn khi đọc khoảng 1,5 lần. Ngừng giọng là để nhấn mạnh tầm quan trọng, tạo ra sự tập trung

chú ý của người nghe đối với một vấn đề nào đó, được chọn là ở những chỗ có ý quan trọng, còn độ dài ngừng giọng phụ thuộc vào cảm xúc của người nói và ý muốn tạo ra sự chú ý ở người nghe.

- *Kênh phi ngôn ngữ* có các yếu tố như tư thế, vận động và cử chỉ, nét mặt, nụ cười… Chúng là những yếu tố được quy định bởi phong cách và thói quen cá nhân. *Tư thế* đứng trước công chúng phải tự nhiên, linh hoạt; thay đổi tư thế để người nghe không cảm thấy mệt mỏi, nhưng cũng không nên thay đổi tư thế nhiều. *Cử chỉ và diện mạo:* nét mặt, nụ cười, ánh mắt có thể truyền đạt hàng loạt các cảm xúc tạo được lòng tin, sự hào hứng vào người nghe. *Mô phỏng hình ảnh:* đưa ra những hình ảnh sinh động tác động lên thị giác của người nghe và có tác dụng nâng cao hiệu quả tri giác thông tin của họ. Ngoài ra, kết hợp phù hợp với tính chất nội dung thông tin và với các yếu tố ngôn ngữ để nâng cao chất lượng bài phát biểu.

3.2. Một số cách nói thu hút, duy trì sự chú ý và gây ấn tượng đối với người nghe

Một là, tăng hàm lượng thông tin bằng cách xử lý tốt lượng dư thừa ngôn ngữ diễn đạt. Để bài nói nhiều thông tin, trở nên hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người nghe, báo cáo viên, cán bộ tuyên truyền miệng cần học cách nói "ngôn thiểu, ý túc", tức là cách nói hàm súc, ngắn gọn, ít từ, nhưng ý tứ phong phú, nhiều nghĩa.

Hai là, tăng sức hấp dẫn của thông tin bằng cách sử dụng yếu tố bất ngờ, cách trình bày độc đáo, khác biệt, mới lạ. Để tạo ra cái độc đáo cho sự trình bày, người nói có thể sử dụng cách nói so sánh, hình tượng; dùng từ "đắc địa"; đặt câu văn hay, sử dụng sáng tạo các thành ngữ, tục ngữ, danh ngôn, châm ngôn… Chính vì vậy, một báo cáo viên, một cán bộ tuyên truyền miệng có kinh nghiệm thường tích lũy cho mình những châm ngôn, danh ngôn, những thành ngữ, tục ngữ, những câu văn hay và suy nghĩ về ngữ cảnh sử dụng chúng.

Ba là, nêu dồn dập các sự kiện. Mục đích của việc nêu dồn dập các sự kiện là tạo ra nhịp điệu cho bài nói, tạo nên cao trào của lời văn, tạo không khí hào hứng cho bài nói, qua đó thu hút sự chú ý ở người nghe.

Thứ tư, nắm vững kĩ năng sử dụng con số, số liệu thực tế. Dùng con số, số liệu thực tế trong tuyên truyền miệng mang các ý nghĩa quan trọng sau: để chứng minh cho một luận điểm, một quan điểm, một vấn đề nào đó, có tác dụng như một luận cứ; làm tăng tính thực tiễn cho bài phát biểu, có tác dụng thuyết phục người nghe tin vào chủ đề tuyên truyền; làm cho các vấn đề lý luận và đường lối, chính sách trở nên có sức sống, gắn với đời sống xã hội và mang tính cụ thể, thiết thực.

Năm là, phát biểu theo kiểu "ngẫu hứng tự do", thoát ly đề cương. Là cách nói thoát ly giáo án, thoát ly đề cương, không lệ thuộc vào câu chữ của đề cương, là cách trình bày nội dung của đề cương đã chuẩn bị bằng vốn kiến thức phong phú, sâu sắc, vốn ngôn ngữ đa dạng và khả năng vận dụng ngôn ngữ sáng tạo. Bởi vậy muốn phát biểu thoát ly đề cương, người nói phải: (1) Có trí nhớ tốt để nhớ đề cương; (2) Có kiến thức phong phú, hiểu thực chất, nhuần nhuyễn vấn đề để có thể thoát ly giáo án, thoát ly đề cương mà vẫn nói đúng, phát ngôn chuẩn mực; (3) Có khả năng huy động kiến thức trong trí nhớ theo logic của vấn đề; (4) Vốn ngôn ngữ phong phú, khả năng vận dụng ngôn ngữ tốt, nhiều sáng tạo; (5) Giàu kinh nghiệm, tâm huyết với nội dung bài nói.

Sáu là, trình bày vấn đề một cách cụ thể, hình tượng hóa, cụ thể hóa sự vật, hiện tượng, vấn đề. Việc hình tượng hóa hoặc cụ thể hóa sự vật, hiện tượng, vấn đề được đề cập trong bài nói sẽ làm cho người nghe dễ hiểu bản chất sự vật, hiện tượng, vấn đề. Điều này rất quan trọng đối với những bài giảng lý luận chính trị, bài giới thiệu đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng. Bởi vì loại hình bài nói này có tính lý luận, tính khái quát hóa, trừu tượng hóa rất cao.

Bảy là, sử dụng một số biện pháp ngôn ngữ như dùng từ láy, ẩn dụ, nói quá, sử dụng câu đảo đối, câu đối chọi, câu ẩn chủ ngữ, câu có bổ ngữ đứng ở trước,... Sử dụng câu đảo đối là việc thay đổi vị trí của các thành phần được lặp lại trong câu hoặc trong đoạn văn nhằm cung cấp thông tin bổ sung làm nổi bật sự kiện. Ví dụ: "Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc. Kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi.". Phép ẩn dụ, thực chất là so sánh ngầm, trong

đó vế so sánh bị giản lược đi chỉ còn lại vế được so sánh. Trong phát biểu miệng, ẩn dụ nhờ tính năng thể hiện hình ảnh cụ thể, là một phương tiện quan trọng làm gia tăng tính biểu cảm cho ngôn từ. Ví dụ: "Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu". Sử dụng kiểu câu sóng đôi là việc dùng các câu hoặc các bộ phận của câu có cấu tạo giống nhau. Kiểu câu sóng đôi làm cho câu văn có tính nhịp nhàng, mang âm điệu thiết tha, náo nức, hấp dẫn. Ví dụ: "Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ."

3.3. Một số kỹ năng khôi phục và tăng cường sự chú ý

- Cử chỉ, vận động và sự kết hợp chúng với các thủ thuật khác: Về cử chỉ, báo cáo viên, cán bộ tuyên truyền có thể sử dụng một động tác bất ngờ nào đó như chém tay hoặc thể hiện một trạng thái tình cảm trên nét mặt, nụ cười…Về sự vận động, báo cáo viên, tuyên truyền viên có thể rời bục giảng tiến gần về phía người nghe hoặc đi vào giữa hội trường tiếp tục nói. Sự vận động về vị trí như thế này có tác dụng thay đổi trạng thái tương tác, tạo ra sự gần gũi, đồng cảm xúc nên rất có tác dụng trong việc tái lập sự chú ý.

- Thủ thuật âm thanh: Nói to lên hoặc ngược lại nói nhỏ đi gần như nói thầm. Cách nói to để tái lập sự chú ý ở người nghe là sự vận dụng quy luật tâm - sinh lý. Việc giảm âm lượng, nói nhỏ đi gần như nói thầm hoặc nói chậm lại theo kiểu sắp chữ thưa cũng có tác dụng nhất định trong việc tái lập sự chú ý.

- Sử dụng các phương tiện trực quan và kết hợp các phương tiện đó với phương tiện ngôn ngữ: Sử dụng phương tiện trực quan rất có tác dụng trong việc tạo lập sự hứng thú ở người nghe, báo cáo viên sử dụng phương tiện trực quan thì người nghe tri giác thông tin bằng thị giác, cảm giác hoặc khứu giác, vị giác. Kênh tri giác thông tin được thay đổi, theo đó người nghe sẽ không bị nhàm chán bởi cách thuyết trình bằng lời trong khoảng thời gian dài, liên tục; có ý nghĩa trong việc tác động để đối tượng nhanh chóng thay đổi quan điểm và hành vi. Phương tiện trực quan thường được sử dụng trong tuyên truyền miệng là: Bảng viết, bảng lật, giấy khổ to, máy chiếu đa năng, video clip, sơ đồ, bản đồ, biểu bảng, hiện vật, mẫu vật, sa bàn, tranh ảnh, đồ họa…

- Thay đổi trạng thái giao tiếp từ độc thoại sang đối thoại bằng cách đặt câu hỏi, phỏng vấn hoặc chuyển sang sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, làm việc theo nhóm nhỏ. Công tác tuyên truyền miệng trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi báo cáo viên, cán bộ tuyên truyền sử dụng ngày càng nhiều hơn các phương pháp tích cực, hiện đại, các phương pháp đối thoại, mang tính dân chủ, tính tương tác cao, kích thích được tư duy độc lập, sáng tạo ở người nghe. Kỹ năng này đặc biệt hiệu quả đối với đối tượng trẻ tuổi - những người luôn thích sự chủ động, sự đổi mới và được thể hiện mình.

- Sử dụng yếu tố hài: Yếu tố hài hước rất hay được các nhà hùng biện, người diễn thuyết sử dụng để giải tỏa sự căng thẳng, giúp người nghe thư giãn, kích thích sự hưng phấn khi nghe bài nói. Vận dụng kỹ năng này, cán bộ tuyên truyền, báo cáo viên có thể kể các câu chuyện cười dân gian hoặc hiện đại có sẵn mà mình tích lũy được, hoặc chuyển sang cách nói hài hước nếu cảm thấy có khả năng, hoặc sử dụng các thủ pháp ngôn ngữ mà người ta hay dùng trong xây dựng các câu chuyện cười như: Chơi chữ, nói lái, nói tước bỏ ngữ cảnh, nói thiếu, nói hàm ngôn… Thường xuyên chọn lọc, tích lũy và suy nghĩ về ngữ cảnh sử dụng, có thể tích lũy và chọn ngữ cảnh sử dụng những truyện cổ tích, truyện dân gian làm cho buổi nói chuyện của mình thêm sâu sắc, nhẹ nhàng.

3.4. Kỹ năng trả lời câu hỏi khi thực hiện đối thoại

Trong các phương pháp đối thoại thì hỏi - đáp (người nghe hỏi và cán bộ tuyên truyền trả lời) là phương pháp được sử dụng nhiều hơn cả. Do đó, việc trả lời các câu hỏi của người nghe là công việc bình thường của cán bộ tuyên truyền, nhất là trong điều kiện dân chủ hóa và tăng cường các phương pháp đối thoại với quần chúng. Cán bộ tuyên truyền cần thiết phải trả lời câu hỏi của quần chúng và tạo điều kiện, dành thời gian trong mỗi lần nói chuyện để họ được hỏi về những vấn đề mà họ quan tâm nhưng chưa được giải thích hoặc giải thích chưa rõ.

Quá trình trả lời câu hỏi của người nghe có một số đặc điểm sau: Phải có văn hóa lắng nghe. Khi báo cáo viên trả lời cũng có yêu cầu cao về nội dung, về cách lập luận, về kỹ năng và phong cách sử dụng ngôn ngữ. Có nhiều câu hỏi khó, bất ngờ nhưng yêu

cầu phải trả lời ngay. Nếu trả lời đúng, chính xác, đáp ứng nhu cầu của công chúng thì uy tín của cán bộ tuyên truyền được đề cao.

Các kỹ năng cần thiết khi trả lời câu hỏi: Trả lời rõ ràng, ngắn gọn, đúng, trúng yêu cầu của câu hỏi. Lập luận có cơ sở khoa học, có căn cứ xác đáng, trên cơ sở các quy luật lôgic và phương pháp chứng minh. Có thể đặt tiếp những câu hỏi gợi ý để người nghe tự trả lời câu hỏi của mình thông qua việc trả lời câu hỏi gợi ý của cán bộ tuyên truyền. Có thể trả lời ngay hoặc hẹn vào một thời điểm khác, không nên trả lời những vấn đề mà mình chưa nắm vững. Nếu người nghe đưa ra nhiều câu hỏi quá thì có thể tìm cách hạn chế bớt phạm vi vấn đề của các câu hỏi.

Đối với một số người (cả người nước ngoài) có thái độ châm chọc, đặt câu hỏi thiếu tế nhị, vu cáo, thăm dò, thì tùy trường hợp mà chọn cách trả lời thích hợp. Nếu do họ thiếu hiểu biết về vấn đề của chúng ta thì cần trả lời, giải thích về vấn đề đó, tuyên truyền để họ hiểu về chúng ta hơn. Nếu họ hỏi với thái độ châm chọc, khiêu khích, thiếu tế nhị... thì cần lập luận để bác bỏ, đồng thời tiếp tục giải thích để họ và mọi người hiểu đúng về vấn đề. Trong trường hợp đó, cần tranh thủ sự đồng tình với cách trả lời của mình trong đa số người nghe. Đối với những câu hỏi liên quan đến các lợi ích quốc gia, nếu không có trách nhiệm trả lời thì có thể từ chối hoặc chỉ dẫn người hỏi tìm gặp những người có trách nhiệm để nhận sự trả lời, không tự ý trả lời những vấn đề này.

4. Kết thúc bài phát biểu

Đây là phần tổng kết bài nói chuyện và toàn bộ buổi tuyên truyền miệng. Yêu cầu đặt ra là phải để lại "dư âm, ấn tượng" của bài nói. Vì vậy, báo cáo viên có thể kết thúc bài nói bằng nhiều cách: Hệ thống toàn bộ bài nói một cách ngắn gọn, khái quát hoặc chốt lại những vấn đề cơ bản nhất của nội dung đã truyền đạt. Trên cơ sở, báo cáo viên đó rút ra kết luận, định hướng tư tưởng, kêu gọi, cổ vũ người nghe hành động. Chú ý, thời điểm này có thể người nghe đặt thêm câu hỏi, báo cáo viên cần căn cứ vào nội dung câu hỏi và quỹ thời gian để trả lời hoặc xin trả lời riêng. Trước khi rời diễn đàn, báo cáo viên cần cảm ơn người nghe đã theo dõi, cổ vũ; xin lỗi những sơ suất (nếu có), chúc

sức khỏe, tạm biệt và hẹn gặp lại người nghe trong các nội dung tuyên truyền mới.

III. CÁCH VIẾT BẢN TIN CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH CƠ SỞ

Hoạt động truyền thanh xã, phường, thị trấn có vai trò, vị trí rất quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền địa phương về các lĩnh vực của đời sống ở cơ sở. Hoạt động truyền thanh xã, phường, thị trấn cần phải có chương trình phong phú, đa dạng, hấp dẫn, đáp ứng yêu cầu của nhân dân và nhiệm vụ tuyên truyền trong những thời điểm khác nhau. Ban tuyên giáo cơ sở/cán bộ phụ trách tuyên giáo tham mưu và trực tiếp giúp cấp ủy cơ sở chỉ đạo về nội dung tư tưởng chính trị của các hoạt động truyền thanh.

1. Nội dung, yêu cầu đối với chương trình truyền thanh ở cơ sở

- Các nội dung chủ yếu bao gồm:

Tóm tắt những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mới ban hành, nhất là những chủ trương, chính sách, pháp luật có liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân ở địa phương, đơn vị.

Truyền đạt các chủ trương, nghị quyết, quyết định mới của đảng ủy và chính quyền địa phương. Thông báo nội dung sinh hoạt của các tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương và tình hình những sự kiện, vấn đề thời sự đang diễn ra tại địa phương, đơn vị.

Kịp thời biểu dương những gương người tốt, việc tốt, phê bình nhắc nhở những hiện tượng tiêu cực mới nảy sinh trên địa bàn; cổ động các phong trào thi đua, các cuộc vận động đang diễn ra tại địa phương, đơn vị.

Phổ biến khoa học - kỹ thuật, những kiến thức cần thiết đối với các hoạt động kinh tế - xã hội đang diễn ra, những tri thức và kinh nghiệm bổ ích đối với đời sống nhân dân địa phương, đơn vị.

Các tiết mục văn nghệ do người địa phương thực hiện.

- Yêu cầu đối với chương trình truyền thanh:

Liều lượng của các nội dung nói trên được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình địa phương trong từng thời gian. Các tin, bài của buổi phát thanh cần ngắn gọn, dễ hiểu, thiết thực, sát với thực tế địa phương và phải được kiểm, duyệt trước khi phát sóng.

Cán bộ đài truyền thanh phải được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết, có trình độ lý luận nhất định, có thể thay nhau đảm nhiệm việc duyệt tin, bài khi có người đi vắng.

Truyền thanh xã, phường, thị trấn cần khắc phục khuynh hướng buông lỏng, khoán trắng cho một số cán bộ thông tin, văn hóa, làm cho hiệu quả tuyên truyền qua đài truyền thanh không cao. Cần cảnh giác các lực lượng xấu lợi dụng đài truyền thanh để tuyên truyền, kích động quần chúng dưới các chiêu bài chống quan liêu, tham nhũng…

2. Cách viết một bản tin

Bản tin được hiểu là tin về những sự kiện quan trọng có tính thời sự, phản ánh sự kiện vừa xảy ra, có thật trong cuộc sống. Nó đáp ứng yêu cầu thông tin, góp phần nâng cao nhận thức, hình thành tình cảm, thái độ cho người nghe.

- Nguyên tắc viết:

Câu đầu tiên của tin không dài quá, trả lời được các câu hỏi: Cái gì? Ai? Ở đâu? Thời gian nào? Tại sao? Như thế nào? Bắt đầu vào bản tin phải nêu được sự việc đáng lưu ý nhất, có thể là chi tiết quan trọng nhất của sự kiện chứa đựng chủ đề tư tưởng; cũng có thể vào đầu phải giản dị, cụ thể, làm nổi bật sự kiện. Tin cần được viết theo thứ tự: thông tin chủ yếu, quan trọng lên đầu. Mô thức kết cấu của tin có thể là: mô thức hình xoáy ốc, mô thức kết cấu nhân - quả.

Dựa trên những nguyên tắc cơ bản này, người viết luôn phải khách quan, không suy diễn sự kiện, không liên tưởng theo ý chủ quan của riêng mình. Người viết tin đưa ra nguồn tin tư liệu phải có độ chính xác cao, không bịa đặt.

- Kết cấu của tin:

Đầu đề tin: Thường biểu đạt cô đọng nội dung, thể hiện bản

chất chính trị và tạo ra sự chú ý, quan tâm của công chúng đối với tin. Tùy theo từng loại tin mà trình bày đầu đề cho phù hợp. Có một số dạng đầu đề: đầu đề là nội dung của sự kiện hoặc là phán đoán về nội dung quan trọng về sự kiện. Đầu đề thể hiện tính đặc trưng của sự kiện, tạo ấn tượng mạnh trong tâm lý người đọc. Đầu đề trích dẫn: đưa nguyên văn một câu nói hoặc một ý quan trọng của một nguồn tin có trách nhiệm về sự kiện đó. Đầu đề số liệu: đưa những con số với tư cách là chi tiết thông tin quan trọng nhất, đáng chú ý nhất về sự kiện.

Mở đầu của tin: Là phần đặc biệt quan trọng, giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt. Vì vậy, mở đầu phải sinh động, hấp dẫn, có nhiều cách để mở đầu: mở đầu trực tiếp là thông tin trực tiếp về sự kiện, là kiểu mở đầu phổ biến nhất, nhanh, kịp thời; mở đầu sự kiện là kiểu đưa thông tin về các điều kiện trong đó xảy ra sự kiện; mở đầu giai thoại là kiểu mở đầu bằng cách đưa những chi tiết thông tin có kịch tính nhằm tác động mạnh vào tâm lý của người đọc, tạo ra sự chú ý ngay từ đầu cho người nghe.

Phần thân tin: Thân tin chứa đựng nội dung thông tin chủ yếu của tin, thỏa mãn các câu hỏi về quy mô, tính chất, diễn biến của sự kiện, các yếu tố tác động đến sự kiện và quan hệ của sự kiện đó đến các vấn đề, sự kiện khác. Các chi tiết ở thân tin được liên kết với nhau trong một lôgíc nhất định, tùy theo các mô thức kết cấu của tin.

Phần kết luận của tin: Nêu xu hướng vận động, ý nghĩa xã hội của sự kiện.

- Về ngôn ngữ của tin: do quy định của những chức năng cơ bản của tin nên ngôn ngữ cũng mang tính đặc thù: Ngôn ngữ sự kiện. Các từ và các đơn vị mệnh đề, câu đều tập trung để phán đoán trực tiếp về sự kiện. Trong tin ít sử dụng các mỹ từ, tính từ, hoặc các kiểu câu phức hợp có kết cấu nhiều tầng. Ngôn ngữ tin thường có đặc điểm là trực tiếp, cụ thể, xác thực, cô đọng, ngắn gọn, súc tích; rõ ràng, khúc chiết, sinh động, thường dùng câu ngắn; luôn đổi mới với nhiều hình thức. Văn phong phải quảng đại quần chúng, sát hợp với trình độ nhận thức của công chúng. Tránh dùng từ mượn của nước ngoài khi ngôn ngữ quốc gia đã có.

Chuyên đề 5

NẮM BẮT DƯ LUẬN XÃ HỘI QUA MẠNG LƯỚI CỘNG TÁC VIÊN VÀ XỬ LÝ "TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ", "ĐIỂM NÓNG" Ở CƠ SỞ

I. CÔNG TÁC NẮM BẮT, ĐIỀU TRA DƯ LUẬN XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

1. Công tác nắm bắt dư luận xã hội

Triển khai thực hiện Kết luận số 100-KL/TW của Ban Bí thư về *"đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội"*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 17-KH/TU, ngày 14/6/2016, chỉ đạo các cấp ủy đổi mới nội dung, phương thức hoạt động nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội và chỉ đạo thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; đồng thời, giao nhiệm vụ cho cộng tác viên 35 *(lực lượng tác chiến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch)* kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ nắm bắt tình hình dư luận xã hội.

Thực hiện Kế hoạch số 17-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã ban hành kế hoạch triển khai, chỉ đạo ban tuyên giáo, các cấp ủy đảng trực thuộc, Ủy ban Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường đi cơ sở, nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, các luồng dư luận xã hội, những vấn đề dư luận quan tâm, phát hiện những khó khăn, vướng mắc tại cơ sở, nhất là các vấn đề liên quan đến đất đai, dự án, các vụ việc có yếu tố dân tộc, tôn giáo… để chỉ đạo giải quyết kịp thời, không để các thế lực thù địch lôi kéo, kích động hoặc phát sinh "điểm nóng".

Bên cạnh các phương pháp nắm bắt tình hình dư luận bằng các phương pháp truyền thống, trong những năm gần đây, ngành tuyên

giáo toàn tỉnh đã thiết lập các trang facebook như *Nha Trang ngày mới, Khánh Hòa - Xứ Trầm Biển Yến (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy), Cam Ranh xanh* (Cam Ranh), *Quê hương Ninh Hòa* (Ninh Hòa), *Khánh Vĩnh - Mảnh đất tình người* (Khánh Vĩnh), *Xứ trầm hương* (Vạn Ninh), *Thùy Dương xanh* (Nha Trang), *Sức sống Cam Lâm* (Cam Lâm), *Kênh Khánh Hòa* (Tỉnh Đoàn)... để phân tích, nắm bắt xu hướng dư luận xã hội trong cộng đồng mạng, từ đó có biện pháp định hướng dư luận xã hội theo hướng tích cực; đồng thời, tham mưu cấp ủy chỉ đạo giải quyết, góp phần ổn định tình hình tư tưởng chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Triển khai các cuộc điều tra, thăm dò dư luận xã hội

Thực hiện Kế hoạch số 17-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được giao nhiệm vụ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức các cuộc điều tra dư luận xã hội trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2010 đến nay, Ban đã triển khai 12 cuộc điều tra dư luận xã hội về các chủ đề: Xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, về giảm nghèo, cải cách hành chính... Hơn 10.500 cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động, nhân dân trên địa bàn tỉnh được tham gia lấy ý kiến về các nội dung điều tra. Sau mỗi cuộc điều tra dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổng hợp, phân tích số liệu và báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, đồng thời gửi tới cấp ủy các địa phương của tỉnh, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh và các địa phương.

Ngoài ra, ban tuyên giáo các cấp trên địa bàn tỉnh thường xuyên phối hợp với Viện nghiên cứu dư luận xã hội của Ban Tuyên giáo Trung ương trong các đợt điều tra dư luận xã hội về: công tác xây dựng Đảng; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026; về thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tuyên truyền biển, đảo, về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học... Qua đó, nắm bắt được ý kiến đánh giá của cán bộ, đảng viên và nhân dân về các sự kiện quan trọng của đất nước.

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác nắm bắt tình hình tư tưởng,

dư luận xã hội ở một số địa phương, đơn vị chưa kịp thời; khả năng dự báo tình hình tư tưởng còn hạn chế; công tác phối hợp để triển khai các đợt thăm dò, điều tra dư luận xã hội tại một số địa phương chưa tốt, ảnh hưởng đến chất lượng của một số cuộc điều tra...

II. NẮM BẮT DƯ LUẬN XÃ HỘI QUA MẠNG LƯỚI CỘNG TÁC VIÊN

Nắm bắt dư luận xã hội thông qua mạng lưới cộng tác viên là một hình thức thu thập thông tin dư luận xã hội chủ yếu của ban tuyên giáo các địa phương trong điều kiện hiện nay. Để nắm bắt dư luận xã hội qua mạng lưới cộng tác viên, cần tiến hành các bước: (1) Tổ chức mạng lưới cộng tác viên; (2) Xây dựng quy chế hoạt động của mạng lưới cộng tác viên; (3) Duy trì hoạt động của mạng lưới cộng tác viên; (4) Tổng hợp thông tin, viết báo cáo nhanh tình hình dư luận phản ánh từ mạng lưới cộng tác viên.

1. Tổ chức mạng lưới cộng tác viên

1.1. Cơ cấu mạng lưới cộng tác viên

Nhiệm vụ chủ yếu của mạng lưới cộng tác viên là nắm bắt và phản ánh nhanh, trung thực, đầy đủ cho cơ quan đầu mối ý kiến của các tầng lớp nhân dân trước những vấn đề, sự kiện, hiện tượng đời sống xã hội mà họ quan tâm.

Yêu cầu đối với cá nhân cộng tác viên, ngoài những phẩm chất chính trị và đạo đức cơ bản, còn phải là người có giao tiếp rộng rãi, am hiểu tâm tư, nguyện vọng của một tầng lớp xã hội hoặc nhóm công chúng nhất định nào đó. Nói cách khác, trong mạng lưới cộng tác viên phải có đại diện của tất cả các tầng lớp xã hội, nhóm công chúng cơ bản. Để phục vụ cho mục đích và nhiệm vụ nêu trên, những người được chọn làm cộng tác viên cần có một số phẩm chất cơ bản sau: (1) Có tâm huyết với đất nước, dân tộc; (2) Trung thực; (3) Đại diện của một tầng lớp, nhóm xã hội nhất định (có giao tiếp rộng rãi trong tầng lớp, nhóm xã hội mà họ là thành viên). Những tầng lớp, nhóm xã hội cơ bản cần có cộng tác viên là: (1) Công nhân; (2) Nông dân; (3) Tầng lớp cán bộ, công chức đương chức; (4) Cán bộ hưu trí; (5) Văn nghệ sỹ, trí thức; (6) Doanh nhân; (7) Thanh, thiếu niên; (8) Nhóm lao động tự do...

1.2. Các hình thức tổ chức mạng lưới cộng tác viên

Mạng lưới cộng tác viên nên cấu thành từ hai loại:

- Cộng tác viên công khai (do các cơ quan, đoàn thể, hiệp hội các cấp cử ra);

- Cộng tác viên đơn tuyến (do đầu mối làm công tác dư luận của địa phương tuyển chọn, các cơ quan, đoàn thể, chính quyền, nơi quản lý cộng tác viên này, không nhất thiết biết đó là cộng tác viên dư luận xã hội của đầu mối nắm bắt dư luận xã hội bên trên).

2. Xây dựng quy chế hoạt động của cộng tác viên

Sau khi mạng lưới cộng tác viên được thành lập, cần xây dựng và ban hành quy chế cộng tác viên. Quy chế này bao gồm:

2.1. Căn cứ của quy chế: Nêu văn bản pháp lý quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của cơ quan đầu mối nghiên cứu, nắm bắt dư luận xã hội.

2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của cộng tác viên: Các nhiệm vụ chủ yếu là kịp thời nắm bắt và phản ánh dư luận của các tầng lớp xã hội trước các sự kiện, hiện tượng, vấn đề xã hội; tham gia định hướng dư luận xã hội; tham gia triển khai các cuộc điều tra dư luận xã hội. Các quyền hạn cần có của cộng tác viên là: được phản ánh trực tiếp cho đầu mối những thông tin mà mình nắm được; có thể đề nghị được gặp các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và gặp gỡ các đối tượng cán bộ, nhân dân trên địa bàn hoạt động của mình để nghiên cứu và thu thập dư luận xã hội; có quyền cung cấp hoặc không cung cấp cho cơ quan đầu mối tên người phản ánh thông tin cho mình.

2.3. Phương thức hoạt động của cộng tác viên: Cộng tác viên trực tiếp nắm bắt hoặc dựa vào mạng lưới riêng của mình để nắm bắt, thu thập dư luận xã hội. Cộng tác viên phản ánh thông tin cho đầu mối thông qua các hình thức: trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hoặc báo cáo viết tay (đột xuất và theo định kỳ).

2.4. Chế độ đối với cộng tác viên: Các quy định về chế độ được đề ra trên cơ sở khoản kinh phí hoạt động thường xuyên hằng năm và các điều kiện thực tế khác của cơ quan đầu mối.

3. Điều hành hoạt động của mạng lưới cộng tác viên

3.1. Duy trì giao ban theo định kỳ

Nội dung buổi giao ban thường kỳ có hai phần:

a) Phần thông tin: thông tin cho cộng tác viên những vấn đề có tính thời sự mà cộng tác viên cần biết để nắm và định hướng dư luận xã hội.

b) Phần phản ánh dư luận của cộng tác viên: các cộng tác viên phản ánh những dư luận nổi lên trong tuần mà họ nắm được.

Chất lượng giao ban theo định kỳ phụ thuộc vào cách thức điều hành của người chủ trì giao ban và sự chuẩn bị của cộng tác viên. Người chủ trì nên tỏ rõ thái độ chăm chú lắng nghe và chú ý ghi chép những điểm chính mà cộng tác viên phản ánh. Người chủ trì nên lưu ý nhắc nhở để cộng tác viên phản ánh một cách cô đọng những thông tin dư luận xã hội mà họ nắm được, cái gì mà cộng tác viên khác phản ánh rồi thì không phản ánh nữa. Người chủ trì thường xuyên nêu các câu hỏi gợi ý để cộng tác viên trả lời và bình luận về những luận điểm còn chưa rõ hoặc còn tranh cãi, trên cơ sở đó có thể thảo luận, tranh luận và đi đến đồng thuận hoặc bác bỏ các thông tin dư luận nào đó. Người chủ trì cần yêu cầu cộng tác viên làm rõ dư luận mà họ phản ánh, nổi lên chủ yếu là trong tầng lớp, nhóm xã hội nào, mức độ phổ biến như thế nào; yêu cầu các cộng tác viên khác phản ánh xem có dư luận nào khác hoặc trái ngược với dư luận đó không.

Cuối buổi giao ban người chủ trì nên cung cấp cho cộng tác viên những thông tin cần thiết nhằm định hướng, hoặc đề nghị xem xét lại những dư luận không chính đáng do thiếu thông tin hoặc do thông tin sai lệch của công chúng mà cộng tác viên phản ánh trong giao ban.

Cộng tác viên trước khi đến giao ban phải có sự chuẩn bị bằng văn bản, nếu không có thời gian phản ánh trong giao ban thì gửi lại cho người chủ trì giao ban văn bản đó. Người chủ trì giao ban có thể phát sẵn cho các cộng tác viên tham gia giao ban mẫu văn bản phản ánh dư luận xã hội trong giao ban.

3.2. Duy trì nề nếp phản ánh thông qua hình thức báo cáo bằng văn bản theo định kỳ (tuần, tháng)

Đầu mối nắm bắt dư luận xã hội của cấp trên phải thường xuyên đốc thúc các đầu mối phía dưới gửi báo cáo nhanh theo định kỳ về tình hình dư luận xã hội tại địa bàn mà đầu mối phía dưới có trách nhiệm nắm bắt; nên chủ động định hướng các nội dung cần phản ánh cho các đầu mối phía dưới. Việc thường xuyên gửi báo cáo này của các đầu mối phía dưới cần được coi là một trong những tiêu chuẩn quan trọng trong việc xét duyệt các danh hiệu thi đua khen thưởng trong các đợt sơ kết, tổng kết.

3.3. Duy trì hình thức phản ánh nhanh qua điện thoại

Đầu mối nắm bắt dư luận xã hội cần chủ động gọi điện cho cộng tác viên để nắm bắt nhanh dư luận về những vấn đề, sự kiện, hiện tượng mà dư luận xã hội quan tâm. Có thể chỉ đạo mạng lưới cộng tác viên phỏng vấn nhanh qua điện thoại các đối tượng thuộc phạm vi nắm bắt của mình đối với những vấn đề, sự kiện, hiện tượng này.

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cộng tác viên

4.1. Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cộng tác viên

Cần có các hình thức đánh giá về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ nắm bắt dư luận xã hội của cộng tác viên; thăm dò các nhu cầu về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của cộng tác viên, trên cơ sở đó chủ động tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho mạng lưới cộng tác viên. Có thể tiến hành hình thức giao lưu giữa các đầu mối nắm bắt dư luận xã hội trong hệ thống để trao đổi, học hỏi lẫn nhau kinh nghiệm nắm bắt dư luận xã hội.

Tổ chức các buổi tọa đàm rút kinh nghiệm về chuyên môn nắm bắt dư luận xã hội cho cộng tác viên, trong đó người chủ trì nêu những vấn đề để các thành viên thảo luận, phân tích các điểm yếu trong chuyên môn, nghiệp vụ nắm bắt dư luận xã hội của các cộng tác viên trong mạng lưới. Đây cũng là căn cứ để cơ quan đầu mối xây dựng nội dung, kế hoạch các lớp tập huấn.

4.2. Bổ sung, thay thế cộng tác viên

Trong quá trình hoạt động, có cộng tác viên do bận công việc

hoặc thiếu nhiệt tình nên chất lượng phản ánh thông tin thấp hoặc chấp hành không nghiêm quy chế hoạt động của cộng tác viên. Cũng có thể do cơ cấu của mạng lưới cộng tác viên mà chúng ta xây dựng chưa đầy đủ, chưa hợp lý nên có những mảng dư luận xã hội bị bỏ qua, hệ thống này không nắm bắt được. Trong trường hợp này cần kịp thời thay thế, bổ sung cộng tác viên để hoàn thiện mạng lưới. Việc bổ sung thay thế hoặc luân phiên cộng tác viên cần thông báo công khai cho đội ngũ cộng tác viên để họ ý thức rõ về trách nhiệm và quyền hạn cũng như uy tín và phẩm chất cần thiết của cộng tác viên.

5. Tổng kết, sơ kết hoạt động của mạng lưới cộng tác viên

Đây là một trong những công việc rất quan trọng trong công tác điều hành, quản lý mạng lưới cộng tác viên. Hằng năm, nên tiến hành hội nghị sơ kết và tổng kết hoạt động của mạng lưới cộng tác viên để đánh giá những ưu điểm và nhược điểm trong hoạt động của mạng lưới, phân tích các nguyên nhân và tìm ra các giải pháp nhằm phát huy ưu điểm và khắc phục nhược điểm. Trong các hội nghị sơ kết, tổng kết nên có các hình thức biểu dương khen thưởng các đầu mối, cộng tác viên hoạt động tích cực, có hiệu quả; nhắc nhở các đầu mối, cộng tác viên hoạt động kém hiệu quả.

Trong các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác cộng tác viên dư luận xã hội cần phải dành một lượng thời gian nhất định để các đại biểu cộng tác viên phát biểu ý kiến, đồng thời tiếp thu ý kiến chỉ đạo của cấp trên để tiếp tục hoàn thiện và đổi mới công tác cộng tác viên.

6. Tổng hợp thông tin, viết báo cáo nhanh tình hình dư luận xã hội phản ánh từ mạng lưới cộng tác viên

6.1. Tổng hợp, phân tích thông tin

- Phân loại, sắp xếp thông tin dư luận: trong số các thông tin mà cộng tác viên phản ánh, cần sắp xếp, phân loại theo từng nội dung, phạm trù nhất định để xử lý. Ví dụ: 1) Dư luận về các sự kiện, vấn đề chính trị; 2) Dư luận về các sự kiện, vấn đề tôn giáo, dân tộc; 3) Dư luận về các sự kiện, vấn đề môi trường, sinh thái; 4) Dư luận về các vấn đề kinh tế; 5) Dư luận xã hội về các vấn đề quốc tế...

Cũng cần phân loại theo các cơ sở khác như: 1) Thông tin từ

nguồn báo chí, Internet trong nước; 2) Thông tin từ các trang thông tin điện tử hải ngoại; 3) Thông tin từ mạng lưới cộng tác viên ở các địa phương; 4) Thông tin từ mạng lưới cộng tác viên ở các cơ quan trung ương...

Xác định mức độ phổ biến của thông tin: Cần làm rõ, thông tin hiện có do nhiều cộng tác viên phản ánh hay chỉ do một số cộng tác viên phản ánh? Thông tin xuất hiện ở nhiều nơi hay mới chỉ ở một địa bàn nào đó?

Xác định tính chất của thông tin: cần làm rõ thông tin có đúng là dư luận xã hội không hay chỉ là tin đồn? Thông tin khẩn cấp (ví dụ có thể dẫn đến những hành động xã hội như "phản ứng tập thể") hay không khẩn cấp?

Phân tích các căn nguyên nhận thức và xã hội của các luồng dư luận xã hội (chính đáng hay xuất phát từ nhận thức không đúng, thiếu thông tin, lợi ích cá nhân, cục bộ?).

6.2. Những kỹ thuật cụ thể đối với báo cáo tổng hợp

- Báo cáo phải ngắn gọn, cô đọng.

- Báo cáo nên có kết cấu gồm hai phần: phần phản ánh dư luận xã hội và phần đề xuất kiến nghị định hướng dư luận xã hội. Phần phản ánh, nêu các dư luận tích cực trước, các dư luận không thuận được trình bày sau.

- Trong báo cáo phải nêu được những thông tin dư luận một cách đầy đủ, nhiều chiều, không bỏ sót luồng ý kiến nào, kể cả của các nhóm thiểu số trong xã hội. Do sự khác biệt về nhận thức, thông tin có được về lợi ích giai tầng, lợi ích nhóm nên có thể nói, trước sự kiện, hiện tượng, vấn đề xã hội mà công chúng quan tâm, thường có những ý kiến, dư luận xã hội rất khác nhau, thậm chí đối ngược nhau. Người viết báo cáo phải phản ánh đầy đủ các luồng dư luận xã hội khác nhau này, không được bỏ sót luồng dư luận nào.

- Trong báo cáo phải làm rõ mức độ phổ biến của dư luận xã hội: hình thức nắm bắt dư luận xã hội qua phản ánh từ mạng lưới cộng tác viên chỉ có khả năng làm rõ một cách tương đối khía cạnh định lượng của thông tin. Chúng ta không thể nói chính xác mỗi

luồng dư luận có tỷ lệ bao nhiêu phần trăm người ủng hộ hoặc phản đối, nhưng có thể nắm được một cách tương đối như luồng dư luận đó chỉ là ý kiến của một số nhỏ, một bộ phận khá đông hay của đa số trong xã hội (hoặc trong một cộng đồng, nhóm xã hội).

- Trong báo cáo cần làm rõ chủ thể chủ yếu của mỗi luồng dư luận xã hội. Chủ thể của mỗi luồng dư luận xã hội thường là các tầng lớp, nhóm xã hội có sự tương đồng về nhận thức hoặc lợi ích trước các sự kiện, hiện tượng, vấn đề xã hội hiện có. Có những luồng dư luận xã hội nổi lên chủ yếu là trong tầng lớp cán bộ hưu trí. Có luồng dư luận xã hội nổi lên chủ yếu trong tầng lớp cán bộ, công chức, những người hưởng lương của Nhà nước. Có luồng dư luận nổi lên chủ yếu trong tầng lớp nông dân hoặc công nhân. Có luồng dư luận xã hội nổi lên chủ yếu trong tầng lớp văn nghệ sỹ, trí thức hoặc học sinh, sinh viên... Báo cáo tổng hợp dư luận phải làm rõ được khía cạnh chủ thể này.

III. NẮM BẮT DƯ LUẬN XÃ HỘI TRONG XỬ LÝ "TÌNH HUỐNG CÓ VẤN ĐỀ" VÀ "ĐIỂM NÓNG" Ở CƠ SỞ

1. Một số vấn đề về "tình huống có vấn đề", "điểm nóng" ở cơ sở

1.1. Khái niệm

- Tình huống có vấn đề: là tình huống trong đó mối quan hệ giữa người dân với người dân hoặc giữa người dân với chính quyền mâu thuẫn, căng thẳng đến mức có thể chuyển hóa thành các hành vi vượt ra khỏi tầm kiểm soát của một hoặc hai bên. Sự mâu thuẫn này phát triển thành "điểm nóng", "phản ứng tập thể".

- Điểm nóng: là nơi mâu thuẫn giữa người dân với người dân hoặc giữa người dân với chính quyền đã vượt khỏi tầm kiểm soát của một hoặc hai bên (biểu hiện là sự tập trung đông người một cách không có tổ chức hoặc tổ chức lỏng lẻo).

Điểm nóng được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, song có hai hình thức cơ bản nhất đó là điểm nóng xã hội và điểm nóng chính trị.

+ Điểm nóng xã hội: là đời sống xã hội trong trạng thái không

bình thường, bất ổn định, rối loạn, diễn ra sự xung đột, chống đối giữa các lực lượng với những hành vi không còn tự kiềm chế được, đã vượt ra ngoài khuôn khổ của pháp luật và chuẩn mực văn hóa, đạo đức, diễn ra tại một địa điểm, trong một thời gian nhất định và có khả năng lan tỏa sang nơi khác.

Điểm nóng xã hội có thể diễn ra ở những địa bàn và trong những lĩnh vực khác nhau, như địa bàn nông thôn, thành thị, miền núi...; lĩnh vực kinh tế, chính trị hay xã hội (gọi chung là điểm nóng xã hội).

Trong thực tế, điểm nóng xã hội có khả năng trực tiếp trở thành điểm nóng chính trị. Chẳng hạn, những cuộc đình công, bãi công của người lao động chống giới chủ; nông dân tranh chấp, khiếu kiện đất đai với chính quyền; học sinh, sinh viên bãi khóa chống ban lãnh đạo nhà trường..., nếu không có cách xử lý đúng, kịp thời thì đều có thể chuyển thành cuộc đấu tranh chống chính quyền.

+ Điểm nóng chính trị (hoặc chính trị - xã hội): là điểm nóng xã hội diễn ra trong lĩnh vực chính trị khi mà sự chống đối của đám đông dân chúng, của các lực lượng đối lập đã hướng trực tiếp vào những người nắm quyền lực chính trị, cơ quan quyền lực và thể chế, chính sách của chính quyền nhà nước.

+ Dấu hiệu dự báo "điểm nóng": mâu thuẫn (giữa người dân với người dân hoặc giữa người dân với chính quyền) căng thẳng cao độ: dư luận xã hội "sôi sục", mối quan hệ giao tiếp với nhau tăng bất thường; người ta phản đối, chỉ trích, lên án nhau hoặc lên án chính quyền với một thái độ gay gắt; cảm xúc tức giận, mất tin tưởng lẫn nhau bao trùm cả cộng đồng. Giữa các bên mâu thuẫn, không bên nào chịu từ bỏ, nhân nhượng hoặc thay đổi lập trường của mình. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa người dân với chính quyền, có thể còn thêm dấu hiệu: trong nội bộ Đảng, nội bộ chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội thiếu thống nhất về quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề mà nhân dân đang bức xúc.

1.2. Nguyên nhân của tình huống có vấn đề, "điểm nóng"

- Nhóm nguyên nhân về phía chính quyền: Do chính quyền địa phương, cơ sở triển khai thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; do chính quyền địa

phương cứng nhắc trong sử dụng các biện pháp hành chính, giải quyết các khiếu nại, tố cáo của người dân không triệt để; do một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa gương mẫu trong công việc và tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, hoặc có biểu hiện quan liêu, hách dịch, thiếu trách nhiệm trong quá trình thực thi công vụ…

- *Nhóm nguyên nhân từ phía người dân:* Trình độ nhận thức và năng lực thực hiện quyền dân chủ, nhất là ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn nhiều hạn chế, bất cập. Trong khi đòi hỏi quyền lợi của mình, nhiều khi người dân có những hành động quá đáng, ép buộc chính quyền phải giải quyết, và khi không được thì phản ứng một cách manh động. Do một bộ phận người dân bị những phần tử bất mãn, có tiền án, tiền sự, thậm chí bị những phần tử cơ hội, phản động, thù địch kích động, lôi kéo, mua chuộc, khống chế.

- *Nhóm nguyên nhân mang màu sắc dân tộc, tôn giáo:* Đây là điểm nóng mà nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp có liên quan đến vấn đề dân tộc và tôn giáo.

- *Nhóm nguyên nhân mang tính chất đối kháng:* Đây là những điểm nóng do các thế lực thù địch từ bên ngoài can thiệp, xúi giục, tìm cách móc nối, câu kết với các lực lượng chống đối, các phần tử phản động ở trong nước tổ chức kích động, biểu tình, chống phá Đảng, Nhà nước.

1.3. Các bước xử lý "điểm nóng"

Bước một: Nhận dạng điểm nóng (nắm tình hình, phân tích nguyên nhân và nhận dạng mâu thuẫn).

Cần có thông tin chính xác về: Số lượng người tham gia biểu tình, chống đối; thành phần tham gia, đối tượng tham gia; hình thức tổ chức lực lượng... Họ nêu những yêu sách gì? Những yêu sách ấy do cơ quan nào chịu trách nhiệm giải quyết chính? Ai là người cầm đầu? Số lượng những người quá khích? Những âm mưu và thủ đoạn? Họ có quan hệ và được sự chỉ đạo của các lực lượng phản động trong và ngoài nước hay không?

- Phương thức nắm tình hình: có thể thông qua chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể quần chúng ở cơ sở; bằng nghiệp vụ

chuyên môn của các cơ quan chức năng... Cần phải bám sát địa bàn, thông tin kịp thời những diễn biến về cơ quan tham mưu để đưa ra phương án xử lý.

Trên cơ sở tổng hợp thông tin về nhiều mặt, người lãnh đạo, chỉ huy và bộ phận tham mưu tổng hợp phải đánh giá đúng nguyên nhân phát sinh điểm nóng. Sau khi phân tích nguyên nhân, cần xác định những mâu thuẫn xem điểm nóng đó chứa đựng mâu thuẫn đối kháng hay không đối kháng, mâu thuẫn giữa nội bộ người dân hay mâu thuẫn giữa người dân và cán bộ địa phương, mức độ của các mâu thuẫn và sự đan xen của các mâu thuẫn ấy.

Trên cơ sở nhận diện, xác định đúng mâu thuẫn mới có căn cứ để định ra quan điểm, nguyên tắc, phương châm chỉ đạo, phương thức giải quyết và tổ chức lực lượng thực hiện. Nếu như xác định sai mâu thuẫn thì toàn bộ nhận thức và hành động sẽ sai lầm, điểm nóng sẽ không được giải quyết mà còn bùng phát lớn hơn.

Bước hai: Áp dụng các biện pháp "hạ nhiệt", "rút ngòi nổ" và ngăn chặn điểm nóng lan tỏa.

Bước này được ví như phải dập tắt một đám cháy sao cho nó không bùng phát lớn hơn, không lan tỏa sang nơi khác mà "nguội" dần đi. Các giải pháp hành động phải mau lẹ, chính xác; phải hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Trước hết, phải thiết lập được sự lãnh đạo, chỉ huy thống nhất, phối hợp chặt chẽ của cả hệ thống chính trị và phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu.

Lựa chọn phương thức giải quyết là đối thoại, tuyên truyền, thuyết phục hay trấn áp, hoặc kết hợp cả hai phương thức trên.

+ Nếu như xác định dùng biện pháp đối thoại, tuyên truyền, thuyết phục là chính thì lực lượng tham gia giải quyết cơ bản là chính quyền, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

+ Nếu như xác định dùng biện pháp trấn áp là chính thì có thể huy động các lực lượng bảo vệ an ninh trật tự.

+ Nếu kết hợp cả hai phương thức trên thì tùy theo điều kiện cụ thể mà tổ chức phối hợp các lực lượng. Điều quan trọng là phải có

sự phân công và phối hợp giữa các lực lượng sao cho phát huy thế mạnh của từng lực lượng để tạo nên sức mạnh tổng hợp.

+ Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng - vũ khí sắc bén trong quá trình xử lý các điểm nóng, có thể giúp người dân phân định đúng - sai, định hướng dư luận xã hội để tập hợp lực lượng, cô lập đối phương... Cần chủ động thông tin, tính toán thời điểm, mức độ, liều lượng phù hợp.

Để ngăn chặn "điểm nóng" lan tỏa tùy điều kiện cụ thể mà áp dụng các giải pháp khác nhau:

+ Nếu những yêu sách của quần chúng là chính đáng thì chấp nhận những yêu sách ấy và giải quyết kịp thời những vấn đề có thể giải quyết được. Những vấn đề chưa thể giải quyết ngay cần cam kết với quần chúng sẽ sớm đưa ra xem xét, xử lý...

+ Phân công cán bộ vận động những quần chúng tích cực; phân tách những người bị động, hùa theo khỏi lực lượng cầm đầu quá khích, yêu cầu họ trở về nơi làm việc hoặc nơi cư trú; đồng thời xử lý theo quy định của pháp luật những kẻ cầm đầu, quá khích.

+ Trong trường hợp nguy cấp có thể phải dùng đến các giải pháp cần thiết để giải tán đám đông.

+ Trong trường hợp cần thiết có thể bắt giữ người đứng đầu nhưng phải đúng lúc, đúng pháp luật, phải giải thích, tuyên truyền cho quần chúng thấy là cần thiết và đúng.

+ Trong trường hợp người đứng đầu là những phần tử phản động thì chỉ khi bắt được người đứng đầu mới có thể giải quyết được điểm nóng. Giải tán đám đông quần chúng và đối sách với người đứng đầu là hai giải pháp có quan hệ mật thiết với nhau. Người đứng đầu chỉ dựa vào đám đông quần chúng mới có sức mạnh, và ngược lại, đám đông chỉ có sức mạnh khi có tổ chức, có người đứng đầu. Nếu như chúng ta giải quyết tốt việc giải tán đám đông, tách quần chúng ra khỏi người đứng đầu thì có điều kiện đối sách với người đứng đầu. Ngược lại, khi có đối sách đúng với người đứng đầu thì lại có điều kiện để giải tán đám đông quần chúng.

Trong bất kỳ tình huống nào cũng phải dựa vào dân. Khi giải

quyết điểm nóng, việc làm phân hóa quần chúng, lôi cuốn được quần chúng về phía mình là rất quan trọng. Bởi vì chỉ khi tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của đa số quần chúng thì chúng ta mới có thể giải quyết được điểm nóng. Do vậy, cần phải kiên nhẫn, biết tin vào dân ngay cả khi họ ở trong trạng thái giận dữ. Cần phải đối thoại, tuyên truyền, thuyết phục họ, kiềm chế bản thân và đặc biệt không được có những hành vi trả đũa tương xứng.

Bước ba: Khắc phục hậu quả khi điểm nóng được dập tắt.

Trước hết, cần khắc phục những thiệt hại nếu có. Những người bị thương phải được cứu chữa, người bị chết phải được giải quyết hậu quả; các công trình phục vụ cho sản xuất, đời sống nếu bị hư hại phải được sửa chữa. Giải quyết tốt những việc này mới tạo điều kiện ổn định xã hội.

Phải sớm đưa những hoạt động cơ bản ở những nơi đã xảy ra điểm nóng trở lại với nhịp điệu bình thường như trước đó. Nếu đó là các nhà máy, xí nghiệp thì phải đưa sản xuất trở lại bình thường, công nhân trở lại làm việc. Nếu đó là trường học thì các lớp học phải được mở lại, học sinh đi học, thầy giáo lên lớp giảng bài... Trên cơ sở khôi phục các hoạt động cơ bản ấy mới có điều kiện ổn định các mặt khác.

Phải phân định rõ đúng sai, xử lý đúng mức những người vi phạm trong khi xảy ra điểm nóng. Như vậy công tác thanh tra, kiểm tra phải được triển khai kịp thời, phải có kết luận rõ ràng, đúng với thực tế khách quan, được công bố công khai, có sự thảo luận, đối chứng, làm rõ đúng sai.

Sau công tác thanh tra, kiểm tra, cần tiến hành xử lý những người vi phạm (cả cán bộ mắc sai lầm và những người quá khích vi phạm pháp luật). Tùy theo mức độ vi phạm của từng người mà có thể có mức xử lý khác nhau, từ hình thức kiểm điểm trước nhân dân, xử phạt hành chính, tới hình thức truy tố trước pháp luật.

Nếu nguyên nhân của sự chống đối từ phía người dân là do cán bộ quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ thì trước hết phải xử lý nghiêm minh đối với cán bộ rồi sau đó mới xử lý những người do quá khích vi phạm pháp luật.

Trong trường hợp điểm nóng nổ ra do thế lực phản động, kẻ xấu lợi dụng, kích động quần chúng thì khi xử lý cần phân tích rõ những hành vi gây rối của họ để cho mọi người thấy rõ đúng sai; mặt khác, cũng phải thừa nhận những khiếm khuyết của cán bộ, của chủ trương, chính sách để kẻ xấu lợi dụng và cần phải sửa chữa những khiếm khuyết ấy.

Nếu như trong quá trình xử lý có sự thiên vị, dung túng, bao che thì khó có thể tạo được sự ổn định và sẽ để lại những hậu quả lâu dài cho đời sống xã hội.

Giải quyết những vấn đề trên chỉ đem lại những kết quả tích cực khi thực hiện nhất quán các nguyên tắc: Công khai, dân chủ, công minh theo đúng pháp luật và các chuẩn mực văn hóa, đạo đức.

Đồng thời với quá trình thanh tra, xử lý là quá trình thanh lọc cán bộ phạm sai lầm, lựa chọn cán bộ thay thế, củng cố các tổ chức chính trị - xã hội như Đảng, chính quyền, đoàn thể.

Khắc phục những thiệt hại về vật chất có thể nhìn thấy được đã là những công việc khó khăn, phức tạp, nhưng khắc phục những tổn thương về tư tưởng, tình cảm con người sau điểm nóng lại là vấn đề dai dẳng và phức tạp hơn nhiều.

Bước bốn: Rút kinh nghiệm và ngăn ngừa điểm nóng tái phát

- Đánh giá, rút kinh nghiệm quá trình xử lý điểm nóng, những khiếm khuyết và bất cập của chính sách, thể chế và luật pháp nhà nước.

- Dự báo tình hình và áp dụng các giải pháp để điểm nóng không tái phát. Trên cơ sở đánh giá các vấn đề một cách khách quan và cụ thể, dự báo điểm nóng có thể tái phát trở lại hay không? Mức độ tái phát ra sao? Xu hướng tái phát? Tái phát theo chiều hướng giảm dần hay ngày càng nghiêm trọng hơn? Cần phải áp dụng những giải pháp gì để điểm nóng không tái phát?

Để điểm nóng không tái phát, cần áp dụng tổng hợp các giải pháp về kinh tế, chính trị, xã hội, nhưng cơ bản nhất vẫn là phát triển kinh tế và tạo dựng cơ sở chính trị trong nhân dân. Cần áp dụng các giải pháp an dân cả về vật chất và tinh thần.

2. Nắm bắt dư luận xã hội trong xử lý "tình huống có vấn đề" và "điểm nóng" ở cơ sở

Giải quyết tình huống có vấn đề, điểm nóng là công việc khó khăn, phức tạp, cần có sự phối hợp của nhiều ngành. Nắm bắt dư luận xã hội lúc này có vai trò rất quan trọng để giúp cấp ủy, chính quyền đưa ra những giải pháp xử lý phù hợp, cụ thể:

2.1. Lắng nghe một cách tích cực, chủ động nắm bắt nhanh, chính xác dư luận xã hội, thái độ, ý kiến, nguyện vọng của nhân dân

Công tác dư luận xã hội cần giúp cho cấp ủy và các cơ quan cấp trên nắm bắt ý nguyện của nhân dân, để có những đối sách, hoàn thiện các chủ trương, đường lối, chính sách một cách thích hợp. Một số nội dung cần thiết phải nắm bắt là:

- Thái độ (đồng tình hay không đồng tình, ủng hộ hay không ủng hộ...), tâm trạng (phấn khởi, chán nản hay thờ ơ...) đối với những chủ trương, chính sách mới ra của Đảng, Nhà nước và cấp ủy, chính quyền các cấp ở địa phương. Chú trọng nắm bắt những dư luận tiềm ẩn, chưa được quần chúng phát biểu ra nhưng âm ỉ, những bất ổn về tâm lý và tâm trạng xã hội. Để nắm bắt những dư luận này, cách tiếp xúc thân tình, không chính thức là cách tiếp xúc tốt nhất để tìm hiểu thông tin.

- Dư luận nhân dân về việc tín nhiệm hay không tín nhiệm đối với các cán bộ, đảng viên ở địa phương, đặc biệt là khi có những vụ việc bất thường (ví dụ như những mâu thuẫn, xô xát trong nhân dân, những vụ vi phạm pháp luật có liên quan tới cán bộ, đảng viên...).

- Tâm trạng và mức độ ổn định của tâm trạng người dân đối với đời sống của chính cá nhân và gia đình họ, cũng như đối với đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước.

- Khi xảy ra những vụ việc "có vấn đề" ở cơ sở, khiếu kiện vượt cấp, gây rối trật tự công cộng có sự lôi kéo hay tổ chức của những thế lực thù địch, phản động,... phải chú ý tới tất cả những luồng dư luận trong quần chúng nhân dân mang sắc thái tình cảm tiêu cực, như bất bình, hoang mang, lo lắng... để đề xuất cách xử lý phù hợp.

2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội

Để thực hiện tốt công tác dư luận xã hội, không chỉ cần nắm bắt nhanh, chính xác các ý kiến, đánh giá, phán xét, tâm trạng, thái độ của quần chúng nhân dân, mà còn phải có những tác động nhất định, xóa bỏ những dư luận xã hội tiêu cực, đặc biệt là những tin đồn thất thiệt, góp phần định hướng, tạo những dư luận xã hội theo chiều thuận, đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình". Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội, cần quan tâm đến một số việc làm cụ thể dưới đây:

Một là, đối thoại trực tiếp với người dân ở cơ sở. Làm tốt việc định hướng dư luận xã hội thông qua việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, giúp xóa bỏ những tin đồn, thay đổi những dư luận tiêu cực trong nhân dân, nhất là đối với những chủ trương, quyết sách mới mà người dân chưa hiểu hoặc chưa nắm được đầy đủ các thông tin nên lo lắng, hoang mang.

Việc đối thoại với người dân có thể thực hiện bằng cách chính thức, hoặc không chính thức. Có thể gặp gỡ người dân tại các cuộc họp một cách chính thức, tọa đàm, trao đổi, trả lời theo cách hỏi - đáp với người dân. Mặt khác, đối với những vụ việc phức tạp, mang tính chất cá biệt (ví dụ có liên quan tới việc giải tỏa, đền bù, hay những vụ việc kiện...) cán bộ các cấp cần gặp gỡ trực tiếp bên ngoài các cuộc họp, với tư cách một người "hòa giải mâu thuẫn" hơn là một cán bộ cấp trên, để lắng nghe người dân và cùng họ tìm cách khắc phục những mâu thuẫn, khó khăn.

Hai là, tác động đến các yếu tố có ảnh hưởng tới việc hình thành và thay đổi thái độ người dân (nhận thức, tình cảm, hành vi).

- Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ cho người dân và cân nhắc liều lượng các thông tin đó. Bởi lẽ, sự hiểu biết nhiều hay ít của công chúng, nhóm xã hội đối với vấn đề, hiện tượng, sự kiện sẽ quyết định sự đánh giá đúng hay sai của công chúng đối với vấn đề, sự kiện, hiện tượng đó.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đối với sự kiện, hiện tượng đơn giản thì dư luận của đa số thường là tích cực, khách quan. Còn đối với sự kiện, hiện tượng phức tạp, mới xuất hiện lần đầu thì dư luận

của những người có nhiều thông tin, có hiểu biết thường khách quan và chứa đựng trong đó những yếu tố hợp lý, có giá trị. Trong trường hợp này, dư luận tích cực không phải là ý kiến, dư luận của đa số mà là trong nhóm số ít, những người có nhiều thông tin, hiểu biết về sự kiện, hiện tượng. Có thể nói, nội dung, tính chất của dư luận xã hội được quyết định bởi trình độ hiểu biết, nền tảng văn hóa, tri thức của chủ thể dư luận xã hội. Vì vậy, trong việc nắm bắt và định hướng dư luận xã hội, cần tham khảo, chú ý sử dụng ý kiến của tầng lớp có trình độ học vấn, trình độ văn hóa cao, có thâm niên công tác và bề dày kinh nghiệm, đặc biệt cần tham khảo, sử dụng ý kiến, dư luận của các chuyên gia, nhà khoa học.

- Quan tâm tới việc rèn luyện, trau dồi các kỹ năng tuyên truyền. Trong bất cứ sự kiện nào, tuyên truyền luôn là một vũ khí rất lợi hại. Nếu sự thật nhận được sự hậu thuẫn của tuyên truyền, chúng trở nên có sức thuyết phục mạnh mẽ gấp nhiều lần trong việc hình thành thái độ và hành vi của con người.

Trong việc định hướng thái độ và dư luận xã hội, chúng ta phải đứng trên lợi ích của quần chúng để tuyên truyền. Đặc biệt phải chú ý tới lợi ích của nhóm xã hội mà các cá nhân tham gia (hội, đoàn thể, tôn giáo, dân tộc, thôn, bản...). Phương pháp tổ chức hội họp có định hướng trong nhóm sẽ khiến cho giao tiếp trong nhóm được hình thành và có tác động củng cố các thái độ và đánh giá tích cực, thay đổi những dư luận tiêu cực.

Sử dụng cách tiếp cận cá nhân, đối thoại trực tiếp "ngoài cuộc họp" một cách thân tình, không chính thức với quần chúng nhân dân trong việc giải quyết các "điểm nóng", các vụ việc liên quan tới nhân sự, xử lý kỷ luật cán bộ, giải quyết mâu thuẫn nội bộ...

Ba là, sử dụng các lực lượng, các phương tiện thông tin, tuyên truyền để phân hóa những người tham gia, cô lập những người quá khích, cầm đầu và để giải tán đám đông hoặc hỗ trợ giải tán đám đông bằng biện pháp cưỡng chế.

Bốn là, thường xuyên vạch rõ những thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc mà các thế lực thù địch thường sử dụng để tác động dư luận theo hướng tiêu cực và thậm chí có thể làm thay đổi ý kiến, thái độ của người dân.

Chuyên đề 6

CÔNG TÁC KHOA GIÁO

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KHOA GIÁO CỦA ĐẢNG

1. Khái niệm

Công tác khoa giáo của Đảng là lĩnh vực công tác nhằm tham mưu xây dựng chủ trương, quan điểm của Đảng về các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, môi trường, y tế, dân số, gia đình, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thể dục thể thao, trí thức khoa học và nhân tài; đồng thời quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, đưa các quan điểm chủ trương của Đảng vào cuộc sống, cổ vũ, thúc đẩy hệ thống chính trị và toàn xã hội tích cực, tự giác thực hiện các quan điểm, chủ trương đó.

Công tác khoa giáo ở cơ sở là hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ (chi bộ) cơ sở về các lĩnh vực khoa giáo dục nhằm thực hiện đường lối của Đảng ở từng thời gian.

2. Vai trò của công tác khoa giáo

Công tác khoa giáo gắn liền với sự phát triển kinh tế, xã hội, với đời sống tinh thần, trí tuệ và hạnh phúc của con người - mục tiêu và động lực của sự nghiệp cách mạng.

Công tác khoa giáo có vai trò quan trọng trong phát triển toàn diện con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia.

Công tác khoa giáo xây dựng nền tảng khoa học - công nghệ, bồi dưỡng nhân tài, phát triển đội ngũ trí thức, là khâu đột phá vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế tri thức.

Công tác khoa giáo góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở: công tác khoa giáo tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả

các hoạt động y tế, giáo dục, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, giải quyết các vấn đề môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu... có ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng cuộc sống của nhân dân, sự phát triển của kinh tế - xã hội. Xã, phường thị trấn là những đơn vị hành chính, kinh tế, văn hóa cấp cơ sở. Ở từng xã, phường thị trấn đều có các hoạt động toàn diện của công tác khoa giáo. Công tác khoa giáo được thực hiện tốt sẽ tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác khoa giáo góp phần đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Công tác khoa giáo chăm lo, phát huy nhân tố con người, bảo vệ quyền lợi con người, đặc biệt là những người yếu thế trong xã hội.

Như vậy, lĩnh vực khoa giáo có vai trò như những đòn bẩy tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế. Sự nghiệp cách mạng càng phát triển, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước ngày càng được mở rộng thì càng phải quan tâm phát triển mạnh các lĩnh vực khoa giáo. Xây dựng hệ thống cơ quan tham mưu về công tác khoa giáo của các cấp ủy là nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực khoa giáo.

II. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KHOA GIÁO

1. Một số nét về công tác khoa giáo ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Nhận thức được vị trí và tầm quan trọng của công tác khoa giáo đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội, những năm qua, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với các lĩnh vực của công tác khoa giáo. Chỉ tính các văn bản hiện hành từ năm 2005 đến nay, lĩnh vực giáo dục - đào tạo có 01 nghị quyết, 02 chỉ thị, 02 kết luận; lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân có 02 nghị quyết, 02 chỉ thị, 02 kết luận; lĩnh vực dân số, gia đình, trẻ em có 01 nghị quyết, 01 chỉ thị; lĩnh vực khoa học công nghệ có 02 nghị quyết, 01 chỉ thị, 02 kết luận; lĩnh vực môi trường có 01 nghị quyết, 01 kết luận; lĩnh vực thể dục thể thao có 01 nghị quyết…

Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, tỉnh đã thường

xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác khoa giáo từ tỉnh đến cơ sở trên tinh thần đổi mới tư duy, phương thức triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, đảm bảo tính kịp thời, khoa học và hiệu quả. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo trên các lĩnh vực của công tác khoa giáo. Giai đoạn 2005 - 2020, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành 09 chương trình hành động, 02 chỉ thị, 08 thông tri, 06 kế hoạch, 03 kết luận và một số văn bản khác về lĩnh vực khoa giáo. Trong đó, 04 văn bản chỉ đạo lĩnh vực giáo dục - đào tạo; 10 văn bản về lĩnh vực y tế và bảo hiểm y tế; 03 văn bản về công tác trí thức; 04 văn bản chỉ đạo lĩnh vực dân số, gia đình, trẻ em, thể dục thể thao, 04 văn bản về lĩnh vực bảo vệ môi trường...

Tại các địa phương, đơn vị, ban tuyên giáo đã tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị cùng cấp tham mưu cấp ủy tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và chỉ thị, kế hoạch, chương trình hành động, kết luận... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời, đúng kế hoạch; đồng thời, định kỳ tham mưu việc kiểm tra, sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy trong thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác khoa giáo. Ngoài ra, ban tuyên giáo các cấp đã thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân liên quan đến các lĩnh vực của công tác khoa giáo, kịp thời tham mưu chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề bất cập, bức xúc, những sự việc tồn tại lâu, chậm khắc phục liên quan đến các lĩnh vực công tác khoa giáo, không để xảy ra các "điểm nóng".

Tuy nhiên, công tác khoa giáo còn một số hạn chế như: chưa giải quyết tốt một số vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển xã hội, nhất là ở các lĩnh vực: giáo dục, y tế, môi trường, chăm sóc, giáo dục trẻ em, ứng dụng khoa học và công nghệ vào cuộc sống; công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu thực tế, hướng về cơ sở chưa được chú trọng...

2. Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của công tác khoa giáo ở cơ sở

- Tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các lĩnh vực công tác khoa giáo.

- Xây dựng văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về các lĩnh vực của công tác khoa giáo.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về các lĩnh vực của công tác khoa giáo.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân về các lĩnh vực của công tác khoa giáo.

- Nắm bắt tư tưởng, tâm trạng, dư luận xã hội trong thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác khoa giáo, từ đó kịp thời tham mưu với cấp ủy làm tốt công tác tư tưởng, giải quyết các vấn đề bất cập, bức xúc liên quan đến các lĩnh vực công tác khoa giáo, không để xảy ra các "điểm nóng", những sự việc tồn tại lâu, chậm khắc phục.

- Tham gia công tác xây dựng Đảng và xây dựng đội ngũ làm công tác khoa giáo, chú trọng công tác phối hợp giữa các lực lượng làm công tác khoa giáo ở cơ sở.

- Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác khoa giáo, tổng kết, rút kinh nghiệm để tham mưu với cấp ủy cấp trên những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác khoa giáo.

3. Một số nội dung tham mưu cấp ủy lãnh đạo công tác khoa giáo ở cơ sở

3.1. Về giáo dục và đào tạo

Tập trung quán triệt và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và các kế hoạch, chương trình hành động, kết luận của tỉnh về lĩnh vực giáo dục – đào tạo; tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt ba mục tiêu của ngành giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; việc thực hiện kết hợp giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội; thực hiện xã hội hóa giáo dục, chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học; huy động sự tham gia của các đoàn thể chính trị - xã hội vào công tác giáo dục, khuyến khích phát triển các quỹ khuyến học của các

tổ chức, dòng họ, gia đình; tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp các nguồn lực, xây dựng cơ sở vật chất, giám sát tiến độ và chất lượng thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và chống tái mù chữ; chỉ đạo tốt cuộc vận động toàn dân đưa trẻ đến trường…

3.2. Về khoa học và công nghệ

Tập trung quán triệt và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và các kế hoạch, chương trình hành động, kết luận của tỉnh về lĩnh vực khoa học – công nghệ; quán triệt sâu rộng để các tầng lớp nhân dân có nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; áp dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống; đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, thông tin, phổ biến tri thức khoa học, nhất là ở các xã, thôn, vùng sâu, vùng xa, giúp bà con nông dân nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Đối với khoa học xã hội, coi trọng công tác giáo dục lý luận chính trị, pháp luật, truyền thống lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng của địa phương, giáo dục nhận thức về tình hình trong nước và quốc tế… cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thông qua các hình thức tuyên truyền miệng, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể quần chúng; gắn việc nâng cao trình độ lý luận với nâng cao giác ngộ và niềm tin, giáo dục bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm và đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn; xây dựng và phát huy tốt vai trò của bưu điện văn hóa xã.

3.3. Về chăm sóc sức khỏe nhân dân

Tập trung quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, các kế hoạch, chương trình hành động, kết luận của tỉnh về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhằm nâng cao sức khỏe về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam; củng cố tổ chức và hoạt động y tế cơ sở; tăng cường công tác truyền

thông, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng; đẩy mạnh và tổ chức tốt việc thực hiện các chương trình y tế quốc gia, công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng chống dịch, trồng và sử dụng thuốc nam, phát huy y học cổ truyền; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng…

3.4. Về dân số và phát triển

Tập trung quán triệt và triển khai thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực dân số; thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới và các văn bản của tỉnh; thực hiện chương trình dân số và phát triển theo các chương trình mục tiêu đã được đề ra: như tốc độ tăng dân số, quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến về nhận thức, hành vi và trách nhiệm của tổ chức đảng, của mỗi đảng viên và mỗi người dân đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình…

3.5. Về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới, đặc biệt là các chủ trương và giải pháp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; thực hiện các mục tiêu, chương trình hành động, cam kết quốc tế về công tác trẻ em, đặc biệt là vấn đề bạo hành, xâm hại trẻ em, tai nạn thương tích trẻ em đang có dấu hiệu gia tăng.

3.6. Về thể dục, thể thao

Tập trung quán triệt và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và các kế hoạch, chương trình hành động, kết luận của tỉnh về lĩnh vực thể dục thể thao, nhằm tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng những đường lối, quan điểm về thể dục, thể thao, tạo ra phong trào tập thể dục và thể thao sôi nổi, rộng rãi và đều khắp, góp phần phát triển con người Việt Nam toàn diện, có sức khỏe, có các phẩm chất trí tuệ, đạo đức, có cuộc sống hạnh phúc, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa,

hiện đại hóa đất nước; tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", đưa việc luyện tập thể dục, thể thao trở thành thói quen, nếp sống hằng ngày của mọi người dân; đa dạng hóa các hình thức tổ chức tập luyện và thi đấu thể dục, thể thao quần chúng, như các hội, nhóm, câu lạc bộ ở cơ sở; giữ gìn và phát triển các môn thể thao dân tộc, các hình thức và phương pháp rèn luyện thân thể cổ truyền; đẩy mạnh xã hội hóa thể dục, thể thao quần chúng.

4. Một số nghiệp vụ công tác khoa giáo ở cơ sở

4.1. Chuẩn bị dự thảo nghị quyết của cấp ủy về công tác khoa giáo

- Xây dựng chương trình, kế hoạch, phân công trách nhiệm các cá nhân và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để chuẩn bị dự thảo.

- Nghiên cứu, biên tập dự thảo, lấy ý kiến các ban, ngành, đoàn thể có liên quan; sau đó tổng hợp báo cáo cấp ủy để thảo luận, ra nghị quyết về toàn bộ hay từng mặt công tác khoa giáo. Trong nghị quyết cần nêu rõ thực trạng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp… xác định rõ trách nhiệm cho từng tổ chức, ngành, đoàn thể chịu trách nhiệm triển khai từng công việc cụ thể. Sau đó, các ban ngành, đoàn thể đưa vào nội dung công tác để thực hiện hằng năm.

4.2. Tổ chức hướng dẫn thực hiện nghị quyết

Sau khi có nghị quyết, ban tuyên giáo giúp cấp ủy cùng cấp tổ chức, hướng dẫn và triển khai thực hiện, theo các bước sau:

- *Bước một:* Chuẩn bị tổ chức triển khai: Nắm bắt các đối tượng cần triển khai; xác định hình thức, phương pháp truyền đạt cho phù hợp; nắm các thông tin về tình hình kinh tế - xã hội về các lĩnh vực khoa giáo có liên quan để gắn với việc truyền đạt nghị quyết; chuẩn bị tài liệu, đề cương dành cho báo cáo viên, câu hỏi thảo luận, chương trình hành động và hướng dẫn thực hiện; phối với các bộ phận thông tin tuyên truyền; báo cáo với cấp ủy về kế hoạch triển khai.

- *Bước hai:* Tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai, truyền đạt nghị quyết. Cần làm rõ mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và nội dung nghị quyết. Nghị quyết nhằm giải quyết vấn đề gì, cần làm gì và làm như

thế nào, ai làm, làm ở đâu, thời gian nào, ai chịu trách nhiệm, công tác phối hợp, việc tổ chức thực hiện; tổ chức thảo luận.

- *Bước ba:* Xây dựng, hoàn thiện dự thảo chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết trình cấp ủy quyết định. Chương trình, kế hoạch phải gắn với nội dung của nghị quyết và tình hình thực tiễn của địa phương, phải giải quyết được những vấn đề trọng tâm, bức xúc của nội dung nghị quyết ban hành.

- *Bước bốn:* Căn cứ vào các nội dung, mục tiêu của chương trình, kế hoạch hành động của cấp ủy, ban tuyên giáo chỉ đạo các ngành, bộ phận liên quan cụ thể hóa để triển khai thực hiện. Định kỳ, tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm từ những mô hình hay để phổ biến rộng rãi, đề ra giải pháp thực hiện tốt hơn và có biện pháp khắc phục những khuyết điểm, yếu kém trong thời gian tới.

4.3. Tuyên truyền thực hiện nghị quyết

Tuyên truyền sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân, làm cho mọi người nhận thức rõ vị trí, vai trò quan trọng của công tác khoa giáo, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của đảng bộ các cấp và đảng bộ cơ sở về công tác khoa giáo.

Xây dựng đề cương tuyên truyền, cổ động bám sát các nội dung, nhiệm vụ, yêu cầu, giải pháp về công tác khoa giáo được nêu trong nghị quyết.

Chuẩn bị lực lượng, phương tiện thực hiện công tác tuyên truyền, cổ động phù hợp với đối tượng, nội dung, tuyên truyền, cổ động.

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến trong đảng bộ, chi bộ, trong các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các hội.. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và áp phích, tờ rơi...

4.4. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nghị quyết

- Xác định vấn đề cần kiểm tra, mục tiêu, yêu cầu và địa chỉ kiểm tra. Thành lập đoàn kiểm tra; xây dựng kế hoạch và thông báo về lịch trình kiểm tra; tổ chức hoạt động kiểm tra, tùy theo đối tượng, nội dung, mục đích, yêu cầu của kiểm tra để xác định hình thức kiểm tra cho phù hợp.

- Phương pháp kiểm tra, nghe báo cáo của đơn vị được kiểm tra; kiểm tra hồ sơ, sổ sách; quan sát trực tiếp các công việc, hoạt động của đối tượng được kiểm tra; trắc nghiệm. Tham khảo ý kiến, nhận xét, đánh giá của các ngành, lĩnh vực có liên quan tới nội dung kiểm tra; thăm dò dư luận theo nhiều phía… nhằm thu thập được các thông tin chính xác, trung thực, khách quan.

- Xử lý và tổng hợp thông tin trong suốt quá trình kiểm tra để rút ra được kết luận từng vấn đề. Tổ chức cuộc họp nội bộ của đoàn kiểm tra để thảo luận các vấn đề và đi đến nhận định, kết luận. Nếu có vấn đề lớn có ý kiến trái ngược nhau phải tổ chức tọa đàm, trao đổi để đi đến thống nhất.

- Báo cáo kết luận kiểm tra cần phải ngắn gọn, rõ ràng, đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân, những giải pháp trong thời gian tới; gửi cho cấp ủy và các đồng chí có trách nhiệm chính trong đoàn kiểm tra cho ý kiến rồi báo cáo với cấp ủy quyết định; thông báo kết quả kiểm tra đến đối tượng kiểm tra; xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với từng ưu điểm, khuyết điểm trong lãnh đạo, tổ chức triển khai thực hiện.

- Các đơn vị trực tiếp thực hiện nội dung xây dựng kế hoạch phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm để triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết của đảng ở địa phương.

4.5. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết

- Tham mưu với cấp ủy cùng cấp chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết, đề án, kế hoạch... trên lĩnh vực khoa giáo ở đơn vị, địa phương mình theo hướng dẫn hoặc yêu cầu của cấp ủy, hệ thống tuyên giáo cấp trên. Nội dung đánh giá đúng kết quả đạt được, cũng như hạn chế, yếu kém, phân tích đầy đủ nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến hạn chế, yếu kém và rút ra kinh nghiệm. Hình thức sơ kết, tổng kết nên linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế. Sau sơ kết, tổng kết đề ra nhiệm vụ cụ thể để tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục hạn chế và đề xuất, kiến nghị với cấp trên các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thời gian tiếp theo.

- Kết quả sơ kết, tổng kết được cụ thể hóa bằng văn bản để báo cáo cấp ủy, hệ thống tuyên giáo cấp trên và lưu tại đơn vị.

Chuyên đề 7

CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ

1. Khái niệm

Công tác văn hóa, văn nghệ của Đảng ta được hiểu là hoạt động tham mưu xây dựng các chủ trương, quan điểm của Đảng về văn hóa, văn nghệ; lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện những quan điểm, chủ trương đó; đồng thời, phát triển, truyền bá hệ tư tưởng của Đảng, chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội thông qua hoạt động văn hóa - văn nghệ, từ đó biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hiện thực, trực tiếp đáp ứng nhu cầu và nâng cao mức hưởng thụ, sáng tạo văn hóa của nhân dân, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Công tác văn hóa, văn nghệ bảo đảm tính đảng trong mỗi hoạt động văn hóa, văn nghệ.

2. Vai trò của công tác văn hóa, văn nghệ

Đảng ta khẳng định rõ vai trò của văn hóa, văn nghệ trong đời sống và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước với quan điểm xuyên suốt là: Văn hóa là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: "Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc."

Văn hóa, văn nghệ là lĩnh vực sản xuất tinh thần, tạo ra những giá trị văn hóa, những tác phẩm và công trình nghệ thuật làm giàu đẹp thêm cho cuộc sống con người. Khác với lĩnh vực sản xuất vật chất, lĩnh vực sản xuất tinh thần tạo ra các giá trị đặc biệt, khi được nhân dân khẳng định, nó trở thành những công trình có sức sống

lâu dài, trường tồn với thời gian, được giữ gìn, bảo tồn, khai thác và phát huy mãi mãi, sự thể hiện bản sắc, đặc trưng, những vẻ đẹp độc đáo của một cộng đồng, của một dân tộc.

Công tác văn hóa, văn nghệ có vai trò quan trọng trong công tác tư tưởng. Văn hóa, văn nghệ là một phương thức độc đáo, hiệu quả của công tác tư tưởng. Nội dung tư tưởng là hạt nhân, là cốt lõi, là yếu tố xuyên thấm trong các sản phẩm văn hóa nói chung và các tác phẩm văn hóa, văn nghệ nói riêng. Vì vậy, yêu cầu không ngừng nêu cao và khẳng định nội dung tư tưởng của văn hóa, của các sản phẩm và hoạt động văn hóa, văn nghệ không chỉ là định hướng chính trị cơ bản trong công tác văn hóa, văn nghệ trước cuộc đấu tranh tư tưởng - văn hóa đang diễn ra ngày càng gay gắt và phức tạp hiện nay, mà còn là nhu cầu của chính văn hóa để tạo ra được các giá trị văn hóa theo đúng vai trò và chức năng nó đảm nhận trước xã hội.

II. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

1. Hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị

Hàng năm, các cấp ủy đảng, ngành văn hóa và thể thao, các địa phương, đơn vị trên toàn tỉnh đã tổ chức các chương trình văn hóa, văn nghệ, hát bài chòi, biểu diễn âm nhạc truyền thống... chào đón năm mới *(chương trình "Mừng Đảng - Mừng Xuân")*; chào mừng các sự kiện chính trị quan trọng như Đại hội Đảng, Bầu cử, Festival Biển...; kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như: ngày Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930), ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (24/02/1930), ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975), ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890), ngày Cách mạng tháng Tám (19/8/1945) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945)... Các chương trình văn hóa, văn nghệ đã phục vụ tốt công tác tuyên truyền không khí vui tươi, phấn khởi của các tầng lớp nhân dân, góp phần cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Khánh Hòa ngày càng giàu đẹp.

2. Công tác bảo tồn, phát huy di tích, di sản văn hóa và lễ hội

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 176 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 16 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 03 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Ngoài ra, tỉnh có hơn 1.500 di sản văn hóa phi vật thể mang bản sắc đặc trưng riêng của vùng đất Khánh Hòa (chủ yếu là đình, đền, chùa, miếu, tháp, lăng) và gần 1.000 lễ hội (chủ yếu diễn ra tại các thiết chế thờ tự).

Trong những năm qua, công tác quản lý và tổ chức lễ hội tại các địa phương trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng các quy định của pháp luật, không xảy ra các hiện tượng tiêu cực và phản cảm. Đối với các lễ hội lớn, được tổ chức thường niên như: Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ hội Am Chúa, Lễ hội đền Trần Hưng Đạo, Lễ hội Tháp bà Ponagar, Lễ hội Văn hóa Dân gian tỉnh Khánh Hòa... được tổ chức bài bản, đúng nghi thức, thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc, những giá trị văn hóa truyền thống độc đáo của vùng đất, con người Khánh Hòa, trở thành một trong những nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Hoạt động văn học, nghệ thuật

Hội Văn học và Nghệ thuật tỉnh là tổ chức tập hợp, thu hút 396 hội viên thuộc 06 Chi hội chuyên ngành: Văn học, Văn nghệ dân gian, Mỹ thuật, Âm nhạc, Nhiếp ảnh, Sân khấu. Hàng năm, Hội đều tổ chức các chuyến đi thực tế giúp hội viên có cảm hứng sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật đặc sắc. Ngoài ra, Hội đồng Quỹ hỗ trợ sáng tạo Văn học Nghệ thuật của Hội đã hỗ trợ cho các tác giả, nhóm tác giả trong công bố tác phẩm, sáng tạo tác phẩm (năm 2020, hỗ trợ công bố 13 tác phẩm, hỗ trợ sáng tạo 14 tác phẩm). Hội viên Hội Văn học và Nghệ thuật đã tích cực tham gia Giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; đợt I (giai đoạn 2015-2017), tỉnh có 2 tác phẩm đạt giải (tác phẩm: "Con về thăm Bác mùa thu" của tác giả Giang Nam đạt giải C; tác phẩm "Con về thăm lán Nà Nưa" của tác giả Thu

Khánh đạt giải khuyến khích); đợt II (giai đoạn 2018-2020), có 01 tác phẩm đạt 01 giải B (Ca khúc "Con về thăm lán Nà Nưa", nhạc: Hồng Hà, thơ: Thu Khánh).

Tạp chí Nha Trang là cơ quan ngôn luận của Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh, xuất bản hàng tháng. Những năm qua, Tạp chí đã đăng tải hàng trăm tác phẩm của văn nghệ sĩ trong và ngoài tỉnh, với các thể loại: Văn, thơ, nhạc, họa, ảnh nghệ thuật, bài nghiên cứu, phê bình văn học, văn nghệ dân gian, sân khấu, mỹ thuật, góp phần quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật đến đông đảo độc giả.

4. Việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về văn hóa, văn nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ chỉ đạo của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương, giai đoạn 2008 - 2020, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa đã ban hành 08 văn bản chỉ đạo về văn hóa, văn nghệ (gồm 02 chương trình hành động, 03 kế hoạch, 01 kết luận, 02 công văn); đồng thời, tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về văn hóa, văn nghệ, gồm: tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và 5 năm thực hiện Kết luận số 51-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 46-CT/TW, ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư (khóa X) về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội; sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 41-CT/TW, ngày 05/02/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội; sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/06/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước… Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động văn hóa, văn nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa luôn được quan tâm; đảm bảo các hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật được duy trì thường xuyên; công tác quản lý di sản và bảo tồn văn hóa tiếp tục được triển khai tốt; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, chương trình văn nghệ phục vụ cộng đồng, du

khách ngày càng phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu tham gia và hưởng thụ văn hóa của quần chúng nhân dân. Ngoài ra, tỉnh đã có một số chính sách đối với lực lượng làm công tác văn hóa, văn nghệ (chủ yếu công tác tại Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Khánh Hòa, Đoàn Ca múa nhạc Hải Đăng, một số ít công tác tại Trường Đại học Khánh Hòa), động viên các văn nghệ sĩ yên tâm công tác, gắn bó với nghề và tận tâm với hoạt động nghệ thuật, góp phần đem lại đời sống tinh thần phong phú cho nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý, định hướng văn hóa, văn nghệ còn một số hạn chế như: Một số cấp ủy đảng ở cơ sở chưa quan tâm lãnh đạo đối với lĩnh vực văn hóa, thậm chí khoán trắng cho cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa; chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở một số địa phương, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức, một số nơi còn tồn tại các hủ tục, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam; việc ngăn chặn các sản phẩm văn hóa phẩm độc hại, các thông tin, bài viết có nội dung xuyên tạc, chống đối Đảng, Nhà nước trên internet, các trang mạng xã hội chưa hiệu quả...

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ Ở CƠ SỞ HIỆN NAY

1. Vị trí, vai trò của công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở

- Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở là khâu truyền tải trực tiếp chủ trương, đường lối, chính sách về văn hóa, văn nghệ của Đảng, Nhà nước đến với nhân dân; hướng dẫn, tổ chức, triển khai các hoạt động văn hóa ở cơ sở. Là khâu quan trọng nhất trong việc động viên, giáo dục, tổ chức quần chúng tham gia mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ, từ đó biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hiện thực, trực tiếp đáp ứng nhu cầu và nâng cao mức hưởng thụ, sáng tạo văn hóa của nhân dân ở cơ sở.

- Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở có vai trò quan trọng trong việc xây dựng con người mới, cuộc sống mới, đấu tranh chống thói hư, tật xấu, ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, góp phần tạo nên cuộc sống lành mạnh, tốt đẹp,

môi trường thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của con người, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở còn góp phần động viên tính năng động, sáng tạo của nhân dân trong lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần giữ gìn, phát huy các giá trị và bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc, sáng tạo ra các giá trị mới làm phong phú thêm nền văn hóa nước nhà.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở

2.1. Mục tiêu

Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở hướng đến mục tiêu: phát huy truyền thống quê hương, dân tộc, góp phần bồi dưỡng và xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hòa nhập quốc tế; xây dựng đời sống văn hóa mới, làm cho mọi người dân có đời sống vật chất đầy đủ và đời sống tinh thần phong phú; lành mạnh hóa các quan hệ xã hội trên địa bàn, Thực hiện cuộc vận động thi đua yêu nước và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" , góp phần cùng cả nước xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2.2. Nhiệm vụ

- Góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

Xây dựng, bồi dưỡng con người Việt Nam trong giai đoạn mới có các phẩm chất: có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu; có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần, kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương, phép nước, quy ước của cộng đồng, có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường văn hóa, sinh thái; lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật sáng tạo, năng suất cao, vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Tích cực đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, những biểu hiện tiêu cực làm tha hóa con người. Đề ra các giải pháp khắc phục mặt hạn chế của con người Việt Nam.

- Xây dựng môi trường văn hóa ở cơ sở

+ Xây dựng làng, bản, thôn, ấp, xã, phường văn hóa. Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đã và đang được toàn dân hưởng ứng. Nội dung cuộc vận động này chủ yếu là để xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, hình thành các làng, bản, thôn, ấp, xã, phường văn hóa.

Các tiêu chí của làng, bản, thôn, ấp, xã, phường văn hóa cụ thể như sau: phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, giúp nhau làm giàu chính đáng. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nhân dân có đời sống chính trị lành mạnh, đạo đức, lối sống văn minh, lịch sự; tôn trọng kỷ cương, phép nước, quy ước của cộng đồng, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng các quan hệ xã hội lành mạnh. Xây dựng, giữ gìn môi trường tự nhiên xanh, sạch, đẹp, an toàn.

+ Xây dựng gia đình văn hóa, làm cho mọi gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người. Gia đình văn hóa phải đảm bảo các yêu cầu: kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, công bằng, dân chủ, bình đẳng cho mọi thành viên, vợ chồng hòa thuận, con cháu hiếu thảo, đoàn kết và quan hệ tốt với xung quanh, tuân thủ pháp luật và các quy ước của cộng đồng, giữ gìn trật tự trị an, bài trừ các hủ tục, các tệ nạn xã hội, thực hiện tốt các chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo đảm bình đẳng giới và chống bạo lực gia đình.

+ Xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa theo các tiêu chí sau: Xây dựng cơ quan an toàn về chính trị, tư tưởng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân và của Nhà nước. Thực hiện tốt nội quy, kỷ luật lao động, tôn trọng và bảo vệ pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và mọi nội quy, quy chế của cơ quan, đơn

vị. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị. Phát triển phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Mọi thành viên có đời sống vật chất và tinh thần phong phú, ham học hỏi, yêu thích hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao.

- Xây dựng và thực hện tốt các thiết chế, thể chế văn hóa, văn nghệ ở cơ sở

+ Phát triển và nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bước đầu cơ sở đều đã có các thiết chế văn hóa. Tuy nhiên, việc đảm bảo các điều kiện vật chất, trang thiết bị, nội quy và các quy chế hoạt động của các cơ sở này ở nhiều nơi gặp khó khăn. Việc củng cố, nâng cấp các thiết chế đã có, việc xây dựng các thiết chế mới đi đôi với hoàn thiện phương thức hoạt động để phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa là những công việc cần thiết phải làm cơ sở.

Phấn đấu các đơn vị cơ sở phải có các thiết chế văn hóa (nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, nhà truyền thống, bưu điện văn hóa xã, sân thể thao, các đội văn nghệ quần chúng, hệ thống truyền thanh, các tổ, đội tuyên truyền lưu động, các thiết bị cho tuyên truyền, cổ động…). Điều cần chú ý là vừa phát triển, vừa nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa để sử dụng có hiệu quả, thiết thực, tránh phô trương hình thức. Thiết chế văn hóa ở cơ sở phải có nội dung và phương thức hoạt động thích hợp, thu hút được đông đảo nhân dân tham gia.

+ Củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa gồm: hệ thống tổ chức, bộ máy cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở. Cơ chế hoạt động và phối hợp của các tổ chức, các bộ phận trong ngành và quan hệ với ngành khác. Các chính sách, chế độ trong hoạt động văn hóa, kể cả các điều kiện, phương tiện làm việc, khen thưởng, xử lý kỷ luật, kinh phí hoạt động,… Hệ thống các phép tắc, quy tắc, chuẩn mực, nội quy, quy ước, hương ước, quy định hoạt động văn hóa, các hành vi văn hóa của mỗi cá nhân trong cộng đồng.

3. Một số hoạt động cụ thể của công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở

- Xây dựng đời sống văn hóa tinh thần tốt đẹp, lành mạnh, phong phú ở cơ sở, thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng

đời sống văn hóa" theo các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể, vận động, cổ vũ nhân dân tự giác, tích cực thực hiện các hoạt động xây dựng xã, thôn, phường, thôn, bản, cơ quan, đơn vị, gia đình, văn hóa.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, cổ động, triển lãm... trên địa bàn

Đây là hoạt động thường xuyên trong công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở. Mục tiêu của công tác này nhằm tuyên truyền trực tiếp, kịp thời trong quần chúng nhân dân ở cơ sở các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước… Phương thức của hoạt động này gắn với các hình thức, phương tiện thể hiện của văn hóa, văn nghệ để dễ đi vào quần chúng, phù hợp với dân tộc và địa bàn, như: đài phát thanh, truyền thanh, trạm bản tin, trang trí panô, khẩu hiệu, thông tin cổ động, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền văn hóa… Chính các phương thức hoạt động có tính trực quan ở trên địa bàn huyện, xã,… sẽ có tác dụng trực tiếp đến quần chúng, nâng cao nhận thức tư tưởng, tri thức, tình cảm của nhân dân ở cơ sở.

- Hoạt động văn nghệ quần chúng trên địa bàn

Tiềm năng sáng tạo văn học, nghệ thuật của nhân dân là vô cùng phong phú, đặc biệt ở cơ sở. Sự nhiệt thành, tâm huyết, tài năng và những nguyện vọng, sở thích sáng tạo văn học, nghệ thuật của nhân dân là cơ sở để tổ chức và phát triển các hoạt động văn nghệ quần chúng trên địa bàn huyện.

Mục tiêu của hoạt động này là tạo điều kiện để nhân dân tham gia tích cực hoạt động sáng tạo (sáng tác và biểu diễn) văn nghệ; tự tổ chức, quản lý các hoạt động này, qua đó nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, thị hiếu thẩm mỹ và trình độ thưởng thức nghệ thuật của công chúng. Các phương thức tổ chức ở cơ sở thường là các câu lạc bộ sở thích nghệ thuật, liên hoan văn nghệ, các hội diễn nghệ thuật quần chúng theo địa bàn dân cư, theo vùng văn hóa, theo nghề nghiệp, lứa tuổi hoặc giới tính… Để nâng cao tác dụng của hoạt động này cần gắn bó với các chủ đề chính trị, kinh tế, xã hội qua từng thời kỳ để tạo sức hấp dẫn và định hướng tư tưởng cho công chúng tham gia hoạt động văn hóa.

- Công tác thư viện, phong trào đọc sách báo trên địa bàn

Việc phát triển hệ thống thư viện, phòng đọc sách báo ở cơ sở là hướng quan trọng của công tác tư tưởng – văn hóa của Đảng và là ưu tiên trong kế hoạch, chương trình công tác văn hóa của Nhà nước. Ở cơ sở, cần có giải pháp hợp lý cho việc xây dựng thư viện ở trung tâm huyện, đồng thời phát triển các phòng đọc sách, báo, các câu lạc bộ yêu thích và làm theo sách, báo, các cụm và điểm văn hóa có tính tổng hợp, trong đó thư viện hoặc phòng đọc sách, báo là một bộ phận cùng với các hoạt động khác (trạm truyền thanh, câu lạc bộ, sân chơi thể thao…) tạo sức hấp dẫn với quần chúng. Sự xuất hiện của điểm bưu điện – văn hóa xã, các cụm văn hóa – thể thao ở các huyện, xã… thể hiện sự tìm tòi phương thức mới của công tác văn hóa ở cơ sở.

- Bảo tồn, phát huy các di tích lịch sử - văn hóa và công tác bảo tàng, nhà truyền thống trên địa bàn

Bảo vệ, sử dụng, tu bổ, bảo tồn và phát huy các di tích trên địa bàn được nhà nước giao cho quản lý. Hỗ trợ, giúp đỡ, phối hợp với các cơ quan chức năng của Trung ương đối với các di tích cấp quốc gia. Cần khắc phục tình trạng khai thác di tích với mục đích chính là tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương.

Bảo tàng, nhà truyền thống có vị trí rất quan trọng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tình cảm và văn hóa cho nhân dân ở cơ sở, bởi vì đó chính là lịch sử đấu tranh của nhân dân trên địa bàn, là niềm tự hào của các thế hệ trong quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương. Trong điều kiện hiện nay, ở cơ sở, một mặt cần tính toán toàn diện để có được bảo tàng hoặc nhà truyền thống với quy mô nhỏ, vừa tầm, tránh phô trương, hình thức, phát triển tràn lan và mặt khác, quan trọng hơn là tìm giải pháp để phát huy tác dụng của nhà truyền thống ở các cơ sở.

- Tổ chức và quản lý các hoạt động lễ hội trên địa bàn

Do truyền thống văn hóa lâu đời của các địa phương, từ xã, buôn, sóc… nên thường có nhiều lễ hội truyền thống với nhiều đặc trưng độc đáo. Việc chỉ đạo và trực tiếp tổ chức, hoặc hướng dẫn, giúp đỡ cho các cơ sở tổ chức lễ hội đó là nhiệm vụ, chức năng

của cấp ủy và chính quyền nhằm đảm bảo ý nghĩa và tác dụng tư tưởng – văn hóa của các lễ hội, góp phần giáo dục truyền thống và biết chọn lọc những gì tốt đẹp, tiến bộ, gạt bỏ những hủ tục lạc hậu, lỗi thời.

Để tổ chức tốt các hoạt động lễ hội đòi hỏi lực lượng làm công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở phải am hiểu lịch sử, truyền thống trên địa bàn, nắm vững các quy định, quy chế của Nhà nước và biết vận động, tổ chức quần chúng tự nguyện tham gia một cách tích cực, có định hướng.

- Củng cố, xây dựng và phát huy tác dụng của các thiết chế văn hóa

Thường xuyên củng cố những thiết chế đã có, xây dựng những thiết chế mới đáp ứng nhu cầu chính đáng, ngày càng cao của nhân dân và đặc biệt là tìm tòi các giải pháp, các phương thức phù hợp để phát huy tác dụng của các loại thiết chế văn hóa đó.

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức của đội ngũ hoạt động văn hóa, văn nghệ.

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nhận thức cho đội ngũ những người làm công tác văn hóa, văn nghệ và tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, bao gồm: tổ chức, đơn vị, cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ công tác trong ngành văn hóa và lực lượng quần chúng.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN QUAN TÂM KHI TIẾN HÀNH CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ Ở CƠ SỞ

1. Đối với cấp ủy cơ sở

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về văn hóa ở cơ sở

- Về nhận thức: Cần xác định công tác văn hóa ở cơ sở là nhiệm vụ của toàn Đảng, là nhiệm vụ của cấp ủy và của toàn thể cán bộ, đảng viên. Trách nhiệm của cấp ủy là lãnh đạo các cơ quan trong hệ thống chính trị phối hợp một cách đồng bộ để phát huy hiệu quả của công tác văn hóa ở cơ sở.

Nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong việc phát triển toàn diện các lĩnh vực ở cơ sở, đồng thời hết

sức chú ý tính thực tiễn trong chỉ đạo xây dựng chương trình hoạt động văn hóa gắn với đặc điểm của địa phương và đối tượng, tránh rơi vào công thức, sao chép, lập kế hoạch không có khả thi.

- Về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo

Sự lãnh đạo của cấp ủy về văn hóa phải thể hiện rõ bằng các chủ trương, biện pháp; phát huy vai trò của các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội làm cho hoạt động văn hóa trực tiếp đến tác động, lôi cuốn, tổ chức quần chúng thực hiện các nhiệm vụ văn hóa, làm chủ văn hóa, phục vụ nhu cầu của chính họ. Đây là chức năng, nhiệm vụ quan trọng chủ yếu trong sự lãnh đạo của tổ chức đảng đối với công tác văn hóa ở cơ sở.

- Coi trọng việc chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến về văn hóa ở cơ sở (gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu phố văn hóa…). Công việc này đòi hỏi sự hiểu biết thực tiễn, năng lực chỉ đạo và cả sự kiên trì, năng động của lãnh đạo các cấp và sự nhiệt tình, năng động, sáng tạo của đội ngũ đảng viên ở cơ sở.

1.2. Phát huy và thực hiện đầy đủ chức năng tham mưu của ban tuyên giáo xã và cán bộ phụ trách văn hóa ở cơ sở

Nắm bắt đầy đủ tình hình hoạt động của các thiết chế văn hóa, đảm bảo hoạt động văn hóa cơ sở đúng với quan điểm định hướng và nội dung chỉ đạo của cấp ủy. Phát hiện những biểu hiện lệch lạc, thiếu lành mạnh… giúp cấp ủy đảng chỉ đạo xử lý kịp thời. Biểu dương những nhân tố mới trong các hoạt động văn hóa ở cơ sở. Dự báo những nhu cầu, thị hiếu mới, sự đòi hỏi của công chúng trong cả sáng tạo và tiếp nhận văn hóa trong tình hình hiện nay. Tổng kết và rút ra những bài học về mô hình thiết chế văn hóa, hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa phù hợp với tình hình điều kiện cụ thể ở cơ sở.

2. Đối với chính quyền cơ sở

- Tranh thủ sự chỉ đạo của phòng văn hóa cấp huyện để tạo chất lượng mới cho công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, phù hợp và bắt kịp sự phát triển chung của địa phương và cả nước.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình công tác văn hóa, văn nghệ

ở cơ sở: vai trò quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở thể hiện trong việc xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác văn hóa phù hợp với đặc điểm riêng của địa bàn, đối tượng và đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng văn hóa của quần chúng ở cơ sở, có tính khả thi. Các chương trình công tác văn hóa phải được gắn kết chặt chẽ với chương trình phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học - kỹ thuật của địa phương, lồng ghép và tiến hành đồng bộ các mặt, các lĩnh vực khác nhau để hoàn thành đồng thời cả nhiệm vụ kinh tế và nhiệm vụ văn hóa trên địa bàn. Dành tỷ lệ ngân sách hợp lý cho công tác văn hóa, biết khai thác nhân lực, vật lực, tài chính từ nhiều nguồn để tăng đầu tư cho văn hóa cơ sở.

- Xây dựng đồng bộ, đảm bảo hoạt động có hiệu quả các thể chế văn hóa cơ sở, chú trọng xây dựng các hương ước ở cơ sở. Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua các văn bản hương ước, quy ước và xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn việc thực hiện hương ước trong phạm vi địa bàn cơ sở, bảo đảm nội dung hương ước, quy ước phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, các nguyên tắc xây dựng nếp sống văn hóa mới, duy trì và phát triển phong tục tập quán tốt đẹp của cơ sở.

- Củng cố và hoàn thiện thiết chế văn hóa: Cố gắng để mỗi cơ sở có một thiết chế văn hóa thông tin (nhà văn hóa, bưu điện văn hóa, phòng thông tin, thư viện, sân vận động, đài truyền thanh, đội văn nghệ, các câu lạc bộ…); mỗi cơ sở có một cán bộ chuyên trách công tác văn hóa (cán bộ chuyên trách phải có chuyên môn, nghiệp vụ…).

- Phát triển rộng khắp, đi vào chiều sâu cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở"; tiếp tục xây dựng và phát triển, nhân rộng điển hình "làng văn hóa" và "gia đình văn hóa"; kiên trì, thường xuyên tổ chức và vận động nhân dân nghiêm túc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

- Thực hiện phương châm "xã hội hóa" trong hoạt động văn hóa, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ của công tác văn hóa ở cơ sở trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho văn hóa thật sự thấm sâu vào mỗi con người, từng gia đình, từng cụm dân cư, trường học, cơ quan. Tiếp tục thực hiện "Nhà nước và

nhân dân cùng làm văn hóa", khuyến khích các hình thức tài trợ văn hóa…

- Xây dựng các chuẩn mực đạo đức, lối sống có văn hóa trong các cơ quan đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở. Tổ chức và quản lý (hoặc phối hợp tổ chức quản lý nếu được phân cấp, quản lý) các hoạt động lễ hội truyền thống, thực hiện quy chế lễ hội. Ngăn chặn mọi biểu hiện tiêu cực cũng như tác động xấu của các sản phẩm văn hóa độc hại từ bên ngoài thâm nhập vào đời sống văn hóa của nhân dân ở cơ sở.

3. Một số hoạt động của cán bộ làm công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở

- Thường xuyên nắm chắc tình hình hoạt động văn hóa và nhu cầu của dân cư trên địa bàn cơ sở.

Nội dung cần nắm vững là: trình độ dân trí, văn hóa, đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng dân cư; phong tục, tập quán, tâm lý của các tầng lớp dân cư trên địa bàn cơ sở, các hoạt động văn hóa ở gia đình, cộng đồng, các hoạt động kinh doanh văn hóa phẩm; các hiện tượng, các đối tượng có hành vi tiêu cực, các sinh hoạt văn hóa thiếu lành mạnh, các văn hóa phẩm độc hại đang lưu trữ, truyền bá trên địa bàn; các tổ chức, đơn vị, các hình thức sinh hoạt văn hóa đang hoạt động ở cơ sở; chủ trương, định hướng phát triển văn hóa, văn nghệ của cấp trên, của chính quyền cơ sở; thái độ, các động thái tư tưởng của nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về văn hóa.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch các hoạt động văn hóa (hằng năm, hằng quý, hằng tháng) trên địa bàn.

Căn cứ để làm chương trình, kế hoạch là chủ trương của cấp trên, của lãnh đạo cơ sở, nhu cầu của nhân dân, điều kiện vật chất, không gian và thời gian cho phép, đặc điểm của các tầng lớp dân cư (dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, trình độ học vấn…). Cán bộ văn hóa xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức lực lượng, dự trù kinh phí và phương tiện trình lên cấp ủy và chính quyền. Phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể cho các cá nhân, các bộ phận, có kiểm tra chặt chẽ việc tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ, biểu diễn thể dục, thi đấu thể thao, giao lưu văn hóa.

Tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ, biểu diễn thể dục, thi đấu thể thao, giao lưu văn hóa với các địa phương, đơn vị bạn để tăng sức hấp dẫn cho phong trào, tạo không khí sôi nổi, hồ hởi, náo nhiệt, sôi động ở các vùng dân cư, qua đó vừa cổ vũ đời sống văn hóa trong nhân dân, vừa đẩy lùi các tệ nạn trong lĩnh vực văn hóa, xã hội.

- Tổ chức sơ, tổng kết các đợt vận động, các phong trào thi đua, có biểu dương, khen thưởng kịp thời, nêu gương người tốt, việc tốt trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa, văn nghệ ở cơ sở.

+ Quan tâm bồi dưỡng về phẩm chất, năng lực của cán bộ văn hóa ở cơ sở: cán bộ văn hóa ở cơ sở là người cán bộ của Đảng, phải có những phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới, phù hợp với địa phương và được nhân dân tín nhiệm.

+ Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở trong việc phát hiện, lựa chọn để cử đi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa ở địa phương, tạo nguồn cán bộ văn hóa cho nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Thực hiện chế độ, chính sách thỏa đáng đối với những người làm công tác văn hóa ở cơ sở để họ yên tâm gắn bó với công việc.

Công tác văn hóa, văn nghệ ở cơ sở là một bộ phận của công tác tư tưởng - văn hóa, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ và chính quyền cơ sở, là những hoạt động tinh thần của nhân dân. Làm tốt công tác này sẽ tạo điều kiện cho nhân dân nâng cao trình độ nhận thức, bồi dưỡng tình cảm cách mạng và tạo khí thế hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý, hỗ trợ của chính quyền, sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng, ban tuyên giáo cơ sở phải làm tốt công tác tham mưu, tổ chức thực hiện và động viên đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tham gia để công tác văn hóa, văn nghệ đạt kết quả cao nhất.

Chuyên đề 8

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, BIÊN SOẠN LỊCH SỬ ĐẢNG

1. Ý nghĩa, vai trò của công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở

Từ khi thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, viết nên những trang sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc. Cùng với chặng đường vẻ vang của Đảng là sự ra đời, phát triển và củng cố ngày càng vững mạnh của hệ thống tổ chức cơ sở đảng. Lịch sử đảng bộ cơ sở gắn liền với từng chặng đường phát triển và minh chứng cho lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở là nhiệm vụ rất quan trọng, nhằm làm rõ các chặng đường lịch sử và hoạt động đấu tranh của đảng bộ địa phương, cơ sở, từ đó tổng kết thực tiễn lịch sử, nêu bật những thắng lợi, những thành tựu của cách mạng và cả những sai lầm, khuyết điểm, làm sáng tỏ những bài học, những vấn đề lý luận nhằm rút kinh nghiệm, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Việc biên soạn lịch sử địa phương, cơ sở còn giúp giáo dục truyền thống cách mạng, bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống địa phương, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

2. Quy trình nghiên cứu, biên soạn một công trình lịch sử đảng bộ địa phương, lịch sử truyền thống cách mạng

Quá trình nghiên cứu, biên soạn một công trình khoa học lịch

sử Đảng bộ, lịch sử truyền thống cách mạng của các địa phương cũng như lịch sử các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh là một quy trình chặt chẽ, mang tính khoa học cao. Quy trình đó được thực hiện theo các bước sau:

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương do Ban Thường vụ cấp ủy đảng trực tiếp lãnh đạo. Sự lãnh đạo của cấp ủy quyết định đến sự thành công của quá trình nghiên cứu biên soạn, được thể hiện ở các điểm sau:

- Chủ trương của cấp ủy được thống nhất và thông qua bằng một nghị quyết hoặc quyết định cụ thể của Đảng bộ.

- Thông qua quy định xét duyệt, thẩm định và kết luận về quy mô, nội dung và cách thức tiến hành nghiên cứu, biên soạn.

- Quyết định về kinh phí để hoàn thành công tác nghiên cứu, biên soạn, xuất bản sách; về công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương.

- Tổ chức bộ máy, cán bộ có trình độ, năng lực nghiên cứu, biên soạn: ban tuyên giáo các cấp tham mưu cấp ủy thành lập Ban chỉ đạo, Ban biên soạn, Ban sưu tầm tài liệu.

2.2. Các bước tiến hành sưu tầm tài liệu lịch sử

- Sưu tầm tài liệu: phải đảm bảo đầy đủ các tài liệu về toàn bộ sự kiện.

- Phân loại tài liệu: phân loại tài liệu dựa vào nhiều dấu hiệu như xuất xứ, thể loại, tính chất, thể thức hay theo nội dung của tài liệu.

- Chọn lọc tài liệu để đảm bảo tạo ra khối lượng tài liệu phản ánh các sự kiện đại diện cho toàn bộ nguồn tư liệu, cho các sự kiện điển hình.

- Xác minh và phê phán tư liệu: thực tế nghiên cứu lịch sử đã có không ít tài liệu giả nội dung và hình thức, tư liệu bị mất, rách một

phần nên phải sử dụng bản sao, phục chế. Nên trước khi sử dụng tài liệu cần xác minh và phê phán tài liệu. Nội dung cơ bản của phê phán, phân tích gồm: xác định tính xác thực, thời gian, địa điểm ra đời của tài liệu, tác giả của tài liệu, văn bản của tài liệu, động cơ phản ánh của tài liệu, phê phán sự kiện của tài liệu, phê phán logic của tài liệu, đánh giá sự đúng đắn, đầy đủ và giá trị khoa học khách quan của tài liệu.

2.3. Tổ chức biên soạn ấn phẩm lịch sử gồm các bước cơ bản sau

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu, biên soạn gồm các nội dung: mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ; đề cương tổng quát (tên chương, tiết, nội dung cơ bản được thể hiện trong từng chương, tiết; trong đó, chú trọng đến việc phân kỳ trong từng chương. Tùy theo nội dung mỗi công trình khoa học để phân chương phù hợp); phân công lực lượng tham gia nghiên cứu biên soạn; dự trù kinh phí.

- Tiến hành sưu tầm tư liệu. Tài liệu gồm:

+ Văn kiện Đảng (Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng bộ địa phương và Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, huyện, xã); các nghị quyết, quyết định, thông báo, chương trình, kế hoạch của Ban Chấp hành (BCH) Đảng bộ và Thường vụ BCH Đảng bộ địa phương;

+ Báo cáo hàng năm, báo cáo chuyên đề về các lĩnh vực công tác của BCH Đảng bộ địa phương;

+ Biên bản các kỳ Đại hội Đảng bộ của địa phương, Hội nghị Thường vụ BCH Đảng bộ địa phương…;

+ Bài phát biểu của các đồng chí đứng đầu cấp ủy, chính quyền;

+ Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, hàng năm của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

+ Hồi ký ghi chép của các đồng chí nguyên là lãnh đạo qua các thời kỳ cách mạng, các nhân chứng lịch sử;

+ Tư liệu phỏng vấn các nhân chứng lịch sử;

+ Các công trình nghiên cứu khoa học (sách, báo, tạp chí).

2.4. Xây dựng đề cương và tổ chức biên soạn

- Xây dựng đề cương tổng quát; xây dựng đề cương chi tiết (độ dài khoảng 10% dung lượng của bản thảo) gồm có các nội dung: mở đầu; nội dung các chương, tiết (mục nếu có); kết luận.

2.5. Tổ chức hội thảo, thẩm định bản thảo: Cấp ủy đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch xin ý kiến góp ý của các nhà khoa học, các đồng chí lãnh đạo, nguyên là lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ, các ban, ngành, đoàn thể qua các thời kỳ; các nhân chứng lịch sử. Bản thảo phải gửi trước từ 20 đến 30 ngày, trong đó nêu rõ yêu cầu, nội dung cần xin ý kiến. Sau đó, cấp ủy đơn vị, địa phương tổ chức hội thảo từng chương hoặc toàn văn bản thảo.

Về Hội đồng thẩm định thực hiện theo Hướng dẫn số 90-HD/TGTU, ngày 24/3/2014 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về thành lập Hội đồng thẩm định Lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn; Công văn số 207-CV/TGTU, ngày 25/4/2016 về thành lập Hội đồng thẩm định lịch sử Đảng bộ các huyện, thị, thành phố và lịch sử các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

2.6. Xuất bản và tuyên truyền, giáo dục về nội dung của ấn phẩm lịch sử và giáo dục truyền thống

Sau khi cuốn sách lịch sử đảng bộ đã được in ấn, cần có kế hoạch tuyên truyền, giáo dục trong các tổ chức cơ sở đảng, trong các nhà trường, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Ban Tuyên giáo lập kế hoạch phổ biến và phát huy vai trò của cuốn sách lịch sử trình Ban Thường vụ thông qua.

- Ban Thường vụ đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phối hợp chặt chẽ trong tổ chức tuyên truyền và giới thiệu cuốn sách lịch sử đảng bộ. Tuyên truyền thông qua buổi lễ ra mắt sách, tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục tại cơ quan, đơn vị mình theo từng thời kỳ, từng năm. Để tuyên truyền, phát huy tác dụng sách lịch sử đảng bộ, cần thực hiện nhiều hình thức phong phú như:

+ Lồng ghép việc tuyên truyền, giáo dục truyền thống, lịch sử cách mạng địa phương vào các buổi sinh hoạt chính trị, thông tin thời sự, sinh hoạt chi bộ; tổ chức tọa đàm, gặp mặt các nhân chứng lịch sử ôn lại quá khứ hào hùng của Đảng, dân tộc Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, truyền thống văn hóa của quê hương.

+ Trường Chính trị tỉnh, các trung tâm chính trị huyện, thị xã và thành phố lồng ghép nội dung giáo dục lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống địa phương vào giảng dạy tại các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên.

+ Các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân: lồng ghép nội dung thích hợp về giáo dục truyền thống, lịch sử cách mạng địa phương vào môn lịch sử, các môn khoa học xã hội khác (ngữ văn, địa lý, giáo dục công dân, tự nhiên - xã hội...); tổ chức sinh hoạt ngoại khóa, trong đó chú trọng nội dung tuyên truyền, giáo dục truyền thống, lịch sử cách mạng địa phương theo hướng kết hợp nghe, nhìn và trực tiếp tham gia hoạt động phù hợp với điều kiện cụ thể của từng cơ sở giáo dục, từng nhóm đối tượng học sinh, sinh viên.

+ Đoàn thanh niên: tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử đảng, lịch sử các mạng bằng nhiều hình thức như thi trắc nghiệm trên Internet, thi sáng tác ca khúc cách mạng…

+ Hệ thống thông tin đại chúng: đăng tải nhiều bài viết, phim tư liệu, phóng sự về các hoạt động giáo dục lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng địa phương, các di tích cách mạng, kháng chiến, nhất là các căn cứ cách mạng của Tỉnh ủy, của các địa phương...

2.7. Một số yêu cầu đối với việc biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở

Trong quá trình biên soạn phải phục dựng khách quan, phản ánh trung thực, tránh tô hồng lịch sử hoặc đánh giá cực đoan về các sự kiện lịch sử.

Khi đánh giá những sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc những thắng lợi, hạn chế phải trên quan điểm lịch sử cụ thể, khách quan, khoa học, tránh lệch lạc về tư tưởng hoặc chủ nghĩa cá nhân…

Quá trình biên soạn phải quán triệt quan điểm toàn diện, xem xét các sự kiện lịch sử phải đặt trong mối quan hệ toàn cục giữa lịch sử đảng bộ địa phương, đảng bộ tỉnh trong tiến trình phát triển của lịch sử Đảng để có cái nhìn đầy đủ, tránh phiến diện, một chiều, không phản ánh đúng bản chất, giá trị của lịch sử. Cùng với việc trình bày những thành tựu đạt được, phải chỉ ra khuyết điểm, hạn chế của đảng bộ trong việc lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương để tìm ra những bài học kinh nghiệm, giải pháp khắc phục trong những giai đoạn tiếp theo.

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn, phải nắm vững đối tượng, phương pháp nghiên cứu; quán triệt tính đảng, tính khoa học.

3. Nghiên cứu, biên soạn biên niên lịch sử Đảng: Là ghi chép những sự kiện theo thứ tự thời gian, gồm những sự kiện lịch sử quan trọng phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ địa phương; tổ chức thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ địa phương trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng. Trong đó, chú ý lựa chọn các sự kiện quan trọng, có ảnh hưởng và tác động trực tiếp tới lịch sử của Đảng bộ, các ngành, đoàn thể chính trị, xã hội; tới sự phát triển của tỉnh, của địa phương trên tất cả các lĩnh vực. Đối với những sự kiện có cùng nội dung diễn ra trong cùng một tháng có thể gộp lại thành một sự kiện để cho người đọc dễ theo dõi, tránh lập lại sự kiện, song các sự kiện diễn ra sau phải ghi rõ ngày. Biên soạn biên niên về một sự kiện lịch sử Đảng gồm các nội dung sau: thời gian, không gian; nội dung lãnh đạo của Đảng bộ hoặc nội dung của sự kiện.

4. Kết quả công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và một số định hướng và giải pháp trong thời gian tới

4.1. Kết quả công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở

Sau 18 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư (khóa IX) về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và 04 năm thực hiện

Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng địa phương trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tổng kết thực tiễn lịch sử cách mạng qua các thời kỳ, rút ra những kinh nghiệm, bài học; giáo dục truyền thống cách mạng, bồi đắp tinh thần yêu nước và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Trong đó, công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở, lịch sử cách mạng địa phương và lịch sử truyền thống của các ban, ngành, đoàn thể đạt được nhiều kết quả quan trọng.

- *Đối với cấp tỉnh:* Đã xuất bản Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 1930 - 1975 và Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 1975 - 2005.

- *Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh:* Toàn tỉnh có 17 đơn vị đã xuất bản sách lịch sử (hoặc kỷ yếu, biên niên) giai đoạn trước và sau năm 1975.

- *Đối với các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:* Toàn tỉnh có 8/8 huyện ủy, thị ủy, thành ủy và 4/7 đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy hoàn thành việc biên soạn và xuất bản lịch sử Đảng bộ cấp huyện và tương đương, giai đoạn 1930 - 1975; có 07/08 huyện ủy, thị ủy, thành ủy và 05/07 đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã biên soạn và xuất bản sách lịch sử Đảng bộ cấp huyện và tương đương, giai đoạn 1975 - 2015.

- *Đối với cấp xã, phường, thị trấn:* Toàn tỉnh có 128/136 (trừ 3 xã, thị trấn của huyện Trường Sa) xã phường, thị trấn xuất bản sách lịch sử cách mạng, trong đó: Nha Trang có 24/27 xã, phường; Vạn Ninh có 12/13 xã, thị trấn; Diên Khánh có 15/18 xã; Khánh Vĩnh có 13/14 xã; và 04 huyện ủy, thị ủy, thành ủy đã hoàn thành biên soạn lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn là Cam Lâm (14/14), Cam Ranh (15/15), Khánh Sơn (8/8) và Ninh Hòa (27/27).

** Những hạn chế, khó khăn:*

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác biên soạn lịch sử đảng bộ cơ sở vẫn còn những khó khăn, hạn chế sau:

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chưa tích cực lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử cách mạng Đảng, lịch sử cách mạng địa phương.

- Đội ngũ cán bộ có năng lực và kinh nghiệm biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng địa phương còn mỏng, chưa đáp ứng yêu cầu dẫn đến tiến độ biên soạn, xuất bản ấn phẩm ở một số đơn vị, địa phương còn chậm so với kế hoạch đặt ra.

- Một số địa phương rất khó khăn về nguồn tư liệu và nhân chứng lịch sử do nhiều sự kiện lịch sử diễn ra đã lâu; một số xã, phường, thị trấn gần như "trắng" về tư liệu. Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và tổ chức thực hiện có nơi còn lúng túng nhất là những địa phương tách, nhập về địa giới hành chính; việc xác định các sự kiện, nhân vật của chung các địa phương sau này được tách ra, chưa được thống nhất.

- Một số tác giả cùng một thời gian ký hợp đồng biên soạn cho nhiều xã, phường, thị trấn dẫn đến tiến độ xuất bản ấn phẩm ở một số địa phương chậm so với kế hoạch đề ra.

- Một số ấn phẩm lịch sử đã xuất bản chất lượng còn chưa cao, sai sót về nội dung, sự kiện; nặng về miêu tả và diễn biến sự kiện, chưa chú trọng đúng mức tính tổng kết thực tiễn.

- Việc khai thác, sử dụng nội dung các ấn phẩm lịch sử Đảng đã xuất bản để phục vụ công tác giáo dục lịch sử, truyền thống cách mạng chưa được nhiều địa phương quan tâm.

4.2. Một số định hướng và giải pháp

Một là, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng và toàn xã hội, trước hết là của người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác nghiên

cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng đối với công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới. Làm tốt công tác này nhằm phát huy truyền thống, lịch sử vẻ vang của Đảng, là cội nguồn sức mạnh, là động lực tinh thần to lớn cổ vũ toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, các cấp ủy đảng, trực tiếp và thường xuyên là thường trực cấp ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác lịch sử Đảng. Quan tâm việc sưu tầm, khai thác tư liệu, nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng. Chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác lịch sử Đảng có kiến thức chuyên ngành sâu rộng, có bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm cao; bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất, kinh phí cần thiết cho công tác quan trọng này.

Ba là, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, nâng cao chất lượng, tính khách quan, khoa học của các công trình lịch sử Đảng ở các cấp; chú trọng nghiên cứu, biên soạn biên niên sự kiện lịch sử Đảng, văn kiện Đảng và về quan hệ quốc tế của Đảng.

Bốn là, quan tâm sưu tầm, khai thác bổ sung tư liệu lịch sử Đảng. Làm tốt công tác bảo quản, lưu trữ tư liệu lịch sử Đảng, đồng thời đẩy mạnh, tiến tới số hóa toàn bộ tư liệu lịch sử Đảng.

Năm là, đổi mới phương pháp nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng theo hướng gắn liền với nghiên cứu, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nghiên cứu lịch sử dân tộc.

Sáu là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng trong Đảng và toàn xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ với phương pháp, cách thức đa dạng, phù hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; làm tốt công tác thông tin, giới thiệu lịch sử Đảng ta với bạn bè quốc tế. Chủ động đấu tranh phê phán, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc lịch sử Đảng ta.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu 05

Danh bạ điện thoại cơ quan tuyên giáo, trung tâm chính trị cấp huyện và tương đương 07

Chức năng, nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các phòng trực thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy 09

Phần thứ nhất:
CÁC VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG, CỦA TỈNH VỀ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO 19

CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

A. Văn bản của Trung ương

Quy định số 54-QĐ/TW, ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng 20

Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030 23

Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới 28

Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 16/4/2020 của Ban Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị 31

Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 28/12/1996 của Bộ Chính trị khóa VIII về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng 34

Thông báo Kết luận số 173-TB/TW, ngày 06/4/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 28/12/1996 của Bộ Chính trị khóa VIII về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng 35

B. Văn bản của Tỉnh

Công văn số 1334-CV/TU, ngày 08/01/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030 37

Quy định số 02-QĐ/TU, ngày 16/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh 39

Kế hoạch số 97-KH/TU, ngày 06/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới 42

Kế hoạch số 02-KH/TU, ngày 28/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 16/4/2020 của Ban Bí thư về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị 44

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

A. Văn bản của Trung ương

Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 47

Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 50

B. Văn bản của Tỉnh

Chỉ thị số 20-CT/TU, ngày 20/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống Nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 54

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN

A. Văn bản của Trung ương

Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới 57

Kế hoạch số 26-KH/BTGTW, ngày 5/5/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương về đẩy mạnh công tác tuyên truyền sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng 59

B. Văn bản của Tỉnh

Thông tri số 11-TT/TU, ngày 26/11/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới 61

Kế hoạch số 17-KH/TU, ngày 14/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 100-KL/TW của Ban Bí thư về đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội trên địa bàn tỉnh 63

Kế hoạch số 34-KH/TU, ngày 24/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tuyên truyền sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng 67

CÔNG TÁC KHOA GIÁO

LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

A. Văn bản của Trung ương

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế 75

Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế 88

Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập 93

Kết luận số 49-KL/TW, ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập 95

Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn 99

B. Văn bản của Tỉnh

Thông tri số 14-TT/TU, ngày 24/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế 102

Thông tri số 13-TT/TU, ngày 16/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận 49-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập 106

Kế hoạch số 31-KH/TU, ngày 03/5/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn 109

LĨNH VỰC Y TẾ

A. Văn bản của Trung ương

Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới 112

Chỉ thị số 24-CT/TW, ngày 04/7/2008 của Ban Bí thư khóa X về phát triển nền Đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới 123

Thông báo kết luận số 154-TB/TW, ngày 20/02/2014 của Ban Bí thư về 5 năm thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW của Ban Bí thư khóa X về phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới 126

Chỉ thị 08-CT/TW, ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới 127

Kết luận số 11-KL/TW, ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW, ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới 129

Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách Bảo hiểm xã hội 132

Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 06/7/2021 của Ban Bí thư khóa XIII về tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống HIV/AIDS, tiến tới chấm dứt dịch bệnh AIDS tại Việt Nam trước năm 2030 142

B. Văn bản của Tỉnh

Chương trình hành động số 21-CTr/TU, ngày 12/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới 144

Thông tri số 14-TT/TU, ngày 09/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển nền đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới 154

Kết luận số 72-KL/TU, ngày 04/6/2018 của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW, ngày 04/7/2008 của Ban Bí thư về phát triển nền Đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới 156

Kế hoạch số 49-KH/TU, ngày 19/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 11-KL/TW, ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới 158

Chương trình hành động số 25 -CTr/TU, ngày 10/10/2018 của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội 161

Chỉ thị số 09 -CT/TU, ngày 24/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020 170

Công văn số 115-CV/TU, ngày 17/12/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế 174

LĨNH VỰC DÂN SỐ, GIA ĐÌNH, TRẺ EM

A. Văn bản của Trung ương

Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới 177

Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới 179

Chỉ thị 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới 186

B. Văn bản của Tỉnh

Chương trình hành động số 22-CTr/TU, ngày 12/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới 188

Kế hoạch số 48-KH/TU, ngày 20/02/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị 20-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới 194

LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

A. Văn bản của Trung ương

Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 198

Kết luận số 06-KL/TW, ngày 01/9/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 202

Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế 206

Kết luận số 50-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế 217

Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư 221

B. Văn bản của Tỉnh

Kế hoạch số 28-KH/TU, ngày 24/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 229

Thông tri số 15-TT/TU, ngày 09/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế 232

Chương trình hành động số 13-CTr/TU, ngày 13/5/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế 236

Chương trình hành động số 39-CTr/TU, ngày 24/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa 245

LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

A. Văn bản của Trung ương

Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường 253

Kết luận số 02-KL/TW ngày 26/4/2016 của Ban Bí thư về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 263

B. Văn bản của Tỉnh

Kế hoạch số 65-KH/TU, ngày 06/12/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường 267

Kế hoạch số 22 -KH/TU, ngày 27/7/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 02-KL/TW, ngày 26/4/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 274

LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO

Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 278

Chương trình hành động số 09-CTr/TU, ngày 27/9/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 284

CÔNG TÁC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ

A. Văn bản của Trung ương

Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới 290

Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước 296

Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước 304

Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội 308

Chỉ thị số 41-CT/TW, ngày 05/02/2015 của Ban Bí thư về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội 310

B. Văn bản của Tỉnh

Chương trình hành động số 23-CTr/TU, ngày 23/10/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước 312

Công văn số 3865-CV/TU, ngày 14/8/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai kết luận 76-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước 318

Kế hoạch số 95-KH/TU, ngày 21/9/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 46-CT/TW của Ban Bí thư về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội 322

Công văn số 1523-CV/TU, ngày 11/5/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW, ngày 05/02/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội 324

CÔNG TÁC LỊCH SỬ ĐẢNG VÀ GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG

A. Văn bản của Trung ương

Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng 326

Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030 328

B. Văn bản của Tỉnh

Chỉ thị số 05-CT/TU, ngày 24/11/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn 333

Kế hoạch số 84-KH/TU, ngày 17/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng 334

Hướng dẫn số 90-HD/TGTU, ngày 24/3/2014 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc thành lập Hội đồng thẩm định Lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn 335

Công văn số 207-CV/TGTU, ngày 25/4/2016 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về thành lập Hội đồng thẩm định lịch sử Đảng bộ các huyện, thị, thành phố và lịch sử các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh 336

Kết luận số 99-KL/TU, ngày 16/01/2019 của Thường trực Tỉnh ủy tổng kết Chỉ thị 05-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh công tác sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn lịch sử cách mạng xã, phường, thị trấn 338

Chỉ thị số 21-CT/TU, ngày 13/9/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa 341

Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 28/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030 342

Phần thứ hai:

MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO 347

Chuyên đề 1: Công tác Tuyên giáo ở cơ sở 348

Chuyên đề 2: Công tác Giáo dục lý luận chính trị và giáo dục truyền thống cách mạng ở cơ sở 369

Chuyên đề 3: Công tác Tuyên truyền, cổ động 384

Chuyên đề 4: Kỹ năng tổ chức tuyên truyền miệng và hướng dẫn cách viết bản tin của đài truyền thanh cơ sở 391

Chuyên đề 5: Nắm bắt dư luận xã hội qua mạng lưới cộng tác viên và xử lý "tình huống có vấn đề", "điểm nóng" ở cơ sở 402

Chuyên đề 6: Công tác Khoa giáo 420

Chuyên đề 7: Công tác Văn hóa - văn nghệ 429

Chuyên đề 8: Công tác Nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng 444

SỔ TAY
CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO KHÁNH HÒA

Chịu trách nhiệm xuất bản
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa

Ban biên soạn
Trần Mộng Điệp
Lưu Hồng Vân
Lê Thị Hải Vân
Nguyễn Thị Thanh Hải
Trương Thị Thu Thảo
Trịnh Hoàng Hiệp
Nguyễn Thị Hà
Lê Anh Tuấn

Sửa bản in
Hải Vân
Thu Thảo

Trình bày
Anh Tuấn

In 1.000 quyển, khổ 16 x 24
tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa, số 08 Lê Thánh Tôn - Nha Trang. ĐT: 0258.3510286
Giấy phép xuất bản số 31/GP- STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Khánh Hòa cấp ngày 16/08/2021 In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2021.

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN